

"A dramatic, moving masterpiece, a living memorial to the men who died and as suspenseful as the most gripping mystery story." —J. H. Thompson, *Chicago Sunday Tribune*

CORNELIUS RYAN

AUTHOR OF A BRIDGE TOO FAR AND THE LAST BATTLE

Ngày Dài Nhất



Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT: CHỜ ĐỢI

PHẦN HAI: ĐÊM

PHẦN BA: NGÀY

Ghi chú về con số thương vong

THE LONGEST DAY: June 6, 1944

By Cornelius Ryan
Người dịch: **chiangshan**.

VỀ TÁC GIẢ



Cố tác giả Cornelius Ryan là một trong những phóng viên chiến trường xuất sắc vào thời của ông. C. Ryan đã bay 14 phi vụ ném bom với Tập đoàn Không quân 8 và 9 Mỹ, theo dõi cuộc đổ bộ D-Day và bước tiến của Tập đoàn quân 3 dưới quyền tướng Patton vào Pháp và Đức. Ngoài “The Longest Day”, ông còn là tác giả của nhiều cuốn sách, bài báo và nhiều vở kịch, kịch bản phim, chương trình TV và phát thanh. Ryan sinh ra và học tập ở Dublin, Ireland.

Tác phẩm:

- Ngày dài nhất - The Longest Day, 1959.
- Trận đánh cuối cùng - The Last Battle, 1966.
- Một cây cầu quá xa - A Bridge Too Far, 1974.

LỜI GIỚI THIỆU

D-DAY, THỨ BA, NGÀY 6 THÁNG 6 NĂM 1944



Chiến dịch Overlord – cuộc tiến công của quân Đồng minh vào châu Âu mở màn ngày 6 tháng 6, 1944, đúng 15 phút sau nửa đêm, trong giờ đầu tiên của cái ngày sẽ mãi mãi được biết đến với tên gọi D-Day. Chính lúc ấy, một toán được lựa chọn đặc biệt của Sư đoàn Đổ bộ đường không 82 và 101 Mỹ rời máy bay lao vào đêm trắng trên vùng Normandy. Năm phút sau và cách đó 80km, một nhóm nhỏ của Sư đoàn Đổ bộ đường không số 6 Anh nhảy khỏi máy bay. Họ là các lính tiên trạm, những người có nhiệm vụ đánh dấu bãi đáp cho lính dù và bộ binh vận chuyển bằng tàu lượn sẽ tới sau đó.

Lực lượng đổ bộ đường không Đồng minh đánh dấu một cách rõ ràng giới hạn của chiến trường Normandy. Nằm giữa họ và dọc theo bờ biển nước Pháp là 5 bãi đổ bộ: Utah, Omaha, Gold, Juno và Sword. Suốt những giờ trước bình

minh, trong khi lính dù đang chiến đấu trong những rừng cây tối tăm ở Normandy, hạm đội lớn nhất mà thế giới từng biết đến bắt đầu tập hợp ngoài khơi: gần 5.000 tàu chở theo hơn 200.000 binh sĩ, thủy thủ và phòng vệ bờ biển. Mở màn lúc 6:30 sáng bằng cuộc bắn phá dữ dội của hải quân và không quân, vài nghìn người trong số đó tiến vào bờ trong đợt đầu tiên của cuộc đổ bộ.

Những gì xảy ra tiếp theo không phải là lịch sử quân sự. Đó là những câu chuyện của con người: những binh sĩ Đồng minh, kẻ thù họ chống lại và những thường dân bị kẹt trong sự hỗn loạn đẫm máu của D-Day – ngày mở màn trận đánh chấm dứt canh bạc điên rồ của Hitler nhằm thống trị thế giới.

PHẦN MỘT: CHỜ ĐỢI

Ngôi làng yên ắng trong buổi sáng tháng 6 ẩm ướt. Làng La Roche-Guyon đã nằm đó không xáo trộn suốt gần 12 thế kỷ bên nhánh lớn chảy hiền hoà của sông Seine, gần như ở chính giữa Paris và Normandy. Qua nhiều năm, nó chỉ là chỗ mà người ta đi qua để đến những nơi khác. Điểm khác biệt duy nhất là toà lâu đài, nơi ở của dòng họ Công tước de La Rochefoucauld. Chính toà lâu

đài nhô ra trên đỉnh đồi sau làng đó là nguyên nhân chấm dứt sự yên bình của La Roche-Guyon.

Trong buổi sáng xám xịt, toà lâu đài hiện ra với vẻ đồ sộ, những tảng đá lớn của nó lấp lánh do hơi ẩm. Đã gần 8:00, nhưng chưa có hoạt động gì trên hai khoảnh sân lớn lát đá. Bên ngoài cánh cổng, con đường chính trải rộng, vắng tanh và trong làng cửa sổ của những căn nhà mái đỏ vẫn đóng. La Roche-Guyon yên tĩnh đến mức tưởng như đã bị bỏ hoang. Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Bên trong những cánh cửa khép kín, người ta đang đợi tiếng chuông.

Vào 6:00 sáng, ngôi nhà thờ tuổi đời 15 thế kỷ St. Samson nằm kế bên lâu đài sẽ kéo hồi chuông cầu kinh (Angelus). Trong những ngày hoà bình nó từng mang một ý nghĩa đơn giản – dân làng La Roche-Guyon sẽ dừng lại một chút để làm dấu thánh và cầu nguyện. Nhưng bây giờ hồi chuông có nhiều ý nghĩa hơn là sự tưởng niệm. Sáng hôm nay, chuông kêu đánh dấu kết thúc lệnh giới nghiêm ban đêm và bắt đầu ngày thứ 1.451 dưới ách chiếm đóng của quân Đức.

Lính canh có mặt khắp nơi ở La Roche-Guyon. Khoác áo ngực trang, chúng đứng sau cổng lâu đài, ở các chốt gác đường hai đầu làng, trong các lô cốt xây trên những mỏm đá phấn và trên tàn tích của toà tháp cổ ở ngọn đồi cao nhất nhìn xuống lâu đài. Từ đó những xạ thủ súng máy có thể quan sát mọi sự chuyển động trong khu vực, ngôi làng canh phòng ngặt nghèo nhất của nước Pháp bị chiếm đóng.

Đằng sau khung cảnh đồng quê La Roche-Guyon thực sự là một nhà tù; tính cho mỗi người trong số 543 dân làng, trong và xung quanh khu vực có nhiều hơn 3 lính Đức. Một trong số đó là Thống chế Erwin Rommel, Tư lệnh Cụm Tập đoàn quân B - lực lượng mạnh nhất của quân đội Đức ở mặt trận phía Tây. Tổng hành dinh của ông đặt tại lâu đài La Roche-Guyon.



*Thống chế Erwin Johannes Eugen Rommel - Tư lệnh Cụm Tập đoàn quân B
Đức.*

Ở đây, vào năm thứ năm quyết định của Thế chiến II, một Rommel quả quyết và căng thẳng đang chuẩn bị cho trận chiến ác liệt nhất trong sự nghiệp của mình. Dưới quyền ông, hơn nửa triệu người bố trí phòng ngự dọc theo bờ biển bao la trải dài gần 1.300km, từ những con đê ở Hà Lan tới bán đảo Brittany bên bờ đại dương. Đạo quân chủ lực của ông - Tập đoàn quân 15 tập trung trên hướng Pas-de-Calais, điểm hẹp nhất của Eo biển giữa Pháp và Anh.

Đêm này qua đêm khác, máy bay ném bom Đồng minh đánh phá khu vực này. Những cựu binh mệt mỏi vì bom đạn của Tập đoàn quân 15 nói đùa chua chát rằng chỗ dành cho nghỉ ngơi điều dưỡng là khu vực của Tập đoàn quân 7 ở Normandy. Nơi đây hầu như không bị oanh tạc.

Đã hàng tháng, phía sau rừng chướng ngại vật và bãi mìn dày đặc, quân của Rommel chờ đợi trong những công sự bằng bê tông. Nhưng mặt nước xanh xám của Eo biển Anh vẫn không có bóng dáng tàu thuyền. Không có gì xảy ra. Từ La Roche-Guyon trong buổi sáng Chủ nhật buồn tẻ và yên ắng, chưa có dấu hiệu nào về một cuộc đổ bộ của Đồng minh. Đó là ngày 4 tháng 6, 1944.

Trong căn phòng ở tầng trệt được dùng làm trụ sở, Rommel chỉ có một mình. Ông ngồi sau chiếc bàn lớn Renaissance được chiếu sáng bởi ngọn đèn bàn duy nhất. Căn phòng rộng và cao. Dọc theo một bên tường là tấm thảm thêu Gobelin bạc màu. Ở bên kia là gương mặt kiêu kỳ của Công tước Franecois de La Rochefoucauld – nhà văn châm ngôn thế kỷ 17 và ông tổ của dòng họ – nhìn xuống từ khung tranh nặng bằng vàng. Có mấy chiếc ghế được đặt trên sàn gỗ bóng loáng và vài tấm màn cửa sổ dày, ngoài ra chẳng còn gì.

Riêng ở đây, trong phòng không có gì liên quan đến Rommel trừ chính bản thân ông. Không có ảnh của vợ ông, Lucie Maria hay cậu con trai 15 tuổi Manfred. Không có vật lưu niệm về chiến thắng vĩ đại của ông trên sa mạc Bắc Phi những ngày đầu chiến tranh – còn không có cả chiếc quyền trượng thống chế mà Hitler đã hồ hởi trao tặng cho ông năm 1942 (chỉ có một lần Rommel mang cây trượng bằng vàng dài 46cm, nặng 1,4kg, bọc nhung đỏ với

những khuy trang trí hình con đại bàng bằng vàng và chữ thập ngoặc màu đen: đó là ngày ông được nhận nó). Thậm chí cũng không có tấm bản đồ bố trí quân đội nào. “Con cáo sa mạc” huyền thoại vẫn khó nắm bắt như trước đây, ông có thể rời phòng mà không để ai biết.

Mặc dù trông già hơn so với tuổi 51, Rommel vẫn tỏ ra không biết mệt. Không người nào ở Cụm quân B nhớ ra đêm nào ông ngủ nhiều hơn 5 tiếng. Sáng nay, như thường lệ, ông dậy trước 4 giờ. Lúc này Rommel đang sốt ruột chờ đến 6 giờ. Đó là lúc ông dùng bữa sáng với đồng sự và sau đó lên đường về Đức.

Đây là lần đầu tiên Rommel về thăm nhà sau nhiều tháng. Ông sẽ đi xe; Hitler đã khiến các sĩ quan cao cấp hầu như không thể đi máy bay khi ông ta khẳng định rằng họ sử dụng “máy bay 3 động cơ... và luôn luôn có tiêm kích hộ tống”. Dù sao, Rommel cũng không thích đi máy bay, ông sẽ vượt qua hành trình dài 8 giờ về nhà ở Herrlingen, Ulm trên chiếc Horch lớn có thể bỏ mui.

Ông mong đợi chuyển đi, nhưng đây không phải là một quyết định dễ dàng. Trên vai Rommel gánh trọng trách nặng nề phải đẩy lui cuộc tiến công của quân Đồng minh ngay khi nó bắt đầu. Đế chế thứ ba của Hitler đang bị cuốn vào hết tai họa này đến tai họa khác; suốt đêm ngày, hàng nghìn máy bay ném bom Đồng minh đánh phá nước Đức, lực lượng quân Nga hùng hậu đã tiến vào Ba Lan, quân Đồng minh đã ở trước ngưỡng cửa Rome - khắp mọi nơi, các đạo quân lớn của Wehrmacht đang bị đẩy lui và tiêu diệt. Nước Đức vẫn còn xa mới có thể bị đánh bại, nhưng cuộc đổ bộ của Đồng minh sẽ là trận đánh quyết định. Không còn gì ngoài việc tương lai nước Đức đang nằm trên thớt, và không ai rõ điều này hơn Rommel.

Bây giờ Rommel sẽ về nhà. Đã hàng tháng ông hy vọng sẽ được nghỉ vài ngày ở Đức vào đầu tháng 6. Có nhiều lí do để bây giờ ông tin mình có thể đi và mặc dù chưa bao giờ thừa nhận, ông cần nghỉ ngơi khủng khiếp. Chỉ mấy hôm trước ông đã gọi điện xin phép cấp trên, vị Thống chế lớn tuổi Gerd Von Rundstedt, Tư lệnh Mặt trận phía Tây; đề nghị ngay lập tức được chấp nhận.

Tiếp đó ông ghé thăm xã giao tổng hành dinh của Von Rundstedt ở St-Germain-en-Laye ngoại ô Paris để chính thức hoá chuyến đi. Cả Von Rundstedt và tham mưu trưởng của ông, Thiếu tướng Geunther Blumentritt, đều bị sốc vì vẻ ngoài hốc hác của Rommel. Blumentritt luôn nhớ rằng trông Rommel “mệt mỏi và căng thẳng... một người cần về nhà nghỉ vài ngày với gia đình”.

Rommel đang lo âu và bức bối. Ngay từ khi đến Pháp cuối năm 1943, việc nơi nào và khi nào sẽ phải đương đầu với cuộc tấn công của Đồng minh đã gây cho ông áp lực gần như không thể chịu đựng được. Giống như những người ở mặt trận này, ông đã trải qua những cơn ác mộng chờ đợi. Vấn đề luôn treo lơ lửng trên đầu ông là phải đoán chính xác ý đồ của Đồng minh – họ sẽ tấn công như thế nào, họ định đổ bộ vào đâu, và trên tất cả, vào thời điểm nào.



*Thống chế Rommel kiểm tra tình hình phòng thủ bờ biển của quân Đức ở
Normandy, 3/3/1944.*

Chỉ một người thực sự biết sự căng thẳng mà Rommel phải chịu. Ông kể tất cả với vợ mình, Lucie-Maria. Trong không đầy 4 tháng ông đã viết cho bà hơn 40 lá thư và hầu như trong thư nào ông cũng có một nhận định mới.

Ngày 30 tháng 3 ông viết: “Lúc này đã là cuối tháng 3 và Anh – Mỹ vẫn chưa tấn công ... Tôi bắt đầu tin rằng họ đã mất tin tưởng vào mục tiêu của mình”.

Ngày 6 tháng 4: “Ở đây, sự căng thẳng gia tăng từng ngày ... Có thể chỉ trong vài tuần, chúng ta sẽ bị đặt giữa những sự kiện quyết định...”

Ngày 26 tháng 4: “Ở Anh tinh thần đang xuống ... liên tiếp có những cuộc công kích, khẩu hiệu “Đả đảo Churchill và lũ Do Thái” và kêu gọi cho hoà bình đang lớn dần... điềm xấu cho một cuộc tấn công mạo hiểm”.

Ngày 27 tháng 4: “Bây giờ xem ra Anh - Mỹ chưa sẵn sàng để tấn công ngay”.

Ngày 6 tháng 5: “Vẫn không có dấu hiệu nào của Anh - Mỹ... Từng ngày, từng tuần... chúng ta trở nên mạnh hơn... Tôi đang chờ đợi trận đánh với sự tin tưởng... có thể nó sẽ đến vào ngày 15 tháng 5, có thể vào cuối tháng”.

Ngày 15 tháng 5: “Tôi không thể đi những chuyến [kiểm tra] lớn nữa... vì sẽ không bao giờ biết khi nào thì cuộc đổ bộ bắt đầu. Tôi tin rằng nó sẽ diễn ra trên mặt trận phía Tây chỉ trong vài tuần nữa”.

Ngày 19 tháng 5: “Tôi hy vọng có thể làm các kế hoạch tiến triển nhanh hơn trước [nhưng] tôi đang tự hỏi có thể rời chỗ này vài ngày trong tháng 6 không. Hiện tại thì không có cách nào”.

Nhưng luôn có cách. Một trong những lí do để Rommel quyết định đi vào thời điểm này là đánh giá của riêng ông về dự định của Đồng minh. Trên bàn ông hiện giờ là báo cáo hàng tuần của Cụm quân B. Bản báo cáo tỉ mỉ này sẽ được gửi cho sở chỉ huy của Thống chế Von Rundstedt, hay vẫn thường được biết đến bằng thuật ngữ OB West (oberbefehlshaber West – Bộ Tư lệnh Mặt trận phía Tây) vào trưa hôm sau. Sau khi được bổ sung, nó sẽ trở thành một phần của báo cáo toàn bộ các chiến trường và sẽ được chuyển tới tổng hành dinh của Hitler, OKW (oberkommando der Wehrmacht - Bộ Tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang).

Một phần đánh giá của Rommel cho rằng Đồng minh đã đạt tới mức “sẵn sàng cao độ” và có sự “gia tăng các thông điệp chuyển tới lực lượng kháng chiến Pháp”. Nhưng, “dựa vào những kinh nghiệm trong quá khứ, không có vẻ là sẽ diễn ra cuộc đổ bộ...”.

Lần này Rommel đã đoán sai.

Trong trụ sở Bộ Tư lệnh, Đại úy Hellmuth Lang, viên phụ tá 36 tuổi của Rommel đi dọc hành lang tới văn phòng của thống chế, mang theo báo cáo buổi sáng. Đây luôn là việc đầu tiên mà anh ta làm cho cấp trên. Rommel thích nhận được báo cáo sớm để có thể thảo luận với các đồng sự trong bữa sáng. Nhưng sáng nay không có gì nhiều; khu vực tuyến đầu vẫn yên tĩnh trừ Pas-de-Calais tiếp tục bị ném bom. Dường như không còn nghi ngờ gì: ngoài những dấu hiệu khác, cuộc ném bom kéo dài này cho thấy Pas-de-Calais là nơi Đồng minh đã chọn để tấn công. Nếu họ đổ bộ, sẽ là ở đó, hầu như tất cả đều nghĩ như vậy.

Lang xem đồng hồ; vài phút nữa là tới 6:00 sáng. Họ sẽ đi vào 7 giờ đúng và sẽ có một khoảng thời gian dễ chịu. Sẽ không có hộ tống, chỉ có hai xe, một của Rommel và một của Đại tá Hans George Von Tempelhof, sĩ quan Tác chiến Cụm quân B đi cùng. Như thường lệ, các chỉ huy nơi họ sẽ đi qua sẽ không được biết về kế hoạch của thống chế. Rommel thích vậy; ông ghét bị

trì hoãn do sự ồn ào và những nghi thức tiếp đón của các vị chỉ huy và những đội mô tô hộ tống chờ sẵn ở cửa ngõ mỗi thành phố. Như thế, với một chút may mắn, họ có thể tới Ulm lúc 3 giờ chiều.

Có một vấn đề thường trực: nên mang gì theo cho bữa trưa của thống chế. Rommel không hút thuốc, hiếm khi uống rượu và ít quan tâm tới đồ ăn tới mức đôi khi ông quên cả việc dùng bữa. Thông thường, khi cùng với Lang sắp xếp một chuyến đi dài, Rommel vẫn dùng bút chì gạch chéo qua thực đơn được đề xuất cho bữa trưa và viết đậm những chữ to sau “Khẩu phần dã chiến đơn giản”. Đôi khi, ông còn làm Lang bối rối hơn khi nói rằng, “Tất nhiên, nếu cậu muốn vứt cho tôi một hai miếng sườn, tôi cũng không thấy phiền”. Viên sĩ quan chu đáo Lang không bao giờ biết là nên đặt món gì. Sáng nay, ngoài một bình nước, anh yêu cầu nhà bếp làm thêm ít sandwich. Anh ta đoán rằng, cũng như mọi khi Rommel sẽ quên luôn bữa trưa.

Lang rời văn phòng và bước dọc theo hành lang lát gỗ sồi. Từ những gian phòng hai bên vang lên tiếng trao đổi và tiếng máy chữ lách cách; sở chỉ huy Cụm quân B hiện giờ là nơi khá bận rộn. Lang vẫn thường tự hỏi làm sao mà gia đình de La Rochefoucauld sống ở tầng trên có thể ngủ được trong tiếng ồn như thế này.

Tới cuối hành lang, Lang dừng lại trước một cánh cửa lớn. Anh lịch sự gõ cửa, xoay nắm đấm và bước vào. Rommel không nhìn anh. Ông đang chăm chú vào những giấy tờ trước mặt đến mức hình như không để ý người phụ tá, nhưng Lang biết tốt hơn là không cắt ngang. Anh đứng chờ.

Rommel liếc nhìn lên. “Chào buổi sáng, Lang”, ông nói.

“Chào buổi sáng, thưa Thống chế. Đây là báo cáo”. Lang đưa bản tài liệu. Sau đó anh rời phòng và đợi để tháp tùng Rommel xuống dùng bữa. Sáng nay thống chế có vẻ rất bận. Lang, người hiểu rõ Rommel bốc đồng và dễ thay đổi thế nào, tự hỏi liệu cuối cùng họ có thật sự sẽ lên đường không.

Rommel không có ý định huỷ bỏ chuyến đi. Mặc dù chưa được sắp xếp chắc chắn, ông hy vọng có thể gặp Hitler. Các thống chế đều có quyền được gặp Quốc trưởng và Rommel đã gọi điện cho người bạn cũ, Thiếu tướng Rudolf Schmundt - sĩ quan quản trị của Hitler để đề nghị. Schmundt nghĩ có thể bố trí vào khoảng từ ngày 6 đến 9. Ý định riêng của Rommel là sẽ không ai ngoài bộ tham mưu biết ông định gặp Hitler. Nhật ký chính thức của tổng hành dinh Rundstedt chỉ đơn giản ghi lại là Rommel về nhà nghỉ mấy ngày.

Rommel khá tin tưởng vào việc có thể rời sở chỉ huy vào lúc này. Hiện giờ tháng 5 đã trôi qua – và đó là tháng có thời tiết đẹp nhất để Đồng minh tấn công – ông đã kết luận cuộc đổ bộ sẽ không tới trong nhiều tuần nữa. Rommel chắc chắn tới mức còn đặt ra hạn chót cho việc hoàn tất các công trình chống đổ bộ. Trên bàn ông là chỉ thị cho Tập đoàn quân 7 và 15: “Mọi nỗ lực có thể phải được thực hiện nhằm hoàn thành các bãi vật cản để khi thủy triều xuống thấp kẻ địch chỉ có thể đổ bộ được với giá đắt... công việc phải được xúc tiến... phải báo cáo hoàn tất cho sở chỉ huy vào ngày 20 tháng 6”.

Ông – cũng như Hitler và Bộ Tư lệnh tối cao Đức – suy luận rằng cuộc đổ bộ sẽ được tiến hành đồng thời với chiến dịch mùa hè của Hồng quân hoặc chậm hơn chút ít. Như họ đã biết, cuộc tiến công của quân Nga chưa thể bắt đầu tới khi tuyết tan hết ở Ba Lan, và do đó họ không nghĩ rằng cuộc đổ bộ có thể được triển khai trước cuối tháng 6.

Ở phía Tây thời tiết xấu suốt nhiều ngày và hứa hẹn là sẽ còn tệ hơn. Báo cáo lúc 5:00 sáng do Đại tá Giáo sư Walter Steobe, trưởng bộ phận Khí tượng của Luftwaffe (Không quân Đức) chuẩn bị dự đoán trời nhiều mây, có gió mạnh và mưa. Hiện tại, vận tốc gió trên Eo biển đạt 20 tới 45km/h. Đối với Rommel, dường như không thể có chuyện Đồng minh dám tấn công trong mấy ngày tới.

Thậm chí ở La Roche-Guyon, trong đêm thời tiết đã thay đổi. Hai cửa sổ cao

đối diện bàn Rommel hướng ra một vườn hoa hồng. Sáng nay nó không còn là vườn hoa nữa – cánh hoa, cành lá gãy nát vương vãi khắp nơi. Ngay trước bình minh một cơn bão mùa hè ngăn ngòi đã vượt qua Eo biển Anh, quét suốt dải bờ biển Pháp và đi tiếp.

Rommel mở cửa và bước ra. “Chào buổi sáng, Lang”, ông nói, mặc dù đến lúc này vẫn không nhìn người phụ tá. “Ta sẵn sàng đi chưa?”. Họ cùng xuống ăn sáng.

Bên ngoài La Roche-Guyon, nhà thờ St Samson kéo chuông. Tiếng chuông bị gió làm chìm lấp đi. Lúc đó là 6:00 sáng.

Giữa Rommel và Lang đang tồn tại một mối quan hệ đơn giản, thân mật. Họ đã là bạn đồng hành suốt nhiều tháng. Lang làm việc cho Rommel từ tháng 2 và hầu như không ngày nào trôi qua mà không có một chuyến đi kiểm tra ở đâu đó. Thông thường lúc 4:30 sáng họ đã ở trên đường, phóng hết tốc lực tới vài địa điểm xa xôi dưới quyền chỉ huy của Rommel. Hôm nay là Hà Lan, hôm khác Bỉ, ngày tiếp theo Normandy hoặc Brittany. Thống chế quả quyết tranh thủ từng thời khắc. “Giờ tôi chỉ có một kẻ thù rõ rệt”, ông bảo Lang, “và đó là thời gian”. Để tận dụng nó, Rommel không để mình hay cấp dưới có thời gian rỗi; mọi việc đã diễn ra như thế từ thời điểm ông được cử đến Pháp tháng 11 năm 1943.

Von Rundstedt, mang trách nhiệm phòng thủ toàn Tây Âu, đã đề nghị Hitler gửi thêm quân chi viện. Thay vào đó, ông nhận được Rommel cứng đầu, liều lĩnh và tham vọng. Làm bề mặt vị tư lệnh 68 tuổi mang dòng dõi quý tộc, Rommel tới với một Gummiberfehl, một “chỉ thị mềm dẻo”, lệnh cho ông kiểm tra hệ thống công sự bờ biển – “bức tường Đại Tây Dương” được quảng cáo rùm beng của Hitler – và sau đó báo cáo trực tiếp cho tổng hành dinh của Quốc trưởng, OKW. Vị thống chế bối rối và thất vọng Von Rundstedt đã khó chịu vì sự có mặt của Thống chế Rommel trẻ hơn mình - ông thường gọi Rommel là "Marschall Bubi" (tạm dịch, "Thống chế nhóc con") tới mức đã

hỏi Thống chế Wilhelm Keitel, Tư lệnh OKW rằng Rommel có được coi là người thay thế mình không. Rundstedt nhận được câu trả lời là “không nên có những kết luận sai”, rằng với “tất cả khả năng của mình Rommel chưa tới được vị trí ấy”.



Thống chế Karl Rudolf Gerd von Rundstedt, Tư lệnh Mặt trận phía Tây.

Ngay sau khi tới nhậm chức, Rommel có cuộc kiểm tra chớp nhoáng Bức tường Đại Tây Dương và những gì chứng kiến làm ông hoảng hồn. Chỉ ở vài địa điểm các công sự lớn bằng bê tông và sắt thép dọc bờ biển đã được hoàn

thành: tại những cảng quan trọng, cửa sông, trên những cao điểm nhìn ra biển, nói chung là từ phía trên Le Havre tới Hà Lan. Ở những chỗ khác công trình phòng thủ được xây dựng với mức độ khác nhau. Ở vài nơi thậm chí công việc còn chưa bắt đầu. Sự thật thì Bức tường Đại Tây Dương là một chướng ngại vật đáng gờm ngay cả ở thời điểm này. Tại những chỗ đã hoàn thành, nó được củng cố khá tốt với trọng pháo. Nhưng như thế chưa thoả mãn Rommel. Không có thứ gì đủ để ngăn cản cuộc tấn công dữ dội như kiểu mà Rommel – vẫn luôn ghi nhớ thất bại nặng nề dưới tay Montgomery ở Bắc Phi năm trước – biết chắc sẽ xảy ra. Trong con mắt phê phán của ông, Bức tường Đại Tây Dương là một trò hề. Sử dụng một trong những từ ngữ biểu cảm nhất đối với bất kỳ ngôn ngữ nào, ông đã lên án nó là một “điều tưởng tượng ở Wolkenkuckucksheim [xứ sở mộng mơ] của Hitler”.

Chỉ 2 năm trước, bức tường hầu như không tồn tại.

Tới năm 1942, chiến thắng dường như quá chắc chắn đối với Quốc trưởng và chế độ Quốc xã tự tin đến mức không cần phải phòng thủ bờ biển. Chữ thập ngoặc tung bay khắp nơi. Áo và Tiệp Khắc thậm chí bị thôn tính trước khi chiến tranh bắt đầu. Ba Lan bị Đức và Nga chia cắt từ 1939. Chiến tranh không kéo dài đến một năm khi các quốc gia Tây Âu gục ngã như táo rụng. Đan Mạch thua trong một ngày. Na Uy bị xâm nhập từ bên trong mất thêm ít thời gian: 6 tuần. Sau đó trong tháng 5 và 6, chỉ trong 27 ngày mà không cần thương lượng gì, các đạo quân thần tốc của Hitler đã tràn vào Hà Lan, Bỉ, Luxembourg, Pháp và trước sự chứng kiến ngỡ vực của thế giới đã đẩy quân Anh xuống biển ở Dunkirk. Sau khi Pháp sụp đổ chỉ còn lại nước Anh đứng đơn độc. Hitler cần gì tới một “bức tường”?

Nhưng Hitler không xâm lược Anh. Các tướng lĩnh muốn ông ta làm thế, nhưng Hitler chờ đợi, nghĩ rằng người Anh sẽ phải cầu xin hoà bình. Khi thời gian trôi qua, tình thế nhanh chóng thay đổi. Với viện trợ của Mỹ nước Anh bắt đầu hồi phục, chậm chạp nhưng chắc chắn. Hitler giờ sa lầy ở Nga – ông ta đã cho tấn công Liên Xô vào tháng 6, 1941 – thấy rằng bờ biển nước

Pháp không còn là bàn đạp để tấn công. Hiện nó là điểm yếu trong dải phòng ngự. Cuối năm 1941 ông ta bắt đầu trao đổi với các tướng lĩnh về việc biến châu Âu thành một “pháo đài không thể công phá”. Và trong tháng 12, sau khi nước Mỹ tham chiến, Quốc trưởng huênh hoang trước thế giới rằng “một chuỗi các cứ điểm và pháo đài kiên cố chạy từ Kirkenes [biên giới Na Uy – Phần Lan] ... tới dãy Pyrenees [biên giới Pháp – Tây Ban Nha] ... và đó là quyết định không thể lay chuyển của tôi, biển mặt trận này trở nên bất khả xâm phạm trước mọi kẻ thù”.

Đó là sự khoắc lác điên rồ không thể thực hiện được. Trừ đi những điểm lồi, bờ biển kéo dài từ Bắc Băng Dương ở phía bắc tới vịnh Biscat ở phía nam gần 4.800km.

Ngay cả ở nơi Eo biển ngấn cách với nước Anh hẹp nhất, hệ thống công sự cũng không tồn tại. Nhưng Hitler đã trở nên bị ám ảnh bởi ý tưởng pháo đài phòng thủ. Chuẩn thống chế ** Franz Halder khi ấy là Tổng tham mưu trưởng nhớ rõ lần đầu tiên Hitler vẽ ra viễn cảnh này. Halder, người sẽ không bao giờ tha thứ cho Hitler vì đã từ chối xâm lược Anh, tỏ ra lạnh nhạt trước ý tưởng đó.

*** Trong nguyên bản tiếng Anh: Colonel General, quân hàm cao thứ 2 trong quân đội Đức quốc xã, trên Đại tướng (General) và dưới Thống chế (Field Marshal) – Chiangshan.*

Ông đánh bạo nêu ý kiến rằng các công sự phòng thủ “nếu chúng là cần thiết” phải được xây dựng “lùi sâu so với bờ biển, ngoài tầm pháo của chiến hạm”, nếu không binh lính sẽ không ngóc đầu lên được. Hitler lao tới chiếc bàn đặt tấm bản đồ lớn và xả ra một cơn thịnh nộ đáng nhớ trong suốt 5 phút. Đấm mạnh xuống bàn, ông ta gào lên, “Bom đạn sẽ trút xuống đây... đây... đây... và đây... phía trước tuyến phòng thủ, phía sau và trên đầu nó... nhưng binh lính sẽ an toàn trong tuyến phòng thủ! Và họ sẽ tiến ra chiến đấu!”.

Halder im lặng, nhưng ông cũng như các tướng lĩnh khác trong Bộ Tư lệnh tối cao biết rằng mặc dù Đế chế đang say sưa với thắng lợi, Quốc trưởng vẫn lo sợ một mặt trận thứ hai – một cuộc đổ bộ.

Dù vậy, rất ít công việc được tiến hành. Năm 1942, ngọn sóng chiến tranh bắt đầu quật trở lại Hitler, đặc công Anh bắt đầu đột kích vào pháo đài châu Âu “bất khả xâm phạm”. Tiếp theo là cuộc tập kích đẫm máu nhất trong chiến tranh khi hơn 5.000 lính Canada dũng cảm đổ bộ lên Dieppe. Đó là sự mở màn khốc liệt cho cuộc tấn công. Những gì mà các nhà hoạch định kế hoạch phía Đồng minh biết được chỉ là quân Đức đã phòng thủ các cảng biển chặt chẽ tới mức nào. Quân Canada có 3.369 thương vong, trong đó 900 người chết. Cuộc tập kích thất bại nặng nề, nhưng nó đã làm Hitler choáng váng. Ông ta gầm lên với các tướng lĩnh, Bức tường Đại Tây Dương phải được hoàn thành với tốc độ nhanh nhất. Công việc xây dựng phải được đẩy lên “một cách hăng hái”.



Quân Canada đổ bộ lên Dieppe trong Chiến dịch Jubilee, ngày 18/8/1942.

Nó đã được thực hiện. Hàng nghìn nhân công cường bức làm việc cả ngày và đêm để xây dựng các hệ thống phòng thủ. Hàng triệu tấn bê tông được trút xuống, nhiều đến mức khắp châu Âu dưới chân Hitler không thể kiếm được bê tông cho việc gì khác. Một lượng sắt thép kinh ngạc được yêu cầu, nhưng nguồn cung cấp hạn chế nên các kỹ sư phải làm việc mà không có nó. Kết quả là chỉ một số boong ke hay lô cốt có vòm xoay – những chỗ đòi hỏi phải có thép để làm tháp pháo – và do đó làm xạ giới của pháo bị hạn chế. Nhu cầu vật liệu và trang thiết bị cao đến mức một phần phòng tuyến Maginot cũ của Pháp và phòng tuyến biên giới của Đức (phòng tuyến Siegfried) đã được dỡ bỏ để tập trung cho Bức tường Đại Tây Dương. Đến cuối năm 1943, mặc dù còn xa mới hoàn thành, trên nửa triệu người đã đang làm việc ở đó và các hệ thống phòng thủ đã trở thành mối đe dọa hiện hữu.

Hitler biết cuộc đổ bộ là không thể tránh khỏi, và bây giờ ông ta gặp phải một vấn đề lớn nữa: chọn những đơn vị nào để triển khai. Ở Nga, hết sư đoàn này

đến sư đoàn khác đang bị nghiền nát khi Wehrmacht cố giữ chiến tuyến dài 3.200km trước những cuộc tiến công không ngừng của quân đội Liên Xô. Ở Italy, bị loại ra khỏi vòng chiến sau cuộc đổ bộ Sicily, hàng nghìn quân vẫn chưa ngóc đầu lên được. Do đó, đến 1944, Hitler buộc phải đệm vào phòng tuyến phía tây một đám hồ lớn quân bổ sung – ông già và trẻ con, tàn binh của những sư đoàn bị xoá sổ ở mặt trận Nga, những “lính tình nguyện” cưỡng bức từ các quốc gia bị chiếm đóng (có thể kể ra những đơn vị người Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Romania và Nam Tư) và thậm chí 2 sư đoàn người Nga gồm những kẻ muốn chiến đấu cho phát xít hơn là ở lại trong trại tù binh. Mặc dù chất lượng còn đáng ngờ, những đơn vị này đã lấp vào chỗ trống. Ông ta vẫn còn nòng cốt là các đơn vị có kinh nghiệm chiến đấu và các đơn vị xe tăng. Đến D-Day, lực lượng của Hitler trên mặt trận phía Tây lên đến khoảng 60 sư đoàn.

Không phải sư đoàn nào cũng có đủ quân số, nhưng Hitler vẫn trông đợi vào Bức tường Đại Tây Dương; nó sẽ làm nên sự khác biệt. Kể cả những người đã chiến đấu – và thất bại – trên những mặt trận khác như Rommel cũng phải kinh ngạc khi thấy các hệ thống phòng thủ. Rommel không ở Pháp kể từ năm 1941. Và ông cũng như các tướng lĩnh Đức khác tin vào sự tuyên truyền của Hitler, nghĩ rằng phòng tuyến đã gần hoàn thành.

Sự chỉ trích gay gắt của ông về “bức tường” ở OB West không làm Von Rundstedt ngạc nhiên. Ông chân thành bày tỏ sự đồng tình; quả thực, đó có lẽ là lần duy nhất ông hoàn toàn tán thành với Rommel về một vấn đề. Vị Thống chế già dặn Von Rundstedt chưa bao giờ tin tưởng vào cách phòng thủ cố định. Ông đã đề ra và điều khiển cuộc tiến công thọc sườn phòng tuyến Maginot năm 1940 dẫn tới sự sụp đổ của nước Pháp. Đối với ông Bức tường Đại Tây Dương chẳng là gì ngoài một “sự bịp bợm to tát... cho người Đức nhiều hơn là cho kẻ thù... và kẻ thù qua những điệp viên của họ còn biết rõ điều đó hơn cả chúng ta”. Nó có thể “cầm chân tạm thời” cuộc tấn công của Đồng minh, nhưng sẽ không ngăn chặn được. Von Rundstedt tin chắc chắn có gì cản được cuộc đổ bộ thành công bước đầu. Kế hoạch của ông là giữ

những lực lượng lớn cách xa bờ biển và tấn công sau khi quân Đồng minh đã đổ bộ. Đó là thời điểm để công kích, ông tin tưởng – khi kẻ địch vẫn còn yếu, chưa có hậu cần đầy đủ, và vẫn đang loay hoay củng cố lực lượng trong các khu đầu cầu cách biệt.



Thống chế Rundstedt (trái) và Thống chế Rommel (phải) tại Paris năm 1943.

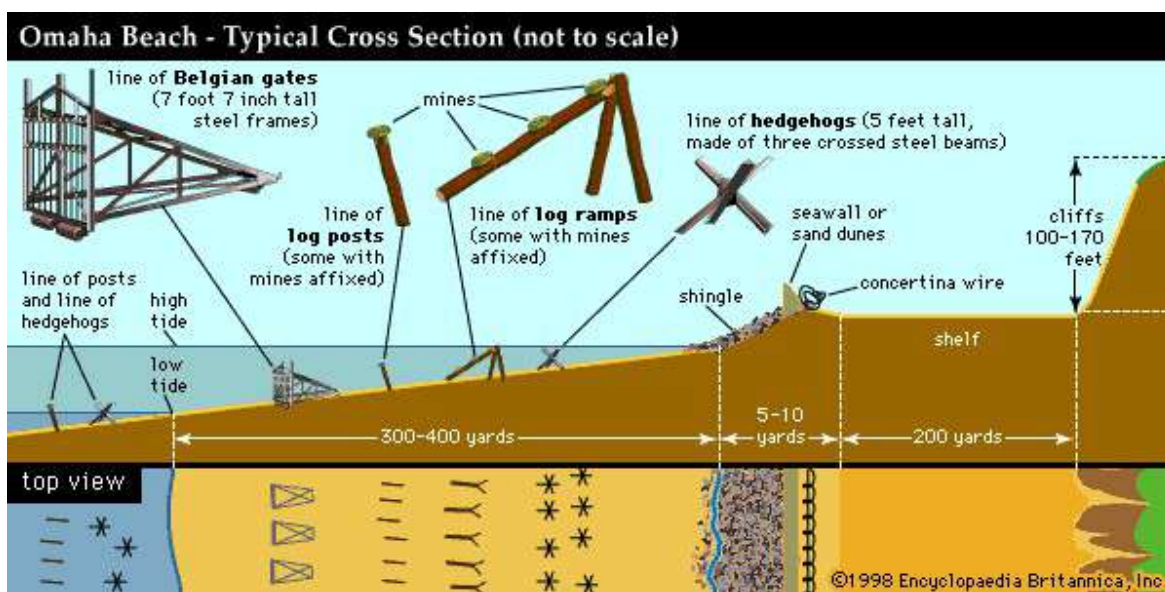
Rommel hoàn toàn không đồng ý với phương án này. Ông khẳng định chỉ có một cách để đẩy lui cuộc tấn công: đương đầu với nó. Sẽ không có thời gian để đưa lực lượng tăng viện từ tuyến sau lên, ông chắc chắn chúng sẽ bị tiêu diệt sau những đợt không kích liên tục hay bắn phá dữ dội của hải quân và pháo binh. Trong cách nhìn của Rommel, mọi thứ từ bộ binh đến các sư đoàn xe tăng phải sẵn sàng ngay ở bờ biển hay sát phía sau. Người phụ tá nhớ rõ ngày Rommel tóm tắt chiến thuật của mình. Họ đứng bên bờ biển hoang vắng và Rommel, người thấp, chắc nịch trong chiếc áo choàng dày cùng khăn quàng cổ bước tới bước lui một cách oai vệ, vung vẩy chiếc trượng thường của thống chế - một chiếc gậy đen đầu bạc dài 60cm với những tua đỏ, đen và trắng. Ông trở trượng xuống bãi cát và nói, “Cuộc chiến thắng hay bại là ở trên bãi biển. Chúng ta sẽ chỉ có một cơ hội duy nhất để ngăn chặn kẻ thù và đó là khi chúng còn ở dưới nước... đang tìm cách tiến vào bờ. Lực lượng dự bị sẽ không bao giờ tới được khu xuất phát tấn công và thậm chí còn là ngu xuẩn nếu nghĩ đến họ. Hauptkampflinie [tuyến phòng thủ chính] sẽ ở đây... tất cả những gì chúng ta có sẽ phải nằm ở bờ biển. Tin tôi đi, Lang, 24 giờ đầu tiên của cuộc đổ bộ sẽ mang tính quyết định... đối với Đồng minh cũng như nước Đức, đó sẽ là ngày dài nhất”.

Hitler chấp nhận kế hoạch của Rommel về cơ bản, và từ đó Von Rundstedt trở nên đơn thuần là một bù nhìn. Rommel chỉ thực hiện các mệnh lệnh của Von Rundstedt nếu chúng trùng với ý tưởng của ông. Để làm được như vậy ông thường xuyên sử dụng một câu đơn giản nhưng đầy sức nặng. “Quốc trưởng”, Rommel thường nhấn mạnh, “ra lệnh trực tiếp cho tôi”. Ông không bao giờ nói thẳng như thế trước Von Rundstedt cao quý, mà trước Tham mưu trưởng OB West, Thiếu tướng Blumentritt.

Với sự chống lưng của Hitler và sự miễn cưỡng chấp thuận của Von Rundstedt (“Gã cai Bohem Hitler ấy”, vị Tư lệnh Mặt trận phía Tây cáu kỉnh nói, “thường xuyên ra quyết định chống lại chính hấn”), Rommel quả quyết đã bắt tay vào xem xét toàn bộ các kế hoạch chống đổ bộ đã có.

Chỉ trong vài tháng ngắn ngủi, nỗ lực không ngừng của Rommel đã thay đổi toàn bộ bức tranh. Trên mỗi bãi biển được đánh giá có thể đổ bộ được, ông lệnh cho binh lính cùng với các tiểu đoàn lao công cường bức ở địa phương dựng lên các vật cản đơn giản. Những vật chướng ngại đó – có 3 cạnh thép lờm chờm, những cấu trúc cổng sắt hình răng cá mập, cọc gỗ bịt sắt và các khối bê tông hình chóp – được bố trí ngay dưới mực thủy triều cao và thấp. Chúng được gắn thêm những quả mìn chết chóc. Ở nơi nào không đủ mìn, đầu đạn pháo được sử dụng, quay mũi ra phía biển. Một sự va chạm sẽ khiến chúng nổ ngay lập tức.

Những sáng chế lạ mắt của Rommel (ông đã tự mình thiết kế phần lớn) vừa đơn giản vừa hiệu quả. Nhiệm vụ của chúng là chọc thủng và phá huỷ hay cầm chân các tàu đổ bộ chờ đây quân tới khi các khẩu đội pháo nhắm được mục tiêu. Trong trường hợp nào, ông lập luận, quân địch cũng sẽ bị tiêu hao dài dài trước khi vào được bờ. Giờ hơn nửa triệu vật cản ngầm gây sát thương đó được bố trí dọc theo bờ biển.



Sơ đồ bố trí chướng ngại vật của quân Đức ở bãi biển Omaha - Normandy.

Dù vậy Rommel, vốn là người cầu toàn, vẫn chưa hài lòng. Trên các bãi cát, trên các con dốc, trên các con mương và đường mòn từ bờ biển, ông ra lệnh

đặt mìn – đủ các loại, từ những quả mìn dẹt lớn đủ để phá tung xích xe tăng, tới những quả mìn S (mìn nhảy) nhỏ sẽ nhảy lên và nổ ngang tầm ngực. Hơn 5 triệu mìn rải khắp vùng bờ biển. Trước khi cuộc đổ bộ xảy ra, Rommel hy vọng có thể đặt thêm 6 triệu quả nữa. Tổng cộng, ông định củng cố vùng bờ biển với 60 triệu quả mìn *.

** Rommel bị mê hoặc trong việc dùng mìn làm vũ khí phòng ngự. Trong một chuyến đi kiểm tra cùng với thống chế, Thiếu tướng Alfred Gause (Tham mưu trưởng tiền nhiệm của Rommel, trước Thiếu tướng Dr. Hans Speidel) chỉ những cánh đồng hoa dại mùa xuân và nói, “Cảnh này không đẹp sao?”. Rommel gật đầu và nói, “Ông nên chú ý, Gause – chỗ này sẽ được bố trí 1.000 quả mìn”. Và một dịp khác trên đường tới Paris, Gause gợi ý ghé thăm nhà máy làm đồ sứ nổi tiếng ở Sevres. Ông ngạc nhiên khi Rommel đồng ý. Nhưng Rommel không quan tâm đến những tác phẩm nghệ thuật được xem. Ông bước nhanh ra khỏi phòng trưng bày và quay lại nói với Gause: “Hãy xem thử xem họ có làm được vỏ bọc không thấm nước cho mìn của tôi không” – Chú thích của tác giả (TG).*

Nhìn ra biển, sau rừng mìn và vật cản, binh lính của Rommel chờ đợi trong những lô cốt, hầm ngầm bê tông và giao thông hào, tất cả được bao bọc bởi bãi hay rào thép gai. Từ những vị trí đó, mọi khẩu pháo mà thống chế có thể huy động nhìn xuống bãi cát và ra biển, ngắm sẵn phần tử để có thể dựng lên bức tường lửa chính xác. Một số nằm ngay bên bờ biển. Chúng được giấu trong những công sự bê tông, trong những vị trí nhìn bên ngoài có vẻ vô hại, nòng không hướng ra biển mà chĩa thẳng xuống bãi để bắn thẳng vào các làn sóng xung phong.



Công sự phòng thủ bờ biển của quân Đức ở Longues-sur-Mer, Normandy.

Rommel tranh thủ tất cả những kỹ thuật và sáng chế tiên tiến. Ở những nơi thiếu pháo, ông bố trí các khẩu đội pháo phản lực hoặc súng cối nhiều nòng. Ở vài chỗ ông có cả xe tăng robot mini mang tên “Goliaths”. Những thiết bị này mang theo nửa tấn thuốc nổ, có thể được điều khiển từ các công sự đi xuống bãi biển và phát nổ giữa đám lính cùng tàu đổ bộ.

Thứ vẫn còn chưa được nhắc đến trong kho vũ khí trung cổ của Rommel là những nồi chì nấu chảy để đổ xuống đầu quân tấn công – nói cách khác, ông có một thứ tương tự nhưng hiện đại hơn: hệ thống phun lửa tự động. Ở vài nơi, mạng lưới các ống dẫn từ những bể chứa dầu được giấu kín chạy xuống những lối đi đầy cỏ dẫn từ bờ biển. Chỉ một cái nhấn nút đối phương sẽ bị nhấn chìm trong lửa.

Rommel không quên mỗi đe dọa đến từ lính dù và bộ binh đổ bộ bằng tàu lượn. Phía sau tuyến phòng thủ, những khu đất thấp đã được làm ngập nước, và những bãi trống trong phạm vi cách bờ biển 11 tới 13km được cắm cọc và bố trí bẫy. Dây gài treo giữa những thứ đó. Khi bị động vào, chúng sẽ kích nổ mìn hay đạn pháo tức thì.

Rommel đã bố trí một cuộc tiếp đón đẫm máu cho quân Đồng minh. Chưa bao giờ trong lịch sử chiến tranh hiện đại, một hệ thống phòng thủ vững chắc và chết chóc như vậy được chuẩn bị. Dù thế Rommel vẫn chưa bằng lòng. Ông muốn thêm nhiều công sự, thêm nhiều vật cản, thêm nhiều mìn, thêm nhiều pháo và quân. Trên hết, ông muốn có các sư đoàn xe tăng hùng hậu đang được bố trí cách xa bờ biển làm dự bị. Ông đã thắng những trận đáng nhớ bằng xe tăng trên sa mạc Bắc Phi. Giờ đây, ở thời điểm then chốt này, cả ông lẫn Rundstedt không thể điều động các đơn vị thiết giáp mà không có sự cho phép của Hitler. Quốc trưởng khẳng khẳng giữ chúng dưới sự chỉ huy của cá nhân mình. Rommel cần ít nhất 5 sư đoàn xe tăng ở bờ biển, sẵn sàng phản công trong những giờ đầu tiên Đồng minh đổ bộ. Chỉ có một cách để đạt được điều đó – ông sẽ gặp Hitler. Trong buổi sáng âm u này ở La Roche-Guyon, khi chuẩn bị cho hành trình dài về thăm nhà, Rommel kiên quyết giành chiến thắng hơn bao giờ hết.

Tại sở chỉ huy Tập đoàn quân 15 cách đó 200km gần biên giới Bỉ, một người đang vui mừng khi buổi sáng ngày 4 tháng 6 tới. Trung tá Hellmuth Meyer ngồi trong văn phòng, hốc hác và đôi mắt mỏi nhừ. Ông không thể có một giấc ngủ ngon kể từ ngày 1 tháng 6. Nhưng cái đêm vừa trôi qua là tệ nhất, ông sẽ không bao giờ quên nó.

Meyer đảm nhiệm công việc căng thẳng thần kinh và dễ gây nản lòng. Bên cạnh vai trò sĩ quan Tình báo của Tập đoàn quân 15, ông còn chỉ huy đội phản gián mặt trận. Trái tim của mạng lưới là 30 nhân viên vô tuyến điện luân phiên làm việc trong một hầm ngầm bê tông chất đầy những thiết bị vô tuyến tinh vi. Nhiệm vụ của họ là nghe, không gì khác. Nhưng mỗi người là một

chuyên gia lão luyện giỏi 3 ngoại ngữ, và hầu như không một từ, không một tín hiệu Morse nào trong không gian từ phía Đồng minh mà họ không nghe thấy.

Người của Meyer có nhiều kinh nghiệm và thiết bị nhạy đến mức họ bắt được các cuộc gọi từ máy truyền tin trên xe jeep của quân cảnh ở Anh cách đó 160km. Điều này hỗ trợ rất nhiều cho Meyer. Quân cảnh Anh và Mỹ trao đổi qua điện đài khi điều hành các đoàn xe đã không ngừng giúp ông tổng kết danh sách hàng loạt sư đoàn đóng quân ở Anh. Nhưng hiện giờ nhiều lúc các nhân viên của Meyer không bắt được cuộc liên lạc nào. Điều này cũng có ý nghĩa với Meyer, nó cho thấy lệnh ngừng liên lạc vô tuyến tuyệt đối đã được áp dụng. Đó chỉ là một bổ sung vào rất nhiều bằng chứng mà ông có cho thấy cuộc đổ bộ đã đến gần.

Cùng với tất cả các báo cáo tình báo, những dữ kiện như vậy giúp Meyer phác thảo ra bức tranh về kế hoạch của Đồng minh. Và ông đang làm rất tốt công việc của mình. Suốt nhiều ngày ông chọn lọc trong hàng mớ các băng ghi âm, luôn luôn tìm kiếm những thứ đáng ngờ, những thứ bất thường – và cả những thứ khó tin.

Đêm qua người của ông đã bắt được thứ khó tin. Thông điệp, được truyền gấp qua đường cáp tốc độ cao, đã được ghi lại ngay sau khi trời tối. Nó viết: **“KHẨN PRESS ASSOCIATED NYK TIN NÓNG SỞ CHỈ HUY CỦA EISENHOWER THÔNG BÁO VỀ CUỘC ĐỔ BỘ CỦA ĐỒNG MINH LÊN PHÁP” (URGENT PRESS ASSOCIATED NYK FLASH EISENHOWER'S HQ ANNOUNCES ALLIED LANDINGS IN FRANCE).**

Meyer lặng người. Thoạt đầu ông định báo động cho toàn sở chỉ huy. Nhưng ông đã cho dừng và bình tĩnh trở lại, vì biết thông điệp trên là giả.

Có hai lí do. Thứ nhất, hoàn toàn không có hoạt động nào trên toàn mặt trận – ông sẽ phải biết ngay nếu nó có thực. Thứ hai, hồi tháng 1 Đô đốc Wilhelm

Canaris, người đứng đầu cơ quan tình báo Đức, đã cho Meyer biết chi tiết về một tín hiệu kì lạ gồm 2 phần mà ông ta nói rằng Đồng minh sẽ sử dụng để báo động cho lực lượng kháng chiến ngầm ngay trước cuộc đổ bộ.



Đô đốc Wilhelm Canaris.

Canaris cảnh báo rằng Đồng minh sẽ phát đi hàng trăm thông điệp trong những tháng trước khi tấn công. Chỉ một vài trong số đó thực sự liên quan tới D-Day; số còn lại là giả, được chủ định tạo ra để đánh lạc hướng và gây lúng túng. Canaris đã nói thẳng: Meyer phải ghi lại toàn bộ các thông điệp để không lỡ mất thứ tối quan trọng.

Thoạt đầu Meyer hoài nghi. Có vẻ điên rồ khi chỉ dựa trên một thông điệp duy nhất. Ngoài ra, ông cũng có kinh nghiệm là 90 phần trăm các nguồn tin của Berlin không chính xác. Ông có cả một tập những báo cáo sai để chứng minh điều đó; Đồng minh dường như đã nhồi cho mỗi điệp viên Đức từ Stockholm cho tới Ankara thông tin về địa điểm và thời gian “chính xác” của cuộc đổ bộ - và không cái nào thống nhất với cái nào.

Nhưng lần này Meyer biết Berlin đã đúng. Đêm 1 tháng 6, sau nhiều tháng theo dõi người của Meyer đã bắt được phần thứ nhất của bức thông điệp Đồng minh – chính xác như Canaris nói. Nó không giống hàng trăm thông điệp gồm những câu mật ngữ mà người của Meyer đã thu được suốt nhiều tháng trước. Hàng ngày sau chương trình tin tức thường lệ, BBC phát các mật ngữ bằng tiếng Pháp, Hà Lan, Đan Mạch và Na Uy cho lực lượng kháng chiến. Phần lớn vô nghĩa với Meyer, và thật bức mình là không thể giải mã được những mẫu tin kiểu như “Cuộc chiến Troy sẽ không được theo đuổi”, “Mật đường ngày mai sẽ chảy vào cognac”, “John để ria dài” hay “Sabine vừa mới cắn nhẫn và ghen tức”. Nhưng thông điệp ngay sau chương trình tin tức 9:00 tối của BBC tối 1 tháng 6 là cái mà Meyer hiểu rõ.

“Vui lòng lắng nghe một vài thông điệp cá nhân”, phát thanh viên nói bằng tiếng Pháp. Lập tức Hạ sĩ Walter Reichling bật máy ghi âm. Một khoảng chờ, và sau đó: “Les sanglots longs des violons de l'automne [Những tiếng nức nở dài của vĩ cầm mùa thu].

Đột nhiên Reichling đập tay vào tai nghe. Rồi anh giật phăng nó ra và chạy tới trụ sở của Meyer. Viên hạ sĩ lao vào phòng và nói đầy kích động: “Thưa ngài, phần thứ nhất của thông điệp – nó đây rồi”.

Họ cùng nhau quay về hầm, tại đó Meyer nghe lại băng ghi âm. Chính là nó – thông điệp mà Canaris đã báo trước. Đó là dòng đầu tiên của “Chanson d'Automne” [Bài ca mùa thu] của nhà thơ Pháp thế kỷ 19 Paul Verlaine. Theo

thông tin từ Canaris, dòng thơ này sẽ được truyền đi trong khoảng “ngày 1 hoặc 15 trong tháng ... và sẽ là phần đầu của thông điệp báo về cuộc đổ bộ của Anh – Mỹ”.

Nửa cuối của thông điệp là dòng thứ hai trong bài thơ của Verlaine, "Blessent mon coeur d'une langueur monotone" [Làm tổn thương trái tim tôi với nhịp điệu buồn tẻ]. Theo Canaris, khi nó được phát đi nghĩa là “cuộc đổ bộ sẽ bắt đầu trong vòng 48 giờ ... bắt đầu tính từ 0 giờ ngày hôm sau”.

Ngay khi nghe dòng thơ Verlaine được ghi âm lại, Meyer báo cho Tham mưu trưởng Tập đoàn quân 15, Thiếu tướng Rudolf Hofmann: “Thông điệp thứ nhất đã tới”, ông nói với Hofmann, “Giờ điều gì đó sẽ xảy ra”.

“Ông chắc chắn không?” Hofmann hỏi.

“Chúng tôi đã ghi lại”, Meyer trả lời.

Trong lúc ấy Meyer gửi điện cho OKW. Sau đó ông gọi đến sở chỉ huy của Rundstedt (OB West) và Rommel (Cụm quân B).

Tại OKW, tin được chuyển cho Chuẩn thống chế Alfred Jodl, Cục trưởng Tác chiến. Bức điện nằm nguyên trên bàn của Jodl. Ông không ra lệnh báo động. Jodl cho rằng Rundstedt đã làm việc đó; nhưng Rundstedt lại nghĩ sở chỉ huy của Rommel đã ra lệnh. *

** Rommel phải biết về tin này, nhưng từ dự đoán của ông về ý đồ của Đồng minh, dễ thấy là ông đã xem thường nó – TG.*



Chuẩn thống chế Alfred Jodl, Cục trưởng Tác chiến Bộ Tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang (OKW).

Trên toàn mặt trận chỉ có một tập đoàn quân được đặt trong trạng thái sẵn sàng: Tập đoàn quân 15. Tập đoàn quân 7 bảo vệ duyên hải Normandy không biết gì và không được báo động.

Trong đêm 2 và 3 tháng 6 phần đầu của thông điệp đã được phát lại. Điều này làm Meyer lo lắng, theo tin ông có thì nó sẽ chỉ được phát một lần. Ông chỉ có thể đoán Đồng minh lặp lại để đảm bảo lực lượng kháng chiến nhận

được.

Trong một giờ sau khi thông điệp được phát lại đêm 3 tháng 6, hãng AP đưa tin nhanh nói rằng cuộc đổ bộ của Đồng minh lên đất Pháp đang được triển khai. Nếu cảnh báo của Canaris là đúng, tin của AP phải là sai. Sau những phút đầu hoang mang, Meyer đặt cược vào Canaris. Giờ ông mệt phờ nhưng hoan hỉ. Bình minh đến và sự yên bình tiếp tục duy trì trên phòng tuyến đã chứng minh ông đúng.

Hiện tại không còn điều gì để làm ngoài chờ nửa cuối của bức thông điệp sinh tử có thể tới bất cứ lúc nào. Tầm quan trọng ghê gớm của nó xâm chiếm tâm trí Meyer. Việc đánh bại cuộc đổ bộ của Đồng minh, sinh mạng hàng trăm nghìn người đồng hương của ông, sự tồn tại của quốc gia phụ thuộc vào việc ông cùng nhân viên nhanh chóng ghi lại thông điệp và báo động cho mặt trận. Meyer chỉ hy vọng rằng cấp trên cũng nhận ra tầm quan trọng của nó.

Trong khi Meyer ngồi chờ, cách đó 200km, Tư lệnh Cụm quân B đang chuẩn bị đi về Đức.

Thống chế Rommel cẩn thận phết chút ít mật ong lên bánh mì. Ngồi cùng ăn sáng ở bàn là vị tham mưu trưởng xuất sắc của ông, Thiếu tướng Dr. Hans Speidel và nhiều thành viên Bộ Tư lệnh. Không có nghi thức nào. Cuộc trao đổi thoải mái và nhẹ nhàng; nó gần như là cả gia đình quây quần bên người cha. Đây là một gia đình gắn bó. Rommel đã lựa chọn từng sĩ quan một và tất cả đều hết lòng với ông. Sáng nay họ đang tóm tắt lại những câu hỏi mà họ hy vọng ông sẽ đặt cho Hitler. Rommel nói rất ít. Ông đơn giản là lắng nghe. Ông đang sốt ruột muốn đi. Rommel nhìn đồng hồ. “Các vị”, thống chế nói đột ngột, “Tôi phải đi đây”.

Bên lối đi chính, tài xế của Rommel, Daniel, đứng cạnh chiếc xe đã mở cửa. Rommel mời Đại tá von Tempelhof, ngoài Lang ra là người duy nhất trong Bộ Tư lệnh đi cùng ông trên chiếc Horch. Xe của Tempelhof có thể đi sau. Rommel bắt tay với từng người trong Bộ Tư lệnh, nói ngắn gọn với Tham mưu

trưởng và ngồi vào vị trí thường lệ cạnh tài xế. Lang và Đại tá von Tempelhof ngồi phía sau. “Ta đi thôi, Daniel”, Rommel nói.

Chiếc xe chậm rãi quay vòng trong sân và tiến ra cổng chính, vượt qua 16 cây chanh cắt tĩa ngay ngắn nằm dọc con đường. Sau khi đi vào làng nó rẽ phải sang đường chính về Paris.

Đó là 7:00 sáng. Rời La Roche-Guyon trong sáng Chủ nhật 4 tháng 6 đặc biệt buồn tẻ này làm Rommel thấy ổn. Thời gian chuyển đi không thể tốt hơn. Cạnh ghế của ông đặt một hộp các tông đựng đôi giày xám bằng da lộn làm riêng, cỡ 5,5 cho vợ ông. Một lí do đặc biệt và rất con người khiến ông muốn gặp vợ vào thứ Ba, 6 tháng 6. Hôm đó là sinh nhật bà. *

* Từ sau Thế chiến II, nhiều sĩ quan cấp dưới của Rommel đã hợp sức với nhau thanh minh cho sự vắng mặt của ông ở mặt trận hôm 4, 5 tháng 6 và bản thân ngày quan trọng nhất D-Day. Trong các cuốn sách, bài báo và phỏng vấn họ đã nói rằng Rommel rời Đức ngày 5 tháng 6. Điều đó không đúng. Họ cũng tuyên bố rằng Hitler ra lệnh cho Rommel về Đức. Điều đó không đúng. Người duy nhất ở sở chỉ huy của Hitler biết về chuyển viếng thăm dự định của Rommel là Thiếu tướng Rudolf Schmundt, sĩ quan quản trị của Hitler. Đại tướng Walter Warlimont, lúc đó là Cục phó Tác chiến OKW nói với tôi rằng cả Jodl, Keitel hay chính bản thân ông cũng không hề hay biết là Rommel đang ở Đức. Thậm chí vào D-Day, Warlimont còn nghĩ là Rommel đang điều hành trận đánh ở sở chỉ huy. Về ngày Rommel đi về Đức, đó là 4 tháng 6; bằng chứng không thể chối cãi nằm trong nhật ký được ghi chép tỉ mỉ của Cụm quân B, đã cho biết thời gian chính xác – TG.

Ở Anh lúc đó là 8:00 sáng (giờ mùa hè ở Anh chênh 1 tiếng so với giờ Đức). Trong toa xe kéo trong khu rừng gần Portsmouth, Đại tướng Dwight D. Eisenhower, Tổng tư lệnh quân Đồng minh đang ngủ say sau khi thức trắng cả đêm. Suốt nhiều giờ qua các thông điệp mã hoá đã được sở chỉ huy của ông ở gần đó chuyển đi qua điện thoại, điện báo và vô tuyến điện. Trong

khoảng thời gian mà Rommel thức giấc, Eisenhower đã đưa ra một quyết định quan trọng: do thời tiết xấu, ông đã hoãn cuộc đổ bộ của Đồng minh 24 giờ. Nếu thời tiết tốt lên, D-Day sẽ là thứ Ba, ngày 6 tháng 6.

Vị Thiếu tá 33 tuổi George D. Hoffman, thuyền trưởng khu trục hạm USS Corry nhìn qua ống nhòm hàng dài tàu phía sau đang rẽ sóng vượt qua Eo biển Anh. Có vẻ khó tin được chuyện họ đã triển khai thế này mà không tấn công. Họ đang trên hành trình và đúng giờ. Đoàn tàu chậm rãi đi theo đường vòng với không quá 6,5km mỗi giờ đã vượt qua 130km sau khi rời Plymouth đêm trước. Nhưng vào lúc này Hoffman đang chờ đợi sẽ gặp vấn đề nào đó – tàu ngầm hoặc máy bay hoặc là cả 2 vào bất cứ lúc nào. Ít nhất anh cũng lường trước là sẽ đụng phải những bãi mìn khi họ từng phút tiến sâu vào vùng biển của kẻ địch. Nước Pháp nằm phía trước giờ chỉ còn cách 65km.

Vị chỉ huy trẻ tuổi – anh đã “nổi lên” ở Corry từ một trung úy lên thuyền trưởng trong không đầy 3 năm – vô cùng tự hào khi được dẫn đầu đội hình hoành tráng này. Nhưng khi nhìn qua ống nhòm anh biết đây là mồi ngon cho kẻ thù.

Đi trước là các tàu quét mìn, 6 chiếc tàu nhỏ tản ra theo hàng chéo, giống như một cạnh của chữ V ngược, bên phải mỗi chiếc thả xuống một sợi dây dài hình răng cá mập để quét qua và kích nổ mìn. Phía sau các tàu quét mìn là bóng dáng dốc đứng và bóng loáng của những “người chặn cừu” - các khu trục hạm hộ tống. Và đằng sau chúng, trải suốt trong tầm mắt là cả đoàn tàu, một đám diễu hành lớn của những tàu đổ bộ kênh cang và ị ạch chở theo hàng nghìn lính, tăng, pháo, xe cộ và đạn dược. Mỗi chiếc tàu trĩu nặng đó thả một quả khí cầu chống máy bay được buộc chắc bằng dây cáp. Khí cầu được giữ ở cùng độ cao, nhún nhảy trong gió mạnh, khiến cả đoàn tàu trông như một gã say rượu.

Đối với Hoffman đây quả là một khung cảnh ngoạn mục. Ước tính khoảng cách giữa các tàu và biết được số lượng tàu, anh đoán rằng tốp cuối của đoàn diễu hành hoành tráng này vẫn còn ở Anh, trong cảng Plymouth.

Và đây mới chỉ là một đoàn. Hoffman biết hàng tá khác đang trên đường hay sẽ rời Anh trong ngày. Tối nay tất cả sẽ cùng tập trung về vịnh Seine. Đến sáng, một hạm đội khổng lồ gồm 5.000 tàu sẽ dàn quân trước các bãi đổ bộ ở Normandy.

Hoffman không thể chờ để chứng kiến nó. Đoàn tàu mà anh dẫn đầu đã rời Anh sớm vì phải đi chặng đường xa nhất. Đó là một phần của lực lượng Mỹ hùng hậu, Sư đoàn Bộ binh số 4, dự định đổ xuống một nơi mà Hoffman cũng như hàng triệu lính Mỹ khác chưa bao giờ nghe nói tới – một bãi biển lộng gió phía đông bán đảo Cherbourg mang mật danh “Utah”. Cách 19km về phía đông nam, trước mặt những ngôi làng duyên hải Vierville và Colleville là một bãi biển khác cho quân Mỹ, “Omaha”, một dải cát trắng hình lưỡi liềm nơi Sư đoàn 1 và 29 sẽ đổ bộ.

Thuyền trưởng tàu Corry đã chờ đợi sẽ thấy các đoàn tàu khác đi cùng mình sáng nay, nhưng dường như cả Eo biển Anh chỉ có mỗi anh ta. Anh không thấy phiền lắm. Ở đâu đó quanh đây, anh biết các đoàn khác của “Lực lượng U” và “Lực lượng O” đang tiến về Normandy. Hoffman không biết rằng do tình trạng thời tiết không chắc chắn, Eisenhower lo ngại nên trong đêm đó số đoàn tàu được cho khởi hành đã giảm.

Đột nhiên điện thoại trên đài chỉ huy kêu vang. Một trong những sĩ quan trên boong tiến lại, nhưng Hoffman đứng gần hơn nhắc ông nghe. “Đài chỉ huy”, anh trả lời, “thuyền trưởng đây”. Anh lắng nghe một giây. “Có chắc không?”, anh hỏi, “Thông báo đã được nhắc lại à?”. Hoffman lắng nghe thêm một giây, sau đó anh gác máy. Không thể tin được: cả đoàn được lệnh quay trở lại Anh – không lí do nào được đưa ra. Điều gì đã xảy ra? Phải chăng cuộc đổ bộ đã bị hoãn lại.

Hoffman quan sát qua ống nhòm những chiếc tàu quét mìn phía trước; chúng không đổi hướng. Cả những khu trục hạm đi sau cũng vậy. Họ đã nhận được thông báo chưa? Anh quyết định tự mình xem lại thông báo đảo chiều đó

trước khi làm bất cứ điều gì – anh phải thật chắc chắn. Hoffman nhanh chóng trèo xuống khoang điện đài ở tầng dưới.

Điện đài viên cấp 3 Bennie Glisson đã không mắc sai sót nào. Đưa cho thuyền trưởng xem sổ liên lạc, anh nói: “Tôi đã kiểm tra hai lần cho chắc”. Hoffman hồi hải quay lại đài chỉ huy.

Nhiệm vụ của anh và các khu trục hạm khác là cho đoàn tàu khổng lồ này quay lại, và phải thật khẩn trương. Vì đang dẫn đầu nên mỗi quan tâm lập tức của anh là nhóm tàu quét mìn ở phía trước vài km. Anh không thể liên lạc với họ qua điện đài do đã có lệnh cấm. “Tất cả động cơ đạt tốc độ tối đa”, Hoffman ra lệnh. “Thu ngắn khoảng cách với các tàu quét mìn. Tín hiệu viên vào vị trí đèn”.

Khi Corry lao lên, Hoffman nhìn lại và thấy các khu trục hạm phía sau quay lại, vòng qua bên sườn đoàn tàu. Giờ đây, bằng đèn hiệu, họ bắt đầu công việc nặng nề là chuyển hướng đoàn. Hoffman lo lắng nhận ra hạm đội đang ở gần Pháp tới mức nguy hiểm – chỉ 60km. Họ đã bị phát hiện chưa? Sẽ là điều kì lạ nếu họ quay lại mà không bị phát hiện.

Dưới khoang điện đài Bennie Glisson tiếp tục nhận được các thông điệp trì hoãn được mã hoá cứ 15 phút một lần. Đây là tin tức tệ nhất mà anh nhận được trong suốt thời gian dài, nó có vẻ là bằng chứng cho sự nghi ngờ vẫn đeo đẳng: quân Đức đã biết tất cả về cuộc đổ bộ. Có phải D-Day bị huỷ vì chúng đã phát hiện? Giống như hàng nghìn người khác, Bennie không thể hình dung sự chuẩn bị – các đoàn vận tải, tàu bè, người và hàng hoá chất đầy các vịnh, bến tàu và cảng biển từ Land's End tới Portsmouth có thể qua mắt máy bay trinh sát Đức. Và nếu cuộc đổ bộ chỉ đơn giản là bị hoãn vì lí do nào khác thì vấn đề tiếp theo là quân Đức sẽ có thêm thời gian để phát hiện ra.

Người điện đài viên 23 tuổi bật một máy khác và chuyển sang nghe Radio Paris, đài phát thanh tuyên truyền của Đức. Anh muốn nghe giọng nói gợi

cảm của “Sally quốc xã”. Chương trình cay độc của cô ta rất buồn cười, vì nó quá thiếu chính xác, nhưng bạn không bao giờ nói được. Có một lí do khác: “Con mụ Berlin” - như cô ta vẫn thường bị gọi - dường như có một nguồn vô tận những ca khúc mới nhất.

Bennie không có cơ hội nghe vì ngay sau đó một loạt báo cáo thời tiết được chuyển tới. Nhưng khi anh đánh máy xong thì “Sally quốc xã” bắt đầu bản nhạc đầu tiên trong ngày. Bennie lập tức nhận ra đoạn nhạc dạo của ca khúc thời chiến nổi tiếng “I Double Dare You”. Nhưng lời mới đã được viết. Khi lắng nghe, chúng xác thực những lo ngại tồi tệ nhất của anh. Trước 8 giờ sáng hôm đó Bennie và hàng nghìn binh sĩ Đồng minh khác đã chuẩn bị tinh thần cho cuộc đổ bộ lên Normandy vào 5 tháng 6, và họ giờ đây có 24 giờ khổ sở nữa để chờ đợi, nghe “I Double Dare You” với những câu ớn lạnh một cách thích hợp:

"I double dare you to come over here. I double dare you to venture too near.

Take off your high hat and quit that bragging. Cut out that claptrap and keep your hair on. Can't you take a dare on?

I double dare you to venture a raid. I double dare you to try and invade. And if your loud propaganda means half of what it says, I double dare you to come over here. I double dare you."

Trong trung tâm hành quân lớn của Bộ Tư lệnh Hải quân Đồng minh ở Southwick House bên ngoài Portsmouth, người ta đang chờ những đoàn tàu quay về.

Căn phòng cao, dài với giấy dán tường trắng và vàng là nơi diễn ra các hoạt động sôi nổi. Cả một bên tường được che phủ bởi tấm bản đồ Eo biển Anh lớn. Cứ từng phút một, hai nữ quân nhân Hải quân Hoàng gia Anh đứng trên thang gấp dịch chuyển những kí hiệu màu thể hiện vị trí mới của các đoàn tàu trên bản đồ. Tụm lại thành từng nhóm 2 hay 3 người, sĩ quan tham mưu của

đủ các binh chủng yên lặng đọc mỗi khi có báo cáo mới. Bề ngoài họ tỏ ra bình tĩnh, nhưng không thể giấu được sự căng thẳng mà mọi người đang phải chịu đựng. Mỗi đoàn tàu không chỉ phải quay lại hầu như ngay trước mũi kẻ địch và trở về Anh theo những tuyến đường đặc biệt đã được quét sạch mìn; họ còn phải đối diện với một mối đe dọa khác – bão biển. Đối với những chiếc tàu đổ bộ đi chậm, chất đầy lính và hàng hoá, cơn bão là một hiểm hoạ lớn. Gió trên Eo biển đã đạt tới 48km/h, với sóng cao 1,5m, và thời tiết đang xấu đi.

Từng phút trôi qua, tấm bản đồ cho thấy lệnh triệu hồi được thực hiện nghiêm chỉnh. Những dòng ký hiệu quay lại biển Irish, tập hợp lại quanh khu vực đảo Wight và dồn đống trong các cảng và bến tàu dọc theo vùng bờ biển tây nam của Anh. Một vài đoàn phải mất cả ngày mới về tới cảng.

Vị trí của từng đoàn và gần như từng chiếc tàu của hạm đội Đồng minh đều có thể liếc qua là thấy trên bản đồ. Nhưng có hai chiếc không được đánh dấu – một cặp tàu ngầm nhỏ. Chúng dường như đã hoàn toàn biến mất.

Trong một văn phòng gần đó, một nữ đại úy Hải quân xinh đẹp 24 tuổi đang tự hỏi khi nào thì chồng cô mới về tới cảng. Naomi Coles Honour hơi băn khoăn nhưng chưa tới mức lo lắng, thậm chí các bạn bè trong phòng Tác chiến dường như còn không biết gì về vị trí của chồng cô, Đại úy George Honour và chiếc tàu ngầm mini dài 17m của anh, chiếc X23.

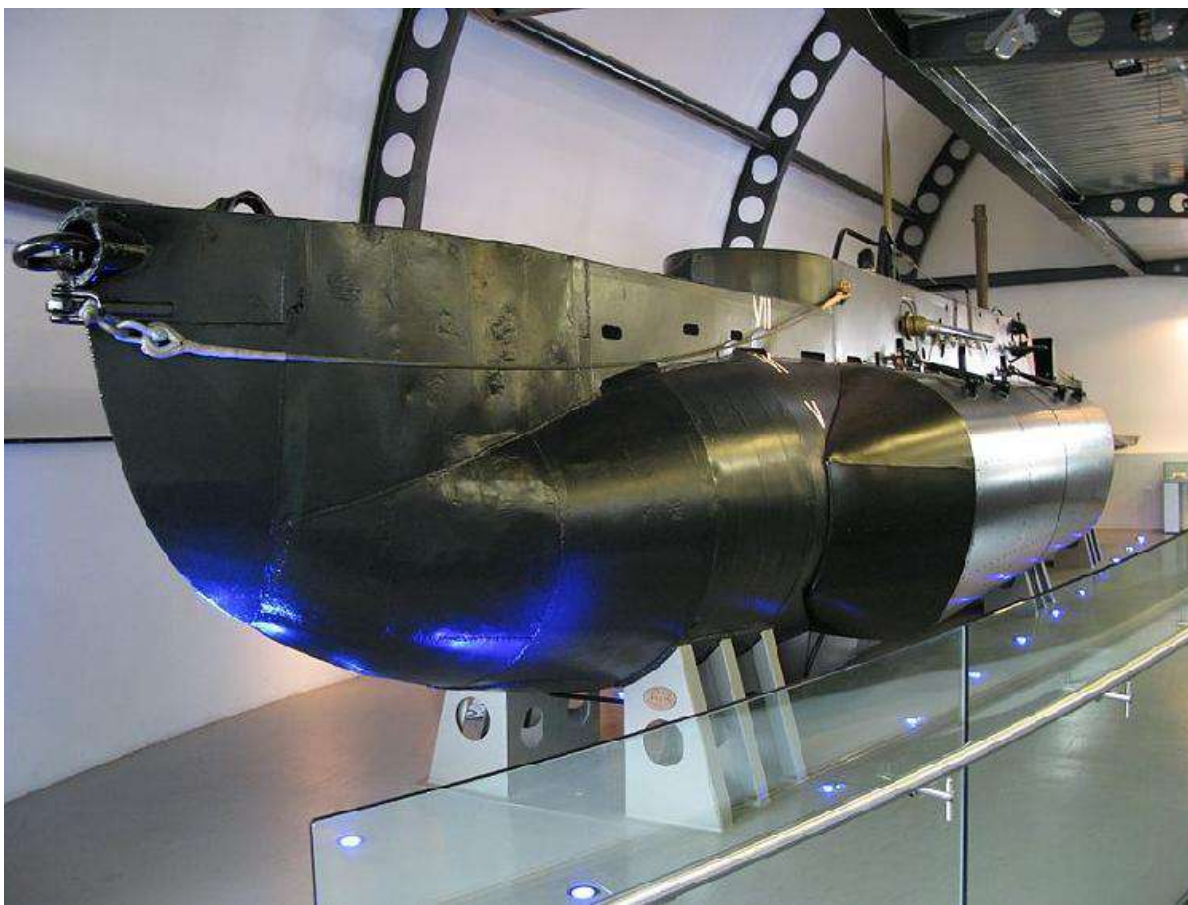
Ngoài khơi bờ biển nước Pháp 1,5km, một ống kính tiềm vọng trời lên khỏi mặt nước. Phía dưới 9m, đứng cúi trong căn phòng chỉ huy chật chội của chiếc X23, Đại úy George Honour chỉnh lại chiếc mũ lưỡi trai. “Được rồi, các cậu”, anh triệu tập mọi người, “ta cùng xem nào”.

Ghé một mắt vào ống kính bọc cao su, anh chậm rãi xoay kính tiềm vọng và khi những hình dáng nhấp nhô của mặt nước biến mất, những hình ảnh mờ ảo trước mắt anh trở nên rõ ràng hơn, đó là thị trấn nghỉ mát Ouistreham gần

cửa sông Orne đang còn ngủ say. Nó quá gần và tầm nhìn được phóng đại đến mức Honour có thể thấy khói bốc lên từ ống khói và ở xa một chiếc máy bay vừa mới cất cánh từ sân bay Carpiquet gần Caen. Anh cũng có thể thấy kẻ địch. Bị thu hút, anh quan sát lính Đức bình thản làm việc giữa những vật cản chống đổ bộ trên bờ cát trải dài cả hai phía.

Đó là một khoảnh khắc đáng nhớ với viên đại úy của Lực lượng Dự bị Hải quân Hoàng gia. Quay lại, anh nói với Đại úy Lionel G.Lyne phụ trách lái chính, “Nhìn này, Thìn, ta gần như ngăm vào đúng mục tiêu”.

Ở một khía cạnh nào đó, cuộc tấn công đã bắt đầu. Chiếc tàu đầu tiên và người lính đầu tiên của quân Đồng minh đã vào vị trí ngoài khơi Normandy. Thẳng phía trước tàu X23 là khu đổ bộ của quân Anh – Canada. Đại úy Honour cùng thủy thủ đoàn không còn để ý đến ngày tháng. Vào một ngày 4 tháng 6 khác, 4 năm trước, ở một địa điểm cách đó không đầy 320km, người cuối cùng trong số 338.000 lính Anh đã được di tản ở một cảng biển nóng bỏng có tên Dunkirk. Trên chiếc X23, đây là những giây phút căng thẳng, đầy tự hào của 5 quân nhân Anh được tuyển chọn đặc biệt. Họ là đội tiên phong của nước Anh; thủy thủ đoàn X23 sẽ dẫn đường cho hành trình trở lại Pháp của hàng nghìn người đồng hương sẽ sớm có mặt.



Tàu ngầm lớp X của Hải quân Hoàng gia Anh.

Năm người mặc đồ lặn sao su chen chúc nhau trong cabin chung nhỏ bé của X23, họ mang những giấy tờ được làm giả tài tình có thể qua mặt sự kiểm tra của tên lính Đức đa nghi nhất. Mỗi người có một thẻ căn cước giả của Pháp với đầy đủ ảnh, giấy phép làm việc và tem phiếu có con dấu chính thức của Đức cùng thư từ và các tài liệu khác. Trong trường hợp xấu, chiếc X23 bị chìm hay phải bỏ, thủy thủ đoàn sẽ bơi vào bờ, cố gắng trốn thoát với nhân thân mới và liên lạc với lực lượng kháng chiến Pháp.

Nhiệm vụ của X23 rõ ràng là rất nguy hiểm. 20 phút trước H-Hour, chiếc tàu ngầm này và người anh em của nó – chiếc X20 nằm cách đó 32km xuôi theo bờ biển, đối diện ngôi làng nhỏ Hamel – sẽ táo bạo nổi lên mặt nước để làm nhiệm vụ chỉ đường, đánh dấu chính xác giới hạn khu đổ bộ của quân Anh – Canada: 3 bãi biển được đặt tên Sword, Juno và Gold.

Kế hoạch mà họ phải thực hiện khá phức tạp và tỉ mỉ. Một thiết bị phát sóng vô tuyến sẽ liên tục truyền tín hiệu ngay khi họ nổi lên. Cùng thời gian, máy phát sonar sẽ tự động truyền sóng âm dưới nước để các thiết bị nhận có thể thu được. Đội tàu chở quân Anh và Canada sẽ dựa vào một hoặc cả hai tín hiệu đó.

Mỗi chiếc tàu cũng được trang bị ống kính tiềm vọng cao 5,5m, gắn đèn chiếu sáng nhỏ nhưng mạnh, sẽ tạo ra luồng sáng có thể quan sát từ khoảng cách 8km. Nếu luồng sáng màu xanh, có nghĩa là tàu ngầm đã vào vị trí; ngược lại, ánh sáng sẽ là đỏ.

Bổ sung vào các biện pháp dẫn đường, theo kế hoạch mỗi tàu sẽ thả một xuồng cao su được neo cố định do một thủy thủ điều khiển và cho phép nó giữ cố định hướng thẳng với bờ. Những chiếc xuồng được gắn thêm đèn chiếu do thủy thủ điều khiển. Dựa vào luồng sáng của tàu ngầm và xuồng, các tàu sẽ xác định được vị trí chính xác của bãi đổ quân.

Không được phép quên điều gì, kể cả mối nguy là chiếc tàu ngầm nhỏ có thể bị một tàu đổ bộ kênh cang nào đó va phải. Để bảo vệ, chiếc X23 được đánh dấu rõ ràng bằng một lá cờ vàng lớn. Vấn đề không buông tha Honour là lá cờ cũng sẽ biến họ thành mục tiêu tốt cho bọn Đức. Ấy thế mà, anh vẫn dự định treo lá cờ thứ hai, lá cờ trắng “lau bụi chiến trận” (“battle duster”) của Hải quân. Honour và thủy thủ đoàn chuẩn bị sẵn sàng hứng chịu hỏa lực địch, nhưng họ sẽ không có cơ hội nào ngoài việc bị nghiền nát và đánh chìm.

Tất cả đồ dùng cá nhân và nhiều thứ nữa đã được xếp vào lòng chiếc X23 chật cứng. Hai thủy thủ đều là nhân viên hàng hải được bổ sung cho thủy thủ đoàn 3 người thông thường. Giờ không có chỗ để đứng hay ngồi trong khoang chung duy nhất chỉ cao 1,65m, rộng 1,5m và dài gần 2,4m. Rất nóng và ngột ngạt, áp suất sẽ còn trở nên tệ hơn cho tới trước khi họ mạo hiểm nổi lên, việc sẽ không được tiến hành cho tới khi trời tối.

Honour biết rằng vào ban ngày, kể cả ở vùng nước nông này lúc nào họ cũng có thể bị phát hiện bởi máy bay trinh sát hay tàu tuần tiễu – và càng ở lâu, nguy hiểm càng tăng.

Qua kính tiềm vọng, Đại úy Lyne nhìn quanh các hướng. Anh nhanh chóng nhận ra những điểm mốc: ngọn hải đăng Ouistreham, nhà thờ thị trấn và hai ngọn tháp ở làng Langrune và St. Aubin-sur-Mer cách đó vài km. Honour nói đúng. Họ gần như đã “ngắm vào đúng mục tiêu”, vừa vặn 120m từ vị trí đặc biệt này.

Honour thấy nhẹ nhõm khi đã vào gần như thế. Đó là một hành trình dài đầy khổ sở. Họ đã vượt qua 145km từ Portsmouth trong suốt 2 ngày, và phần lớn thời gian phải di chuyển qua những bãi mìn. Giờ họ đã vào vị trí và lặn xuống đáy. “Cuộc hành quân Gambit” đã khởi đầu tốt đẹp. Anh ước thầm rằng người ta đã chọn một mật danh khác. Mặc dù không mê tín, nhưng khi tìm hiểu ý nghĩa từ này người thuyền trưởng trẻ tuổi vẫn bị sốc khi khám phá ra “gambit” có nghĩa là “thí tốt”.

Honour quan sát lần cuối đám lính Đức làm việc trên bãi biển qua kính tiềm vọng. Địa ngục sẽ đổ xuống những bãi biển này vào giờ này ngày mai, anh nghĩ. “Hạ kính xuống”, anh ra lệnh. Lặn xuống và ngừng liên lạc vô tuyến với căn cứ, Honour cùng thủy thủ đoàn X23 không biết cuộc đổ bộ đã bị hoãn.

Đến 11:00 sáng gió trên Eo biển vẫn thổi mạnh. Trong các khu vực bờ biển cấm ở Anh, cách biệt với những người dân khác của đất nước, lực lượng đổ bộ đang chờ đợi. Thế giới của họ hôm nay là các khu vực tập kết, các sân bay và những chiếc tàu. Có vẻ họ bị chia cắt gần như hoàn toàn với đất liền – để theo kịp sự khác nhau giữa thế giới thân quen ở Anh và thế giới xa lạ ở Normandy. Họ biết việc ngăn cách này nhằm đảm bảo an ninh.

Ở phía kia cuộc sống vẫn diễn ra bình thường. Người dân tiếp tục những

công việc thường lệ mà không biết rằng hàng trăm ngàn binh sĩ đang chờ đợi mệnh lệnh sẽ đánh dấu sự bắt đầu của việc kết thúc Thế chiến II.

Trong thị trấn Leatherhead, Surrey, một giáo viên vật lý mảnh khảnh 54 tuổi đang dắt chó đi dạo. Leonard Sidney Dawe là kiểu người trầm tính, khiêm tốn ngoài một nhóm bạn ra thì chẳng ai biết đến ông. Giờ đây ông Dawe về hưu đang tận hưởng thú vui còn hơn cả ngôi sao điện ảnh. Mỗi ngày hơn 1 triệu người nỗ lực giải những ô chữ mà ông và người bạn Melville Jones, một giáo viên khác chuẩn bị cho tờ London Daily Telegraph ra hàng sáng.

Dawe có thâm niên sáng tác cho Telegraph và trong thời gian đó những ô chữ phức tạp, khó nhằn đã làm đau đầu và cả thoả mãn cho vô số người. Một số người say mê đòi hỏi chúng phải khó hơn, nhưng các fan của Dawe nhanh chóng chỉ ra rằng ô chữ không bao giờ lặp lại đến lần thứ hai. Đó là niềm tự hào đáng kể của ông Dawe kín đáo.

Dawe sẽ ngạc nhiên nếu biết từ ngày 2 tháng 5 ông đã trở thành mục tiêu của cuộc điều tra bí mật nhất do một bộ phận của Scotland Yard phối hợp với cơ quan phản gián MI5. Trong vòng 1 tháng những ô chữ của ông đã gieo hết hoang mang này tới hoang mang khác cho nhiều cơ quan của Bộ Tổng tư lệnh Đồng minh.

Chính buổi sáng chủ nhật này, MI5 quyết định đến nói chuyện với Dawe. Khi về nhà ông thấy hai người đàn ông đang chờ sẵn. Dawe cũng như mọi người đã được nghe về MI5, nhưng họ muốn gì ở ông?

“Ông Dawe”, một người nói và cuộc hỏi cung bắt đầu, “trong tháng vừa rồi một số mật ngữ quan trọng liên quan tới hoạt động của Đồng minh đã xuất hiện trên tờ Telegraph. Ông có thể cho biết điều gì khiến ông sử dụng chúng – hay ông lấy chúng từ đâu?”

Trước khi ông Dawe đang ngạc nhiên có thể trả lời, nhân viên MI5 rút trong

ví ra một danh sách và nói: “Chúng tôi đặc biệt quan tâm tới việc làm thế nào mà ông lại lựa chọn những từ này”. Anh ta chỉ vào danh sách. Ô chữ có thưởng trên tờ Telegraph ngày 27 tháng 5 có một gợi ý (hàng ngang 11), “Nhưng vài nhân vật quan trọng như vậy đôi khi đạt được điều đó bằng mưu mẹo”. Lời gợi ý bí ẩn liên quan đến thuật giả kim xa lạ này rất có ý nghĩa với những người đang chăm chú theo dõi ông. Đáp án công bố chỉ 2 ngày trước, ngày 2 tháng 6 là mật danh của toàn bộ chiến dịch tấn công - “Overlord”.

Dawe không biết họ đang nói đến hoạt động nào của Đồng minh, do vậy ông không lo sợ hay bực mình vì những câu hỏi này. Ông nói với họ, không thể giải thích đơn giản là vì sao hay làm thế nào mà ông chọn chính từ đó. Ông chỉ ra rằng nó là một từ thông dụng trong các sách lịch sử. “Nhưng làm sao mà tôi nói được là cái gì đang được dùng làm mật mã và cái gì không?”, ông quả quyết.

Hai nhân viên MI5 tỏ ra lịch sự: họ đồng ý là khó. Nhưng không lạ hay sao khi tất cả những mật mã đó xuất hiện trong cùng một tháng?

Họ dò từng từ một trong danh sách với vị giáo viên mảnh khảnh đeo kính. Ở ô chữ ngày 2 tháng 5 gợi ý “Một bang của nước Mỹ” (dòng 17) cho đáp án “Utah”. Đáp án cho cột 3, “Người da đỏ ở Missouri” ngày 22 tháng 5 là “Omaha”.

Ô chữ ngày 30 tháng 5 (dòng 11), “Loại cây bụi này là trung tâm của cuộc cách mạng về ươm giống” cho ra từ “Mulberry” (cây dâu tằm) – mật danh của hai cảng nhân tạo sẽ được đặt ở bãi biển. Và đáp án cho cột 15 ngày 1 tháng 6, “Britannia và người này cùng mang một thứ” là “Neptune” – mật danh của các cuộc hành quân trên biển.

Dawe không biết giải thích thế nào. Tất cả những gì ông biết, Dawe nói, là các ô chữ trong danh sách này đã được hoàn thành từ 6 tháng trước. Vậy

giải thích thế nào? Ông chỉ có thể đưa ra một điều: sự trùng hợp lạ lùng.

* Còn có những trường hợp ớn lạnh khác. Ba tháng trước ở bưu điện trung tâm Chicago, một bưu phẩm lớn gói không đúng cách đã bị bục, để rơi ra trên bàn một số tài liệu đáng ngờ. Ít nhất một tá nhân viên đã kịp nhìn thấy nội dung: những thứ liên quan đến một chiến dịch mang tên Overlord.

Các nhân viên tình báo nhanh chóng xem xét toàn bộ vụ việc. Những nhân viên bưu điện bị tra hỏi và được yêu cầu quên đi tất cả những gì họ đã thấy. Tiếp đó người nhận đã bị thẩm vấn: một cô gái hoàn toàn vô tội. Cô không thể giải thích vì sao những giấy tờ đó lại được chuyển đến cho mình, nhưng cô nhận ra nét chữ viết tay trên phong bì. Qua đó lai lịch các giấy tờ này đã được dò ra, một hạ sĩ cũng vô tội ở bộ chỉ huy Mỹ tại London. Anh ta đã để sai địa chỉ trên phong bì. Do lỗi này mà anh ta đã gửi chúng đến cho em gái mình ở Chicago – TG.

Những tai nạn nhỏ kiểu này có thể đã gây hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều khi Bộ Tổng tư lệnh biết rằng cơ quan tình báo Đức - Abwehr đã khám phá ra ý nghĩa của mật danh “Overlord”. Một trong những điệp viên của họ, một người Albania tên Diello nhưng thường được Abwehr biết đến với cái tên “Cicero”, đã gửi tin cho Berlin vào tháng 1. Ban đầu Cicero xác định kế hoạch là “Overlock”, nhưng sau đã sửa lại. Và Berlin tin tưởng Cicero – anh ta phục vụ trong sứ quán Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Tuy nhiên Cicero không khám phá được bí mật lớn của Overlord: thời gian và địa điểm của D-Day. Do đó biện pháp phòng vệ được tiến hành nghiêm ngặt đến mức vào cuối tháng 4 cũng chỉ có vài trăm sĩ quan Đồng minh biết điều đó. Nhưng vào tháng đó, bất chấp những cảnh báo của cơ quan phản gián rằng điệp viên đang hoạt động ở Anh, 2 sĩ quan cao cấp, một viên tướng Mỹ và một đại tá Anh đã bất cẩn vi phạm quy định an ninh. Trong một bữa tiệc

cocktail ở khách sạn Claridge, vị tướng Mỹ nói cho vài sĩ quan thân quen rằng cuộc đổ bộ sẽ diễn ra trước ngày 15 tháng 6. Ở một nơi khác trên nước Anh, vị đại tá tiểu đoàn trưởng còn để lộ nhiều hơn. Ông ta cho mấy người bạn dân sự biết đơn vị của mình đang luyện tập để đánh chiếm một mục tiêu đặc biệt và lờ mờ nói rằng địa điểm là ở Normandy. Cả hai vị sĩ quan đều bị hạ cấp và cách chức.

* Mặc dù vị tướng đó là đồng môn của Đại tướng Eisenhower ở West Point, ông vẫn không thể làm gì khác ngoài việc gửi trả ông ta về. Sau D-Day trường hợp của viên tướng này được đưa ra công khai và sau đó ông về hưu với quân hàm đại tá. Không có ghi chép nào cho thấy tổng hành dinh của Eisenhower đã ít ra là được nghe về sơ xuất của vị đại tá Anh. Nó đã được xử lý trong im lặng bởi các cấp trên của ông ta. Vị này sau đó còn trở thành đại biểu quốc hội – TG.

Và bây giờ, trong ngày Chủ nhật căng thẳng này, 4 tháng 6, Tổng hành dinh đang choáng váng bởi một sự rò rỉ tin tức tồi tệ nhất từ trước đến nay. Trong đêm một nhân viên điện báo của AP đang tập gõ trên một máy bỏ không. Do sai sót, băng đục lỗ ghi lại buổi tập “khẩn” của cô ta đã được đưa vào thông cáo thường lệ buổi tối của Nga. Nó được sửa chữa chỉ trong 30 giây, nhưng tin tức đã lọt ra. Bản tin được chuyển đến Mỹ viết “KHẨN CẤP PRESS ASSOCIATED NYK TIN NÓNG SỞ CHỈ HUY CỦA EISENHOWER THÔNG BÁO VỀ CUỘC ĐỔ BỘ CỦA ĐỒNG MINH LÊN PHÁP” (“URGENT PRESS ASSOCIATED NYK FLASH EISENHOWER'S HQ ANNOUNCED ALLIED LANDINGS IN FRANCE.”)

Hậu quả của tin này xem ra cực kỳ nghiêm trọng, đã quá trễ để có thể làm gì. Cỗ máy khổng lồ của cuộc đổ bộ đã vào vòng quay cao nhất. Giờ đây, khi từng giờ trôi đi và thời tiết vẫn tiếp tục xấu, lực lượng đường không và đường biển hùng hậu nhất từ trước đến giờ đã tập hợp chờ đợi quyết định của Eisenhower. Ike có chọn ngày 6 tháng 6 là D-Day? Hay ông sẽ bắt buộc phải hoãn cuộc đổ bộ một lần nữa do thời tiết xấu trên Eo biển, xấu nhất trong 20

năm qua?

Trong khu rừng mưa như trút cách sở chỉ huy Hải quân ở toà nhà Southwick 3,2km, người Mỹ sẽ phải đưa ra quyết định vĩ đại đó đang đấu tranh tư tưởng và cố thủ giằng trong chiếc toa xe kéo 3 tấn rưỡi lèo tèo vài thứ đồ đạc. Mặc dù có thể chuyển sang một toa xe kéo khác. Mặc dù có thể chuyển sang trụ sở ở toà nhà lớn Southwick tiện nghi hơn, Eisenhower đã không làm như vậy. Khi binh lính lên tàu, ông muốn ở càng gần cảng càng tốt. Mấy ngày trước Eisenhower đã cho lập một sở chỉ huy dã chiến nhẹ - vài căn lều cho họp hành và mấy toa xe kéo, trong đó có toa mà từ lâu ông vẫn gọi là “cái rạp hát di động của tôi”.

Toa xe của Eisenhower dài và thấp giống một chiếc xe tải, có 3 khoang được dùng làm phòng ngủ, phòng khách và phòng làm việc. Ngoài ra, đặt ngay ngắn dọc theo chiều dài là một cái bếp nhỏ, một trạm điện thoại mini, một bồn cầu khử bằng hoá chất và cuối cùng một khung cửa kính. Nhưng Tổng tư lệnh hiếm khi ở đây đủ lâu để dùng hết những tiện nghi này. Ông hầu như không sử dụng phòng khách hay phòng làm việc; các cuộc họp thường được tổ chức trong một căn lều gần đó. Chỉ phòng ngủ là trông có vẻ “có người ở”. Nó rõ ràng là của ông: một chồng sách phương Tây bìa mềm đặt trên chiếc bàn gần giường ngủ, cũng trên đó là những bức hình duy nhất - ảnh của vợ ông, Mamie và người con trai 21 tuổi John trong bộ quân phục học viên West Point.

Từ toa xe này Eisenhower chỉ huy gần 3 triệu quân Đồng minh. Hơn một nửa trong số đó là lính Mỹ: gần 1,7 triệu binh sĩ, thủy thủ, không quân và phòng vệ bờ biển. Lính Anh và Canada cộng lại khoảng 1 triệu người và ngoài ra còn các đơn vị Pháp, Ba Lan, Tiệp Khắc, Bỉ, Na Uy và Hà Lan. Chưa bao giờ một người Mỹ chỉ huy nhiều quân của nhiều quốc gia và mang trên vai trọng trách vĩ đại như thế.

Mặc dù có quyền hạn và chức vụ lớn như vậy, không có gì về con người cao,

rám nắng với nụ cười tươi đến từ vùng Midwestern này cho thấy ông là Tổng tư lệnh. Không giống những chỉ huy nổi tiếng khác của Đồng minh, những người có thể nhận ra ngay nhờ dấu hiệu riêng như chiếc mũ kì quái hay bộ quân phục sặc sỡ đính huy chương lên đến tận vai, mọi thứ về Eisenhower đều bị bỏ đi. Ngoài 4 ngôi sao trên quân hàm, một dây lưng vắt chéo trước ngực và phù hiệu thanh kiếm trên nền ngọn lửa của SHAEF (Supreme Headquarters Allied Expeditionary Force – Bộ Tổng tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Đồng minh), Eisenhower bỏ hết những dấu hiệu nhận biết khác. Ngay cả trong toa xe cũng có rất ít bằng chứng về quyền hạn của ông: không cờ, bản đồ, chỉ thị hoặc những bức ảnh có kí tên của những nhân vật tầm cỡ hay gần gũi tầm cỡ thường viếng thăm ông. Nhưng trong phòng ngủ, gần chiếc giường là 3 máy điện thoại tối quan trọng, mỗi chiếc một màu: đỏ cho những cuộc gọi “khẩn” về Washington, xanh lá cây là đường liên lạc trực tiếp với tư gia của Winston Churchill ở số 10 phố Downing, London, và đen để liên lạc với vị tham mưu trưởng xuất sắc, Thiếu tướng Walter Bedell Smith ở tổng hành dinh hiện thời cùng các thành viên cao cấp khác thuộc Bộ Tổng tư lệnh.



*Đại tướng (sau này là Đại tướng 5 sao) Dwight D. Eisenhower, Tổng tư lệnh
Lực lượng Viễn chinh Đồng minh.*

Chính chiếc điện thoại đen này đã bổ sung thêm vào những lo âu khác của ông, khi Eisenhower nghe tin báo “khẩn” sai lạc về “những cuộc đổ bộ”. Ông im lặng khi được biết. Sĩ quan phụ tá hải quân, Đại tá Harry C. Butcher nhớ lại rằng Tổng tư lệnh chỉ đơn thuần là nói cảm ơn. Biết nói gì hay làm gì bây giờ?

Bốn tháng trước, khi chỉ định ông vào vai trò Tổng Tư lệnh, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân ở Washington đã giải thích rõ ràng trong một đoạn của quyết định bổ nhiệm. Nó viết: “Ông sẽ tiến vào lục địa châu Âu, và kết hợp với các quốc gia Đồng minh khác, đảm trách các chiến dịch nhằm vào trái tim của nước Đức và tiêu diệt các lực lượng vũ trang của nó “

Câu này cho biết mục tiêu và ý định của cuộc tấn công. Nhưng đối với toàn thế giới Đồng minh nó còn nhiều hơn một chiến dịch quân sự. Eisenhower gọi đây là “cuộc thập tự chinh vĩ đại” – cuộc thập tự chinh để xóa sổ một lần và mãi mãi chế độ tàn bạo đã đẩy thế giới vào cuộc chiến tranh đẫm máu nhất, đã gieo rắc tai họa lên lục địa và đặt ách nô lệ lên 300 triệu người (thực tế, thời điểm đó không ai có thể tưởng tượng được quy mô tội ác mà chế độ Quốc xã đã gây ra ở châu Âu – hàng triệu người đã biến mất trong những căn phòng hơi ngạt và những lò thiêu của Heinrich Himmler, hàng triệu người đã bị lừa khỏi đất nước để lao động như nô lệ, một số lớn sẽ không bao giờ trở lại, hàng triệu người đã bị tra tấn đến chết, bị hành quyết hay chết đơn giản bởi nạn đói). Mục tiêu bất biến của cuộc thập tự chinh vĩ đại này không chỉ là kết thúc chiến tranh mà còn là tiêu diệt chế độ Quốc xã và chấm dứt một giai đoạn khủng khiếp nhất trong lịch sử thế giới.

Nhưng trước tiên cuộc đổ bộ phải thành công đã. Nếu thất bại, sẽ phải mất nhiều năm nữa mới đánh bại được nước Đức.

Để chuẩn bị cho cuộc tấn công tổng lực phụ thuộc vào quá nhiều yếu tố này, người ta đã tiến hành xây dựng kế hoạch trong hơn 1 năm. Từ lâu trước khi Eisenhower được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh, một nhóm sĩ quan Anh – Mỹ dưới quyền Trung tướng Anh Sir Frederick Morgan đã xây dựng cơ sở cho cuộc tấn công. Vấn đề của họ phức tạp đến khó tin – không có dẫn dắt nào, không có tiền lệ nào, nhưng có hàng đồng dấu chấm hỏi? Cuộc tấn công sẽ được tiến hành vào lúc nào và ở đâu? Cần sử dụng bao nhiêu sư đoàn? Nếu cần X sư đoàn, họ có thể được huấn luyện và sẵn sàng đi vào ngày Y không? Cần sử dụng bao nhiêu phương tiện chuyên chở? Pháo kích của hải quân, tàu

yểm trợ và hộ tống sẽ thế nào? Các tàu đổ bộ sẽ xuất phát từ đâu – có thể cho một số chuyển hướng từ mặt trận Thái Bình Dương và Địa Trung Hải không? Cần có bao nhiêu sân bay để đảm bảo cho hàng nghìn máy bay tham gia? Cần bao nhiêu thời gian để dự trữ đủ đồ tiếp tế, trang thiết bị, súng pháo, đạn dược, phương tiện vận tải và thực phẩm, và khối lượng cần dự trữ là bao nhiêu, không chỉ cho cuộc tấn công và cho cả các hoạt động sau đó?



Trung tướng Sir Frederick Edgeworth Morgan, Phó tổng tham mưu trưởng phụ trách tình báo và tác chiến Bộ Tổng tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Đồng minh.

Đây mới chỉ là một vài trong số những câu hỏi khó khăn mà các nhà hoạch định kế hoạch của Đồng minh phải trả lời. Còn có hàng ngàn câu khác. Rốt cục, các nghiên cứu của họ được mở rộng và chỉnh sửa để trở thành kế hoạch chung Overlord sau khi Eisenhower nắm quyền chỉ huy, yêu cầu thêm quân, thêm tàu, thêm máy bay, thêm trang bị và vật lực với số lượng kỉ lục từng được huy động cho một chiến dịch quân sự.

Công trình quả là khổng lồ. Ngay cả khi kế hoạch chưa hoàn thành, dòng người và vật chất chưa từng thấy đã bắt đầu ùn ùn đổ vào Anh. Trong nhiều thị trấn và ngôi làng, người Mỹ đông đến mức thường xuyên áp đảo số lượng dân Anh sống ở đây. Những rạp chiếu phim, khách sạn, nhà hàng, sàn nhảy và quán rượu yêu thích của họ bỗng nhiên bị tràn ngập bởi những người lính đến từ khắp các quốc gia trong liên minh.

Sân bay mọc lên khắp nơi. Để phục vụ cho chiến dịch đường không vĩ đại, 163 căn cứ được xây dựng bổ sung cho số đã có, đến khi chúng nhiều tới mức xuất hiện một câu đùa phổ biến trong các phi công của Tập đoàn Không quân 8 và 9 là có thể cho máy bay chạy trên cả chiều dài và chiều rộng của hòn đảo mà không sợ va quệt. Các bến cảng đầy ứ. Một hạm đội yểm trợ gồm gần 900 tàu, từ các thiết giáp hạm đến các tàu phóng lôi bắt đầu tập trung. Các đoàn tiếp tế đến với số lượng lớn đến mức tới mùa xuân họ đã chuyển gần 2 triệu tấn hàng và nhu yếu phẩm – hơn 270km đường sắt mới đã được xây dựng để vận chuyển chúng.

Đến tháng 5 miền nam nước Anh trông giống như một kho vũ khí khổng lồ. Giấu mình trong các khu rừng là hàng núi đạn dược. Trải khắp các cánh đồng, xe tăng, half-track, xe bọc thép, xe tải, xe jeep và xe cứu thương nối đuôi nhau - hơn 50.000 chiếc. Trên mặt đất là hàng dài những khẩu pháo hay cao xạ, một khối lượng lớn vật chất được chuẩn bị sẵn, từ nhà gỗ Nissen đến đường băng, và kho lớn những thiết bị xây dựng từ máy ủi đến máy xúc. Ở các kho chính chất đầy thực phẩm, quân nhu và thuốc men, từ những viên

thuốc chống say sóng cho đến 124.000 giường bệnh. Nhưng cảnh tượng kinh ngạc nhất là những thung lũng với hàng dài đường xe lửa: gần 1.000 đầu máy mới tinh và gần 20.000 toa chở dầu, chở hàng sẽ được sử dụng sau khi đầu cầu được thiết lập để thay thế các thiết bị của Pháp bị phá huỷ.

Có cả những dụng cụ chiến tranh mới. Đó là những xe tăng có thể bơi, một số mang những cuộn tấm lát lớn sử dụng khi gặp hào chống tăng hay vượt tường, một số khác lại được trang bị con lăn với gai nhọn cày đất phía trước để phá mìn. Có những chiếc tàu bệ, hình hộp dài mang theo một rừng ống sẽ được dùng để bắn đi thứ vũ khí mới nhất, rocket. Có lẽ lạ nhất là 2 cảng nhân tạo sẽ được kéo tới bờ biển Normandy. Chúng là những kì công kỹ thuật và một trong những bí mật của Overlord; chúng sẽ đảm bảo dòng cung cấp người và hàng hoá không đứt đoạn trong những tuần then chốt đầu tiên, cho đến khi đánh chiếm được một hải cảng nào đó. Các cảng nhân tạo này được gọi là “Mulberry”, trước tiên gồm một đê chắn sóng ngoài làm bằng các phao thép. Tiếp đó 145 khối bê tông lớn với nhiều kích cỡ khác nhau sẽ lần lượt được đánh chìm tạo thành đê chắn sóng bên trong. Khối lớn nhất có cả doanh trại và pháo cao xạ, sau khi được lắp đặt sẽ giống như một toà nhà 5 tầng nằm trên. Trong những cảng nhân tạo này các tàu lớn kiểu Liberty có thể ra vào để chuyển hàng lên bãi biển. Các tàu nhỏ hơn như tàu buôn hay tàu đổ bộ có thể đưa hàng xuống tại những cầu cảng lớn bằng thép, từ đó xe tải chuyển vào bờ qua cầu phao. Bên ngoài cảng Mulberry, một hàng 60 khối bê tông được đánh chìm làm đê chắn sóng bổ sung. Khi vào vị trí trên bờ biển Normandy, mỗi cảng này sẽ có quy mô ngang với cảng Dover.

Trong tháng 5 người và hàng bắt đầu được chuyển xuống cảng và các khu tập kết. Tắc nghẽn là một vấn đề lớn, nhưng bằng cách này hay cách khác, hậu cần, quân cảnh và những người điều hành đường sắt ở Anh đã giữ mọi thứ đúng thời gian và ổn định.

Tàu hoả nối đuôi tràn khắp các tuyến đường chờ đợi để tập trung về bờ biển. Các đoàn xe làm tắc nghẽn mọi con đường. Tất cả làng mạc, thôn xóm bị bao

phủ bởi bụi, và trong những đêm xuân yên tĩnh, miền nam nước Anh bị đánh thức bởi tiếng rì rì của xe tải, tiếng vo vo và lọc cọc của xe tăng và giọng nói không lẫn đi đâu được của người Mỹ, dường như tất cả đều hỏi cùng một câu: “Cái chỗ khi gió ấy còn cách xa bao nhiêu nữa?”

Gần như suốt đêm, những thành phố toàn nhà gỗ Nissen và lều bạt ở vùng duyên hải trở nên sôi động khi binh lính đổ vào khu tập kết. Họ ngủ trong những chiếc giường 3 hay 4 tầng. Nhà tắm và nhà vệ sinh thường ở cách xa và người ta phải xếp hàng. Đôi khi hàng người kéo dài đến 400m. Quân số đông đến mức cần 54.000 người chỉ để phục vụ cho riêng quân đội Mỹ, trong đó có 4.500 đầu bếp mới được huấn luyện. Trong tuần cuối cùng của tháng 5, người và hàng bắt đầu được chuyển lên tàu vận tải và tàu đổ bộ. Thời khắc cuối cùng đã đến.

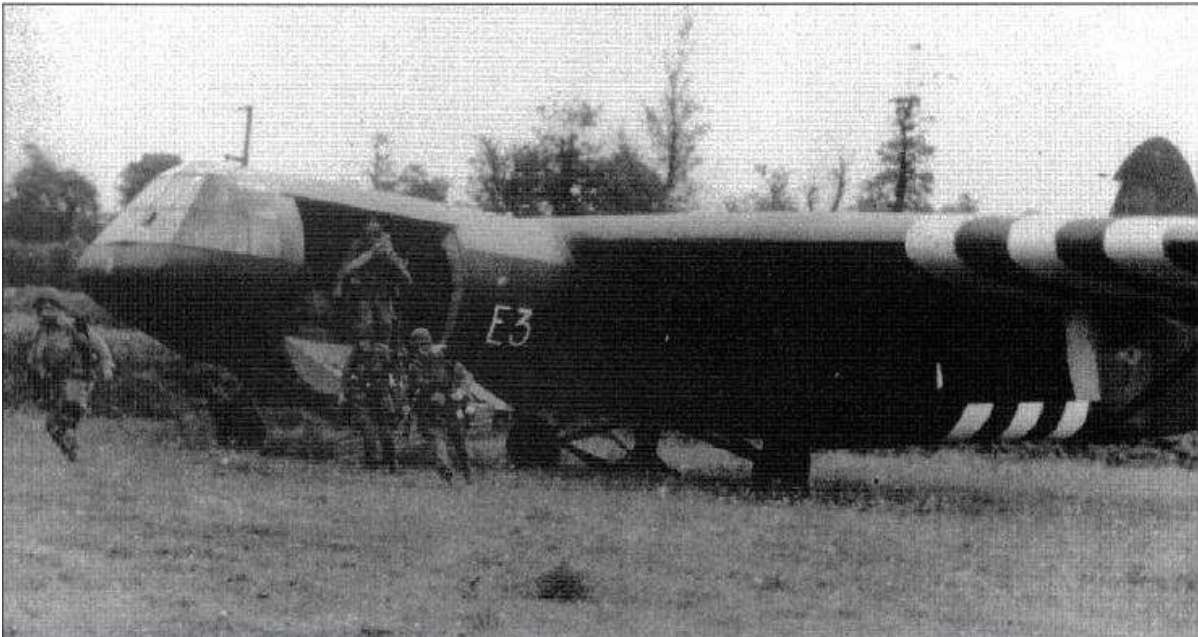
Các số liệu đúng như hình dung; lực lượng này xem ra quá mạnh. Bây giờ thứ vũ khí khổng lồ này – những thanh niên của thế giới tự do, nguồn lực của thế giới tự do – đang chờ quyết định của một người: Eisenhower.

Trong phần lớn ngày 4 tháng 6, Eisenhower ở một mình trong toa xe. Ông và các chỉ huy đã làm tất cả để đảm bảo cơ hội thành công lớn nhất với cái giá phải trả về sinh mạng thấp nhất. Nhưng giờ đây, sau nhiều tháng chuẩn bị cả về chính trị và quân sự, Chiến dịch Overlord đang trông đợi vào yếu tố may mắn. Eisenhower không thể giúp gì; tất cả ông có thể làm là chờ và hy vọng thời tiết sẽ khá hơn. Nhưng bất kể thế nào, ông cũng sẽ phải đưa ra quyết định quan trọng vào cuối ngày hôm đó – tiến hành đổ bộ hay hoãn một lần nữa. Chiến dịch Overlord thành công hay thất bại là phụ thuộc vào quyết định này. Và không ai có thể thay ông. Trọng trách này là của ông và chỉ riêng ông.

Eisenhower đang đối diện với một vấn đề hóc búa. Ngày 17 tháng 5 ông đã quyết định D-Day sẽ là một trong ba ngày của tháng 6 – ngày 5, 6 hoặc 7. Nghiên cứu khí tượng cho thấy vào những ngày đó dự kiến sẽ đạt được 2 điều kiện thời tiết cần thiết cho cuộc đổ bộ ở Normandy: trăng lên muộn và thủy

triều thấp ngay sau bình minh.

Những người sẽ mở màn cuộc tấn công là lính dù và bộ binh đổ bộ bằng tàu lượn - 18.000 quân của Sư đoàn 82, 101 Mỹ và Sư đoàn 6 Anh cần ánh trăng. Nhưng yếu tố bất ngờ phụ thuộc vào việc trời tối cho đến khi họ tới khu vực đổ quân. Do đó yêu cầu quyết định là trăng phải lên muộn.



Lính đổ bộ đường không Mỹ triển khai từ tàu lượn.

Cuộc đổ bộ đường biển phải bắt đầu khi thủy triều xuống đủ thấp để làm lộ ra các vật cản của Rommel trên bãi biển. Thời điểm của cả cuộc đổ bộ sẽ phụ thuộc vào thủy triều. Và để làm phức tạp hơn các tính toán khí tượng, các thế đội đổ bộ sau trong ngày cũng cần thủy triều thấp – và điều đó phải xảy ra trước khi trời tối.

Hai yếu tố quan trọng là trăng và thủy triều đã hạn chế Eisenhower. Yếu tố thủy triều khiến số ngày có thể tấn công trong tháng chỉ còn 6, và 3 trong số đó lại không trăng.

Nhưng đó chưa phải tất cả. Còn rất nhiều thứ nữa mà ông phải cân nhắc.

Trước tiên, tất cả các lực lượng cần thời gian trời sáng kéo dài và tầm nhìn tốt để nhận diện các bãi biển, để hải quân và không quân xác định được mục tiêu và giảm nguy cơ xảy ra va chạm khi 5.000 chiếc tàu bắt đầu cơ động gần như sát bên nhau trong vịnh Seine. Thứ hai, biển phải lặng. Biển động gây nguy hiểm cho hạm đội, say sóng sẽ khiến binh sĩ không làm gì nổi kể cả khi họ đặt chân được lên bờ. Thứ ba, gió nhẹ thổi hướng vào bờ để xua tan khói che khuất mục tiêu. Và cuối cùng, quân Đồng minh cần thêm 3 ngày lặng sau D-Day để dễ dàng tăng cường thêm quân và hậu cần.

Không ai ở Bộ Tổng tư lệnh hy vọng có thời tiết hoàn hảo vào D-Day, kể cả Eisenhower. Ông đã tự mình nghiên cứu cùng các nhân viên khí tượng trong vô số tính toán vô vị, để nhận định và cân nhắc từng yếu tố sẽ cho ông điều kiện tối thiểu chấp nhận được. Nhưng theo các nhân viên khí tượng, cơ hội có một ngày trong tháng 6 thời tiết ở Normandy đạt yêu cầu tối thiểu là 1 trên 10. Trong ngày Chủ nhật mưa bão này, với Eisenhower đang đơn độc trong chiếc toa xe xem xét mọi khả năng, cú đòn này quả là nặng.

Trong 3 ngày có thể đổ bộ được, ông đã chọn ngày 5 để nếu phải hoãn thì có thể mở cuộc tấn công vào ngày 6. Nhưng nếu ra lệnh đổ bộ vào ngày 6 và lại hủy một lần nữa, vấn đề tiếp liệu cho các đoàn tàu đang quay về sẽ khiến ông không thể tấn công vào ngày 7. Từ đó có 2 khả năng khác: hoãn D-Day tới khi có yếu tố thủy triều vào ngày 19 tháng 6; nhưng làm thế, lực lượng đổ bộ đường không sẽ phải tấn công trong bóng tối vì đêm 19 tháng 6 không trăng. Khả năng thứ hai là đợi đến tháng 7, và một sự trì hoãn lâu như vậy, như ông nhớ lại sau này, “quá đáng để tính đến”.

Ý nghĩ phải hủy cuộc đổ bộ đáng sợ tới mức thậm chí nhiều chỉ huy thậm trọng nhất của Eisenhower cũng chuẩn bị để mạo hiểm tấn công vào ngày 8 hay 9. Họ không thấy làm cách nào mà hơn 200.000 người trên tàu, trong các khu tập kết và ở các sân bay - phần lớn đã được phổ biến có thể được giữ tách biệt và kiểm chế hàng tuần mà không để lộ bí mật. Kể cả khi an ninh được bảo đảm suốt giai đoạn đó, chắc chắn máy bay trinh sát của Luftwaffe

cũng sẽ phát hiện hạm đội khổng lồ này (nếu hiện tại chúng vẫn còn chưa phát hiện), hoặc các điệp viên Đức bằng cách nào đó sẽ dò ra. Đối với tất cả, viễn cảnh về một sự trì hoãn thật sự đen tối. Nhưng Eisenhower sẽ phải đưa ra quyết định.

Trong ánh sáng mờ của chiều muộn, Tổng tư lệnh thỉnh thoảng lại bước ra cửa và nhìn chăm chăm lên những ngọn cây nghiêng ngả vì gió trên nền mây bao phủ bầu trời. Vào những lúc khác ông đi loanh quanh, hút thuốc lá liên tục, đá những đám tro than trên con đường nhỏ - dáng người cao, vai khom, tay dứt sâu vào túi.

Trong những chuyến tản bộ một mình ấy Eisenhower dường như sợ gặp người khác, nhưng buổi chiều ông để ý đến một trong 4 phóng viên được cử đến trực ở sở chỉ huy – Merrill “Red” Mueller của NBC. “Ta đi dạo nào, Red”, Ike đột ngột nói, và không chờ Mueller ông bước đi với vẻ nhanh nhẹn thường thấy, tay dứt túi. Người phóng viên hối hả chạy theo khi ông biến mất vào khu rừng.

Đó là một cuộc đi dạo yên lặng, lạ lùng. Ike hoàn toàn không nói một lời. “Ike dường như bị những suy tư xâm chiếm hoàn toàn”, Mueller nhớ lại, “Ông gần như quên mất có tôi đi cùng”. Có rất nhiều câu hỏi Mueller muốn đặt cho Tổng tư lệnh nhưng anh không làm thế; anh cảm thấy không thể quấy rầy.

Khi họ quay lại trại và Eisenhower nói tạm biệt, người phóng viên dõi theo ông leo lên chiếc thang nhôm nhỏ dẫn vào toa xe. Vào giây phút đó đối với Mueller dường như Eisenhower “bị đè nặng bởi những lo lắng... như là mỗi ngôi sao trên vai ông nặng đến cả tấn”.

Ngay trước 9:30 tối hôm đó, các chỉ huy cao cấp của Eisenhower và sĩ quan tham mưu của họ tập trung trong thư viện của toà nhà Southwick. Đó là một căn phòng lớn tiện nghi với một chiếc bàn phủ khăn xanh, mấy chiếc ghế thoải mái và hai chiếc xôpha. Những kệ sách bằng gỗ sồi màu tối xếp ở 3

cạnh tường, nhưng chỉ có vài cuốn sách trên giá và căn phòng nhìn rất trống trải. Cửa sổ treo những tấm màn dày treo và trong tối nay chúng bị bóp nghẹt bởi tiếng mưa rơi lộp bộp và tiếng gió thổi.

Các sĩ quan tham mưu đứng thành từng nhóm nhỏ trong phòng, khe khẽ thảo luận. Gần lò sưởi, tham mưu trưởng của Eisenhower, Thiếu tướng Walter Bedell Smith trao đổi với Phó tổng tư lệnh, Đại tướng Không lực ** Tedder ngâm tẩu thuốc. Ngồi bên cạnh là Tư lệnh Hải quân Đồng minh, Đô đốc Ramsay nóng tính và cạnh đó là Tư lệnh Không quân Đồng minh, Đại tướng Không lực Leigh-Mallory. Chỉ có một người ăn mặc giản dị, tướng Smith nhớ lại. Montgomery nóng nảy, người sẽ chỉ huy cuộc tấn công D-Day, với chiếc quần nhung rộng và áo len cao cổ. Đó là những người sẽ truyền lệnh tấn công khi Eisenhower quyết định tiến hành cuộc đổ bộ. Lúc này họ cùng các sĩ quan tham mưu – tổng cộng 12 chỉ huy cao cấp trong phòng – đang chờ Tổng tư lệnh đến và cuộc họp then chốt này sẽ bắt đầu vào 9:30. Lúc đó họ sẽ nghe dự báo thời tiết của bộ phận khí tượng.

** Trong nguyên bản tiếng Anh: Air Chief Marshal, tương đương Đại tướng - Chiangshan.



Bộ Tổng tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Đồng minh (SHAEF) - Từ trái qua phải, hàng đứng: Trung tướng (sau này là Đại tướng 5 sao) Omar Bradley - Tư lệnh Tập đoàn quân 1 Mỹ; Đô đốc Sir Bertram Ramsay - Tư lệnh Hải quân; Đại tướng Không lực Sir Trafford Leigh-Mallory - Tư lệnh Không quân; Thiếu tướng (sau này là Đại tướng) Walter Bedell Smith - Tham mưu trưởng. Hàng ngồi: Đại tướng Không lực (sau này là Thống chế) Sir Arthur Tedder - Phó Tổng tư lệnh; Đại tướng (sau này là Đại tướng 5 sao) Dwight D. Eisenhower, Tổng tư lệnh; Đại tướng (sau này là Thống chế) Sir Bernard Montgomery - Tư lệnh Cụm Tập đoàn quân 21 (toàn bộ lực quân Đồng minh).

Chính xác lúc 9:30, cửa phòng bật mở và Eisenhower trong bộ quân phục ngay ngắn màu xanh sẫm sải bước vào. Ông thoáng cười khi chào hỏi những

người bạn cũ, nhưng về lo âu nhanh chóng trở lại trên khuôn mặt lúc cuộc họp bắt đầu. Không cần mào đầu; mọi người đều biết tầm quan trọng của quyết định được đưa ra. Do vậy gần như ngay lập tức, 3 sĩ quan Khí tượng cao cấp của Chiến dịch Overlord bước vào, dẫn đầu bởi Đại tá J.N Stagg thuộc Không quân Hoàng gia.

Căn phòng im lặng khi Stagg bắt đầu tóm tắt tình hình. Ông nhanh chóng phác thảo bức tranh thời tiết 24 giờ qua rồi khẽ nói: “Thưa các vị... tình hình đã có vài tiến triển mau lẹ và bất ngờ...”. Tất cả dõi theo Stagg, khi ông gieo cho Eisenhower và các vị chỉ huy đang lo lắng một tia hy vọng mong manh.

Một phong thời tiết mới đã được quan sát thấy, nó sẽ di chuyển vào Eo biển trong vài giờ tới và từng bước làm quang đãng khu vực đổ bộ. Điều kiện thuận lợi sẽ kéo dài suốt ngày hôm sau và tiếp tục trong sáng 6 tháng 6. Sau đó thời tiết sẽ xấu trở lại. Trong giai đoạn hứa hẹn thời tiết đẹp này, gió sẽ giảm đáng kể và bầu trời sẽ quang đãng – ít nhất đủ cho máy bay ném bom hoạt động trong đêm ngày 5 tới sáng ngày 6. Đến trưa mây sẽ dày hơn và trời sẽ lại trở nên mù. Nói ngắn gọn, những gì Eisenhower được nghe là một giai đoạn thời tiết tốt hiếm hoi vẫn còn xa mới bằng được yêu cầu tối thiểu sẽ kéo dài chỉ trong có 24 giờ.

Vào lúc Stagg nói xong, ông và 2 nhân viên khí tượng bị cuốn ngay vào một đồng câu hỏi. Họ có tin chắc vào mức độ chính xác của dự báo không? Dự báo của họ có thể sai không? Họ đã kiểm tra báo cáo từ tất cả các nguồn chưa? Liệu thời tiết có khả năng tốt lên trong vài ngày ngay sau ngày 6 không?

Một vài trong số đó vượt quá khả năng của họ. Báo cáo đã được kiểm tra đi kiểm tra lại và họ đang lạc quan nhất có thể về dự báo đó, nhưng luôn có khả năng sự thất thường của thời tiết sẽ khiến nó trở nên sai. Họ cố gắng trả lời trong phạm vi có thể rồi rút lui.

Trong 15 phút sau đó Eisenhower và các chỉ huy của ông suy nghĩ. Yêu cầu phải quyết định gấp làm Đô đốc Ramsay lo lắng. Lực lượng Mỹ đổ bộ vào Omaha và Utah dưới sự chỉ huy của Chuẩn đô đốc A. G Kirk cần phải nhận được lệnh trong nửa giờ nữa nếu Overlord tiến hành vào thứ Ba. Mỗi lo của Ramsay còn được bổ sung thêm bằng vấn đề tiếp liệu; nếu lực lượng đó xuất phát muộn hơn và rồi bị triệu hồi thì sẽ không thể sẵn sàng cho cuộc tấn công vào thứ Tư, ngày 7.

Eisenhower hỏi ý kiến từng người một. Smith cho rằng có thể tiến hành vào ngày 6 – sẽ là một canh bạc nhưng phải được thực hiện. Tedder và Leigh-Mallory đều lo ngại về khả năng hoạt động hiệu quả của không quân kể cả khi tình hình mây được dự báo sẽ khá hơn. Điều đó có nghĩa cuộc tấn công sẽ diễn ra mà không có không quân yểm trợ đầy đủ. Họ cho rằng nó rất “bấp bênh”. Montgomery kiên trì với quyết định mà ông đã có từ buổi tối trước khi D-Day ngày 5 tháng 6 bị hoãn lại. “Tôi bảo, cứ làm đi”, ông nói.

Giờ tới lượt Ike. Lúc này chỉ ông mới đưa ra được quyết định. Im lặng kéo dài khi Eisenhower cân nhắc các khả năng. Tướng Smith theo dõi đã bị ấn tượng bởi sự “cô đơn và tách biệt” của Tổng tư lệnh khi ông ngồi, tay đan vào nhau trước mặt, nhìn xuống bàn. Thời gian trôi đi, có người nói 2 phút, người khác bảo 5. Sau đó Eisenhower, khuôn mặt căng thẳng, nhìn lên và tuyên bố quyết định của mình. Ông nói chậm rãi, “Tôi rất chắc chắn là chúng ta phải ra lệnh... Tôi không thích thế này, nhưng nó là vậy... Tôi không thấy là ta có thể làm gì khác”.

Eisenhower đứng dậy. Ông trông mệt mỏi, nhưng chút ít căng thẳng đã biến mất trên khuôn mặt. Sáu giờ nữa trong cuộc họp ngắn để đánh giá lại thời tiết, ông sẽ giữ và xác nhận lại lựa chọn đó – Thứ Ba, ngày 6 tháng 6 sẽ là D-Day.

Eisenhower và các chỉ huy rời phòng, khẩn trương sắp đặt cuộc tấn công lớn. Sau lưng họ, trong thư viện trống trải, một làn khói xanh lơ lửng trên bàn

hộp, ngọn lửa in hình lên cánh cửa bóng loáng, và trên bề lõm sưởi, kim đồng hồ chỉ 9:45.

Lúc đó là khoảng 10:00 tối khi Binh nhì Arthur B. “Dutch” Schultz của Sư đoàn 82 quyết định ngừng ván bài vớ vẩn; anh chưa bao giờ có nhiều tiền như vậy. Ván bạc đã kéo dài từ lúc cuộc đổ bộ đường không bị huỷ ít nhất 24 giờ trước. Nó bắt đầu sau một căn lều, sau đó di chuyển đến dưới cánh một chiếc máy bay, và bây giờ đã lan ra khắp chiếc hangar đã được sửa lại thành một phòng tập thể lớn. Kể cả ở đây nó cũng được tiến hành giữa lối đi của những dãy giường đôi. Và Dutch là một trong những người ăn đậm nhất.

Anh không rõ mình đã thắng được bao nhiêu. Nhưng anh đoán đồng giấy bạc nhàu nhĩ với dấu hiệu của ngân hàng Anh và dấu màu xanh lá cây – xanh lam nhạt lưu hành cho cuộc đổ bộ lên Pháp đang ôm trong tay này nhiều hơn 2500 đô. Đó là số tiền lớn nhất mà anh từng thấy trong suốt 21 năm sống.

Anh đã chuẩn bị mọi thứ, cả về tinh thần và thể chất cho cuộc nhảy dù. Tín đồ của đủ mọi tôn giáo tập trung trong sân bay buổi sáng và Dutch, một người Công giáo đã tới xưng tội và ban thánh thể. Giờ anh biết chính xác mình sẽ làm gì với số tiền này. Anh nhắm tính sẽ chia chúng ra. Sẽ để lại 1000 đô ở văn phòng quản trị; anh sẽ dùng đến nó khi trở về Anh. 1000 đô khác dự định gửi cho mẹ anh ở San Francisco nhờ bà giữ hộ, nhưng anh muốn bà nhận 500 đô trong đó như một món quà – bà chắc chắn sẽ dùng nó. Dutch có một mục đích đặc biệt cho số còn lại: sẽ dùng nó để chè chén thoải mái khi đơn vị của anh, Trung đoàn 505 tới Paris.

Người lính dù trẻ tuổi cảm thấy ổn; anh đã chuẩn bị mọi thứ - nhưng liệu đã đủ chưa? Vì sao tai nạn sáng nay lại xảy ra, làm anh thấy khó chịu đến vậy?

Sáng nay ở trạm quân bưu anh nhận được thư từ mẹ. Khi xé phong bì thì một chuỗi tràng hạt tuột ra và rơi xuống chân anh. Không để cho đám đông lém lỉnh xung quanh kịp để ý, anh nhanh chóng nhặt các hạt và nhét chúng vào balô.

Giờ suy nghĩ về chuỗi hạt đột nhiên làm nảy sinh một câu hỏi mà trước đây anh chưa từng để ý tới: sao lại đánh bạc vào một thời điểm như thế này? Anh nhìn vào đăm giấy bạc nhàu nát trong tay mình – lớn hơn cả số có thể kiếm được trong 1 năm. Chính lúc đó Binh nhì Dutch Schultz biết nếu giữ chúng, anh chắc chắn sẽ bị giết. Dutch quyết định không liều. “Đặt thêm”, anh nói, “để tớ chơi tiếp nào”. Anh liếc nhìn đồng hồ và tự hỏi sẽ mất bao lâu để thua hết 2500 đô.

Schultz không phải người duy nhất hành xử kì quặc trong buổi tối hôm nay. Không ai, từ người lính thường cho tới những vị tướng tỏ ra muốn thách thức số mệnh. Tại sở chỉ huy Sư đoàn 101 gần Newbury, Thiếu tướng Maxwell D. Taylor đang có cuộc gặp thân mật với các sĩ quan cao cấp của ông. Có lẽ có khoảng nửa tá người trong phòng và một trong số đó, Chuẩn tướng Don Pratt, Sư đoàn phó, đang ngồi trên giường. Họ đang trao đổi thì một sĩ quan khác tới. Ông ta bỏ mũ lên giường. Tướng Pratt nhảy dựng lên, hất chiếc mũ xuống sàn và nói, “Lạy Chúa, thật là một điềm xấu khốn kiếp!”. Mọi người cười ồ, nhưng Pratt không ngồi lên giường nữa. Ông đã được chọn để chỉ huy lực lượng đổ bộ bằng tàu lượn của Sư đoàn 101 tấn công Normandy.

Đêm xuống, lực lượng đổ bộ trên khắp nước Anh tiếp tục chờ đợi. Được cổ vũ bằng hàng tháng huấn luyện, họ đã sẵn sàng lên đường. Và lệnh tạm hoãn đã khiến họ bồn chồn. Giờ đã là 18 tiếng kể từ lúc đó, và mỗi giờ trôi qua lại lấy đi thêm sự kiên trì và nhiệt tình của binh lính. Họ không biết D-Day chỉ còn gần 26 giờ nữa; vẫn còn quá sớm để thông báo. Và thế là, trong buổi tối Chủ nhật mưa bão này, người ta chờ đợi trong sự lo ngại khắc khoải, cô đơn và kín đáo một thứ gì đó, bất cứ thứ gì, xảy ra.

Họ làm chính xác những gì mà người ta sẽ làm trong hoàn cảnh này: nghĩ về gia đình, những người vợ, những đứa con, những người yêu. Và tất cả đều nói về cuộc chiến ở phía trước. Những bãi biển thực sự sẽ thế nào? Cuộc đổ bộ có khó khăn như ai cũng nghĩ không? Không ai hình dung ra D-Day, nhưng

mỗi người đều chuẩn bị cho nó theo cách của riêng mình.

Trong đêm tối sóng vỗ trên biển Irish, trên chiếc khu trục hạm USS Herndon, Đại úy Bartow Farr, Jr, cố tập trung vào ván bài bridge. Điều này khá là khó, có quá nhiều thứ nghiêm túc xung quanh nhắc nhở rằng đây không phải là một buổi tối giải trí thân mật. Trên tường dính những bức không ảnh lớn chụp các vị trí pháo binh Đức khổng lồ chế bờ biển Normandy. Những khẩu pháo đó là mục tiêu của Herndon trong D-Day. Farr chợt nghĩ Herndon cũng sẽ là mục tiêu của chúng.

Farr khá tin tưởng rằng anh sẽ sống sót qua D-Day. Đã có rất nhiều lời đùa cợt về việc ai sẽ qua được và ai không. Khi quay lại cảng Belfast, thủy thủ tàu Corry, người anh em với tàu của anh đã cá 10 ăn 1 rằng Herndon sẽ không trở về. Thủy thủ tàu Herndon trả đũa bằng cách phát tán tin đồn là khi hạm đội tiến hành đổ bộ, Corry sẽ được giữ lại cảng do tinh thần xuống thấp.

Đại úy Farr chắc chắn Herndon sẽ trở về an toàn cùng mình. Dù thế, anh đang vui vì đã viết một lá thư dài cho cậu con trai chưa chào đời. Farr chưa bao giờ may mắn nghĩ rằng vợ anh, Anne, ở New York sẽ sinh con gái (và đúng như vậy. Tháng 11 năm đó gia đình Farr đã có một cậu con trai).

Ở một khu tập kết gần Newhaven, Binh nhất Reginald Dale của Sư đoàn 3 Anh đang ngồi trên giường và lo lắng cho người vợ, Hilda. Họ cưới nhau năm 1940 và đã mong mỏi có một đứa con. Trong chuyến về phép cuối cùng chỉ vài ngày trước, Hilda cho biết cô đã có mang. Dale đã giận dữ; mọi thứ mà anh ý thức được là cuộc đổ bộ đã gần kề và anh sẽ phải tham dự. “Anh phải nói, thật là đúng vào cái lúc khốn nạn này”, anh bẻ ngón tay. Trong đầu Dale thấy lại sự tổn thương xuất hiện trong mắt cô, và anh lại tự trách mình vì những lời hấp tấp đó.

Nhưng giờ đã quá muộn. Dale còn không thể gọi cho vợ. Anh nằm xuống, và giống như hàng nghìn người khác trong các khu tập kết của quân Anh, cố gắng chợp mắt.

Một vài người điềm tĩnh và bình thản, đang ngủ ngon lành. Ở Sư đoàn 50 Anh, Thượng sĩ nhất Stanley Hollis là một người như thế. Từ lâu anh đã học được cách ngủ bất cứ khi nào có thể. Cuộc tấn công sắp đến không làm Hollis lo lắng nhiều; anh có lí do để chờ đợi nó. Anh đã từng được di tản ở Dunkirk, đã chiến đấu cùng Tập đoàn quân 8 ở Bắc Phi và đã đổ bộ lên Sicily. Giữa hàng triệu quân nhân ở Anh tối nay, Hollis là trường hợp khá đặc biệt. Anh đang mong đợi cuộc đổ bộ; anh muốn quay lại Pháp để giết thêm vài tên Đức.

Đó là chuyện riêng của Hollis. Tại Dunkirk anh từng là một lính liên lạc xe đạp, và trong cuộc rút lui anh đã chứng kiến một cảnh tượng không bao giờ quên được ở thành phố Lille. Bị cắt rời khỏi đơn vị, Hollis rẽ nhầm vào con đường mà quân Đức vừa đi qua. Anh lọt vào một phố cụt chứa hơn 100 thi thể đàn ông, phụ nữ và trẻ em Pháp vẫn còn ấm. Họ bị súng máy bắn chết. Sát chân tường cạnh các thi thể và vương vãi trên mặt đất là hàng trăm vỏ đạn. Kể từ giây phút đó Stan Hollis đã trở thành một thợ săn xuất sắc. Thành tích diệt địch của anh đã đạt hơn 90 tên. Vào cuối D-Day, anh sẽ khắc lên khẩu Sten của mình vạch thứ 102.

Còn có những người khác cũng đang khắc khoải chờ được đặt chân lên đất Pháp. Sự chờ đợi này dường như dài vô tận đối với Trung tá Philippe Kieffer và 171 lính đặc công Pháp dày dạn của ông. Ngoại trừ vài người bạn tại Anh, không có ai để chào tạm biệt – gia đình họ vẫn ở Pháp.

Trong doanh trại gần cửa sông Hamble, họ dành thời gian kiểm tra vũ khí và học tập trên sa bàn bằng cao su địa hình bãi Sword cùng các mục tiêu ở thị trấn Ouistreham. Một lính đặc công, Bá tước Guy de Montlaur, người tự hào mang quân hàm Hạ sĩ, tối đó đã rất hoan hỉ khi biết kế hoạch có một chút thay đổi: tiểu đội của anh sẽ dẫn đầu cuộc tấn công vào sông bạc của khu nghỉ mát, giờ được tin chắc là một sở chỉ huy được bố phòng mạnh của quân Đức. “Rất vui lòng”, anh nói với Trung tá Kieffer, “tôi đã rất đen đui ở đó”.

Cách đó 240km, ở khu vực Sư đoàn Bộ binh 4 Mỹ gần Plymouth, Hạ sĩ Harry Brown hoàn thành phiên gác và thấy một lá thư đang chờ anh. Đã nhiều lần anh thấy những thứ tương tự trong những bộ phim chiến tranh nhưng chưa bao giờ nghĩ nó lại xảy ra với mình: bức thư kèm theo quảng cáo của hãng giày đế cao Alder. Bài quảng cáo làm viên hạ sĩ cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm. Mọi người trong nhóm của anh đều thấp đến mức họ bị gọi là “đám người lùn của Brown”. Hạ sĩ là người cao nhất – 1,65m.

Trong khi anh đang tự hỏi ai đã đưa tên mình cho công ty Adler, một người lính trong tiểu đội xuất hiện. Binh nhất John Gwiadlosky quyết định trả số tiền đã vay. Hạ sĩ Brown từ chối khi Gwiadlosky long trọng đưa món tiền. “Đừng hiểu nhầm”, Gwiadlosky giải thích, “tớ chỉ không muốn cậu phải đi theo tớ xuống tận âm phủ để lấy lại”.

Ở vịnh, trên chiếc tàu vận tải New Amsterdam thả neo gần Weymouth, Thiếu úy George Kerchner của Tiểu đoàn Biệt kích số 2 chìm đắm trong công việc thường lệ. Anh đang kiểm duyệt thư từ của trung đội. Tối nay thật sự vất vả, dường như ai cũng viết rất dài. Tiểu đoàn Biệt kích số 2 và số 5 đã được giao một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất của D-Day. Họ sẽ phải trèo lên vách đá cao 30m gần như thẳng đứng tại địa điểm có tên Pointe du Hoc và khoá họng 6 khẩu pháo tầm xa ở đây – những khẩu pháo mạnh đến mức chúng có thể khống chế bãi Omaha hoặc khu vực vận tải của bãi Utah. Họ chỉ có 30 phút để hoàn thành nhiệm vụ.



Tiểu đoàn Biệt kích số 2 Mỹ ở Anh trước Chiến dịch Overlord.

Thương vong dự kiến là sẽ nặng – vài người nghĩ có thể đến 60 phần trăm – trừ khi hải quân và không quân tiêu diệt những khẩu pháo đó trước khi biệt kích tới. Còn ngược lại, không ai trông chờ một cuộc tấn công dễ dàng. Không ai, trừ Hạ sĩ nhất Larry Johnson, một trong những phân đội trưởng của Kerchner.

Thiếu úy ngạc nhiên khi đọc lá thư của Johnson. Mặc dù thư sẽ không được gửi cho tới sau D-Day – bất kể thế nào – nhưng lá thư này thậm chí còn không thể gửi được theo cách thông thường. Kerchner cho gọi Johnson và đưa trả bức thư. “Larry”, Kerchner nói cộc lốc, “tốt hơn cậu nên tự mình chuyển nó – sau khi đã tới Pháp”. Johnson viết thư cho một cô gái đề nghị sắp xếp cuộc hẹn sớm vào tháng 6. Cô ta sống ở Paris.

Khi viên hạ sĩ rời phòng, thiếu úy có ấn tượng rằng chừng nào còn có những người lạc quan như Johnson thì không có gì là không thể xảy ra.

Hầu như ai trong lực lượng đổ bộ cũng viết thư trong những giờ chờ đợi. Họ đã bị cấm trại một thời gian dài và những lá thư dường như giúp họ giải tỏa tâm trạng. Nhiều người ghi lại những suy nghĩ của mình theo cách mà hiếm khi người ta làm.

Đại úy John F. Dulligan thuộc Sư đoàn Bộ binh số 1 sẽ đổ bộ lên bãi Omaha, viết cho vợ: “Anh yêu quý những người này. Họ nằm ngủ khắp nơi trên tàu, trên boong, bên trong xe, trên nóc xe và dưới gầm xe. Họ hút thuốc, chơi bài, vật nhau và vui đùa thoải mái. Họ túm tụm lại và chủ yếu tán về các cô gái, gia đình và những gì đã trải qua (cả về phụ nữ lẫn không phải về phụ nữ)... Họ là những người lính tốt, tốt nhất thế giới... Trước cuộc đổ bộ lên Bắc Phi, anh đã bồn chồn và hơi sợ... Trong cuộc đổ bộ lên Sicily anh bận rộn tới mức nỗi sợ trôi qua trong công việc... Lần này bọn anh sẽ đổ bộ lên Pháp và Chúa biết chuyện gì sẽ xảy ra. Anh muốn em biết rằng anh yêu em bằng cả trái tim... Anh cầu mong Chúa sẽ che chở để anh về với em, Ann và Pat”.

Ở trên những chiến hạm hay tàu vận tải lớn, trong sân bay hay các khu tập kết là những người may mắn. Họ bị cấm trại và đồn đóng lại nhưng khô ráo, ấm áp và khoẻ mạnh. Đó là một câu chuyện khác với người đang ở trên những chiếc tàu đổ bộ đầy băng thả neo bên ngoài các bến cảng. Một số đã phải ở trên tàu hơn 1 tuần. Trên những chiếc tàu chật chội và hôi hám, người ta khổ sở đến khó tin. Đối với họ cuộc chiến đấu kéo dài ngay từ khi chưa rời Anh. Đó là cuộc chiến đấu chống lại say sóng và buồn nôn. Phần lớn vẫn còn nhớ trên những chiếc tàu chỉ có 3 mùi: mùi dầu diesel, mùi toa lét và mùi bãi nôn.

Hoàn cảnh mỗi chiếc tàu khác nhau. Trên chiếc LCT 777, Tín hiệu viên cấp 3 George Hackett Jr đang ngạc nhiên khi thấy sóng cao đến mức chúng đập vào thành một chiếc tàu và tràn sang cả một chiếc khác. LCT 6, một tàu đổ

bộ của Anh chứa nhiều đến mức Trung tá Clarence Hupfer Sư đoàn Bộ binh 4 Mỹ nghĩ rằng nó sẽ chìm. Nước ngập ghé mép tàu và thỉnh thoảng tràn vào trong. Lòng tàu ngập nước và binh lính buộc phải ăn thức ăn nguội lạnh – đó là tất cả những thứ họ có thể ăn.

Hạ sĩ Keith Bryan thuộc Lữ đoàn Công binh đặc biệt số 5 nhớ lại tàu LST 97 quá đông đúc nên người ta giẫm cả vào nhau và quá lắc nên những người may mắn có giường cũng rất khó ở nguyên trên đó. Và với Hạ sĩ Morris Magee Sư đoàn 3 Canada thì con tàu này lắc lư “tệ hơn cả một con thuyền chèo ở trung tâm hồ Champlain”. Anh mệt đến mức không nôn nổi nữa.

Nhưng phải chịu đựng nhiều nhất trong thời gian chờ là binh lính trên các đoàn tàu được triệu hồi. Cả ngày họ đã phải chịu bão trên Eo biển. Bây giờ, khi những đoàn tàu cuối cùng lục tục thả neo, họ ử rũ dựa vào lan can, ướt sũng và kiệt sức. Đến 11:00 tối, tất cả đã quay về.

Bên ngoài cảng Plymouth, Thiếu tá Hoffman thuyền trưởng tàu Corry đứng trên đài chỉ huy quan sát bóng những chiếc tàu đổ bộ tối om đủ mọi kích cỡ và hình dáng. Trời lạnh. Gió vẫn thổi mạnh và anh có thể nghe thấy những tiếng bì bõm khi những con tàu dập dềnh trên mỗi đợt sóng.



Tàu đổ bộ Đồng minh tại cảng Southampton, 1/6/1944.

Hoffman thấy mệt mỏi. Họ chỉ vừa trở về ngay trước khi được biết lần đầu lí do của lệnh hoãn. Giờ họ được thông báo chuẩn bị xuất phát một lần nữa.

Dưới khoang tàu, tin tức nhanh chóng truyền đi. Điện đài viên Bennie Glisson biết tin khi chuẩn bị đến phiên trực. Anh len qua những hành lang kín đặc và khi tới nơi anh thấy hơn một tá người đang ăn tối – hôm nay là gà tây với đủ thứ kèm theo. “Các cậu”, anh nói, “hãy làm như đây là bữa tối cuối cùng đi”. Bennie đã gần đúng. Ít nhất một nửa số đồ ăn đó sẽ chìm cùng Corry ngay sau H-Hour của D-Day.

Tương tự, tinh thần cũng xuống thấp trên tàu LCI 408. Các binh sĩ Phòng vệ

bờ biển tin rằng việc xuất phát hòng này chỉ là một lần diễn tập. Binh nhì William Joseph Phillips ở Sư đoàn Bộ binh 29 cố động viên họ. Anh nghiêm trang phán đoán, “Đơn vị này sẽ chẳng bao giờ phải đánh nhau. Chúng ta đã ở Anh quá lâu đến mức công việc của ta sẽ không bắt đầu trước khi chiến tranh kết thúc. Họ sẽ cho ta đi cọ phân chim ở vùng Đồi Trắng Dover”.

Vào nửa đêm các canô của lực lượng Phòng vệ bờ biển và các tàu khu trục Hải quân bắt đầu công việc nặng nề là tái tổ chức các đoàn tàu một lần nữa. Lần này thì sẽ không có quay lại.

Ngoài khơi bờ biển nước Pháp, chiếc tàu ngầm mini X23 chậm chạp nổi lên mặt biển. Lúc đó là 1:00 sáng ngày 5 tháng 6. Đại úy George Honour nhanh nhẹn mở nắp. Anh và các thủy thủ trèo lên tháp dựng ăngten. Bên dưới, Đại úy James Hodges chỉnh vô tuyến về 1850 kilocycle và cầm ống nghe. Không phải đợi lâu, anh nhận được tín hiệu rất yếu: “Padfeet ... Padfeet ... Padfeet”. Khi nghe thông điệp chỉ có một từ đó, Hodges nhìn lên nghi hoặc. Giữ chặt ống nghe hơn, anh nghe lại lần nữa. Nhưng không có sai sót nào. Đại úy báo cho mọi người. Không ai nói gì. Họ nhìn nhau ủ rũ, sẽ lại phải nằm dưới nước suốt một ngày nữa.

Trong sáng sớm, bờ biển Normandy chìm trong sương. Trận mưa dai dẳng hôm trước đã trở thành một cơn mưa bụi đều đều, thấm ướt mọi thứ. Xa hơn các bãi biển là những khu đất cổ xưa hình thù không giống nhau, nơi đã từng diễn ra vô số trận đánh và sẽ diễn ra vô số trận đánh khác.

Trong 4 năm người dân Normandy đã sống chung với lính Đức. Cảnh giam hãm này có những điểm khác nhau đối với mỗi người. Tại 3 thành phố chính – Le Havre và Cherbourg, những hải cảng ở hai đầu phía đông và tây khu vực, và ở giữa chúng (cả về địa lý lẫn quy mô) Caen, nằm sâu 16km trong đất liền – cuộc sống dưới ách chiếm đóng rất khắc nghiệt và là sự thật không đổi.

Ở đây có sở chỉ huy của lực lượng Gestapo và SS. Ở đây có những thứ nhắc nhở người ta về chiến tranh – những cuộc bố ráp ban đêm, những cuộc trả thù không ngừng nghỉ nhằm vào lực lượng kháng chiến, những cuộc ném bom của Đồng minh được chào đón nhưng cũng gây sợ hãi.

Bên ngoài các thành phố, khoảng giữa Caen và Cherbourg là vùng nông thôn nhiều cây cối: những cánh đồng nhỏ được bao bọc bởi những gò đồi lớn, bên trên là bụi rậm và cây non, đã được dùng như những chướng ngại vật thiên nhiên cả bởi kẻ xâm chiếm và người bảo vệ từ thời La Mã. Rải rác những trang trại bằng gỗ với mái rạ hoặc lợp ngói đỏ, và đây đó là những thị trấn và ngôi làng giống những pháo đài nhỏ, gần như tất cả đều có những nhà thờ vuông cạnh kiểu La Mã bao quanh bởi những ngôi nhà xây bằng đá xám có tuổi đời nhiều thế kỷ. Chúng vô danh với phần lớn thế giới – Vierville, Colleville, La Madeleine, Ste-Mere-eeglise, Chef-du-Pont, Ste. Marie-du-Mont, Arromanches, Luc. Trong vùng nông thôn thưa thớt dân cư này, cảnh chiếm đóng không giống ở các thành phố lớn. Bị cuốn vào một kiểu vòng xoáy chiến tranh ở nông thôn, những nông dân Normandy phải làm những gì có thể để thích nghi với hoàn cảnh. Hàng ngàn đàn ông và phụ nữ bị lừa khỏi các thị trấn và làng mạc để trở thành lao động cưỡng bức, những người ở lại thì phải làm việc bán thời gian trong những tiểu đoàn lao công xây dựng công trình phòng thủ bờ biển. Nhưng những nông dân tự chủ đến dũ dội này không làm gì ngoài những việc tối cần thiết. Họ sống qua ngày, căm ghét quân Đức với sự gan lì của người Norman và khắc khổ trông đợi ngày giải phóng.

Luật sư 31 tuổi Michel Hardelay đứng bên cửa sổ phòng khách trong ngôi nhà của mẹ anh trên đồi nhìn xuống làng Vierville đang say ngủ, quan sát qua ống nhòm tên lính Đức cưỡi con ngựa cày lớn trên đường đi ra bờ biển. Bên yên ngựa treo nhiều bình thiếc. Đó là một cảnh tượng lố bịch: cái mông khổng lồ của con ngựa, những chiếc bình vung vẩy và trên cùng là chiếc mũ sắt trông như cái xô của tên lính.

Trong khi Hardelay theo dõi, gã Đức vào làng, đi qua nhà thờ với ngọn thắp

cao hẹp và tới chỗ bức tường bê tông chặn ngang con đường chính từ bờ biển. Hắn xách bình xuống ngựa. Bỗng 3 hay 4 tên lính xuất hiện một cách bí ẩn quanh những ngọn đồi và con dốc. Chúng lấy những chiếc bình rồi lại biến mất. Mang cái còn lại, gã lính trèo qua tường và đi tới căn biệt thự mùa hè màu nâu đỏ có cây bao bọc nằm ở cuối bãi biển. Ở đó hắn quỳ xuống và đưa chiếc bình cuối cùng cho những bàn tay chìa ra ở tầng trệt ngôi nhà.

Sáng nào cũng vậy. Gã Đức không bao giờ trễ giờ; hắn luôn mang cà phê sáng qua Vierville vào lúc này. Ngày mới đã bắt đầu với những pháo thủ trong những lô cốt trên đồi và hầm ngầm được ngụy trang ở cuối bãi biển – bãi cát uốn lượn, vẻ yên bình mà ngày hôm sau sẽ được thế giới biết đến với cái tên bãi Omaha.

Michel Hardelay biết lúc này là 6:15 đúng.

Anh đã xem đồng hồ nhiều lần. Nó gây ấn tượng rằng đây là một vở hài kịch nhỏ, một phần do sự xuất hiện của gã lính, một phần do anh thấy buồn cười vì sự chính xác như máy được ca tụng của người Đức thể hiện trong cả công việc đơn giản như giao cà phê sáng. Nhưng Hardelay thấy buồn cười một cách cay đắng. Như những người dân Normandy khác, anh đã căm ghét bọn Đức trong một thời gian dài và anh đặc biệt căm ghét chúng vào lúc này.

Trong nhiều tháng Hardelay quan sát lính Đức và lao công cường bức xây dựng công sự khắp các con dốc và trên các ngọn đồi. Anh thấy chúng giăng đầy những vật cản và đặt hàng nghìn trái mìn sát thương đáng sợ. Và không dừng ở đó. Với sự cẩn thận có phương pháp, chúng phá hủy những dãy nhà, biệt thự mùa hè xinh đẹp màu hồng, trắng và đỏ dưới chân dốc dọc theo bờ biển. Giờ trong số 90 căn nhà chỉ còn lại 7. Chúng bị phá hủy không chỉ để bọn xạ thủ có tầm quan sát tốt và còn vì quân Đức cần gỗ xây công sự. Trong số 7 căn còn lại, ngôi nhà lớn nhất bằng đá được xây trong suốt 1 năm là của Hardelay. Vài ngày trước tên chỉ huy địa phương đã chính thức báo cho anh biết nó sẽ bị phá hủy. Bọn Đức quyết định là chúng cần gạch và đá.

Hardelay tự hỏi liệu có ai hay ở đâu sẽ huỷ bỏ lệnh đó không. Trong vài trường hợp, bọn Đức thường khó đoán. Anh sẽ biết chắc trong 24 giờ nữa; anh đã được báo là ngôi nhà sẽ bị phá huỷ vào ngày mai: thứ Ba, ngày 6 tháng 6.

Lúc 6:30, Hardelay chuyển kênh radio để nghe tin tức của BBC. Điều này bị cấm, nhưng giống như hàng trăm nghìn người Pháp khác anh phớt lờ nó. Chỉ có một cách khác để chống lại. Do đó anh vắn nhỏ xuống chỉ còn như nói thầm. Như thường lệ, vào cuối bản tin “Đại tá Anh” – Douglas Ritchie, người vẫn thường được coi là phát ngôn viên của Bộ Tổng tư lệnh Đồng minh – đọc một thông báo quan trọng.

“Hôm nay, thứ Hai, ngày 5 tháng 6”, ông nói, “Tổng tư lệnh chỉ thị cho tôi nói điều này: “hiện nay trong những tin tức này tồn tại một kênh liên lạc trực tiếp giữa Tổng tư lệnh và các bạn ở các quốc gia bị chiếm đóng... Vào một lúc thích hợp những chỉ thị quan trọng sẽ được phát, nhưng không thể thông báo trước thời điểm; do vậy các bạn nên có thói quen, cả cá nhân lẫn phân công với bạn bè để nghe liên tục. Điều này không khó khăn như nó nghe chừng...”. Hardelay đoán các “chỉ thị” đó sẽ liên quan tới cuộc đổ bộ. Ai cũng biết là nó đang đến. Anh nghĩ quân Đồng minh sẽ tấn công ở điểm hẹp nhất của Eo biển – quanh Dunkirk hoặc Calais, những nơi có cảng biển. Nhưng tất nhiên không phải ở đó.

Nhà Dubois và Davot sống ở Vierville không nghe bản tin, sáng nay họ dậy muộn. Tối qua họ tổ chức một buổi lễ lớn đến gần sáng mới kết thúc. Những cuộc họp mặt gia đình tương tự đã diễn ra khắp vùng Normandy, vì Chủ nhật 4 tháng 6 đã được giáo hội chọn làm Ngày ban thánh thể đầu tiên (First Communion Day). Đó luôn là một sự kiện lớn, một lí do để gia đình và họ hàng tụ họp nhau hàng năm.

Diện trong bộ quần áo đẹp nhất, đám trẻ nhà Dubois và Davot đã được ban

thánh thể lần đầu trong nhà thờ nhỏ Vierville trước ánh mắt tự hào của người thân. Một vài người, được cấp những giấy thông hành đặc biệt của Đức phải mất hàng tháng mới có được, đã đi bằng đủ cách từ Paris. Chuyến đi khó chịu và nguy hiểm – khó chịu vì những đoàn tàu đông đúc không bao giờ đúng giờ, nguy hiểm vì những đầu máy luôn là mục tiêu của máy bay cường kích Đồng minh.

Nhưng cũng đáng giá, một chuyến đi tới Normandy luôn như thế. Vùng này vẫn còn giàu có với những thứ mà ở Paris bây giờ hiếm khi thấy – bơ tươi, pho mát, trứng, thịt và tất nhiên, Calvados, thứ rượu táo cônhắc nặng của người Norman. Ngoài ra, trong giai đoạn khó khăn này, Normandy vẫn là chỗ ở tốt. Nó yên tĩnh và hoà bình, cách nước Anh quá xa để có thể bị tấn công.

Cuộc họp mặt giữa 2 gia đình đã rất thành công. Và vẫn chưa kết thúc. Tối nay mọi người sẽ lại tham dự một bữa tiệc khác với những loại rượu tốt nhất mà chủ nhà còn giữ được. Nó sẽ bế mạc lễ kỉ niệm; những người họ hàng sẽ bắt tàu về Paris sáng sớm ngày thứ Ba.

Chuyến đi nghỉ 3 ngày ở Normandy của họ sẽ kéo dài hơn thế; họ sẽ tiếp tục bị kẹt ở Vierville trong 4 tháng nữa.

Xa hơn về phía bãi biển, gần Colleville, Fernand Broeckx 40 tuổi đang làm công việc thường lệ vào 6:30 hàng sáng. Ông ngồi trong chuồng bò ẩm ướt, đeo kính lệch, vắt sữa bò vào xô. Trang trại của ông, nằm bên một con đường đất chật hẹp, nằm cao hơn mực nước biển khoảng 800m. Ông đã không đi lại trên đường này hoặc ra bờ biển một thời gian dài từ khi bọn Đức cấm.

Ông đã làm nông ở Normandy được 5 năm. Trong Thế chiến I, Broeckx, một người Bỉ, đã chứng kiến nhà của mình bị phá huỷ. Ông không bao giờ quên điều đó. Khi Thế chiến II bắt đầu, ông nhanh chóng bỏ việc và đưa vợ cùng con gái tới Normandy, nơi họ có thể được an toàn.

Cách đó 16km trong thị trấn giáo đường Bayeux, cô con gái xinh đẹp 19 tuổi của ông, Anne Marie đang chuẩn bị cho buổi dạy của mình ở trường mẫu giáo. Cô mong chờ hết ngày, sau đó sẽ là kì nghỉ hè. Cô sẽ dành thời gian nghỉ ở trang trại. Ngày mai Anne Marie sẽ đạp xe về nhà.

Cũng trong ngày mai, một người Mỹ cao gầy đến từ đảo Rhode mà cô chưa bao giờ gặp sẽ đổ bộ lên bãi biển gần như thẳng hướng với trang trại của bố cô. Anne Marie sẽ kết hôn với anh ta.

Trên khắp vùng duyên hải Normandy, người ta làm những công việc hàng ngày. Nông dân làm ruộng, chăm sóc những vườn táo, chặn giữ những đàn cừu trắng. Trong các ngôi làng và thị trấn, cửa hàng bắt đầu mở cửa. Đối với mọi người, đây chỉ là một trong chuỗi ngày sống dưới sự chiếm đóng.

Trong ngôi làng nhỏ La Madeleine, phía sau những cồn và bãi cát trải dài sẽ được biết đến dưới cái tên bãi Utah, Paul Gazengel mở quầy hàng và cà phê nhỏ như thường lệ, mặc dù hầu như không có khách.

Đã có một thời kỳ Gazengel có cuộc sống thuận lợi – không nhiều, nhưng đủ trang trải cho ông, bà vợ Marthe và cô con gái 12 tuổi, Jeannine. Nhưng giờ toàn bộ khu vực bờ biển đã bị phong tỏa. Những gia đình sống ngay sát bờ biển – đại thể, từ khu vực cửa sông Vire (đổ ra biển gần đó) và dọc theo bán đảo Cherbourg – đã bị chuyển đi. Chỉ những người có trang trại mới được ở lại. Giờ đây cuộc sống của ông chủ quán cà phê dựa vào 7 gia đình còn lại ở La Madeleine và vài lính Đức ở gần đó mà ông phải phục vụ.

Gazengel muốn chuyển đi. Trong khi ngồi đợi vị khách đầu tiên tới, ông không biết rằng trong 24 giờ nữa mình sẽ có một hành trình. Ông và những người đàn ông khác trong làng sẽ được tập trung lại và đưa về Anh để tra hỏi.

Một trong những người bạn của Gazengel, thợ làm bánh Pierre Caldron có

nhiều vấn đề nghiêm trọng để phải suy nghĩ hơn vào sáng nay. Ở phòng khám của bác sĩ Jeanne ở Carentan cách bờ biển 15km, anh ngồi bên giường cậu con trai 5 tuổi Pierre vừa cắt amidan. Lúc trưa bác sĩ Jeanne kiểm tra lại cậu bé. “Anh không phải lo”, ông bảo người cha đang lo lắng, “Cậu bé ổn cả. Ngày mai anh có thể đón cháu về”. Nhưng Caldron đã suy nghĩ. “Không”, anh nói, “tôi nghĩ mẹ nó sẽ vui hơn nếu tôi đưa Pierre bé bỏng về nhà ngay hôm nay”. Nửa giờ sau, với cậu bé trong tay, Caldron lên đường trở về làng Ste-Marie-du-Mont, phía sau bãi Utah – nơi lính dù sẽ bắt liên lạc với Sư đoàn 4 vào D-Day.

Đó cũng là một ngày yên tĩnh đối với quân Đức. Không có điều gì xảy ra và không có điều gì được dự đoán là sẽ xảy ra; thời tiết quá tệ. Nó quá tệ, thực tế, ở sở chỉ huy của Luftwaffe trong điện Luxembourg tại Paris, Đại tá Giáo sư Walter Steobe phụ trách bộ phận khí tượng nói với các sĩ quan tham mưu rằng trong những cuộc họp hàng ngày tới họ sẽ được thoải mái. Ông còn nghi ngờ cả việc máy bay Đồng minh có thể hoạt động vào hôm nay. Các pháo thủ cao xạ nhanh chóng được cho nghỉ gác.

Tiếp đó, Steobe gọi điện đến số 20 đại lộ Victor Hugo ở St-Germain-en-Laye cách đó chỉ 19km ở ngoại ô Paris. Cuộc gọi của ông được chuyển tới một khu nhà lớn ba tầng, dài 90m, rộng 18m nằm bên con dốc dẫn xuống một trường nữ sinh – đó là OB West, tổng hành dinh của Von Rundstedt. Steobe trao đổi với sĩ quan liên lạc về thời tiết, Thiếu tá Hermann Mueller, người có nhiệm vụ ghi lại các dự báo và gửi chúng cho Tham mưu trưởng, Thiếu tướng Blumentritt. Báo cáo thời tiết rất quan trọng đối với OB West và Blumentritt đặc biệt lo lắng về nội dung của nó. Ông sẽ xác định những chi tiết cuối về chuyển kiểm tra mà Tư lệnh Mặt trận phía Tây định tiến hành. Bản báo cáo xác nhận đánh giá của ông rằng nó có thể thực hiện theo đúng lịch trình. Von Rundstedt cùng với con trai, một trung úy trẻ tuổi, dự định kiểm tra công tác phòng thủ bờ biển ở Normandy vào thứ Ba.

Không nhiều người ở St-Germain-en-Laye nhận thức được vai trò của khu

nhà đó và càng ít hơn nữa biết được rằng viên thống chế Đức có quyền lực nhất ở phía Tây sống trong một biệt thự nhỏ không phô trương phía sau trường trung học ở số 28 phố Alexandre Dumas. Nó được tường cao bao quanh, cánh cổng sắt hầu như luôn đóng. Đường vào căn biệt thự đi qua một hành lang được xây dựng đặc biệt cắt qua những bức tường của trường, hoặc qua một cánh cửa kín đáo mở ra phố Alexandre Dumas.

Von Rundstedt ngủ muộn như thường lệ (giờ vị thống chế cao tuổi hiếm khi dậy trước 10:30) và đã gần trưa khi ông ngồi vào bàn làm việc ở tầng một. Chính ở đây ông bàn bạc với tham mưu trưởng của mình và phê chuẩn bản “Dự báo ý định của Đồng minh” của OB West để sau đó chuyển cho tổng hành dinh của Hitler trong ngày. Đó lại là một dự đoán sai tiêu biểu khác. Nó viết:

Sự gia tăng không ngừng và có hệ thống các cuộc không kích cho thấy đối phương đã đạt tới mức sẵn sàng cao. Khu vực có thể bị đổ bộ vẫn nằm ở trong khoảng Scheldt [ở Hà Lan] tới Normandy ... và không thể không tính đến phía bắc Brittany... [nhưng] vẫn còn chưa rõ đối phương sẽ nhắm vào đâu. Không kích tập trung vào khu phòng thủ giữa Dunkirk và Dieppe có thể cho thấy là Đồng minh sẽ chọn nơi này... [nhưng] dấu hiệu về cuộc đổ bộ vẫn chưa rõ ràng...

Với dự đoán mơ hồ này – dự đoán có thể đặt cuộc đổ bộ ở đâu đó trong suốt dải bờ biển 1.300km – Von Rundstedt cùng con trai lên đường tới quán ăn ưa thích của thống chế, quán Coq Hardi ở gần Bougival. Đã gần kè; D-Day chỉ còn cách 12 giờ nữa.

Trong các cơ quan chỉ huy của Đức, thời tiết xấu kéo dài có tác dụng như một liều thuốc an thần. Nhiều nơi đã tin chắc rằng trước mắt sẽ không có cuộc tấn công nào. Cơ sở của họ là những đánh giá cẩn thận dựa vào những cuộc đổ

bộ của quân Đồng minh ở Bắc Phi, Italy và Sicily. Trong mỗi tình huống điều kiện thời tiết là khác nhau, nhưng các chuyên gia khí tượng như Steobe và cấp trên của ông ở Berlin, Tiến sĩ Karl Sonntag đã lưu ý rằng Đồng minh không bao giờ tiến hành đổ bộ trừ khi triển vọng thời tiết thuận lợi gần như chắc chắn, đặc biệt cho hoạt động yểm trợ bằng không quân. Đối với những bộ óc cẩn thận của người Đức thì sẽ không có gì đi ra ngoài quy luật này; thời tiết đơn giản là phải tốt hoặc quân Đồng minh sẽ không tấn công. Và thời tiết đơn giản là không tốt.

Ở sở chỉ huy Cụm quân B tại La Roche-Guyon, công việc vẫn tiến triển như lúc Rommel còn ở đây, mặc dù Tham mưu trưởng, Thiếu tướng Speidel nghĩ rằng tình hình đủ yên tĩnh để tổ chức một bữa tiệc tối nhỏ. Ông đã mời một số khách: bác sĩ Horst, anh/em rể ông; Ernst Junger, nhà văn và triết gia và người bạn cũ, Thiếu tá Wilhelm von Schramm, một trong những “phóng viên chiến trường” chính thức. Vị tướng trí thức Speidel đang trông chờ bữa tối. Ông hy vọng họ sẽ nói chuyện về đề tài ưa thích, văn học Pháp. Còn có thứ khác: một bản viết tay 20 trang mà Junger đã viết và bí mật chuyển tới Rommel và Speidel. Cả hai đều nồng nhiệt tin tưởng vào tài liệu này; nó lên kế hoạch mang lại hoà bình sau khi Hitler bị toà án của Đức xét xử hoặc bị ám sát – “Tối nay, ta sẽ thật sự có cái để nói”, Speidel đã bảo Schramm.

Tại sở chỉ huy Quân đoàn 84 ở St-Leo, Thiếu tá Friedrich Hayn, sĩ quan Tình báo đang sắp xếp một bữa tiệc theo kiểu khác. Anh đã đặt nhiều chai Chablis hảo hạng, Bộ Tham mưu dự định sẽ gây ngạc nhiên cho Đại tướng Erich Marcks, Tư lệnh Quân đoàn. Sinh nhật của ông là ngày 6 tháng 6.

Họ tổ chức bữa tiệc sinh nhật vào nửa đêm vì đến sáng Marcks sẽ phải đi tới thành phố Rennes ở Brittany. Ông cùng các chỉ huy cao cấp ở Normandy sẽ tham gia cuộc diễn tập trên bản đồ dự kiến bắt đầu vào sáng sớm ngày thứ Ba. Marcks hơi thích thú về vai trò ông sẽ đảm nhiệm: “quân Đồng minh”. Cuộc giả định được sắp xếp bởi Đại tướng Eugen Meindl, và có lẽ vì ông là một lính dù nên đặc điểm nổi bật của cuộc diễn tập là một cuộc “tấn công”

mở màn bằng “đột kích” của lính dù tiếp nối bởi cuộc “đổ bộ” đường biển. Tất cả nghi Kriegsspiel (cuộc diễn tập) sẽ thú vị – cuộc đổ bộ giả định được cho là sẽ diễn ra ở Normandy.

Cuộc diễn tập làm Thiếu tướng Max Pemsey, Tham mưu trưởng Tập đoàn quân 7 lo lắng. Lúc chiều tại sở chỉ huy ở Le Mans ông đã suy nghĩ về nó. Sẽ khá tồi tệ nếu các sĩ quan cao cấp ở cả Normandy và bán đảo Cherbourg không ở vị trí chỉ huy cùng một lúc. Nhưng sẽ thật sự nguy hiểm nếu họ đi cả đêm. Hầu hết đều ở xa Rennes và Pemsey sợ rằng một số sẽ sắp xếp rời mặt trận trước bình minh. Đó là bình minh luôn làm Pemsey lo lắng; nếu cuộc đổ bộ diễn ra ở Normandy, ông tin nó sẽ mở màn trước khi trời sáng. Ông quyết định cảnh báo những người sẽ tham gia diễn tập. Mệnh lệnh của ông gửi qua điện báo viết: “Khuyến cáo các tướng lĩnh và sĩ quan chỉ huy sẽ tham gia diễn tập không bắt đầu xuất phát tới Rennes trước bình minh ngày 6 tháng 6”. Nhưng đã quá trễ. Vài người đã lên đường.

Và cứ như thế, từng người một, các sĩ quan cao cấp từ Rommel trở xuống đã rời tuyến đầu vào đúng đêm trước trận đánh. Tất cả đều có lí do, nhưng gần như là định mệnh bất thường đã khiến họ ra đi. Rommel đang ở Đức. Von Tempelhof, sĩ quan Tác chiến của Cụm quân B cũng vậy. Đô đốc Theodor Krancke, Tư lệnh Hải quân Mặt trận phía Tây sau khi báo cho Rundstedt rằng các tàu tuần tiễu không thể rời cảng do biển động đã lên đường tới Bordeaux. Trung tướng Heinz Hellmich, Tư lệnh Sư đoàn 243, đơn vị phòng thủ một hướng của bán đảo Cherbourg đi Rennes. Tương tự với Trung tướng Karl von Schlieben của Sư đoàn 709. Thiếu tướng Wilhelm Falley của Sư đoàn Không vận 91 kì cựu chỉ vừa tới Normandy thì đang chuẩn bị đi. Đại tá Wilhelm Meyer-Detring, sĩ quan Tình báo của Rundstedt đang sửa soạn khởi hành và một tham mưu trưởng sư đoàn không thể liên lạc được – ông ta ra ngoài đi săn với cô bồ người Pháp.*

* Sự trùng hợp của việc các sĩ quan rời mặt trận làm Hitler choáng váng tới mức đã thực sự bàn về một cuộc điều tra xem tình báo Anh có dính dáng tới

không. Thực tế là Hitler cũng không chuẩn bị cho ngày trọng đại này khá hơn các tướng lĩnh. Quốc trưởng đang ở khu nghỉ Berchtesgaden tại Bavaria. Phụ tá hải quân của ông ta, Đô đốc Karl Jesko von Puttkamer, nhớ lại rằng Hitler dậy muộn, dự cuộc họp quân sự thường lệ vào buổi trưa và dùng bữa lúc 4:00 chiều. Ngoài người tình Eva Braun, còn có một số thành viên cao cấp của Nazi và vợ họ. Hitler ăn chay đã xin lỗi các vị phu nhân vì bữa ăn không có thịt với câu bình luận quen thuộc. “Voi là loài vật khoẻ nhất; chúng cũng không cần phải ăn thịt”. Sau bữa trưa, họ chuyển ra vườn, nơi Quốc trưởng thưởng thức trà chanh. Ông ta chợp mắt trong khoảng từ 6 đến 7 giờ, dự một cuộc họp quân sự khác lúc 11:00 tối, sau đó, ngay trước nửa đêm, các vị phu nhân được triệu tập lại. Theo trí nhớ của Puttkamer, họ nghe Wagnerr, Lehar và Strauss trong 4 giờ – TG.

Vào lúc này, khi các sĩ quan phụ trách phòng thủ vùng duyên hải đang bị phân tán ra khắp châu Âu, Bộ Tư lệnh tối cao Đức quyết định chuyển những tiểu đoàn tiêm kích cuối cùng của Luftwaffe còn ở Pháp ra ngoài vùng hoạt động tới bờ biển Normandy. Các phi công đã rất kinh ngạc.

Lí do chính của việc này là những tiểu đoàn đó cần cho việc bảo vệ Đế chế đang bị Đồng minh tăng cường ném bom dữ dội suốt hàng tháng nay. Tình hình đó cho thấy dường như không có lí do gì để Bộ Tư lệnh giữ số tiêm kích quý giá đó phơì mình ở những sân bay trên đất Pháp, nơi chúng đang bị tiêu diệt bởi máy bay ném bom và tiêm kích Đồng minh. Hitler đã hứa với các tướng lĩnh rằng một ngàn máy bay của Luftwaffe sẽ tấn công các bãi biển vào ngày diễn ra đổ bộ. Giờ điều đó hiển nhiên là bất khả thi. Tính đến ngày 4 tháng 6, chỉ còn 183 máy bay tiêm kích trên toàn nước Pháp*, với khoảng 160 được đánh giá là trong tình trạng hoạt động được. Trong số 160 chiếc, một phi đoàn gồm 124 chiếc, Phi đoàn số 26 đã được chuyển đi khỏi vùng bờ biển vào chính buổi chiều này.

* Khi nghiên cứu viết cuốn sách này tôi đã tìm thấy không dưới 5 số liệu khác nhau cho số máy bay tiêm kích ở Pháp. Con số 183 ở trên được tôi đánh giá là chính xác. Nguồn của tôi là cuốn sử gần đây của Luftwaffe do Đại tá Josef

Priller (xem bên dưới) viết, được đánh giá là một trong những tư liệu chính xác nhất từ trước đến giờ về hoạt động của Luftwaffe – TG.

Tại sở chỉ huy Phi đoàn 26 ở Lille trong khu vực Tập đoàn quân 15, Trung tá Josef “Pips” Priller, một trong những phi công Át chủ bài hàng đầu của Luftwaffe (anh đã bắn rơi 96 máy bay) đứng trên sân bay và đang cúi kính. Trên trời, một trong ba tiểu đoàn của anh hướng về Metz ở đông bắc Pháp. Tiểu đoàn thứ hai đang chuẩn bị cất cánh. Họ được lệnh bay tới Rheims, khoảng nửa đường giữa Paris và biên giới Đức. Tiểu đoàn thứ ba đã chuyển tới miền Nam nước Pháp.



Trung tá (sau này là Đại tá) Josef Priller, Phi đoàn trưởng Phi đoàn tiêm kích 26, Ace của Không quân Đức với 101 chiến công.

Vị phi đoàn trưởng không thể làm gì ngoài việc đưa ra lời phản đối. Priller là người nóng tính, một phi công được biết đến trong Luftwaffe vì tính khí của mình. Anh nổi tiếng vì việc dám to tiếng với các tướng lĩnh, và giờ anh gọi điện cho liên đoàn trưởng. “Thật điên rồ”, Priller hét lên. “Nếu chúng ta

đang chờ một cuộc đổ bộ thì các tiểu đoàn phải được đưa lên chứ không phải là rút về! Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc tấn công diễn ra trong quá trình di chuyển? Hậu cần của tôi sẽ không thể tới được căn cứ mới cho đến ngày mai hoặc ngày kia. Các ông điên hết cả rồi!”.

“Nghe này, Priller”, liên đoàn trưởng nói. “Cuộc đổ bộ không còn là vấn đề. Thời tiết quá xấu”.

Priller đập máy. Anh bước ra sân bay. Chỉ còn lại 2 chiếc, của anh và của Hạ sĩ Heinz Wodarczyk, người trợ thủ. “Chúng ta có thể làm gì?”, anh nói với Wodarczyk. “Nếu cuộc đổ bộ diễn ra họ chắc chắn sẽ đòi hỏi ta ngăn chặn nó bằng tất cả khả năng của bản thân. Tốt nhất là ta nên bắt đầu uống rượu thôi”.

Trong số hàng triệu người đang trông đợi và dõi theo trên đất Pháp, chỉ có một vài người đàn ông và phụ nữ thực sự biết cuộc đổ bộ sắp đến. Họ có không đến một tá. Như mọi khi, họ làm nhiệm vụ một cách bình tĩnh và kín đáo. Trở nên bình tĩnh và kín đáo là một phần công việc của họ; đó là những lãnh đạo của lực lượng kháng chiến Pháp.

Phần lớn những người này ở Paris. Từ đây họ chỉ huy một tổ chức rộng lớn và phức tạp. Trên thực tế đây là một đạo quân với đầy đủ hệ thống chỉ huy và vô số các ban bộ đảm nhiệm mọi việc, từ giải cứu các phi công Đồng minh bị bắn rơi đến phá hoại ngầm, từ hoạt động gián điệp đến ám sát. Có những chỉ huy vùng, chỉ huy khu vực, chỉ huy phân khu và hàng nghìn đàn ông, phụ nữ trong tổ chức. Trên giấy tờ tổ chức này có quá nhiều mạng lưới hoạt động chồng chéo đến nỗi nó dường như phức tạp trên mức cần thiết. Điều đó là có tính toán. Nó ẩn chứa sức mạnh của lực lượng kháng chiến ngầm. Hệ thống chỉ huy chéo cho phép tự bảo vệ tốt hơn; các mạng lưới hoạt động liên hoàn đảm bảo thành công của mỗi chiến dịch; và bí mật nhất là các chỉ huy trong toàn bộ cơ cấu lãnh đạo hầu như chẳng biết gì về nhau trừ mật danh và không bao giờ nhóm này biết nhóm kia đang làm gì. Đó là cách lực lượng ngầm tồn tại. Mặc dù đề phòng như vậy nhưng các hoạt động trả đũa của

quân Đức đã trở nên dữ dội đến mức tới tháng 5 năm 1944, thời gian hoạt động của mỗi thành viên được đánh giá là chỉ tồn tại được trong dưới 6 tháng.

Đạo quân bí mật này đã duy trì cuộc chiến thầm lặng trong hơn 4 năm – một cuộc chiến luôn luôn không hào nhoáng, nhưng thường trực nguy hiểm. Hàng nghìn người bị hành quyết, hàng nghìn người khác chết trong các trại tập trung. Nhưng lúc này, mặc dù các thành viên vẫn còn chưa biết, cái ngày mà vì nó họ chiến đấu đang tới rất gần.



Quân kháng chiến Pháp.

Trong những ngày trước, bộ chỉ huy kháng chiến đã nhận hàng trăm thông điệp mật mã từ BBC. Một vài trong số đó thông báo rằng cuộc đổ bộ có thể diễn ra vào bất cứ lúc nào. Một thông điệp như vậy là dòng đầu bài thơ “Chanson d’Automne” của Verlaine – chính là lời cảnh báo mà người của Trung tá Meyer ở sở chỉ huy Tập đoàn quân 15 bắt được hôm 1 tháng 6. Canaris đã đúng.

Hiện giờ, còn hồi hộp hơn cả Meyer, những người lãnh đạo kháng chiến đang chờ dòng thơ thứ hai cùng những thông điệp khác sẽ xác nhận thông tin nhận được trước đó. Dự kiến sẽ không thông điệp nào được phát đi cho tới những giờ cuối cùng sát ngày đổ bộ thực sự. Những người chỉ huy cũng biết là đến lúc đó họ cũng không được biết chính xác địa điểm. Đối với phần lớn lực lượng kháng chiến, lời cảnh báo thực sự sẽ tới khi quân Đồng minh ra lệnh tiến hành các hoạt động phá hoại đã được lên kế hoạch. Hai thông điệp sẽ khởi động các cuộc tấn công. Một, “Thời tiết ở Suez rất nóng”, sẽ đưa vào thực hiện “Kế hoạch Xanh” – phá các đường ray và thiết bị xe lửa. Thông điệp kia, “Xúc sắc đang ở trên bàn”, sẽ thông báo “Kế hoạch Đỏ” – cắt các đường cáp và dây điện thoại. Tất cả các chỉ huy vùng, khu và phân khu đã được báo về chúng.

Trong tối thứ Hai này, đêm trước D-Day, thông điệp thứ nhất đã được phát trên BBC lúc 6:30 chiều. “Thời tiết ở Suez rất nóng... Thời tiết ở Suez rất nóng”, phát thanh viên nghiêm trang đọc.

Guillaume Mercader, trưởng bộ phận tình báo phân khu giữa Vierville và Port-en-Bessin (thẳng hướng với bãi Omaha) vùng duyên hải Normandy, đang cúi người nghe chiếc radio được giấu dưới căn hầm cửa hiệu bán xe đạp của anh ở Bayeux. Những từ đó làm anh gần như sững sốt. Đó là khoảnh khắc Mercader sẽ không bao giờ quên. Anh không biết cuộc đổ bộ sẽ diễn ra ở đâu và khi nào, nhưng cuối cùng nó cũng đến, sau ngần ấy năm.

Một khoảng chờ. Rồi tiếp đến là bức thông điệp thứ hai mà Mercader chờ đợi. “Xúc sắc đang ở trên bàn”, phát thanh viên đọc, “Xúc sắc đang ở trên bàn”. Nó được tiếp nối ngay bởi một chuỗi thông điệp, mỗi cái đều được nhắc lại: “Mũ của Napoleon ở trong vòng... John yêu Mary... Mũi tên sẽ không qua được...”. Mercader tắt radio. Anh đã nghe 2 thông điệp duy nhất liên quan tới mình. Những thông điệp kia là cho các nhóm khác trên đất Pháp.

Vội vã leo lên, anh nói với vợ, Madelein, “Anh phải ra ngoài. Tối nay anh sẽ về muộn”. Rồi anh dắt chiếc xe đạp đưa thắp ra khỏi cửa hàng và đạp đi báo cho các chỉ huy của phân khu. Mercader từng là tay đua vô địch của vùng Normandy và anh đã nhiều lần đại diện cho tỉnh trong giải đua danh tiếng Tour De France. Anh biết bọn Đức sẽ không ngăn cản. Chúng đã cấp một giấy phép đặc biệt cho phép anh có thể tập luyện.

Giờ đây ở khắp nơi các nhóm kháng chiến đang được âm thầm báo tin từ các chỉ huy trực tiếp. Mỗi đơn vị có kế hoạch riêng và biết chính xác cần phải làm gì. Albert Auge, trưởng ga ở Caen và người của mình sẽ phá hủy các máy bơm trong xưởng, vòi phun hơi ở các đầu máy. Andre Farine, chủ quán cà phê ở Lieu Fontain gần Isigny có nhiệm vụ phá hệ thống liên lạc ở Normandy; đơn vị 40 người của anh sẽ cắt các đường dây điện thoại dày đặc từ Cherbourg. Yves Gresselin, một người bán tạp hoá ở Cherbourg có nhiệm vụ khó khăn nhất: đặt mìn các tuyến xe lửa giữa Cherbourg, St-Leo và Paris. Và đây mới chỉ là vài nhóm. Đó là một mệnh lệnh lớn cho lực lượng kháng chiến. Thời gian rất ngắn và cuộc tấn công không thể bắt đầu trước khi trời tối. Nhưng ở khắp nơi từ vùng duyên hải Brittany tới biên giới Bỉ, người ta chuẩn bị, ai cũng hy vọng cuộc đổ bộ sẽ diễn ra ở khu vực của mình.

Đối với một số người, các thông điệp đặt ra những vấn đề khác nhau. Ở thị trấn nghỉ mát ven biển Grandcamp gần cửa sông Vire và gần như ở chính giữa bãi Omaha và Utah, trưởng phân khu Jean Marion có một thông tin quan trọng cần chuyển cho London. Anh tự hỏi làm cách nào để thực hiện điều đó – và có còn đủ thời gian không. Sớm trong chiều nay người của anh

đã báo cáo về một cụm pháo phòng không mới được điều động đến bố trí cách đó khoảng 1,5km. Để chắc chắn, Marion đã làm ra vẻ tình cờ đạp xe qua đó quan sát. Kể cả nếu bị chặn lại, anh biết mình có thể qua được; trong những giấy tờ giả mà anh có để dùng cho những trường hợp thế này, có một cái xác nhận anh là lao động xây dựng Bức tường Đại Tây Dương.

Marion choáng váng trước quy mô và tầm hoạt động của đơn vị này. Đó là một đơn vị cao xạ xung kích được cơ giới hóa với những khẩu pháo nặng, nhẹ và hỗn hợp. Có 5 đại đội, tổng cộng 25 khẩu và chúng đang được triển khai kiểm soát khu vực từ cửa sông Vire tới ngoại ô Grandcamp. Marion để ý bọn pháo thủ hồi hả bố trí các khẩu pháo, gần như là chúng đang chạy đua với thời gian. Hoạt động như phát cuồng này khiến anh lo lắng. Điều này có thể có nghĩa là cuộc đổ bộ sẽ diễn ra ở đây và bằng cách nào đó bọn Đức đã biết được điều đó.

Mặc dù Marion không biết, những khẩu pháo này khống chế đường di chuyển chính xác của các máy bay và tàu lượn chở Sư đoàn 82 và 101 sẽ đến chỉ trong vài giờ nữa. Lúc này nếu ai đó trong Bộ Tư lệnh Đức biết gì về cuộc tấn công sắp xảy ra, họ cũng chưa báo cho Đại tá Werner von Kistowski, chỉ huy Trung đoàn Cao xạ xung kích số 1. Ông ta vẫn đang thắc mắc vì sao đơn vị cao xạ với 2.500 người của mình lại được đưa gấp tới đây. Nhưng Kistowski đã từng bị điều động khẩn cấp. Đơn vị ông ta đã từng được cử đến Caucasus. Giờ không gì làm ông bất ngờ được nữa.



Một trận địa cao xạ của quân Đức ở Normandy.

Jean Marion bình tĩnh đạp xe qua những tên lính đang loay hoay bên pháo, bắt đầu vật lộn với một vấn đề lớn: làm sao để đưa tin tức quan trọng này cho tổng hành dinh bí mật của Leonard Gille, phó chỉ huy tình báo quân sự Normandy ở Caen cách đó 80km. Marion không thể rời nhóm của mình lúc này – có quá nhiều việc phải làm. Do vậy anh quyết định nắm lấy cơ hội gửi thông tin này qua hệ thống liên lạc tới Mercader ở Bayeux. Anh biết sẽ phải mất vài giờ, nhưng vẫn còn thời gian. Marion tin chắc Mercader sẽ có cách tới được Caen.

Còn một điều nữa Marion muốn báo cho London. Nó không quan trọng bằng

tin về các vị trí cao xạ - đơn giản là xác nhận lại các thông điệp anh đã gửi trong những ngày trước về trận địa pháo lớn trên đỉnh vách đá cao bằng toà nhà 9 tầng Pointe du Hoc. Marion muốn báo cáo lần nữa là pháo vẫn chưa được bố trí. Chúng vẫn còn đang ở trên đường, cách vị trí này 3km. (Bất chấp những nỗ lực của Marion, vào D-Day biệt kích Mỹ sẽ mất 135 trong số 225 người trong cuộc tấn công quả cảm nhằm khoá hòng những khẩu pháo chưa bao giờ ở đó).

Vài thành viên kháng chiến không ý thức được cuộc đổ bộ sẽ đến vào thứ Ba ngày 6 tháng 6 đang làm những công việc đặc biệt của riêng họ. Đối với Leeonard Gille đó là cuộc họp với cấp trên ở Paris. Ngay cả vào lúc này, Gille vẫn bình tĩnh ngồi trên chuyến tàu tới Paris, mặc dù anh biết các đội phá hoại của Kế hoạch Xanh có thể phá đường ray bất cứ lúc nào. Gille tin chắc cuộc đổ bộ sẽ không diễn ra vào thứ Ba, ít nhất là không ở khu vực của anh. Chắc chắn cấp trên sẽ hủy họp nếu cuộc tấn công nhằm vào Normandy.

Nhưng nó cũng làm anh băn khoăn. Chiều nay ở Caen, một cán bộ của Gille phụ trách một nhóm Cộng sản đã nói với anh khá dứt khoát là cuộc đổ bộ sẽ bắt đầu vào bình minh ngày 6. Thông tin của người này luôn đúng trong quá khứ. Điều đó gợi lại trong đầu Gille một câu hỏi cũ. Có phải anh ta nhận tin trực tiếp từ Moscow? Gille quyết định là không; anh thấy có vẻ không thể hiểu được nếu người Nga lại cố tình gây nguy hiểm cho kế hoạch của Đồng minh bằng cách phá vỡ an ninh.

Với Janine Boitard, vợ chưa cưới của Gille vẫn ở lại Caen, thứ Ba vẫn chưa đến đủ sớm. Trong 3 năm hoạt động ngầm, cô đã che giấu hơn 60 phi công Đồng minh trong tầng hầm nhỏ ở số 15 phố Laplace. Đây là một công việc nguy hiểm, căng thẳng và không được tôn vinh; sơ suất nhỏ đồng nghĩa với ra trường bắn. Sau thứ Ba, Jannie sẽ dễ thở hơn một chút – cho tới khi cô lại che giấu một phi công bị bắn rơi nữa – vì hôm đó cô sẽ sắp xếp để đưa 2 phi công RAF (Không quân Hoàng gia Anh) bị bắn rơi ở miền Bắc nước Pháp đi thoát qua đường dây. Họ đã ở trong hầm 15 ngày. Cô hy vọng họ sẽ tiếp tục gặp

may.

Đối với những người khác, may mắn đã hết. Với Ameelie Lechevalier, ngày 6 tháng 6 có thể là tất cả hoặc không gì cả. Bà và người chồng Louis đã bị Gestapo bắt hôm 2 tháng 6. Ông bà đã giúp hơn 100 phi công Đồng minh trốn thoát; họ bị phản bội bởi một trong những cậu bé ở chính trang trại của họ. Giờ đây, trong xà lim ở nhà tù Caen, Ameelie Lechevalier ngồi trên giường và tự hỏi khi nào thì vợ chồng bà sẽ bị hành quyết.

Ngoài khơi nước Pháp, ngay trước 9:00 tối, một tá tàu nhỏ xuất hiện. Họ di chuyển lặng lẽ theo hàng ngang, gần tới mức các thủy thủ có thể nhìn rõ những ngôi nhà ở Normandy. Đội tàu di chuyển mà không bị phát hiện. Họ hoàn thành nhiệm vụ rồi quay trở lại. Đó là những tàu quét mìn của Anh – những người tiên phong của hạm đội hùng hậu nhất từng được tập hợp.

Giờ trở lại trên Eo biển, rẽ nước qua mặt biển xám dập dềnh là đội hình tàu sẽ tấn công vào châu Âu – sức mạnh và cơn giận dữ của thế giới tự do cuối cùng sẽ được tung ra. Họ đến, tầng tầng lớp lớp, đi hàng mười, trải dài 30km, với 5.000 tàu thuộc đủ loại. Có những tàu vận tải xung kích tốc độ cao kiểu mới, những tàu hàng chậm chạp đã gỉ sét, những tàu chở khách vượt đại dương loại nhỏ, tàu hơi nước của Eo biển, tàu bệnh viện, tàu chở dầu chịu được mọi thời tiết, tàu buôn và hàng đăm tàu kéo ồn ào. Có những hàng dài vô tận tàu đổ bộ nước nông – những chiếc tàu chịu tải tốt, một số dài gần 100m. Nhiều chiếc và những tàu vận tải lớn hơn chở theo những tàu đổ bộ loại nhỏ cho cuộc tấn công vào bãi biển – hơn 1.500 tàu. Dẫn đầu là các đội tàu quét mìn, canô của Phòng vệ bờ biển, tàu thả phao (buoy-layers) và motor launch **. Khí cầu được thả phía trên. Các phi đội tiêm kích luôn lách dưới mây. Và bao quanh đoàn tàu to lớn chưa đầy người, pháo, tăng, xe cơ giới và hàng hoá, không tính các tàu hải quân cỡ nhỏ là đội hình ghê gớm của 702 chiến hạm. *

* Có những tranh luận lớn về số lượng tàu của hạm đội đổ bộ, nhưng những công trình nghiên cứu quân sự chính xác nhất về D-Day – “Cross-Channel

Attack” của Gordon Harrison (chính sử của quân đội Mỹ) và cuốn lịch sử hải quân “Invasion of France and Germany” của Đô đốc Samuel Eliot Morison đồng ý con số vào khoảng 5.000. Nó bao gồm cả các tàu đổ bộ được chở theo. “Operation Neptune” của Trung tá Hải quân Hoàng gia Kenneth Edwards cho con số thấp hơn, khoảng 4.500 – TG.

*** Motor launch: Loại tàu nhỏ dùng để bảo vệ cảng và chống ngầm của Hải quân Anh – Chiangshan.*

Tuần dương hạm hạng nặng USS Augusta, kỳ hạm của Chuẩn đô đốc Kirk dẫn đầu lực lượng tác chiến Mỹ gồm 21 đoàn tàu hướng về bãi Omaha và Utah. Chỉ 4 tháng trước sự kiện Trân Châu cảng, chiến hạm Augusta đường bộ đã đưa Tổng thống Roosevelt tới một hải cảng trên vịnh Newfoundland tĩnh lặng cho cuộc gặp lịch sử đầu tiên với Winston Churchill. Gần đó, hiện ngang với những lá quân kỳ tung bay là các thiết giáp hạm: HMS Nelson, Ramillies và Warspite, USS Texas, Arkansas và chiếc chiến hạm đáng tự hào Nevada, từng bị quân Nhật tấn công và đánh hỏng ở Trân Châu cảng.

Dẫn đầu 38 đoàn tàu của quân Anh và Canada tiến về bãi Sword, Juno và Gold là tuần dương hạm HMS Scylla, kỳ hạm của Chuẩn đô đốc Sir Philip Vian, người đã đánh chìm thiết giáp hạm Bismarck của Đức. Và gần đó là một trong những tuần dương hạm nhẹ nổi tiếng nhất của Anh – HMS Ajax, một trong bộ ba đã kết liễu chiến hạm Graf Spee, niềm tự hào của hạm đội Hitler ở cảng Montevideo sau trận chiến River Plate tháng 12 năm 1939. Còn có những tuần dương hạm nổi tiếng khác - USS Tuscaloosa và Quincy, HMS Enterprise và Black Prince, chiếc Georges Leygues của Pháp – tổng cộng 21 tàu.

Dọc theo đoàn là đủ loại tàu: những tàu tuần tra duyên dáng, những hộ tống hạm thấp lùn, những pháo hạm mảnh dẻ như chiếc Soemba của Hà Lan, tàu tuần tiểu chống ngầm, tàu phóng lôi cao tốc và những khu trục hạm bóng loáng ở khắp nơi. Ngoài số lớn khu trục hạm của Anh và Mỹ, còn có tàu

Qu'Appelle, Saskatchewan, Ristigouche của Canada, Svenner của Na Uy và thậm chí có cả đóng góp từ lực lượng Ba Lan, chiếc Poiron.

Hạm đội vĩ đại này chậm rãi và nặng nề vượt Eo biển. Chúng tuân theo quy tắc giao thông từng phút một chưa bao giờ được tiến hành. Tàu rời cảng ở Anh và đi dọc theo bờ biển theo hàng hai, tụ lại trong khu tập kết phía Nam đảo Wight. Ở đó chúng tự sắp xếp và mỗi chiếc đứng vào vị trí đã được tính toán trước trong đội hình hướng về bãi biển được phân công. Ra khỏi khu tập kết mang biệt danh “Piccadilly Circus”, các đoàn tàu tiến về Pháp theo 5 tuyến được đánh dấu bằng phao. Khi tới Normandy từ 5 tuyến sẽ được chia thành 10, mỗi bãi biển 2 tuyến – 1 cho tốc độ cao, 1 cho tốc độ thấp. Phía trước, ngay sau mũi nhọn các tàu quét mìn, thiết giáp hạm và tuần dương hạm là các tàu chỉ huy, 5 tàu vận tải xung kích gắn đầy radar và ăng ten vô tuyến. Những sở chỉ huy nổi này là bộ óc trung tâm của cuộc đổ bộ.

Tàu bè ở khắp nơi. Với những người trên boong, hạm đội lịch sử này vẫn còn được ghi nhớ là hình ảnh “ấn tượng nhất, không thể nào quên” mà họ từng được chứng kiến.

Đối với binh lính, thật tốt khi cuối cùng cũng lên đường mặc dù phía trước là hiểm nguy và gian khổ. Họ vẫn còn căng thẳng nhưng một vài gánh nặng đã được cất đi. Giờ tất cả đơn giản là muốn hoàn thành nhiệm vụ của mình. Trên những tàu đổ bộ và tàu vận tải, người ta tranh thủ những giờ phút cuối để viết thư, chơi bài, tham gia những cuộc tán gẫu. Thiếu tá Thomas Spencer Dallas Sư đoàn 29 nhớ lại, “Cha tuyên úy rất bận rộn”.

Một mục sư trên chiếc tàu đổ bộ chật cứng, Đại úy Lewis Fulmer Koon, cha tuyên úy của Trung đoàn Bộ binh 12 Sư đoàn 4, thấy mình phải làm nhiệm vụ người cha tinh thần cho tất cả các tôn giáo. Một sĩ quan Do Thái, Đại úy Irving Gray, đề nghị Cha Koon hướng dẫn cả đại đội cùng cầu nguyện “tới vị Chúa mà chúng con tin tưởng, cả Tin lành, Công giáo hay Do Thái, rằng nhiệm vụ sẽ được hoàn thành và nếu có thể chúng con sẽ được trở về an toàn”. Koon vui vẻ nhận lời. Và trong bóng tối chạng vạng, Xạ thủ cấp 3

William Sweeney trên chiếc canô của lực lượng Phòng vệ bờ biển nhớ lại, tàu vận tải xung kích Samuel Chase phát tín hiệu, “Cả khối bắt đầu chuyển động”.

Phần lớn mọi người im lặng trong những giờ đầu tiên của cuộc hành trình. Nhiều người bắt đầu cởi mở và nói về những thứ mà thường họ chỉ giữ cho riêng mình. Hàng trăm người sau này nhớ lại họ cảm nhận nỗi sợ và nói chuyện về những vấn đề cá nhân với sự thẳng thắn hiếm thấy. Họ trở nên gần gũi hơn trong buổi tối bất thường này và giải bày tâm sự với những người họ chưa bao giờ gặp. “Chúng tôi nói rất nhiều về gia đình, về những gì chúng tôi đã trải qua, những gì sắp tới và về việc mọi thứ sẽ thế nào”, Binh nhất Earlston Hern ở Tiểu đoàn Công binh 146 nhớ lại. Trên mặt boong ẩm ướt và trơn tuột của chiếc tàu đổ bộ, Hern cùng một cứu thương mà anh không bao giờ biết tên đã có một cuộc đối thoại như vậy. “Người cứu thương có chuyện ở nhà. Vợ anh ta, một cô người mẫu muốn li dị. Anh ấy khá lo lắng. Anh ấy nói cô ta sẽ chờ tới khi anh ấy về. Tôi cũng nhớ là trong suốt thời gian chúng tôi nói chuyện, có một chàng trai trẻ đứng gần đó khe khẽ hát một mình. Cậu ta nhận thấy là mình hát tốt nhất từ trước tới giờ và điều đó rõ ràng làm cậu ấy vừa lòng”.

Trên boong chiếc HMS Empire Anvil, Binh nhất Micheal Kurtz của Sư đoàn 1 Mỹ, một cựu binh từng tham gia đổ bộ lên Bắc Phi, Sicily và Italy thấy Binh nhì Joseph Steinber, tân binh bổ sung ở Wisconsin lại gần:

“Binh nhất này”, Steinber nói, “anh có thực sự tin là ta có cơ hội không?”

“Khỉ thật, có chứ, nhóc”, Kurtz nói, “Đừng bao giờ lo là mình sẽ chết. Trong đơn vị ta chỉ lo về các trận đánh khi ta gặp chúng”.

Hạ sĩ Bill “L-Rod” Petty của Tiểu đoàn Biệt kích 2 cũng đang lo lắng. Cùng với người bạn, Binh nhất Bill McHugh, Petty ngồi trên boong chiếc tàu hơi nước Isle of Man nhìn vào màn đêm. Petty cảm thấy một sự an ủi lạnh nhạt từ

hàng dài những chiếc tàu xung quanh; tâm trí anh đang hướng về vách đá ở Pointe du Hoc. Quay sang McHugh, anh nói: “Chúng ta không có tí hy vọng khốn nạn nào là sẽ sống mà ra được khỏi đó”.

“Cậu bị quan quá đấy”, McHugh nói.

“Có thể”, Petty trả lời, “Nhưng sẽ chỉ có một trong hai ta làm được, Mac ạ”.

McHugh không xúc động. “Đến lúc phải đi thì cứ đi thôi”, anh nói.

Một vài người thử đọc sách. Binh nhất Alan Bodet Sư đoàn 1 bắt đầu với cuốn “Kings Row” của Henry Bellamann, nhưng anh thấy khó mà tập trung vì đang lo cho chiếc jeep. Liệu những chỗ bọc chống thấm nước có chịu được khi anh lái chiếc xe xuống chỗ nước sâu 1 đến 1,2m không? Pháo thủ Arthur Henry Boon của Sư đoàn 3 Canada trên chiếc tàu đổ bộ chở xe tăng cố đọc một cuốn sách bỏ túi có tựa đề gây tò mò “A Maid and a Million Men”. Cha tuyên úy Lawrence E. Deery của Sư đoàn 1 trên tàu vận tải HMS Empire Anvil thì ngạc nhiên khi thấy một sĩ quan hải quân Anh đọc thơ Horace bằng tiếng Latin. Nhưng bản thân Deery, người sẽ đổ bộ lên bãi Omaha trong đợt đầu tiên với Trung đoàn Bộ binh 16, cũng dành cả buổi tối đọc cuốn “Life of Michelangelo” của Symond. Ở một đoàn khác, trên chiếc tàu đổ bộ lắc lư nhiều đến nỗi hầu như tất cả đều bị say sóng, Đại úy James Douglas Gilan, một người Canada khác đang đọc một chương có ý nghĩa vào tối nay. Để làm yên lòng bản thân và một sĩ quan nữa, anh mở cuốn Thánh ca thứ 23 và đọc to “Chúa là người chăn dắt con; con không muốn ...”

Không phải tất cả đều nghiêm nghị. Có cả sự thư giãn nữa. Trên tàu vận tải HMS Ben Machree, một số lính biệt kích buộc những sợi dây chảo 2cm từ cột ăng ten với boong rồi bắt đầu leo trèo khắp nơi trước sự ngạc nhiên của các thủy thủ Anh. Trên một tàu khác, thành viên của Sư đoàn 3 Canada tổ chức một buổi tối tài tử với đủ thể loại ngâm thơ, nhảy jig, vũ quay và đồng ca. Hạ sĩ James Percival “Paddy” de Lacy của Trung đoàn Vua (King’s Regiment) xúc động khi nghe kèn túi chơi bài “Rose of Tralee” đã quên mất mình đang

ở đâu và đã đứng lên đề nghị chơi “Eamon de Valera” của Ireland để “giữ chúng ta tránh khỏi cuộc chiến”.

Nhiều người đã lo lắng hàng giờ về cơ hội sống sót của mình giờ không thể chờ để đặt chân lên bãi biển. Hành trình trên tàu tỏ ra tệ hơn cả nỗi sợ lớn nhất mà họ dành cho quân Đức. Say sóng đã lan ra khắp 59 đoàn tàu như một bệnh dịch, đặc biệt trên những chiếc tàu đổ bộ lắc mạnh. Mỗi người đều được phát thuốc chống say, cộng với một món đồ được ghi cẩn thận trong danh sách trang bị cơ bản của Lục quân, “Túi nôn, 1”.

Đó là nỗ lực cao nhất của quân đội, nhưng vẫn chưa đủ. “Túi nôn đầy, mũ sắt đầy, thùng chữa cháy bị đổ hết cát và người ta nôn đầy vào đó”, Hạ sĩ kỹ thuật William James Wiedefeld của Sư đoàn 29 nhớ lại. “Anh không thể đứng trên sàn được, và khắp nơi anh nghe người ta nói rằng, “Nếu họ sắp giết chúng ta thì hãy cho ta ra khỏi cái bồn chó chết này đi”. Trên một số tàu đổ bộ người ta mệt đến mức họ doạ - có lẽ còn hiệu quả hơn khi nói một cách nghiêm túc nhất – sẽ nhảy xuống biển. Binh nhì Gordon Laing Sư đoàn 3 Canada phải cố giữ lấy một người bạn đang “năn nỉ tôi bỏ tay khỏi thắt lưng của anh ta”. Một lính đặc công Thủy quân lục chiến Hoàng gia, Hạ sĩ Russel John Wither, nhớ rằng trên tàu của anh “túi nôn nhanh chóng bị dùng hết và chỉ còn lại có một cái duy nhất”. Nó được truyền tay nhau qua từng người.

Do say sóng, hàng nghìn người đã để lỡ bữa ăn tốt nhất mà họ đã chờ hàng tháng. Khẩu phần đặc biệt đã cấp cho tất cả các tàu những đồ ăn tốt nhất có thể. Mỗi tàu có thực đơn đặc biệt, binh lính đặt cho cái tên “bữa ăn cuối cùng”, khác nhau và mỗi người cũng có cảm giác khác nhau. Trên tàu vận tải xung kích Charles Carroll, Đại úy Carroll B. Smith Sư đoàn 29 có cá nướng với trứng ốp la, kem và quả mâm xôi. Hai giờ sau anh sẽ chiến đấu giành một vị trí trên đường xe lửa. Thiếu úy Joseph Rosenblatt, Jr Tiểu đoàn Công binh 112 ăn bảy miếng gà và cảm thấy khoẻ. Hạ sĩ Keith Bryan ở Lữ đoàn Công binh đặc biệt số 5 cũng vậy. Anh ăn sandwich và cà phê và vẫn thấy đói. Một trong những đồng đội của anh kiếm được 4 lít cocktail hoa quả trên tàu và 4

người bạn họ chén sạch nó.

Trên tàu HMS Prince Charles, Hạ sĩ Avery J. Thornhill của Tiểu đoàn Biệt kích 5 tránh xa mọi sự phiêu nhiễu. Anh đã uống quá liều thuốc chống say và ngủ một mạch.

Bất chấp nỗi sợ và sự khố sở, trí nhớ của nhiều người vẫn được ghi lại với sự rõ ràng đáng ngạc nhiên. Thiếu úy Donald Anderson Sư đoàn 29 nhớ rõ cảnh tượng mặt trời lặn khoảng 1 giờ trước khi trời tối, in bóng lên toàn hạm đội. Trước vinh dự của Hạ sĩ Tom Ryan Tiểu đoàn Biệt kích 2, những người lính trong đại đội F tập hợp xung quanh anh và hát "Happy Birthday". Anh đã 21 tuổi. Và đối với Binh nhì 19 tuổi Robert Marion Allen Sư đoàn 1 đang nhớ nhà thì đó là một "đêm sẵn sàng để bơi thuyền trên sông Mississippi".

Tất cả, trên những con tàu, những người sẽ làm nên lịch sử vào bình minh ngời lại để nghỉ ngơi được chút nào hay chút ấy. Trung tá Phillippe Kieffer của đơn vị đặc công Pháp độc lập buông mình xuống đệm trên chiếc tàu đổ bộ, trong tâm trí ông xuất hiện lời cầu nguyện của Sir Jacob Astley trong trận Edgehill ở Anh năm 1642. "Thưa Chúa", Kieffer cầu nguyện, "Người biết con sẽ phải vất vả như thế nào vào ngày này. Nếu con quên mất Người, xin Người đừng quên con". Ông kéo chân và gần như ngay lập tức thiếp đi.

Lúc đó là ngay sau 10:15 tối khi Trung tá Meyer, trưởng bộ phận phản gián của Tập đoàn quân 15 Đức lao ra khỏi văn phòng. Trên tay ông có lẽ là thông điệp quan trọng nhất trong Thế chiến II mà người Đức đã chặn được. Giờ Meyer biết cuộc đổ bộ sẽ diễn ra trong 48 giờ nữa. Với thông tin này, có thể đẩy quân Đồng minh xuống biển. Thông điệp được phát trên BBC tới lực lượng kháng chiến Pháp là dòng thứ hai trong bài thơ của Verlaine: "Blessent mon coeur d'une langueur monotone [Làm tổn thương trái tim tôi với nhịp điệu buồn tẻ]."

Meyer lao vào phòng ăn nơi Đại tướng ** Hans Von Salmuth, Tư lệnh Tập đoàn quân 15 đang chơi bài bridge với tham mưu trưởng của ông và 2 người

nữa. “Tướng quân”, Meyer thở hỗn hển, “Bản thông điệp, phần thứ hai – nó đây!”.

Von Salmuth suy nghĩ một chút, sau đó ông ra lệnh đặt Tập đoàn quân 15 vào tình trạng báo động cao nhất. Khi Meyer hồi hả rời phòng, Von Salmuth nhìn lại ván bài bridge trên tay. “Tôi đã quá già để ngạc nhiên trước những chuyện đó”, Von Salmuth kể lại.

*** Tác giả nhầm lẫn, trên thực tế Von Salmuth đã được phong quân hàm Chuẩn thống chế tháng 01/1943 - Chiangshan.*

Trở lại văn phòng, Meyer cùng đồng sự lập tức báo cho OB West, tổng hành dinh của Rundstedt bằng điện thoại. Đến lượt họ sẽ báo cho OKW, tổng hành dinh của Hitler. Đồng thời mọi bộ chỉ huy khác đều được thông tin qua điện báo.

Một lần nữa, vì những lí do chưa bao giờ được giải thích thoả đáng, Tập đoàn quân 7 không được tin. *

Hạm đội Đồng minh sẽ mất khoảng hơn 4 giờ để tới được khu vực vận tải ngoài khơi 5 bãi biển Normandy; trong vòng 3 giờ nữa 18.000 lính dù sẽ được thả xuống khắp những cánh đồng và vườn cây - ở khu vực của một đạo quân Đức chưa bao giờ được báo động cho D-Day.

* Mọi mốc thời gian trong cuốn sách này theo giờ mùa hè của Anh, chậm hơn giờ Đức 1 tiếng. Do đó với Meyer thời gian mà người của ông chặn được thông điệp là 9:15 tối. Theo sổ sách, nhật ký chiến đấu của Tập đoàn quân 15 ghi lại chính xác thông điệp đã được gửi bằng điện báo tới các bộ chỉ huy. Nó viết: “Điện báo số 2117/26 khẩn cấp tới Quân đoàn 67, 81, 82, 89; Tư lệnh quân quân Bỉ và Bắc Pháp; Cụm Tập đoàn quân B; Sư đoàn Phòng không 16; Đô đốc vùng duyên hải Eo biển; lực lượng Luftwaffe ở Bỉ và Bắc Pháp. Thông điệp của BBC lúc 2115 đã được xử lý. Căn cứ theo các tài liệu ghi lại, nó có ý nghĩa “Chờ cuộc đổ bộ tới trong 48 giờ nữa, bắt đầu từ 0000, 6 tháng

6”. Lưu ý rằng cả Tập đoàn quân 7 lẫn Quân đoàn 84 đều không có trong danh sách. Meyer không có nhiệm vụ báo cho các đơn vị đó. Trách nhiệm thuộc về sở chỉ huy của Rommel, do những đơn vị trên nằm dưới sự chỉ huy trực tiếp của Cụm quân B. Tuy nhiên, bí ẩn lớn nhất là vì sao OB West lại thất bại trong việc báo động toàn bộ mặt trận từ Hà Lan tới biên giới Tây Ban Nha. Bí ẩn này càng trở nên khó hiểu khi thực tế lúc chiến tranh kết thúc người Đức tuyên bố họ đã bắt được và giải mã chính xác ít nhất 15 thông điệp liên quan tới D-Day. Thông điệp Verlaine là cái duy nhất tôi thấy được ghi lại trong các nhật ký chiến đấu của Đức – TG.

*

* *

Binh nhì Arthur B. “Dutch” Schultz của Sư đoàn 82 đã sẵn sàng. Giống như mọi người khác trên sân bay, anh mặc đồ nháy, chiếc dù treo qua tay phải. Mặt bôi đen bằng than củi; đầu anh theo phong cách điên rồ do lính dù tạo ra ở khắp nơi đêm nay đã được cạo theo kiểu Iroquois với một chùm tóc nhỏ phủ lên. Xung quanh Dutch toàn là các thứ quân trang, anh đã sẵn sàng về mọi mặt. Trong số 2500 đô thăng được mấy giờ trước, giờ anh chỉ còn lại 20 đô.

Họ đang đợi xe đưa ra máy bay. Binh nhì Gerald Columbi, một trong những người bạn của Dutch chui ra từ đám bài bạc vẫn còn đang tiếp tục và vội vã bước tới. “Cho tớ vay 20 đô nhanh lên!”, anh nói.

“Để làm gì?”, Schultz hỏi, “Cậu sẽ bị giết mất”.

“Tớ sẽ đưa cậu cái này”, Columbi nói, cời chiếc đồng hồ đeo tay.

“Được rồi”, Dutch nói, đưa nốt 20 đô cuối cùng.

Columbi chạy trở lại đám bài bạc. Dutch nhìn chiếc đồng hồ; đó là một chiếc đồng hồ vàng Bulova kiểu vạch chia với tên của Columbi và lời đề tặng của

bố mẹ anh ở phía sau. Rồi có ai đó hét lên, “OK, lên đường nào”.

Dutch nhặt đồ và cùng các lính dù khác rời hangar. Khi trèo lên xe anh thấy Columbi. “Đây”, anh nói, đưa trả chiếc đồng hồ, “Tớ không cần đến 2 chiếc”. Giờ tất cả những gì Dutch còn là chuỗi hạt mẹ anh đã gửi. Anh đã quyết định mang theo nó. Xe chạy ngang sân bay về phía những chiếc máy bay đang đợi.

Trên khắp nước Anh, những người lính đổ bộ đường không Đồng minh trèo lên máy bay và tàu lượn. Máy bay chở lính tiền trạm đã cất cánh từ trước. Tại Sư đoàn bộ 101 ở Newbury, Tổng tư lệnh, Đại tướng Dwight D. Eisenhower, cùng một nhóm nhỏ sĩ quan và 4 phóng viên, dõi theo chiếc máy bay đầu tiên tiến vào vị trí cất cánh. Ông đã nói chuyện hơn 1 giờ với binh lính. Eisenhower lo lắng cho cuộc đổ bộ đường không hơn bất cứ giai đoạn nào của chiến dịch. Một vài chỉ huy của ông đã tin rằng cuộc tấn công sẽ phải chịu hơn 80 phần trăm thương vong.



Đại tướng Eisenhower và binh sĩ Sư đoàn đổ bộ đường không 101 chiều tối ngày 5/6/1944.

Eisenhower chào tạm biệt Sư đoàn trưởng 101, Thiếu tướng Maxwell D. Taylor, người đang dẫn đoàn quân của mình vào trận. Taylor bước thẳng và kiên quyết. Ông không muốn Tổng tư lệnh biết mình đã bị rách dây chằng đầu gối phải khi chơi bóng quần lúc chiều. Eisenhower có thể sẽ không cho phép ông đi.

Giờ Eisenhower đứng theo dõi các máy bay lần dọc đường băng và chậm chạp cất mình lên. Từng chiếc nối nhau lao vào màn đêm. Chúng vòng lượn tập hợp lại thành đội hình trên đỉnh sân bay. Eisenhower, tay dứt túi, nhìn đăm đăm lên bầu trời đêm. Khi đội hình khổng lồ ấy gầm lên lần cuối và hướng về phía Pháp, phóng viên Red Mueller của NBC nhìn sang Tổng tư lệnh. Mắt Eisenhower nhòa lệ.

Nhiều phút sau, trên Eo biển, những người của hạm đội đổ bộ nghe thấy tiếng máy bay. Từng giây chúng trở nên lớn hơn, và rồi từng đoàn máy bay lao qua. Đội hình này mất một khoảng thời gian dài mới đi hết. Sau đó tiếng động cơ nhỏ dần. Trên tháp chỉ huy chiếc USS Herndon, Đại úy Bartow Farr, các sĩ quan quan sát và phóng viên chiến trường của NEA, Tom Wolf nhìn chăm chăm vào màn đêm. Không ai nói một lời nào. Khi tốp cuối cùng bay qua, một luồng sáng màu hổ phách nhấp nháy trong mây hướng xuống hạm đội bên dưới. Một cách chậm chạp, nó phát đi 3 chấm và 1 gạch: kí hiệu V cho Victory.

PHẦN HAI: ĐÊM

Ánh trăng chiếu vào phòng ngủ. Bà Angeele Levrault, hiệu trưởng 60 tuổi ở Ste-Mere-eeglise chậm chạp mở mắt. Trên bức tường đối diện từng chùm sáng đỏ và trắng rung rinh không tiếng động. Bà Levrault ngồi dậy và nhìn chăm chăm. Những chùm sáng nhấp nháy đó dường như đang rơi xuống.

Khi đã hoàn toàn tỉnh táo, bà nhận ra mình đang nhìn vào bóng phản chiếu trên chiếc gương lớn ở tủ quần áo. Cũng chính thời điểm đó, bà nghe thấy từ xa vọng tới tiếng ù ù của động cơ máy bay, tiếng trầm của bom nổ và tiếng lạnh lạnh của pháo cao xạ. Bà vội vã bước tới cửa sổ.

Xa về phía bờ biển, lơ lửng một cách kì quặc trên trời là những chùm pháo sáng lấp lánh. Mây nhuộm màu đỏ. Ở khoảng cách này có thể thấy những đám lửa màu hồng sáng và những chùm sáng màu cam, xanh, vàng và trắng của đạn vạch đường. Với bà Levrrault, có vẻ Cherbourg ở cách đó 43km lại bị ném bom. Bà thấy mừng vì đã sống ở Ste-Mere-eeglise nhỏ bé và yên tĩnh đêm nay.

Bà hiệu trưởng xỏ giày, khoác áo và đi qua bếp tới cửa sau ra ngoài. Mọi thứ trong vườn vẫn bình yên. Pháo sáng và ánh trăng khiến nó sáng như ban ngày. Những cánh đồng và vườn cây xung quanh vẫn ở đó và yên tĩnh, chìm trong bóng tối.

Bà đi thêm mấy bước nữa thì nghe thấy tiếng máy bay to dần, hướng về thị trấn. Đột nhiên mọi khẩu cao xạ trong khu vực bắt đầu nhả đạn. Bà Levrault hoảng sợ chạy vội tới nấp bên gốc cây. Những chiếc máy bay bay rất nhanh và thấp được đón tiếp bằng những loạt đạn cao xạ rền vang như sấm và bà gần như bị điếc trong giây lát vì âm thanh đó. Hầu như ngay lập tức, tiếng gầm của động cơ nhỏ dần, pháo ngừng bắn và mọi thứ lại yên tĩnh như không có gì xảy ra.

Angeele Levrault nghe thấy một tiếng rung động lạ từ đâu đó phía trên. Bà ngược nhìn lên. Đang rơi thẳng xuống khu vườn là một chiếc dù với một thứ to lớn lắc lư bên dưới. Trong một giây ánh trăng bị che khuất, vì chính lúc đó Binh nhì Robert M. Murphy *, lính tiền trạm của Trung đoàn 505 Sư đoàn 82 rơi ụch xuống cách đó 18m và lăn mấy vòng. Bà Levrault đứng bất động.

* Khi là phóng viên chiến trường, tôi đã phỏng vấn bà Levrault tháng 6 năm 1944. Bà không hề biết tên hay đơn vị của người lính, nhưng bà đưa tôi xem 300 viên đạn vẫn còn ở trong bao mà người lính dù đã làm rơi. Năm 1958, tôi chỉ tìm gặp được có một tá lính tiền trạm Mỹ đầu tiên. Một trong số họ, anh Murphy, giờ là một luật sư có tiếng ở Boston, nói rằng “sau khi rơi xuống đất, tôi rút con dao từ chiếc bốt và cắt dây buộc. Tôi cũng cắt luôn cả dây treo bao đạn 300 viên mà không biết”. Câu chuyện của anh trùng khớp với những gì bà Levrault đã kể cho tôi 14 năm trước – TG.

Người lính dù 18 tuổi nhanh nhẹn dùng dao cắt đứt dây dù, nhặt chiếc túi lớn và đứng dậy. Rồi anh thấy bà Levrault. Họ đứng nhìn nhau trong một lúc lâu. Đối với bà già người Pháp, tay lính dù trông đáng sợ một cách kỳ lạ. Anh ta cao và gầy, mặt bôi những vệt ngụy trang làm nổi bật lên cái mũi và gò má. Và rồi, trong khi bà vẫn đứng bất động, nhìn với vẻ khiếp sợ, người lạ mặt đặt ngón tay lên môi ra hiệu im lặng và lập tức biến mất. Đến lúc đó bà Levrault mới hoạt động trở lại được. Nhặt chiếc áo khoác đêm, bà chạy như điên về nhà. Bà vừa nhìn thấy một trong những lính Mỹ đầu tiên đổ bộ xuống Normandy. Lúc đó là 00:15 sáng, thứ Ba, ngày 6 tháng 6. D-Day đã bắt đầu.

Trên khắp khu vực lính tiền trạm đã nhảy dù, một số ở độ cao chỉ 100m. Nhiệm vụ của đội tiên phong - một nhóm nhỏ những tình nguyện viên dũng cảm này là đánh dấu các “bãi đổ bộ” cho quân dù và tàu lượn của Sư đoàn 82 và 101 trong khu vực rộng 140km² của bán đảo Cherbourg sau lưng bãi Utah. Họ đã được huấn luyện ở một trường đặc biệt do Chuẩn tướng James M. “Jumpin’ Jim” Gavin tổ chức. Anh ta đã nói với họ, “Khi các cậu đổ bộ

xuống Normandy, các cậu sẽ chỉ có duy nhất một người bạn: Chúa”. Họ phải tránh phiền phức bằng mọi giá. Nhiệm vụ quan trọng của họ phụ thuộc vào tốc độ và bí mật.



Phù hiệu của lính tiền trạm Mỹ trong Thế chiến II

Những lính tiền trạm gặp khó khăn ngay từ khi bắt đầu. Họ bị ném vào hỗn loạn. Những chiếc Dakota bay qua mục tiêu nhanh tới mức ban đầu quân Đức tưởng họ là máy bay tiêm kích. Bất ngờ trước cuộc tấn công đột ngột, pháo cao xạ nổ sừng sững, tuôn lên bầu trời những chùm đạn vạch đường và đạn nổ mảnh đầy chết chóc. Khi Hạ sĩ Charles Asay nhảy xuống, anh quan sát một cách tò mò “dòng dài đẹp mắt những đường đạn đủ màu sắc bắn lên từ mặt đất”, làm anh nhớ lại ngày Quốc khánh 4 tháng 7. Anh nghĩ “chúng

rất đẹp”.

Máy bay chở Binh nhì Delbert Jones trúng đạn ngay trước khi anh nhảy. Viên đạn xuyên qua mà không gây hư hỏng nhiều, nhưng nó đi cách Jones chỉ vài cm. Còn Binh nhì Adrian Doss mang trên mình 45kg trang bị lơ lửng trên bầu trời thì đã hoảng sợ khi thấy những luồng đạn vạch đường nhảy nhót khắp nơi xung quanh. Chúng bắn qua đầu và anh cảm thấy chiếc dù bị giật mạnh khi viên đạn xé toạc lớp vải. Tiếp đó là một loạt đạn bắn trúng đồng vật dụng đeo phía trước. Thật phi thường là anh không bị thương, nhưng chiếc balô đã bị thủng một lỗ “đủ to để mọi thứ rơi ra hết”.

Hoả lực phòng không mạnh làm nhiều máy bay phải bỏ dở hành trình. Chỉ có 38 trong số 120 lính tiền trạm nhảy trực tiếp xuống đúng mục tiêu. Số còn lại rơi cách đó hàng km. Họ rơi xuống cây, vườn và vào mái nhà. Phần lớn là những lính dù kì cựu, nhưng kể cả thế họ vẫn hoàn toàn lúng túng khi cố gắng xác định phương hướng. Những cánh đồng nhỏ hơn, những hàng cây cao hơn và những con đường hẹp hơn so với những gì đã học nhiều tháng trên bản đồ. Trong giây phút đầu tiên mất phương hướng, vài người đã có những hành động ngớ ngẩn và thậm chí là nguy hiểm. Binh nhất Frederick Wilhelm quên bằng đi mình đang ở sau lưng địch và đã bật một trong những ngọn đèn đánh dấu lớn mang theo. Anh muốn xem nó có còn hoạt động được không. Nó còn. Đột nhiên cả khu đất sáng rực lên, làm Wilhem hoảng sợ còn hơn cả việc bị quân Đức bắn. Đại úy Frank Lillyman, chỉ huy nhóm của Sư đoàn 101 cũng bị lạc mục tiêu. Rơi xuống một bãi cỏ, anh bất ngờ thấy xuất hiện trước mặt mình là một cái bóng khổng lồ cúi xuống trong đêm tối. Anh suýt nữa đã bắn trước khi nó tự giới thiệu bản thân bằng một tiếng bò rống.

Ngoài việc làm bản thân mình và người dân Normandy hoảng hốt, những lính tiền trạm còn gây ngạc nhiên và bối rối cho vài lính Đức nhìn thấy họ. Hai lính dù thực tế đã rơi xuống bên ngoài sở chỉ huy của Đại úy Ernst Deuring ở Sư đoàn 352 Đức, cách bãi đổ bộ gần nhất hơn 8km. Deuring, người chỉ huy một đại đội đại liên bố trí ở Brevands đã bị đánh thức bởi tiếng máy bay bay

thấp và tiếng pháo cao xạ. Nhảy khỏi giường, anh ta mặc đồ nhanh tới mức đi ngược cả ủng (anh ta không nhận ra cho tới cuối D-Day). Deuring nhìn thấy trên đường bóng dáng của 2 người ở cách đó một quãng. Anh ta quát hỏi nhưng không ai trả lời. Lập tức Deuring xả đạn vào đó bằng khẩu tiểu liên Schmeisser. Không có bắn trả từ 2 người lính tiền trạm tinh nhuệ. Họ đơn giản là biến mất. Quay trở lại sở chỉ huy, Deuring gọi cho tiểu đoàn trưởng. Anh ta nói hốt hển qua điện thoại: "Fallschirmjeager [Lính dù]! Fallschirmjeager!"

Những người khác không may mắn như vậy. Khi Binh nhì Robert Murphy Sư đoàn 82 lôi chiếc túi (đựng một bộ radar xách tay) chui ra khỏi vườn nhà bà Levrault và tiến về bãi đổ bộ ở phía bắc Ste-Mere-eeglise, anh nghe thấy tiếng súng nổ phía bên phải mình. Sau này Murphy mới biết là bạn anh, Binh nhì Leonard Devorchak đã bị bắn vào lúc đó. Devorchack, người đã thề “một ngày nào đó sẽ kiếm được một tấm huân chương chỉ để chứng tỏ với bản thân là tớ làm được”, có lẽ là lính Mỹ đầu tiên hy sinh trong D-Day.

Trên khắp khu vực, những lính tiền trạm như Murphy cố gắng tìm đến địa điểm được phân công. Lặng lẽ di chuyển từ hàng cây này sang hàng cây khác, những lính dù với vẻ ngoài dữ tợn, to lớn trong chiếc áo khoác nhảy dù và mang vác đầy những súng đạn, mìn, đèn, radar và các tấm phản quang, bắt đầu chuẩn bị điểm tập kết. Họ chỉ có không đầy 1 giờ để đánh dấu các bãi đáp cho cuộc tiến công toàn diện của lực lượng đổ bộ đường không Mỹ sẽ bắt đầu lúc 1:15 sáng.

Cách đó 80km, ở phía cực đông của chiến trường Normandy, 6 máy bay chở lính tiền trạm Anh và 6 máy bay ném bom RAF kéo tàu lượn lướt qua bờ biển. Trước mặt họ là bầu trời phủ đầy đạn cao xạ và những đốm sáng ma quái của pháo sáng treo lơ lửng khắp nơi. Trong ngôi làng nhỏ Ranville cách Caen vài km, cậu bé 11 tuổi Alain Doix cũng nhìn thấy pháo sáng. Tiếng súng đã đánh thức cậu và bây giờ cậu đang nhìn chăm chăm vì khiếp sợ - cũng giống như bà Levrault - hoàn toàn bị thôi miên bởi ánh phản chiếu đầy biến hoá mà cậu nhìn thấy trên quả đấm bằng đồng trên những thanh cột ở cuối

giường. Lay gọi người bà ngủ cùng cậu, bà Mathilde Doix, Alain xúc động kêu lên, “Dậy đi! Dậy đi, bà, cháu nghĩ đang có chuyện xảy ra”.

Ngay sau đó bố của Alain, ông Rene Doix lao vào phòng. “Mặc quần áo nhanh lên”, ông giục, “Có lẽ đây là một vụ tập kích lớn đấy”. Từ cửa sổ, hai bố con có thể nhìn thấy những chiếc máy bay bay qua, nhưng khi quan sát Rene thấy chúng không phát ra tiếng động. Đột nhiên ông nhận ra đó là cái gì. “Lạy Chúa”, ông kêu lên, “không phải máy bay! Chúng là tàu lượn!”.

Như những con dơi khổng lồ, 6 chiếc tàu lượn mỗi chiếc chở khoảng 30 người lặng lẽ sà xuống. Ngay khi đi qua bờ biển, ở một điểm cách Ranville khoảng 8km, chúng tách khỏi các máy bay kéo ở độ cao 1.500 đến 1.800m. Giờ chúng hướng về 2 dải nước nằm song song lấp lánh trong ánh trăng: kênh Caen và sông Orne. Hai chiếc cầu được canh gác cẩn mật bắc qua 2 con kênh nằm ngay phía trên và giữa Ranville và làng Beenouville, chiếc này dẫn tới chiếc kia. Đó là mục tiêu của đơn vị tàu lượn thuộc Sư đoàn Đổ bộ đường không 6 Anh này – những người tình nguyện từ các đơn vị đáng tự hào như Trung đoàn Bộ binh nhẹ Oxfordshire và Buckinghamshire cùng Công binh Hoàng gia. Nhiệm vụ nguy hiểm của họ là tiêu diệt lính gác và chiếm cầu. Nếu thành công, đường giao thông chính từ Caen tới biển sẽ được kiểm soát, ngăn chặn viện binh Đức, đặc biệt là các đơn vị xe tăng cơ động theo trục đông – tây tiến công vào sườn khu vực đổ bộ của quân Anh – Canada. Những cây cầu này cần cho việc mở rộng khu đứng chân, do vậy chúng phải được đánh chiếm ngay lập tức trước khi lính gác cho nổ mìn. Điều này yêu cầu một cuộc tấn công chớp nhoáng bất ngờ. Người Anh tiến hành với một giải pháp táo bạo và mạo hiểm. Những người lính vòng tay qua nhau và nín thở khi tàu lượn nhẹ nhàng lao xuống trong đêm trăng để hạ cánh ngay sát cầu.



Cầu kênh Caen sau khi được quân Anh đánh chiếm, ngày 9/6/1944.

Binh nhì Bill Gray, một xạ thủ trung liên Bren ở trong một trong 3 tàu lượn đang hướng tới cây cầu trên kênh Caen, nhắm mắt và gồng mình chờ đợi cuộc hạ cánh. Yên tĩnh một cách lạ lùng. Không có tiếng động nào từ mặt đất. Âm thanh duy nhất là tiếng rì rì của khẩu súng máy. Ngồi gần cánh cửa, sẵn sàng bật mở nó khi họ tiếp đất là Thiếu tá John Howard, người chỉ huy cuộc tấn công. Gray nhớ là trung đội trưởng của mình, Trung úy H. D.

“Danny” Brotheridge nói, “Tối rồi, các cậu”. Sau đó là một tiếng rít như xé. Bộ càng bung ra, mảnh vụn bắn ra phía sau từ vòm che buồng lái, và chiếc tàu lượn trượt rít trên mặt đất, lắt lư từ bên này qua bên kia như xe mất lái làm toé lên những tia lửa. Với nửa cánh tan tành, cái xác tàu va mạnh khi dừng như Gray nhớ lại, “mũi vùi trong đám dây thép gai và gần như nằm trên cầu”.

Người nào đó hô, “Tiến lên nào, các cậu!”, và những người lính chui ra, một số từ cửa, một số từ cái mũi tàu vỡ nát. Gần như cùng lúc và chỉ cách đó vài mét, hai chiếc tàu lượn kia trượt tới và từ trong đó những người còn lại của lực lượng tấn công toả ra. Giờ tất cả cùng xông tới cây cầu. Đó là một cảnh hỗn loạn. Quân Đức bị bất ngờ và không có tổ chức. Lựu đạn được tung vào các căn hầm và giao thông hào. Vài lính Đức đã thực sự ngủ quên, tỉnh dậy trong sự choáng váng do tiếng nổ và bị kết liễu bởi những loạt Sten. Một số khác vẫn còn kinh ngạc, vớ lấy súng và bắt đầu bắn trả bừa bãi vào những cái bóng dường như hiện ra từ hư không.

Trong khi các đội đang quét nốt sự đề kháng, Gray cùng khoảng 40 người do Trung úy Brotheridge chỉ huy xung phong qua cầu để đánh chiếm bờ bên kia quan trọng hơn. Được nửa đường, Gray thấy một lính Đức cầm khẩu súng ngắn Very định bắn pháo hiệu. Đó là hành động cuối cùng của một kẻ gan dạ. Gray kẹp khẩu Bren vào sườn xả đạn, và anh nghĩ những người khác cũng làm thế. Tên lính gục xuống sau khi phát pháo hiệu được bắn lên và nổ toé trên bầu trời đêm.

Lời cảnh báo của hãn - có lẽ là cho quân Đức gác cầu sông Orne phía trước vài trăm mét đã được đưa ra quá trễ. Đám lính canh ở đây đã bị tiêu diệt mặc dù chỉ có 2 trong số 3 tàu lượn đến đúng chỗ (chiếc thứ ba hạ cánh nhằm cách đó 11km ở một cây cầu khác – cầu sông Dives). Cả hai mục tiêu bị chiếm gần như cùng lúc. Choáng váng vì cuộc đột kích nhanh gọn, quân Đức đã bị áp đảo. Trớ trêu thay, lính gác Đức không thể phá hủy cầu ngay cả khi chúng có thời gian. Sau khi xem xét, công binh Anh phát hiện mặc dù đã

được chuẩn bị sẵn sàng, nhưng thuốc nổ chưa bao giờ được đặt vào vị trí. Chúng được tìm thấy trong một căn lều gần đó.

Giờ là sự yên tĩnh kì lạ dường như luôn đến sau mỗi trận đánh, khi những người lính vẫn còn bàng hoàng trước tốc độ diễn ra của các sự kiện đang cố gắng hình dung làm sao mình thoát chết, và tất cả đều tự hỏi còn có những ai sống sót. Anh lính Gray 19 tuổi phấn khởi vì những gì đã làm, hăm hở tìm kiếm người trung đội trưởng “Danny” Brotheridge mà lần cuối anh thấy là khi dẫn đầu cuộc xung phong qua cầu. Nhưng đã có thương vong, và một trong số đó là người trung úy 28 tuổi. Gray thấy thi thể Brotheridge nằm trước cửa một quán cà phê nhỏ gần cầu. “Anh ấy bị bắn vào cổ”, Gray nhớ lại, “và hình như bị trúng một quả lựu đạn khói phốt pho. Chiếc áo khoác nhảy dù vẫn còn đang cháy”.

Gần đó trong một công sự chiếm được, Binh nhất Edward Tappenden gửi đi tín hiệu thành công. Anh nhắc đi nhắc lại mật ngữ vào chiếc điện đài xách tay. “Giảm bông và rút... Giảm bông và rút...” Trận đánh đầu tiên của D-Day đã kết thúc. Nó chỉ diễn ra trong không đầy 15 phút. Lúc này Thiếu tá Howard và hơn 150 binh sĩ của anh ở sâu trong lòng địch và bị cô lập kể từ bây giờ đang chuẩn bị để bảo vệ cây cầu quan trọng.



Thiếu tá John Howard, Đại đội trưởng Đại đội D, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Bộ binh nhẹ Oxfordshire và Buckinghamshire, Lữ đoàn Không vận số 6, Sư đoàn Đổ bộ đường không số 6 Anh.

Ít nhất họ cũng biết mình ở đâu. Nhưng tình cảnh lại không như thế đối với phần lớn trong số 60 lính tiền trạm Anh đã nhảy khỏi 6 máy bay ném bom lúc 12:20 đêm – cùng thời điểm các tàu lượn của Howard hạ cánh.

Những người này đảm nhiệm một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất. Là đội tiên phong của Sư đoàn 6 Anh, họ đã tình nguyện nhảy vào khu vực chưa biết và đánh dấu 3 bãi đổ bộ phía tây sông Orne bằng đèn chiếu, radar và các thiết bị dẫn đường khác. Những khu vực này đều nằm trong một tam giác có diện tích khoảng 50km², gần với 3 ngôi làng nhỏ – Varaville cách bờ biển không đầy 5km; Ranville gần cây cầu Howard đang giữ; và Touffreville nằm về phía đông ngoại ô Caen khoảng 8km. Lúc 12:30, quân dù Anh sẽ được thả xuống đây. Lính tiền trạm chỉ có 30 phút để hoàn thành công việc.

Ngay cả ở Anh vào ban ngày cũng phải rất khéo mới tìm và đánh dấu được bãi đổ bộ trong 30 phút. Nhưng vào ban đêm, trong vùng địch và ở một đất nước mà chỉ vài người trong số họ từng đặt chân đến, nhiệm vụ quả là gay go. Cũng giống những đồng đội ở cách đó 80km, những người lính Anh cũng rơi vào rắc rối. Họ cũng bị phân tán khắp nơi và thậm chí còn lộn xộn hơn.

Khó khăn của họ bắt đầu với thời tiết. Một cơn gió bất chợt nổi lên (người Mỹ không gặp điều này) và một số khu vực bị che phủ bởi những đám lửa và sương mù. Các máy bay rơi vào một trận mưa đạn cao xạ. Các phi công tránh theo bản năng, kết quả là họ bay vượt qua hoặc không tìm thấy mục tiêu. Vài phi công đã lượn 2 hay 3 vòng trên khu vực được đánh dấu cho tới khi lính dù nhảy hết. Một chiếc bay rất thấp, gan lỳ quần lượn trong 14 phút rợn tóc gáy trước hỏa lực cao xạ dày đặc trước khi thả hết quân. Kết quả của tất cả những chuyện này là nhiều lính tiền trạm hay trang bị của họ đã rơi xuống không đúng chỗ.

Lính dù nhảy xuống Varaville tương đối chính xác, nhưng họ sớm nhận ra là phần lớn trang bị đã vỡ nát hoặc rơi đâu đó khi thả. Không lính tiền trạm ở Ranville nào tiếp đất thậm chí gần với khu vực, họ bị phân tán ra cách đó hàng km. Nhưng không may nhất là nhóm nhảy xuống Touffreville. Hai toán mỗi toán 10 người sẽ đánh dấu khu vực bằng đèn, mỗi chiếc đèn phát lên trời

đêm mã hiệu chữ K. Một trong hai toán đó rơi xuống Ranville. Họ dễ dàng tập hợp lại, tìm đến chỗ mà họ tưởng là địa điểm đúng và vài phút sau phát đi tín hiệu sai.

Toán thứ hai nhảy xuống Touffreville cũng không tới đúng nơi. Trong số 10 người của toán này, chỉ có 4 người tiếp đất an toàn. Một trong số đó, Binh nhì James Morrissay kinh hãi thấy 6 người còn lại bất ngờ bị một cơn gió mạnh cuốn lấy, đẩy ra xa về phía đông. Morrissey quan sát một cách bất lực khi họ bị đẩy về phía thung lũng Dives ngập nước, thấp thoáng trong ánh trăng – khu vực mà quân Đức đã làm ngập như một phần trong kế hoạch phòng thủ. Morrissey không bao giờ gặp lại người nào.

Morrissey cùng 3 binh sĩ còn lại tiếp đất khá gần Touffreville. Họ tập hợp lại và Binh nhất Patrick O'Sullivan tiến hành trinh sát khu đổ bộ. Mấy phút sau anh bị bắn từ bên rìa khu vực mà họ cho là phải đánh dấu. Do vậy Morrissey và 2 người kia bố trí đèn trên ruộng ngô đã rơi xuống.

Trên thực tế trong những phút bối rối đầu tiên, một số lính tiền trạm đã đụng địch. Ở đây đó họ làm lính gác giết mình và nổ súng, và chắc chắn một số đã bị thương vong. Nhưng chính sự yên tĩnh đáng ngại xung quanh mới gây ra nỗi sợ lớn nhất. Người ta đã tưởng là sẽ gặp đối phương ngay từ giây phút họ tiếp đất. Thay vào đó, nó lại yên tĩnh đối với phần lớn bọn họ - quá yên tĩnh đến mức họ đã trải qua những điều tưởng như ác mộng. Trong nhiều tình huống, các lính tiền trạm lặng lẽ theo dõi lẫn nhau trên những cánh đồng và vườn cây, người này nghĩ người kia là lính Đức.



Lính tiền trạm Anh trước giờ xuất phát.

Mò mẫm trong đêm ở Normandy, quanh những trang trại tối om và ở ngoại vi những ngôi làng còn đang say ngủ, những lính tiền trạm và 210 người thuộc bộ phận đi trước của các tiểu đoàn cố gắng xác định phương hướng. Nhiệm vụ trước tiên của họ luôn là tìm hiểu chính xác vị trí hiện tại. Những người được thả chính xác thì nhận ra các vật chuẩn đã được xem trên bản đồ. Những người khác bị lạc hướng hoàn toàn thì thử tìm đường với bản đồ và la bàn. Đại úy Anthony Windrum ở một đơn vị thông tin đi trước giải quyết vấn đề bằng một cách nhanh gọn hơn. Giống như người lái xe rẽ sai đường trong đêm, Windrum tìm một tấm biển chỉ đường, bình tĩnh quẹt diêm và nhận ra

Ranville - điểm tập kết của anh chỉ cách đó vài km.

Nhưng vài lính tiền trạm thì không thể nào khắc phục được. Hai trong số đó rơi thẳng xuống bãi cỏ ngay trước sở chỉ huy của Thiếu tướng Josef Reichert, Tư lệnh Sư đoàn 711 Đức. Reichert đang chơi bài khi máy bay bay qua, ông ta cùng các sĩ quan khác lao ra hiên vừa kịp lúc để thấy 2 lính Anh tiếp đất.

Rất khó để nói rằng ai là người ngạc nhiên hơn, Reichert hay 2 lính dù. Sĩ quan tình báo của Reichert bắt giữ, tước vũ khí và giải họ lên hiên nhà. Reichert đang sững sốt chỉ có thể thốt ra: “Các anh từ đâu tới?”, một trong hai người, tự tin như thể rơi xuống một bữa tiệc cocktail, trả lời, “Hết sức xin lỗi, ông già ạ, bọn này rơi nhầm xuống đây thôi”.

Trong lúc họ đang bị thẩm vấn, 570 lính dù Mỹ và Anh - lực lượng đầu tiên của Đồng minh tới giải phóng châu Âu, đã bắt đầu trận chiến D-Day. Trên các bãi đổ bộ, những ngọn đèn bắt đầu chiếu lên bầu trời.

“Chuyện gì xảy ra thế?”, Thiếu tá Werner Pluskat hét lên trong điện thoại. Đang kinh ngạc và còn ngái ngủ, anh vẫn đang mặc đồ lót. Tiếng máy bay và tiếng súng đã đánh thức anh, và bản năng nói cho anh rằng đây không chỉ là một cuộc tập kích thông thường. Hai năm với những kinh nghiệm cay đắng ở mặt trận Nga đã dạy vị thiếu tá cách tin tưởng vào bản năng của mình.

Trung tá Ocker, trung đoàn trưởng dường như bực mình vì cuộc gọi của Pluskat. “Pluskat thân mến”, ông ta lạnh lùng nói, “bọn tôi cũng không biết chuyện gì đang xảy ra. Chúng tôi sẽ báo cho anh khi nào biết được”. Một tiếng cạch khi Ocker dập máy.

Câu trả lời không thoả mãn Pluskat. Trong 20 phút vừa qua máy bay đã vượt qua bầu trời phủ đầy pháo sáng, ném bom khu bờ biển phía tây và phía đông. Khu vực của Pluskat ở giữa yên tĩnh một cách bất thường. Từ sở chỉ huy ở Etreham cách bờ biển 6,5km, anh ta chỉ huy 4 đại đội pháo của Sư đoàn 352 Đức – tổng cộng 20 khẩu. Chúng kiểm soát một nửa bãi Omaha.

Bồn chồn, Pluskat quyết định vượt mặt trung đoàn trưởng của mình, anh gọi cho sư đoàn bộ và trao đổi với sĩ quan Tình báo Sư đoàn 352, Thiếu tá Block. “Có lẽ chỉ là một cuộc tập kích khác, Pluskat ạ”, Block nói. “Vẫn còn chưa rõ ràng”.

Cảm thấy một chút ngớ ngẩn, Pluskat bỏ máy. Anh tự hỏi mình có xốc nổi quá không. Sau tất cả vẫn không có báo động. Pluskat nhớ lại, thực tế là sau hàng tuần báo động lên xuống, đây là một trong số vài đêm mà người của anh được lệnh nghỉ trực.

Lúc này Pluskat đã tỉnh táo, không dễ để ngủ lại. Anh ngồi bên thành giường một lúc. Dưới chân, chú chó chăn cừu Đức nằm yên. Mọi thứ trong lâu đài vẫn thế, nhưng từ xa Pluskat vẫn có thể nghe thấy tiếng máy bay.

Bỗng chuông điện thoại kêu vang. Pluskat nhắc ống nghe. “Có báo cáo lính dù xuất hiện trên bán đảo”, Trung tá Ocker bình tĩnh nói. “Báo động người của anh và tới bờ biển ngay. Có thể đây là cuộc đổ bộ”.

Mấy phút sau, Pluskat, Đại úy Ludz Wilkening chỉ huy Đại đội 2 và Trung úy Fritz Theen, sĩ quan tác xạ, lên đường trở về sở chỉ huy tiền phương của họ, một hầm quan sát xây trong lòng đồi gần làng Ste-Honorine. Harras cũng đi cùng. Họ lên vào ngồi trên chiếc Volkswagen và Pluskat nhớ lại rằng trong mấy phút đi tới bờ biển không ai nói gì. Anh còn một mối lo nữa: các khẩu pháo chỉ đủ đạn cho 24 giờ. Vài ngày trước, Đại tướng Marcks ở Quân đoàn 84 tới kiểm tra các khẩu pháo và Pluskat đã đặt câu hỏi. “Nếu cuộc đổ bộ xảy ra ở khu vực của cậu”, Marcks đã đảm bảo với anh, “cậu sẽ có nhiều đạn hơn số có thể bắn”.

Đi qua vòng ngoài của khu phòng thủ bờ biển, chiếc Volkswagen tới Ste-Honorine. Ở đây, dắt theo Harras và những người khác theo sau, Pluskat chậm chạp leo đồi lên qua con đường hẹp dẫn tới sở chỉ huy được ngụy trang.

Con đường được đánh dấu rõ ràng bằng những cọc dây thép gai. Đây là lối đi duy nhất và xung quanh là bãi mìn. Ở gần đỉnh đồi, thiếu tá đi xuống một con hào, leo xuống những bậc thang bằng bê tông, tiếp theo là một đường hầm vòng vèo và cuối cùng bước vào một căn hầm lớn duy nhất dùng làm đài quan sát, được điều hành bởi 3 người.

Pluskat nhanh chóng ngồi vào ống kính pháo binh có tầm quan sát lớn đặt trên bệ cạnh 1 trong 2 lỗ châu mai của căn hầm. Vị trí quan sát không thể tốt hơn: nó ở phía trên bãi Omaha hơn 30m và gần như hướng thẳng vào trung tâm của khu vực sẽ sớm trở thành đầu cầu của Normandy. Trong ngày trời quang, từ vị trí lợi hại này, trác thủ có thể quan sát toàn bộ vịnh Seine, từ đầu mút của bán đảo Cherbourg ở bên trái tới Le Havre và xa hơn phía bên phải.

Ngay cả bây giờ dưới ánh trăng, Pluskat cũng có tầm nhìn đáng kể. Chậm rãi xoay ống kính từ trái sang phải, anh quan sát khu vịnh. Hơi có sương mù. Những đám mây đen thỉnh thoảng lại che khuất ánh trăng sáng và phủ bóng tối xuống biển, nhưng không thấy gì bất thường. Không ánh sáng, không tiếng động. Anh quan sát khu vịnh nhiều lần, nhưng hoàn toàn không thấy chiếc tàu nào.

Cuối cùng, Pluskat đứng dậy. “Ngoài này không có gì”, anh nói với Trung úy Theen khi gọi cho sở chỉ huy trung đoàn. Nhưng Pluskat vẫn lo lắng. “Tôi sẽ ở lại đây”, anh nói với Ocker, “có lẽ chỉ là báo động sai, nhưng chuyện gì đó vẫn có thể xảy ra”.

Bây giờ, những báo cáo mơ hồ và mâu thuẫn đang được gửi tới tập về các sở chỉ huy trên khắp vùng Normandy do Tập đoàn quân 7 đảm trách, và ở khắp nơi các sĩ quan đang cố giải quyết chúng. Họ có rất ít manh mối – những bóng người nhìn thấy ở đây, súng nổ ở kia, chiếc dù mắc trên cây ở một chỗ khác. Đầu mối cho một thứ gì đó – nhưng là thứ gì? Mới chỉ có 570 lính đổ bộ đường không Đồng minh được thả xuống. Từng đó là đủ để gây nên sự hoang mang này.

Những báo cáo này vụn vặt, phân tán và thiếu thuyết phục đến mức kể cả những người dày dạn kinh nghiệm cũng thấy nghi ngờ. Bao nhiêu người đã được thả dù – 2 hay 200? Liệu họ có phải các phi công ném bom đã nhảy dù không? Đây có phải là một loạt các hoạt động của quân kháng chiến Pháp? Không ai chắc chắn, kể cả Thiếu tướng Reichert của Sư đoàn 711, người đã tận mắt nhìn thấy lính dù. Reichert nghĩ đây là một cuộc tập kích nhằm vào sở chỉ huy của mình và ông ta đã báo cáo lên quân đoàn như thế. Sau đó tin này được đưa tới sở chỉ huy Tập đoàn quân 15, tại đó nó được ghi lại chính xác trong nhật ký chiến trường với chú thích khó hiểu, “Không có thêm chi tiết”.

Tất cả đều tỏ ra thận trọng vì trong quá khứ từng có quá nhiều báo động sai. Các đại đội trưởng nghĩ đi nghĩ lại trước khi báo cáo lên tiểu đoàn. Họ cử các toán tuần tiễu đi kiểm tra và tái kiểm tra. Các tiểu đoàn trưởng còn cẩn thận hơn khi báo lên trung đoàn. Về những gì thực sự diễn ra tại khắp các sở chỉ huy trong những phút đầu của D-Day, số tư liệu cũng nhiều như số người đã tham dự. Nhưng dường như chỉ có một điều là rõ ràng: trên cơ sở những báo cáo không đồng nhất, ở thời điểm đó không ai định ra lệnh báo động – một lệnh báo động rất có thể là nhầm. Và thời gian trôi qua như vậy.

Ở bán đảo Cherbourg, hai viên tướng đã lên đường tới tham gia cuộc diễn tập ở Rennes. Giờ người thứ ba, Thiếu tướng ** Wilhelm Falley của Sư đoàn Không vận 91 chọn thời điểm này để khởi hành. Mặc dù đã có lệnh từ sở chỉ huy Tập đoàn quân 7 cấm các sĩ quan rời đi trước khi trời sáng, Falley không thấy có cách nào đến kịp trừ khi lên đường sớm hơn. Quyết định này sẽ đáng giá mạng sống của ông.

** Tác giả có sự nhầm lẫn, Wilhelm Falley được thăng quân hàm Trung tướng tháng 05/1944 - Chiangshan.

Tại sở chỉ huy ở Le Mans, Tư lệnh Tập đoàn quân 7, Chuẩn thống chế Friedrich Dollmann đang ngủ. Có lẽ do thời tiết, ông đã hủy bỏ cuộc diễn tập

báo động theo lịch vào đúng đêm nay. Một mỗi, ông nghỉ sớm. Người tham mưu trưởng chu đáo và có năng lực của ông, Thiếu tướng Max Pemsel thì đang sửa soạn đi ngủ.



Chuẩn thống chế Friedrich Dollmann, Tư lệnh Tập đoàn quân 7 Đức.

Tại sở chỉ huy Quân đoàn 84 ở St-Leo, cấp chỉ huy thứ hai sau Tập đoàn quân, mọi thứ đã được chuẩn bị cho bữa tiệc sinh nhật bất ngờ dành cho Đại tướng Eirch Marcks. Thiếu tá Friedrich Hayn, sĩ quan Tình báo quân đoàn đã có sẵn rượu. Dự định là Hayn, Trung tá Friedrich von Crigern - Tham mưu trưởng và các sĩ quan khác sẽ bước vào văn phòng của Marcks khi đồng hồ nhà thờ St-Leo điểm nửa đêm (1:00 sáng giờ mùa hè của Anh). Mọi người tự hỏi vị tướng cụt chân có khuôn mặt lạnh lùng này (ông đã mất một chân ở

Nga) sẽ phản ứng thế nào. Được đánh giá là một trong những tướng lĩnh hàng đầu ở Normandy nhưng ông cũng là người giản dị, không thể hiện dù là theo cách nào. Tuy nhiên, kế hoạch đã được thực hiện và mặc dù cảm thấy ý tưởng này có một chút gì đó trẻ con, họ vẫn quyết định tiến hành bữa tiệc. Họ đang chuẩn bị bước vào phòng thì đột nhiên khẩu đội cao xạ ở gần đó nổ súng. Tất cả lao ra ngoài vừa kịp lúc để thấy một máy bay ném bom Đồng minh bốc cháy rơi xuống và tiếng pháo thủ hét lên mừng rỡ, “Trúng rồi! Trúng rồi!”. Đại tướng Marcks vẫn ở bên trong.

Khi chuông nhà thờ bắt đầu điểm, cả nhóm với Thiếu tá Hayn dẫn đầu mang theo chai Chablis và ly tiến vào phòng Marcks - có lẽ hơi thiếu tự nhiên một chút - để chúc mừng thủ trưởng của mình. Marcks ngược lên và nhìn chăm chăm vào họ một cách nhẹ nhàng qua cặp kính. “Cái chân giả của ông ấy kêu lách cách”, Hayn nhớ lại, “khi ông bước tới chào chúng tôi”. Ông ta vẫy tay thân thiện ra hiệu cho họ nghỉ. Chai rượu được mở và các sĩ quan đứng nghiêm xung quanh vị tướng 53 tuổi. Trình trọng nâng cốc, họ vui vẻ uống chúc sức khoẻ ông, không hề biết ở cách đó 64km, 4.255 lính Anh đang nhảy dù xuống đất Pháp.

Dọc theo những cánh đồng phủ đầy ánh trắng của Normandy truyền đi tiếng tù và khàn khàn, âm vang. Âm thanh này vang trong không gian, cô độc, bất thường. Tiếng tù và lặp đi lặp lại. Di chuyển qua những cánh đồng, dọc theo những con mương, bên những hàng cây, những cái bóng đội mũ sắt, áo khoác nhảy dù ngụy trang màu xanh, nâu và vàng, trang bị trên người, tất cả đang hướng về lời kêu gọi. Những tiếng tù và khác tiếp tục được xướng lên. Đột nhiên một hồi kèn nổi lên giòn giã. Đối với hàng trăm binh sĩ Sư đoàn 6 Anh, đó là hiệu lệnh xung trận.

Điệu nhạc kì lạ đó xuất phát từ khu vực Ranville. Đó là tín hiệu tập hợp dành cho 2 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn Dù số 5 và họ phải di chuyển khẩn trương. Một tiểu đoàn phải tới chi viện cho lực lượng nhỏ bé của Thiếu tá Howard đang bảo vệ những cây cầu. Tiểu đoàn kia phải chiếm giữ Ranville, nằm ở lối phía đông dẫn đến những điểm vượt sông quan trọng này. Những sĩ quan dù

chưa bao giờ sử dụng cách này để tập hợp binh sĩ, nhưng đêm nay tốc độ là cần thiết. Sư đoàn 6 đang chạy đua với thời gian. Đợt đầu tiên của quân Mỹ và Anh sẽ đổ bộ lên 5 bãi biển của Normandy trong khoảng từ 6:30 đến 7:30 sáng. “Những con quỷ đỏ” có 5 tiếng rưỡi để đánh chiếm đầu cầu và giữ sườn trái của toàn bộ khu vực đổ bộ.

Sư đoàn có nhiều nhiệm vụ, đòi hỏi sự ăn khớp đến từng phút. Theo kế hoạch, lực lượng dù được phân công chiếm các cao điểm đông bắc Caen, giữ các cây cầu qua sông Orne và kênh Caen, phá hủy 5 cầu khác trên sông Dives và nhờ đó ngăn chặn đối phương - đặc biệt là xe tăng - tiến công vào bên sườn khu vực đổ bộ.

Nhưng những lính dù trang bị nhẹ không đủ hỏa lực để ngăn chặn một cuộc đột kích của thiết giáp. Vì vậy thành công của nhiệm vụ giữ vững mục tiêu phụ thuộc vào việc những khẩu pháo chống tăng với đạn xuyên giáp đặc biệt được đưa đến nhanh chóng và an toàn. Do trọng lượng và kích thước lớn nên chỉ có một cách để đưa chúng an toàn tới Normandy là dùng tàu lượn. Lúc 3:20 sáng, 69 tàu lượn sẽ tiến vào không phận Normandy mang theo người, xe cộ, trang bị nặng và những khẩu pháo quý giá.

Bản thân những chiếc tàu lượn là một vấn đề lớn với hành trình. Chúng rất lớn – to hơn một chiếc DC-3. Bốn trong số đó là những chiếc Hamilcar lớn tới mức có thể chuyên chở cả xe tăng nhẹ. Để 69 tàu lượn có thể hạ cánh, trước tiên lính dù phải chiếm giữ các khu đổ bộ đã được lựa chọn, ngăn ngừa địch tấn công. Tiếp đó họ phải tổ chức một bãi đổ bộ lớn từ những đồng cỏ bị rải đầy vật cản. Điều đó đồng nghĩa với phá bỏ cả một rừng những cọc mìn và thanh tà vẹt chỉ trong 2 tiếng rưỡi. Bãi đổ bộ này sẽ được dùng cho đợt tàu lượn thứ hai sẽ hạ cánh vào buổi tối.

Còn một việc nữa phải làm. Đó có lẽ là nhiệm vụ quan trọng nhất của Sư đoàn 6: phá hủy cụm pháo bờ biển lớn ở gần Merville. Tình báo Đồng minh tin rằng 4 khẩu pháo ghê gớm này có thể quấy rối quá trình tập hợp hạm đội

và tàn sát số quân đổ bộ lên bãi Sword. Sư đoàn 6 sẽ phải phá huỷ những khẩu pháo này lúc 5:00 sáng.

Để hoàn thành nhiệm vụ, 4.255 lính dù của Lữ đoàn 3 và 5 đã nhảy xuống Normandy. Họ rơi xuống một khu vực trải rộng - hậu quả của những sai sót trong định hướng, máy bay phải đổi hướng do cao xạ, các bãi đổ bộ được đánh dấu tồi và do gió mạnh. Một số gặp may, nhưng hàng nghìn người khác đã rơi xuống cách bãi đổ bộ từ 8 đến 56km.



Lính dù Anh ở Normandy, ngày 10/6/1944.

Trong 2 lữ đoàn thì Lữ đoàn 5 ở trong tình trạng khá nhất. Phần lớn được thả gần mục tiêu ở gần Ranville. Tuy thế, các đại đội trưởng cũng đã mất giai đoạn tốt nhất trong 2 giờ đó chỉ để tập hợp được có một nửa quân số. Dù sao

rất nhiều người cũng đang trên đường, được hướng dẫn bằng những tiếng tù và.

Binh nhì Raymond Batten thuộc Tiểu đoàn 13 nghe thấy tiếng tù và, nhưng mặc dù ở gần như ngay cạnh bãi đổ bộ anh vẫn không thể làm được gì lúc đó. Batten đã rơi qua tán cây dày của một khu rừng nhỏ. Anh bị treo trên cây, đu đưa chậm chạp từ bên này qua bên kia, cách mặt đất chỉ có 4,5m. Mặc dù khu rừng có vẻ tĩnh mịch, nhưng Batten có thể nghe thấy từ đằng xa từng loạt súng máy kéo dài, tiếng máy bay và cao xạ bắn. Khi rút dao chuẩn bị cắt dây, Batten nghe thấy tiếng lạch cạch từ một khẩu tiểu liên Schmeisser gần đó. Một phút sau, tiếng bước chân trên lá xào xạc và có người từ từ tiến về phía anh. Batten đã để rơi khẩu Sten trong lúc nhảy và không có súng ngắn. Anh bị treo một cách vô dụng ở đây, không biết liệu một tên Đức hay một lính dù khác đang lại gần mình. “Khi hấn tiến lại và nhìn lên”, Batten nhớ lại, “Tất cả những gì tôi có thể làm là bất động tuyệt đối và hấn có lẽ nghĩ tôi đã chết nên bỏ đi, đúng như mong đợi”.

Batten khẩn trương trèo xuống và hướng về phía hiệu tù và tập hợp. Nhưng những thử thách của anh còn xa mới chấm dứt. Ở bìa rừng anh thấy thi thể của một người lính trẻ, dù đã không mở. Tiếp đó, khi anh đi dọc con đường, một người chạy lên từ phía sau, hét lên điên dại, “Chúng bắn chết bạn tôi rồi! Chúng bắn chết bạn tôi rồi!”. Và cuối cùng, gặp được một toán lính dù cũng đang đi về phía điểm tập kết, Batten thấy bên cạnh là một người dường như đang còn sống. Anh ta sai bước, không nhìn sang bên cạnh, hoàn toàn không nhận ra khẩu súng trường cầm chặt trong tay gần như đã gãy đôi.

Trong đêm nay, ở rất nhiều nơi, những người như Batten bị choáng váng gần như ngay lập tức trước thực tế gay gắt của chiến tranh. Khi đang cố gắng thoát ra khỏi đám dây dù, Binh nhất Harold Tait ở Tiểu đoàn 8 nhìn thấy một chiếc Dakota bị cao xạ bắn trúng. Chiếc máy bay lao đảo lết qua đầu anh như một ngôi sao chổi và nổ tung trong một tiếng dữ dội cách đó gần 1,5km. Tait tự hỏi liệu những lính dù bên trong có kịp nhảy ra không.

Binh nhì Percival Liggins của Tiểu đoàn 1 Canada chứng kiến một máy bay khác bốc cháy. Nó “lao hết tốc lực, từng mảnh rời ra, cháy rực từ đầu đến đuôi” và dường như đâm thẳng đến chỗ anh. Cảnh tượng đó thôi miên Liggins khiến anh không thể cử động được. Chiếc máy bay lướt qua đầu và đâm xuống bãi đất phía sau. Anh cùng đồng đội tìm cách tới chỗ máy bay rơi để cứu những người bên trong, nhưng “đạn được bắt đầu nổ và chúng tôi không thể lại gần”.

Đối với Binh nhì Colin Powell 21 tuổi ở Tiểu đoàn 12 rơi cách bãi đổ bộ hàng km thì âm thanh đầu tiên của chiến tranh là tiếng rên trong đêm. Anh quỳ xuống bên một lính dù bị thương nặng, một người Ireland đang yếu ớt cầu xin Powell “Bắt tôi đi anh bạn, làm ơn”. Powell không thể làm việc đó. Anh cố chăm sóc người lính trong khả năng của mình rồi vội vã đi tiếp, hứa sẽ tìm người giúp.

Trong những phút đầu tiên, tài xoay sở trở thành thước đo sinh tồn của nhiều người. Trung úy Richard Hilborn ở Tiểu đoàn 1 Canada nhớ lại, anh rơi xuống mái một khu nhà kính, “kính vỡ văng khắp nơi và gây nên những tiếng động khốn kiếp”, nhưng anh đã thoát ra và chạy đi trước khi mảnh kính ngừng rơi. Một người khác rơi chính xác xuống giếng. Sau khi kéo dây dù để lôi mình lên, anh ta bắt đầu tìm đến nơi tập kết như thể không có gì xảy ra.

Ở khắp nơi người ta tự tìm cách thoát ra khỏi tình trạng hỗn loạn. Phần lớn hoàn cảnh của họ cũng đã đủ tệ nếu xảy ra vào ban ngày; giờ trong đêm, trên vùng đất thù địch, họ bị pha trộn giữa nỗi sợ và trí tưởng tượng. Đó là trường hợp của Binh nhì Godfrey Maddison, anh ngồi bên rìa một khu đất bị dây thép gai bao bọc, không thể cử động. Cả hai chân đều bị thép gai cuốn vào và trọng lượng của đồng trang bị - 57kg, gồm cả 4 quả đạn cối 4,5kg – đã đẩy anh vào đám rào quá sâu khiến anh gần như mắc kẹt hoàn toàn. Maddison đang đi về hướng có hiệu tù và tập hợp của Lữ đoàn 5 thì bị trượt chân và ngã vào đó. “Tôi bắt đầu thấy hơi đau”, anh nhớ lại, “trời rất tối

và tôi cảm thấy chắc chắn ai đó sẽ bắn mình”. Trong vài giây anh không làm gì ngoài chờ và lắng nghe. Sau đó, xác định không bị phát hiện, Maddison bắt đầu cử động chậm chạp và đau đớn để tự giải thoát. Đường như phải mất hàng giờ anh mới giải phóng được một cánh tay để lấy chiếc kéo cắt rào gài ở dây lưng phía sau. Trong vài phút anh đã thoát ra và lại đi tiếp về hướng tiếng tù và.

Cũng khoảng thời gian đó, Thiếu tá Donald Wilkins thuộc Tiểu đoàn 1 Canada đang khom mình đi tới một gian xưởng nhỏ. Đột nhiên anh thấy những bóng người trên bãi cỏ. Anh lập tức nằm xuống. Những bóng đèn đó không cử động. Wilkins nhìn chăm chăm vào chúng, và sau một phút, bắt đầu nguyên rửa và bước tới để kiểm tra sự nghi ngờ của mình. Chúng là những bức tượng đá trong vườn.

Một hạ sĩ của đơn vị trên cũng trải qua những cảm giác tương tự, ngoại trừ việc những gì anh ta nhìn thấy chỉ là quá thật. Binh nhì Henry Churchill, trong một con mương gần đó, nhìn thấy tay hạ sĩ vừa nhảy xuống chỗ nước sâu đến đầu gối, cởi bỏ dù và nhìn một cách tuyệt vọng khi có hai người tiến lại gần. “Viên hạ sĩ chờ đợi”, “Churchill nhớ lại, “cố phán đoán xem họ là lính Anh hay lính Đức”. Họ lại gần hơn và giọng nói không nghi ngờ gì nữa là tiếng Đức. Khẩu Sten của hạ sĩ khạc lửa và “anh ta hạ chúng chỉ bằng một loạt đạn”.

Kẻ thù nguy hiểm nhất trong những phút đầu tiên của D-Day không phải con người mà là thiên nhiên. Các biện pháp phòng ngừa của Rommel đã tỏ ra hiệu quả: những sông hồ và đầm lầy trong thung lũng Dives ngập nước là những cái bẫy chết người. Nhiều thành viên của Lữ đoàn 3 rơi xuống khu vực này giống như hoa giấy rơi lá tả ra từ trong túi. Đối với những lính dù này, bất hạnh tiếp nối bất hạnh. Một số phi công bị lạc trong mây dày đặc đã nhầm cửa sông Dives với cửa sông Orne và thả họ xuống một mê cung những đầm lầy và hồ. Cả một tiểu đoàn 700 quân đáng lẽ phải được thả tập trung trong khu vực rộng 2,5km² thì thay vào đó lại bị rải ra trên khắp một

vùng rộng 130km², phần lớn là các khu đầm lầy. Và tiểu đoàn này - Tiểu đoàn 9 đã được huấn luyện kỹ - lại có nhiệm vụ khó khăn nhất, khẩn cấp nhất, đó là tấn công trận địa pháo Merville. Một số người sẽ phải mất nhiều ngày để tìm về đơn vị; nhiều người sẽ không bao giờ trở về.

Sẽ không bao giờ biết có bao nhiêu người đã chết ở Dives. Những người sống sót kể lại rằng đầm lầy chia cắt bởi những con mương sâu 2m, rộng 1,2m và dưới đáy là chất lỏng nhờn dính. Một người đơn độc, bị súng, đạn và trang bị đè nặng lên người sẽ không thể thoát khỏi những nó. Các túi đựng bị ướt gần như trở nên nặng gấp đôi và người ta phải cởi bỏ nó để sống sót. Nhiều người bằng cách nào đó tránh được các đầm lầy đã chết đuối dưới sông trong khi bờ chỉ cách đó vài mét.

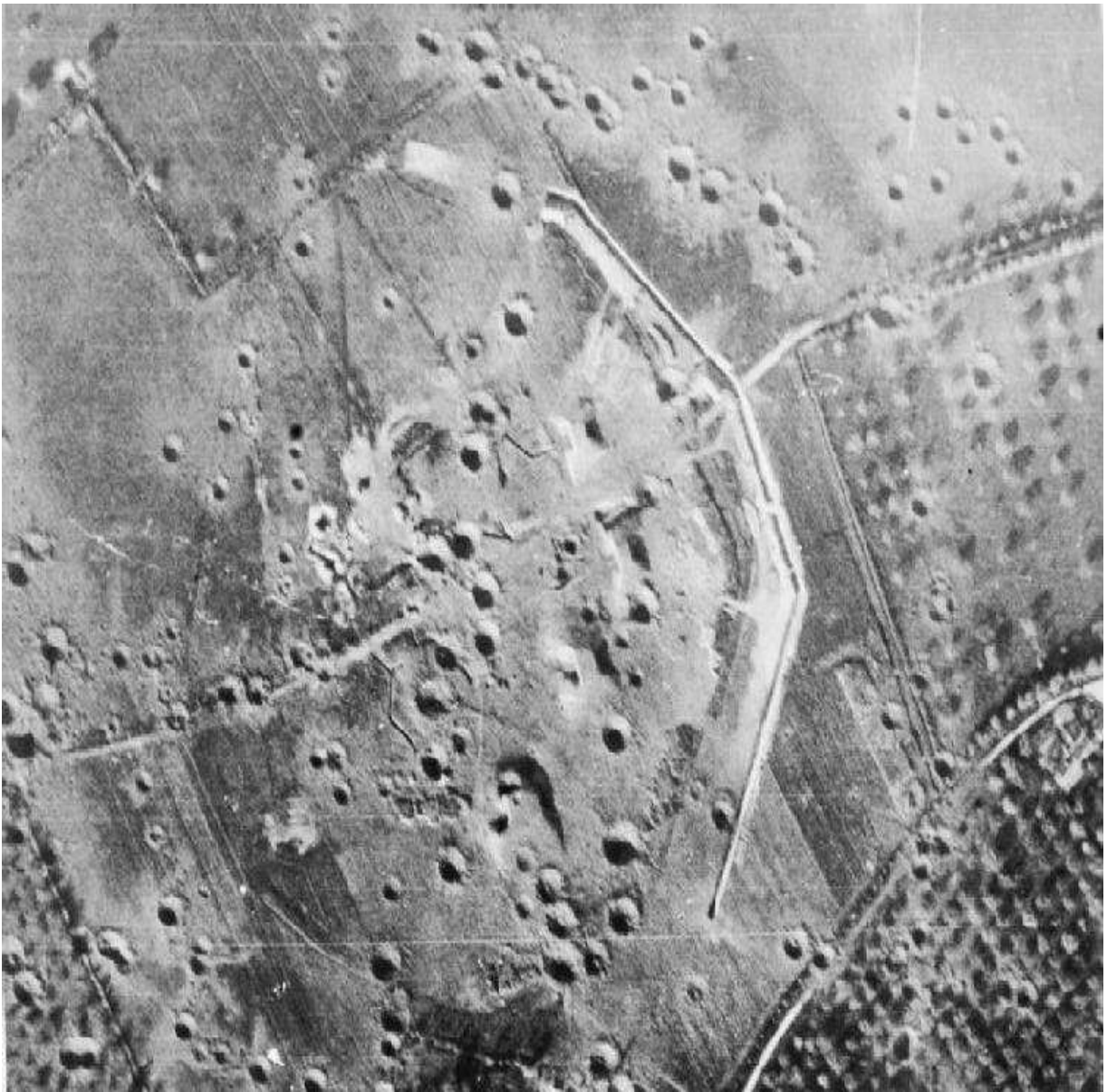
Binh nhì Henry Humberstone của Đội Cứu thương đã chiến đấu 224 suýt nữa đã chết như vậy. Humberstone rơi xuống đầm lầy, ngập đến thắt lưng và không có ý niệm nào về vị trí anh đang ở. Anh đã chờ sẽ tiếp đất trong khu vực vườn cây ở phía tây Varaville, thay vào đó anh rơi xuống phía đông khu đổ bộ. Ngăn cách anh và Varaville không chỉ là đầm lầy mà là cả con sông Dives. Màng sương thấp bao phủ khu vực giống như một lớp phấn trắng và Humberstone có thể nghe thấy tiếng ếch kêu xung quanh. Sau đó, phía trước là tiếng nước chảy không thể nhầm lẫn. Humberstone trượt chân nhiều lần khi vượt qua những khu đất ngập và tới được bờ sông Dives. Trong khi tìm cách vượt sông, anh thấy 2 người ở bờ bên kia. Họ ở Tiểu đoàn 1 Canada. “Làm sao qua sông được?”, Humberstone hét lên. “An toàn ấy mà”, một người trong bọn họ trả lời. Người lính Canada lội xuống sông, có lẽ để cho anh thấy. “Tôi quan sát anh ấy 1 phút và phút sau anh ấy biến mất”, Humberstone nhớ lại, “Anh ấy không hét hay kêu la hay gì cả. Anh ấy chỉ đơn giản là chết đuối ngay trước mặt mà tôi và bạn anh ấy ở bên kia không thể làm gì”.

Đại úy John Gwinnett, cha tuyên úy Tiểu đoàn 9 bị lạc hoàn toàn. Ông cũng rơi xuống khu đầm lầy. Ông chỉ có một mình và mất bình tĩnh bởi sự im ắng

xung quanh. Gwinnet phải thoát khỏi đây. Ông chắc chắn cuộc tấn công Merville sẽ ác liệt và ông muốn ở đó với người của mình. “Nỗi sợ gõ cửa”, ông đã nói với họ ở sân bay ngay trước khi lên đường, “Lòng tin mở cửa, và ngoài đó chẳng có gì”. Hiện giờ Gwinnett vẫn chưa biết, nhưng ông sẽ mất trọn 17 tiếng trước khi tìm được đường thoát khỏi đầm lầy.

Chính lúc đó, người chỉ huy Tiểu đoàn 9, Trung tá Terence Otway đang giận đến điên người. Anh đã bị thả cách điểm tập kết hàng cây số, và anh biết tiểu đoàn của mình đã hoàn toàn bị phân tán. Khi Otway vội vã đi trong đêm, những nhóm nhỏ xuất hiện khắp nơi, xác nhận nghi ngờ tồi tệ nhất. Anh tự hỏi cuộc thả dù còn tệ đến mức nào. Liệu những tàu lượn đặc biệt có bị phân tán như thế không?

Otway rất cần những khẩu pháo và các trang bị khác do tàu lượn chở nếu muốn kế hoạch thành công, vì Merville không phải một trận địa pháo thông thường. Bao quanh nó là cả một hệ thống phòng thủ có chiều sâu. Để tới được trung tâm của trận địa – 4 khẩu trọng pháo đặt trong công sự bê tông – Tiểu đoàn 9 sẽ phải vượt qua các bãi mìn và hào chống tăng, xuyên thủng lớp rào thép gai dày 4,5m, lại những bãi mìn nữa và cuối cùng phải đánh mở đường qua một mê cung chiến hào đầy các ổ súng máy. Quân Đức coi pháo đài chết chóc do 200 lính bảo vệ này gần như là bất khả xâm phạm.



Trận địa pháo Merville sau đợt oanh tạc của Không quân Đồng minh, tháng 5/1944.

Otway không nghĩ thế, và kế hoạch phá hủy các khẩu pháo của anh được chuẩn bị kỹ lưỡng, tỉ mỉ đến khó tin. Anh không muốn bỏ lỡ cơ hội nào. Trước tiên, 100 máy bay ném bom Lancaster sẽ oanh tạc ồ ạt với những quả bom 4000 pound. Tàu lượn sẽ chở đến xe jeep, pháo chống tăng, súng phun lửa, “ngư lôi Bangalore” [những ống thuốc nổ dài dùng để phá hàng rào], máy dò mìn, súng cối và thậm chí cả những chiếc thang gấp nhẹ bằng nhôm. Sau

khi thu thập hết số trang bị đó, người của Otway sẽ chia thành 11 nhóm để bắt đầu tấn công.

Chuyện này đòi hỏi sự ăn khớp về thời gian. Nhóm trinh sát sẽ dẫn đầu và do thám khu vực. Các đội “cuốn băng” sẽ gỡ mìn và đánh dấu lối đi đã dọn sạch. Các đội “bộc phá” sẽ dùng “ngư lôi Bangalore” để phá hàng rào. Các xạ thủ bắn tỉa, súng cối và súng máy sẽ chiếm lĩnh vị trí để yểm trợ cuộc xung phong.

Kế hoạch của Otway còn một bất ngờ cuối cùng nữa: cùng thời điểm lực lượng của anh tấn công, 3 tàu lượn chở đầy lính sẽ hạ cánh thẳng trên đầu trận địa pháo trong một đòn đột kích phối hợp cả từ dưới đất và trên không.

Nhiều điểm trong kế hoạch giống như liều mạng, nhưng đáng để làm thế vì những khẩu pháo ở Merville có thể tàn sát hàng ngàn lính Anh nếu chúng bắn xuống bãi Sword. Ngay cả nếu mọi thứ diễn ra đúng thời gian đã định trong vài giờ nữa, từ lúc Otway tập hợp quân, hành quân tới trận địa pháo thì họ cũng chỉ có không đầy 1 giờ để phá huỷ nó. Anh đã được báo rõ là nếu họ không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian, hải quân sẽ làm nốt. Nghĩa là đến 5:30 sáng đơn vị Otway phải tránh xa trận địa bất kể chuyện gì xảy ra. Vào lúc đó, nếu không có tín hiệu thành công từ Otway, cuộc bắn phá sẽ bắt đầu.

Kế hoạch là thế. Nhưng khi Otway đang vội vã đến điểm tập kết một cách lo lắng, phần đầu tiên đã đi tong. Cuộc không kích lúc 12:30 thất bại hoàn toàn, không một trái bom nào rơi trúng trận địa pháo. Và sai sót đã nhún lên gấp bội: những tàu lượn mang theo những trang bị quý giá đã không tới được.

** **

Ở trung tâm của bờ biển Normandy, trong căn hầm quan sát nhìn xuống bãi Omaha, Thiếu tá Werner Pluskat vẫn đang quan sát. Ngoài những con sóng

đầu bạc, anh không thấy gì thêm. Sự lo lắng của anh vẫn chưa giảm đi; có lẽ, Pluskat đang cảm thấy chắc chắn hơn bao giờ hết là điều gì đó đang xảy ra. Ngay sau khi anh tới căn hầm, liên tiếp các tốp máy bay gầm rú bay về phía bên phải; Pluskat nghĩ có đến hàng trăm chiếc. Ngay từ phút đầu tiên thấy chúng, anh đã chờ đợi một cuộc gọi bất chợt từ trung đoàn xác nhận nghi ngờ của mình là cuộc đổ bộ đang thực sự bắt đầu. Nhưng điện thoại vẫn câm lặng. Không có gì thêm từ Ocker sau cuộc gọi đầu tiên. Giờ Pluskat nghe thấy một thứ khác – tiếng của một số lượng lớn máy bay chậm chậm vọng đến hướng về bên trái. Lần này những tiếng động đến từ phía sau anh. Có vẻ những chiếc máy bay này đang tiến về bán đảo Cherbourg từ phía tây. Pluskat đang hoang mang hơn bao giờ hết. Theo bản năng anh nhìn vào ống kính một lần nữa. Khu vịnh hoàn toàn trống trải. Không thấy gì.

Ở Ste-Mere-eeglise tiếng bom nổ rất gần. Alexandre Renaud, thị trưởng và được sĩ của thị trấn có thể thấy mặt đất rung chuyển. Với ông có vẻ máy bay đang tấn công các trận địa pháo ở Sr-Marcouf và St-Martin-de-Varreville, cả hai đều cách đây có vài km. Ông rất lo lắng cho thị trấn và người dân. Tất cả những gì họ có thể làm là ẩn nấp trong những con hào đào trong vườn hay tầng hầm, họ không thể rời nhà do lệnh giới nghiêm. Renaud đưa bà vợ Simone và 3 đứa con tới hành lang dẫn ra phòng khách. Những tấm ván dày của nó có thể che chắn tốt cho họ. Lúc đó vào khoảng 1:10 sáng khi cả gia đình cùng tạm thời ẩn náu trước cuộc không kích. Renaud nhớ rõ thời điểm (với ông là 12:10 đêm), vì ngay sau đó có tiếng gõ cửa liên tục và vội vã.

Renaud để gia đình ở nguyên chỗ và bước qua quây thuốc tối om nhìn ra quảng trường Place de l'eeglise. Trước khi ra tới cửa, ông đã nhận thấy vấn đề. Qua cửa sổ của quây hàng, ông thấy quảng trường với những hàng cây dẻ ở bên và ngôi nhà thờ Norman lớn hiện lên sáng rực. Biệt thự của M. Hairon đối diện quảng trường đang bốc cháy dữ dội.

Renaud mở cửa. Đội trưởng cứu hoả của thị trấn, đội chiếc mũ đồng bóng loáng dài đến vai đang đứng trước mặt ông. “Tôi nghĩ là bom cháy từ máy

bay đã rơi lạc vào”, ông nói luôn không mào đầu, chỉ về phía ngôi nhà cháy. “Lửa đang lan nhanh. Ông có thể bảo bọn chỉ huy bỏ lệnh giới nghiêm không? Ta cần càng nhiều người giúp chuyển nước càng tốt”.

Ông thị trưởng chạy tới sở chỉ huy quân Đức ở gần đó. Ông nhanh chóng giải thích tình hình cho tay hạ sĩ trực, và với thẩm quyền được giao, anh ta cho phép. Cùng lúc đó lính gác Đức được triệu tập để canh chừng trong khi những người tình nguyện tập hợp. Tiếp đó Renaud tới nhà xứ và báo cho Cha Louis Roulland. Vị linh mục cử người trông coi nhà thờ đi kéo chuông, trong khi ông cùng với Renaud và những người khác chạy đi gõ cửa, kêu gọi người dân tới giúp. Mọi người bắt đầu xuất hiện, một số vẫn mặc đồ ngủ, một số mới chỉ khoác thêm quần áo, và hơn 100 đàn ông và phụ nữ nhanh chóng xếp thành 2 hàng dài, chuyền tay nhau những xô nước. Đứng quanh họ là 30 lính Đức với súng trường và tiểu liên Schmeisser.

Renaud nhớ lại, trong lúc hỗn loạn ấy Cha Roulland kéo ông sang một bên. “Ta phải nói chuyện với ông – rất quan trọng”, vị linh mục nói. Ông dẫn Renaud xuống gian bếp của nhà xứ. Bà hiệu trưởng già Angeele Levrault đang chờ họ. Bà vẫn còn sốc. “Một người đã nhảy dù xuống vườn đậu của tôi”, bà ngập ngừng nói. Renaud còn lo lắng hơn, nhưng ông cố trấn an bà. “Bình tĩnh”, ông nói, “Bà hãy về nhà và ở yên đó”. Rồi ông quay lại đám chữa cháy.

Tiếng ồn và sự hỗn loạn đã gia tăng khi ông vắng mặt. Ngọn lửa bốc cao hơn. Những tia lửa bắn sang những ngôi nhà khác và chúng đã bắt đầu cháy. Đối với Renaud cảnh tượng này thật là ác mộng. Ông gần như đứng chôn chân, nhìn thấy những gương mặt hoảng hốt, vội vã của những người chữa cháy và những tên lính Đức cục mịch, quần áo kín người với súng trường và súng máy trong tay. Và trên quảng trường chuông vẫn đang kêu, góp thêm tiếng lanh lảnh kéo dài vào những âm thanh hỗn loạn. Sau đó tất cả cùng nghe thấy tiếng máy bay.

Tiếng động lớn dần vọng đến từ phía tây, và cùng với nó là từng loạt cao xạ nổ vang khi những khẩu đội bố trí trên bán đảo lần lượt nhả đạn trùm lên các tốp máy bay. Trên quảng trường Ste-Mere-eeglise mọi người ngược nhìn lên, sững sờ, quên bẵng những ngôi nhà đang cháy. Rồi pháo trong thị trấn bắn đầu bắn và tiếng động đã ở ngay trên đầu họ. Những chiếc máy bay lướt tới, gần như đầu cánh sát với nhau, vượt qua lưới lửa từ dưới đất bắn lên. Đền trên máy bay đều bật. Chúng bay thấp tới mức mọi người trên quảng trường đều thụp xuống tránh theo bản năng, và Renaud nhớ lại rằng máy bay “in những chiếc bóng lớn lên mặt đất và dường như bên trong thân chúng đèn đỏ sáng rực”.

Từng lớp máy bay nối tiếp nhau tới, những chiếc đầu tiên của chiến dịch đổ bộ đường không lớn nhất từng được thực hiện – 882 máy bay chở theo 13.000 quân. Lực lượng thuộc Sư đoàn 101 và Sư đoàn 82 kì cựu của Mỹ đang hướng tới 6 bãi đổ bộ, tất cả đều nằm trong phạm vi vài km từ Ste-Mere-eeglise. Lính dù nối nhau lao ra. Và khi tìm cách tiếp đất ở khu vực bên ngoài thị trấn, nhiều người đã nghe thấy một tiếng động bất hợp lý giữa những âm thanh chiến trận: tiếng chuông nhà thờ trong đêm. Với nhiều người đó là những âm thanh cuối cùng mà họ nghe được. Bị gió mạnh cuốn đi, họ rơi vào giữa địa ngục trên quảng trường Place de l'eeglise – và số mệnh trở trêu là những khẩu súng của lính gác Đức được bố trí ở đây. Trung úy Charles Santarsiero ở Trung đoàn 506 Sư đoàn 101 đang đứng bên cửa máy bay khi nó bay qua Ste-Mere-eeglise. Anh nhớ lại, “Chúng tôi ở độ cao khoảng 120m, và tôi có thể thấy lửa cháy cũng như đám Kraut đang chạy lảng vảng. Dưới đất dường như hoàn toàn hỗn loạn. Địa ngục ở khắp nơi. Cao xạ và súng bộ binh đang bắn và những chàng trai tội nghiệp đó bị rơi vào giữa chúng”.

Gần như ngay khi rời máy bay, Binh nhì John Steele ở Trung đoàn 505 Sư đoàn 82 đã thấy thay vì hạ xuống một bãi đổ bộ được chiếu sáng, anh đang rơi thẳng vào trung tâm thị trấn có vẻ đang cháy. Rồi anh thấy những lính

Đức và thường dân Pháp đang chạy cuống cuồng. Với Steele dường như phần lớn bọn họ đang nhìn anh. Vài giây sau anh cảm thấy như “bị một lưỡi dao nhọn đâm”. Một viên đạn đã bắn trúng chân anh. Sau đó Steele nhận thấy một điều còn làm anh hoảng hốt hơn. Treo dưới chiếc dù, không thể đổi hướng thoát khỏi thị trấn, anh đu đưa một cách vô dụng khi chiếc dù đưa anh lao thẳng tới tháp chuông nhà thờ ở bên cạnh quảng trường.

Phía trên Steele, Binh nhất Ernest Blanchard nghe thấy tiếng chuông và nhìn thấy những luồng đạn bắn lên xung quanh anh. Một phút sau anh kinh hãi chứng kiến một người lính ngay bên cạnh “nổ tung và hoàn toàn biến mất ngay trước mắt tôi”, có lẽ là nạn nhân của số thuốc nổ mang theo người.

Blanchard bắt đầu liều lĩnh kéo dây dù, cố tìm cách tránh đám hỗn loạn trên quảng trường. Nhưng đã quá trễ. Anh rơi mạnh xuống một cái cây. Xung quanh anh những người lính đang bị súng máy tàn sát. Có những tiếng la hét, kêu gào – những âm thanh mà Blanchard sẽ không bao giờ quên được. Khi súng máy bắn tới gần, Blanchard cuống cuồng cắt dây dù. Anh rơi xuống từ trên cây và chạy đi trong đau đớn, không biết rằng mình cũng đã cắt phải ngón tay cái.

Đối với quân Đức có vẻ Ste-Mere-eglise đang bị tràn ngập bởi quân dù, và tất nhiên những người dân trên quảng trường nghĩ rằng họ đang ở trung tâm của một trận đánh lớn. Trên thực tế chỉ có một số lính Mỹ - có lẽ khoảng 30 – rơi xuống thị trấn, và không hơn 20 người tiếp đất xung quanh khu vực quảng trường. Nhưng chừng đó là đủ để làm gần 100 lính Đức đồn trú ở đây hoang mang. Đám lính tiếp viện đổ tới quảng trường, nơi có vẻ là trọng tâm của cuộc tấn công, và Renaud thấy mấy lính Đức dường như mất kiểm soát, đột ngột xuất hiện từ trong cảnh máu lửa này.

Cách nơi ông thị trưởng đứng khoảng 15m, một lính dù bị treo trên cây và gần như ngay lập tức anh ta bị phát hiện khi đang cố thoát ra. Renaud chứng kiến “khoảng nửa tá lính Đức trút sạch đạn từ súng tiểu liên vào anh ta và

cậu bé bị treo ở đó với đôi mắt mở to, như thể đang nhìn xuống những vết đạn trên người”.

Bị kẹt trong cảnh tàn sát khắp nơi xung quanh, những người trên quảng trường giờ đây không để ý tới lực lượng đổ bộ đường không vẫn không ngừng kéo tới. Hàng nghìn người đang nhảy dù xuống các bãi đổ bộ của Sư đoàn 82 ở phía tây bắc và Sư đoàn 101 ở phía đông và gần chính tây, giữa Ste-Mere-eglise và bãi Utah. Nhưng lúc này và cả sau đó, do cuộc thả dù bị phân tán quá rộng, binh sĩ thuộc đủ các trung đoàn đã rơi lạc vào trong cuộc tàn sát ở thị trấn nhỏ bé này. Thực tế một hoặc hai người, mang theo đạn dược, lựu đạn và thuốc nổ dẻo đã rơi vào một ngôi nhà đang cháy. Có những tiếng kêu và sau đó là tiếng súng và tiếng nổ khi đạn dược bị nung nóng.

Trong tất cả những sự hỗn loạn và ghê rợn đó, một người vẫn đang bền bỉ đấu tranh để giành sự sống. Binh nhì Steele bị treo dưới mái hiên, dù của anh mắc vào tháp chuông của nhà thờ. Anh nghe thấy những tiếng kêu thét. Anh thấy lính Đức và lính Mỹ bắn nhau trên quảng trường và trên đường phố. Và gần như tê liệt vì kinh hãi, anh thấy những luồng sáng đỏ từ súng máy khi đạn vãi đạn xung quanh mình. Steele cố gắng cắt dây, nhưng con dao bằng cách nào đó đã tuột khỏi tay anh và rơi xuống. Steele quyết định rằng hy vọng cuối cùng của anh là giả chết. Trên mái nhà chỉ cách có vài mét, súng máy Đức trút đạn vào mọi thứ trong tầm nhìn, nhưng không bắn vào Steele. Anh lơ lửng trên dây giống như đã “chết” thật đến mức Trung úy Willard Young của Sư đoàn 82, người đã trải qua giai đoạn giao tranh ác liệt nhất vẫn nhớ đến “một người lính chết treo trên tháp chuông”. Tổng cộng, Steele bị treo ở đó hơn 2 tiếng cho tới khi lính Đức đưa anh xuống và bắt giữ. Choáng váng và đau đớn vì vết thương ở chân, tất nhiên anh không để ý gì tới tiếng chuông kêu chỉ vài mét ngay trên đầu.



Tượng John Steele trên nóc nhà thờ ở Ste-Mere-eglise.

Cuộc giao tranh ở Ste-Mere-eglise là sự mở màn cho cuộc tấn công đường không của quân Mỹ. Nhưng nhìn toàn cảnh thì cuộc đụng độ đẫm máu này là một rủi ro. Mặc dù thị trấn là một trong những mục tiêu quan trọng của Sư đoàn 82, trận đánh chính giành Ste-Mere-eglise vẫn chưa tới. Còn nhiều thứ phải thực hiện trước đó, Sư đoàn 101 và 82 cũng như quân Anh đang chạy đua với thời gian.

** Tôi không thể xác định chính xác số người chết và bị thương trên quảng*

trường vì giao tranh rải rác tiếp tục xảy ra trên khắp thị trấn cho tới lúc trận đánh chính diễn ra và làm chủ thị trấn. Nhưng ước tính tốt nhất cho con số thương vong là 12 chết, bị thương và mất tích. Phần lớn bọn họ thuộc Đại đội F Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 505, và có một chú thích nhỏ không tương xứng trong báo cáo chính thức của họ ghi rằng: “Thiếu úy Cadish và những binh sĩ dưới đây rơi xuống thị trấn và gần như bị giết ngay lập tức: Shearer, Blankenship, Bryant, Van Holsbeck và Tlapa”. Binh nhì John Steele nhìn thấy 2 người rơi vào ngôi nhà cháy, anh tin một trong hai người đó là Binh nhì White ở tiểu đội súng cối của anh nhảy sau. Trung tá William E. Ekman, Trung đoàn trưởng 505 cũng nói rằng “một trong số các cha tuyên úy của trung đoàn ... nhảy xuống Ste-Mere-eeglise đã bị bắt và hành quyết sau đó mấy phút”. – TG.

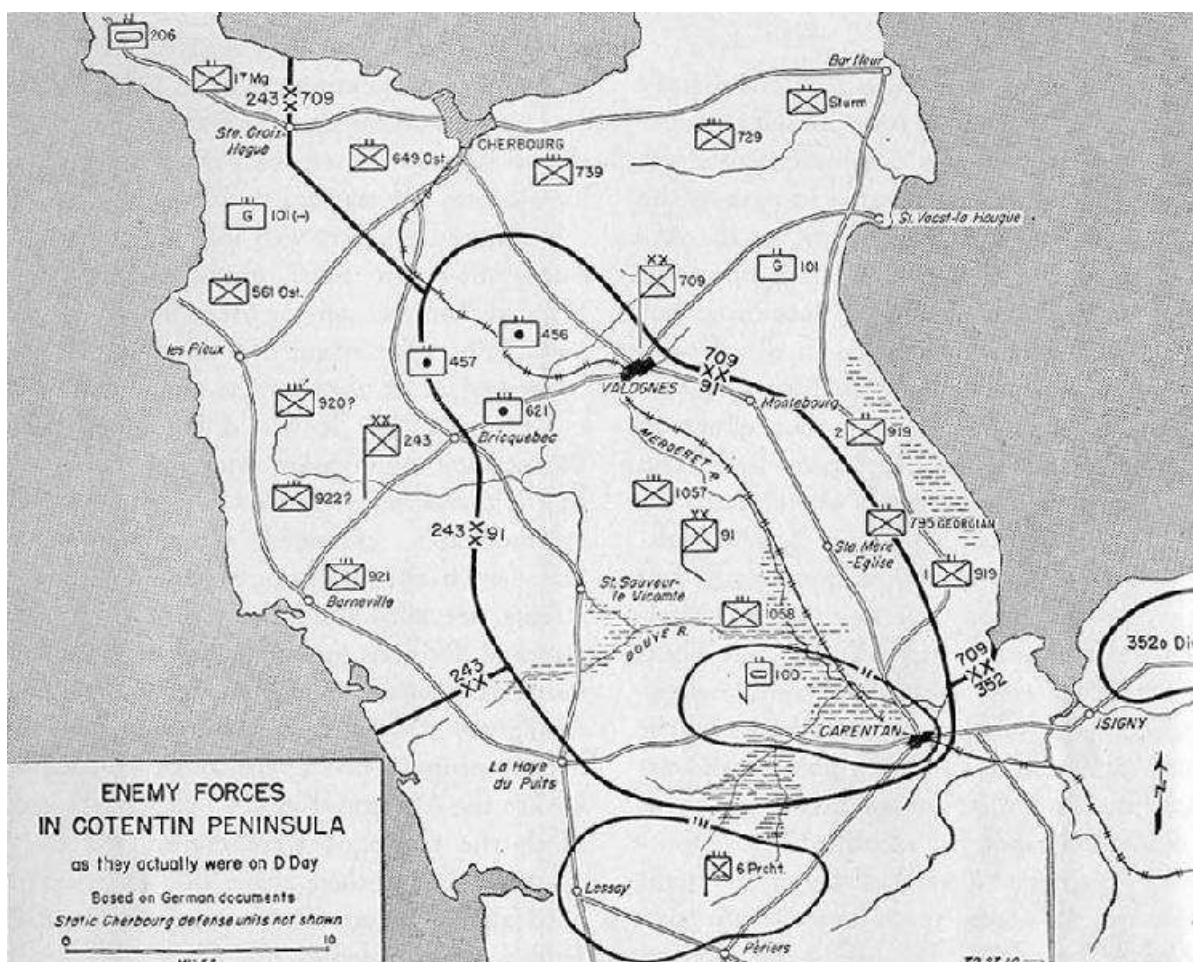
Quân Mỹ có nhiệm vụ giữ cánh phải của khu vực đổ bộ, trong khi quân Anh giữ cánh trái. Nhưng nhiệm vụ của lính dù Mỹ nặng nề hơn: trên vai họ là số phận của cả bãi Utah.

Chương ngại chính ngăn cản thành công của cuộc đổ bộ lên Utah là dải nước có tên sông Douve. Công binh của Rommel đã tận dụng lợi thế của Douve và phụ lưu chính Merderet để biến nó thành một phần của các biện pháp chống đổ bộ. Những chương ngại nước này chảy qua phần đất thấp của Cherbourg có hình như ngón tay cái về phía nam và tây nam qua khu đất trũng, nối với kênh Carentan ở gốc của bán đảo và đổ vào Eo biển Anh gần như song song với sông Vire. Bằng việc kiểm soát con đập La Barquette tuổi đời nhiều thế kỉ nằm ngay phía trên thị trấn Carentan vài km, quân Đức đã làm ngập nhiều vùng đất khiến cho bán đảo giờ trở nên lầy lội, gần như bị chia tách với phần còn lại của Normandy. Do đó, giữ những con đường và cây cầu chạy qua những khu vực bỏ hoang đó, chúng có thể kìm chân lực lượng đổ bộ và thậm chí đánh bại họ. Nếu cuộc đổ bộ diễn ra ở vùng bờ biển phía đông, quân Đức tiến đánh từ phía bắc và tây có thể khép chặt vòng vây và đẩy những người tấn công xuống biển.

Đó ít nhất là chiến thuật chung. Nhưng quân Đức không có ý định cho phép

cuộc đổ bộ phát triển tới mức ấy; chúng đã thực hiện một biện pháp triệt để hơn là làm ngập hơn 30km² khu đất trũng phía sau các bãi biển trên bờ đông. Bãi Utah nằm gần như chính giữa những cái hồ nhân tạo đó. Chỉ có một cách để Sư đoàn Bộ binh 4 (cùng với xe tăng, pháo binh, xe cơ giới và hậu cần) có thể tiến vào sâu trong đất liền là qua 5 con đường xuyên qua đầm lầy. Và pháo binh Đức không chế những con đường đó.

Phòng thủ bán đảo và những chương ngại thiên nhiên này là 3 sư đoàn Đức: Sư đoàn 709 ở phía bắc và dọc bờ biển phía đông, Sư đoàn 243 bố trí ở bờ biển phía tây, và Sư đoàn 91 mới đến ở trung tâm và xung quanh gốc của bán đảo. Ngoài ra, nằm phía nam Carentan trong tầm tấn công là một trong những đơn vị Đức rắn nhất ở Normandy – Trung đoàn Dù số 6 dưới quyền Nam tước von der Heydte. Chưa kể tới các đơn vị Hải quân phụ trách các cụm pháo bờ biển, các đơn vị phòng không của Luftwaffe và số quân ở lân cận Cherbourg, quân Đức có thể gần như ngay lập tức tung ra 40.000 lính để ngăn chặn bất kì cuộc tấn công nào của Đồng minh. Trong khu vực phòng thủ dày đặc này, Sư đoàn Đổ bộ đường không 101 của Thiếu tướng Maxwell D. Taylor và Sư đoàn Đổ bộ đường không 82 của Thiếu tướng Matthew B. Ridgway được giao nhiệm vụ quan trọng là thiết lập và giữ vững một “đầu cầu” – một dải phòng ngự chạy từ khu vực bãi Utah tới phía tây dọc theo gốc của bán đảo. Họ sẽ dọn đường cho Sư đoàn 4 và giữ đến khi được giải toả. Trong và quanh bán đảo, lính dù Mỹ bị áp đảo với tỉ số hơn 3 trên 1.



Bố trí các đơn vị Đức trên bán đảo Cherbourg.

Trên bản đồ khu đầu cầu trông giống như một vết chân trái rộng với mũi hướng về phía bờ biển, ngón chân cái ở đập La Barquette và gót ở xa hơn phía sau các đầm lầy của Merderet và Douve. Nó dài 19km, rộng 11km ở chỗ mũi và rộng 6,5km ở gót. Đây là một khu vực quá lớn cho 13.000 người bảo vệ, nhưng phải được chiếm giữ trong không đầy 5 giờ.

Quân của Taylor sẽ phải đánh chiếm trận địa pháo 6 khẩu ở St-Martin-de-Varreville, gần như ở ngay phía sau bãi Utah và giành lấy 4 trong số 5 con đường giữa khu vực này và làng Poupeville. Cùng lúc đó, các cây cầu và bến vượt dọc sông Douve và kênh Carentan, đặc biệt là đập La Barquette phải bị chiếm giữ hoặc phá hủy. Trong khi Những chú đại bàng gầm thét của Sư đoàn 101 chiếm những mục tiêu trên, quân của Ridgway phải giữ phần gót và cạnh

trái của bàn chân. Họ sẽ bảo vệ các điểm vượt sông ở Douve và Merderet, làm chủ Ste-Mere-eeglise và chiếm lĩnh các vị trí phía bắc thị trấn để ngăn chặn đối phương phản kích vào bên sườn khu đổ bộ.

Các sư đoàn đổ bộ đường không còn một nhiệm vụ quan trọng nữa. Họ phải quét sạch quân địch ở các bãi đổ bộ dành cho các chuyến tàu lượn tăng viện cho quân Mỹ - cũng như đối với quân Anh - vào trước bình minh và một chuyến nữa vào buổi chiều tối. Theo kế hoạch chuyến đầu tiên với hơn 100 tàu lượn sẽ tới lúc 4:00 sáng.

Ngay từ đầu quân Mỹ đã phải hứng chịu thử thách. Cũng giống người Anh, các sư đoàn Mỹ bị phân tán nghiêm trọng. Chỉ có một trung đoàn nhảy dù chính xác, Trung đoàn 505 Sư đoàn 82. Sáu mươi phần trăm trang thiết bị bị thất lạc, bao gồm phần lớn điện đài, súng cối và đạn dược. Còn tệ hơn, nhiều người cũng bị lạc. Họ cách xa bất kì vật chuẩn nào có thể nhận ra được hàng cây số, bối rối và đơn độc. Hành trình của máy bay từ tây sang đông chỉ mất 12 phút để đi hết bán đảo. Nhảy quá muộn là rơi xuống biển, nhảy quá sớm là rơi vào đâu đó giữa bờ tây và khu vực ngập nước. Một số bị thả lạc tới mức họ còn rơi gần bờ tây bán đảo hơn là khu đổ bộ ở phía đông. Hàng trăm binh lính với trang bị nặng tiếp đất ở khu vực lầy lội nguy hiểm của sông Merderet và Douve. Nhiều người chết đuối, một số ở độ sâu dưới 0,6m. Những người khác nhảy quá muộn, lao vào màn đêm mà họ tưởng là Normandy và đã chết dưới biển.

Cả một nhóm của Sư đoàn 101 – khoảng 15 đến 18 người – đã hy sinh như thế. Binh nhất Louis Merlano trên chiếc máy bay tiếp theo rơi xuống một bãi cát phía trước là tấm biển “Achtung Mine!”. Anh là người thứ hai trong nhóm nhảy. Trong bóng đêm Merlano có thể nghe thấy tiếng sóng vỗ lặng lẽ. Anh đang nằm trên một đụn cát bao bọc bởi các vật cản chống đổ bộ của Rommel. Nằm đó nín thở, Merlano nghe thấy tiếng kêu gào ở xa. Sau này anh mới biết tiếng kêu đó đến từ biển, nơi 11 người còn lại trên máy bay đang chết đuối.

Merlano nhanh chóng rời bãi biển, mặc kệ khả năng nó đã bị gài mìn. Anh trèo qua hàng rào dây thép gai và chạy tới một hàng rào cây. Ai đó đã ở đây; Merlano không dừng lại. Anh băng qua đường và bắt đầu trèo lên bức tường đá. Ngay sau đó anh nghe thấy tiếng kêu đau đớn phía sau. Merlano quay lại. Một khẩu súng phun lửa đã thiêu cháy hàng rào cây anh vừa đi qua, và trong lửa hiện lên bóng dáng của một lính dù. Choáng váng, Merlano chúi xuống nấp sau tường. Ở phía bên kia có tiếng quát tháo của lính Đức và tiếng súng máy. Merlano đã bị kẹt giữa một khu vực phòng thủ dày đặc với quân Đức ở khắp nơi xung quanh. Anh chuẩn bị để chiến đấu cho mạng sống của mình. Có một việc anh phải làm trước. Merlano, người đã được phối thuộc cho một đơn vị thông tin, lôi trong túi ra cuốn sổ liên lạc kích thước mỗi chiều 5cm ghi mã và mật khẩu trong 3 ngày. Anh cẩn thận xé cuốn sổ và nhai nuốt từng trang một.

Ở phía bên kia của đầu cầu binh sĩ đang lúng túng trong những đầm lầy tối đen. Khu vực Merderet và Douve rải rác đầy những chiếc dù đủ màu sắc và ánh sáng yếu ớt của những bó vật dụng lấp ló kì quái trên những mặt hồ và đầm lầy. Những người lính rơi xuống từ trên trời, mất hút giữa những đám bọt nước trên mặt hồ. Một số không bao giờ xuất hiện nữa. Những người khác quấy đạp, thở hỗn hển tìm không khí và cố cắt những sợi dây buộc dù và trang bị đang lôi họ xuống.

Cũng giống như cha tuyên úy John Gwinnett của Sư đoàn 6 Anh cách đó 80km, cha tuyên úy Sư đoàn 101, Đại úy Francis Sampson rơi xuống một khu đất hoang. Nước ngập quá đầu ông. Vị linh mục bị đồng vật dụng chìm xuống và chiếc dù bị gió thổi mạnh vấp bập bung trên đầu. Ông cuống cuống cắt các thứ trên người, kể cả bộ đồ làm lễ. Rồi với chiếc dù như một cánh buồm lớn, ông bị lôi đi gần 90m cho tới khi dừng lại ở chỗ nước nông. Kiệt sức, ông nằm đó trong 20 phút. Sau cùng, bắt chấp súng máy và súng cối bắt đầu bắn tới, Cha Sampson quay lại chỗ rơi xuống lúc đầu và kiên trì mò tìm bộ đồ làm lễ. Đến lần thứ năm ông tìm được nó.

Không quá lâu sau này, khi Cha Sampson nghĩ lại về những gì vừa trải qua, ông nhận ra lời kinh Ăn năn (Act of Contrition) mà mình đọc vội vã trong lúc vật lộn với dòng nước thực tế là lời cầu nguyện trước bữa ăn.

Từ vô số những cánh đồng và bãi cỏ nằm giữa biển và vùng ngập nước, lính Mỹ tập hợp lại trong đêm tối, không phải bằng tiếng tù và đi sẵn mà bằng một cái bấm. Sinh mạng họ phụ thuộc vào thứ đồ chơi trẻ con bằng thiếc hình con cá chỉ đáng giá vài cent này. Một tiếng bấm được trả lời bằng hai tiếng và với riêng Sư đoàn 82, một mật khẩu. Hai tiếng bấm được trả lời bằng một. Sau tín hiệu đó, những người lính rời chỗ nấp, gốc cây và rãnh đất, bên tường nhà chào đón lẫn nhau. Thiếu tướng Maxwell D. Taylor và một người lính đầu trần không rõ tên gặp ở góc hàng rào và nhiệt tình ôm chầm lấy nhau. Một số lính dù tìm được ngay đơn vị của mình. Những người khác lại thấy những gương mặt lạ trong đêm, và sau đó là thứ quen thuộc đầy an ủi - lá cờ Mỹ nhỏ dính bên cánh tay.



Thiếu tướng (sau này là Đại tướng) Maxwell Davenport Taylor, Sư đoàn trưởng Sư đoàn Đổ bộ đường không 101 Mỹ.

Sự lộn xộn là thứ mà những người này chấp nhận nhanh chóng. Những cựu binh của Sư đoàn 82 với kinh nghiệm đổ bộ đường không ở Sicily và Salerno biết điều gì sẽ đến. Sư đoàn 101 trong lần nhảy đầu tiên quyết tâm không để thua kém đơn vị bạn có tiếng hơn này. Tất cả cố gắng phung phí thời gian ít nhất có thể vì họ không có thời gian để mà phung phí. Ai may mắn biết mình ở đâu thì nhanh chóng tập hợp và tiến đến mục tiêu. Những người lạc đơn vị thì gia nhập những nhóm nhỏ tạo thành từ các đại đội, tiểu đoàn và trung

đoàn khác nhau. Lính Sư đoàn 82 được chỉ huy bởi các sĩ quan Sư đoàn 101 và ngược lại. Cả hai sư đoàn sát cánh chiến đấu với nhau, trong nhiều trường hợp là để giành những mục tiêu mà họ chưa từng nghe tới.

Hàng trăm binh sĩ thấy mình lọt giữa những cánh đồng nhỏ, bao bọc bởi những hàng cây cao. Cánh đồng là một thế giới nhỏ yên tĩnh, tách biệt và rùng rợn. Ở trong đó mỗi bóng đen, mỗi tiếng sột soạt, mỗi tiếng cành cây gãy đều có thể là kẻ thù. Binh nhì Dutch Schultz ở một nơi tối tăm như thế đã không tìm được đường. Anh quyết định dùng cái bẫy. Ngay từ tiếng đầu tiên anh đã nhận được câu trả lời không hề mong đợi: một tràng súng máy. Anh lao mình xuống đất, chĩa khẩu súng trường M1 về hướng đó và bóp cò. Không có gì xảy ra. Anh đã quên nạp đạn. Khẩu súng máy tiếp tục bắn và Dutch chạy tới nấp ở hàng cây gần nhất.

Anh thận trọng quan sát cánh đồng một lần nữa. Và rồi có tiếng cành cây gãy. Dutch cảm thấy một giây căng thẳng tột độ, nhưng anh bình tĩnh trở lại khi thấy đại đội trưởng của mình, Trung úy Jack Tallerday xuất hiện. “Cậu đấy à, Dutch?”, Tallerday hỏi khẽ. Schultz vội vã đi theo. Họ cùng rời cánh đồng và nhập với một nhóm mà Tallerday đã tập hợp được. Đó là những binh sĩ thuộc Sư đoàn 101 và từ cả 3 trung đoàn của Sư đoàn 82. Lần đầu tiên kể từ lúc nhảy Dutch cảm thấy nhẹ nhõm. Anh không còn đơn độc nữa.

Tallerday di chuyển dọc hàng rào trong khi cả nhóm tản ra phía sau anh. Không lâu sau họ nghe có tiếng động và thấy một toán người tiến lại phía mình. Tallerday dùng chiếc bẫy và nghĩ là anh đã nghe thấy tiếng bẫy trả lời. “Khi cả 2 nhóm chạm mặt nhau”, Tallerday kể, “những chiếc mũ sắt cho thấy rõ ràng họ là lính Đức”. Và rồi diễn ra một trong những tình huống kì quặc và hiếm thấy nhất trong chiến tranh. Cả hai nhóm im lặng đi qua nhau trong chết lặng mà không nổ một phát súng nào. Khi khoảng cách tăng dần, bóng dáng họ bị màn đêm che khuất như thể chưa bao giờ tồn tại.



Lính dù Mỹ ở Normandy.

Đêm nay trên khắp vùng Normandy lính dù và quân Đức chạm nhau một cách đột ngột. Trong những cuộc đụng độ ấy sinh mạng mỗi người phụ thuộc vào việc họ giữ được bình tĩnh và khoảnh khắc ngăn ngủ để bóp cò. Cách Ste-Mere-eeglise 4,8km, Trung úy John Walas Sư đoàn 82 gần như đụng phải một lính Đức trong ổ súng máy. Trong một khoảnh khắc hãi hùng, họ nhìn chăm chăm vào nhau. Rồi tay lính Đức phản ứng. Hắn bắn thẳng vào Walas. Viên đạn găm trúng quy lát trên khẩu súng trường của trung úy đang nằm ngay trước cổ họng, sát tay anh và bật đi. Cả hai cùng quay người bỏ chạy.

Có một người, Thiếu tá Lawrence Legere ở Sư đoàn 101 đã ứng biến nhờ khả năng ăn nói của mình. Trên một cánh đồng giữa Ste-Mere-eeglise và bãi Utah, Legere tập hợp được một nhóm và đang dẫn họ tới mục tiêu định trước. Đột nhiên anh bị hỏi bằng tiếng Đức. Legere không biết tiếng Đức nhưng lại nói trôi chảy tiếng Pháp. Trong khi những người khác ở cách phía sau vẫn chưa bị lộ, Legere trong bóng tối giả vờ là một nông dân trẻ, giải thích mau lẹ bằng tiếng Pháp rằng anh vừa ghé thăm người yêu và đang trên đường trở về. Anh xin lỗi vì đã ra ngoài trong giờ giới nghiêm. Vừa nói, Legere vừa bóp

lớp băng dính dán trên quả lựu đạn để giữ chốt không bị tuột. Vẫn tiếp tục trò chuyện, anh rút chốt, ném lựu đạn và nhào ngay xuống đất. Anh thấy mình đã hạ được 3 lính Đức. “Khi tôi quay lại với nhóm nhỏ dũng cảm của mình”, Legere nhớ lại, “tôi thấy họ đã tản ra khắp nơi”.

Có những khoảnh khắc rất buồn cười. Trong một vườn cây tối om cách Ste-Mere-eeglise 1,5km, Đại úy Lyle Putnam, bác sĩ phẫu thuật của một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 82 thấy mình hoàn toàn đơn độc. Anh thu thập các dụng cụ quân y và bắt đầu tìm đường ra. Gần hàng rào anh thấy một bóng người đang thận trọng đi tới. Putnam khựng lại, ngả người về phía trước và đọc mật khẩu của Sư đoàn 82, “Chớp”. Một giây im lặng, Putnam chờ ám hiệu tương ứng, “Sấm”. Thay vào đó, trong sự ngạc nhiên của anh, Putnam nhớ lại, người kia hét lên “Jesus Christ” và quay lại “bỏ chạy như một kẻ điên”. Bác sĩ bức đến mức quên luôn cả nỗi sợ. Cách đó 800m, bạn anh, Đại úy George Wood, cha tuyên úy Sư đoàn 82 cũng chỉ có một mình và đang bận rộn với chiếc bẫy. Không thấy ai bẫy trả lời. Rồi anh nhảy dựng lên vì sợ khi một giọng nói vang lên từ đằng sau: “Vì Chúa, mục sư ạ, đừng cái tiếng ồn khi gió này lại đi”. Kiểm chế, Wood theo người lính dù rời khỏi đây.

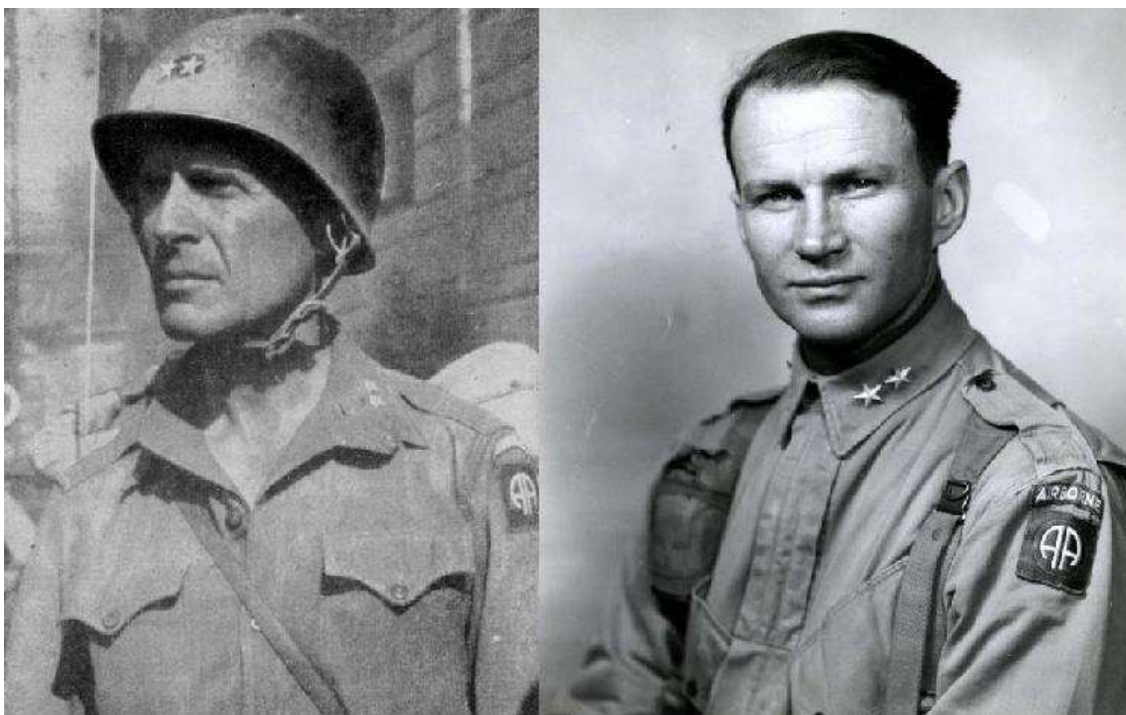
Đến chiều hai người này sẽ ở trong trường học của bà Angeele Levrault ở Ste-Mere-eeglise để chiến đấu một cuộc chiến của riêng mình – một cuộc chiến mà bộ quân phục không làm nên sự khác biệt nào. Họ sẽ chăm sóc những người bị thương của cả hai phía.

Đến 2:00 sáng, mặc dù đã hơn 1 giờ trôi qua kể từ khi tất cả lính dù tiếp đất, nhiều nhóm nhỏ gồm những người ở khắp các đơn vị vẫn còn đang trên đường tiếp cận mục tiêu. Một nhóm trên thực tế đã tấn công mục tiêu được phân công, một vị trí phòng ngự với hầm hào, súng máy và pháo chống tăng ở làng Foucarville ngay sau bãi Utah. Vị trí này hết sức quan trọng, nó kiểm soát mọi sự di chuyển trên con đường chính chạy phía sau khu vực bãi Utah mà xe tăng đối phương có thể lợi dụng để đánh vào đầu cầu. Cần 1 đại đội để tấn công Foucarville nhưng mới chỉ có 11 người dưới quyền Đại úy Cleveland Fitzgerald tới nơi. Fitzgerald quyết định tấn công mà không đợi

thêm quân. Trong trận đánh này, trận đánh đầu tiên được ghi chép lại của Sư đoàn 101 trong D-Day, Fitzgerald và đồng đội đã tiếp cận được tới sở chỉ huy của địch. Đó là một trận chiến ngắn ngủi đẫm máu. Fitzgerald bị bắn trúng phổi, nhưng khi gục xuống anh cũng hạ được tên Đức. Cuối cùng những lính Mỹ ít hơn phải rút lui ra ngoài chờ trời sáng và viện binh đến. Họ không biết rằng 9 lính dù đã tới Foucarville khoảng 40 phút trước đó. Họ đã rơi vào chính cú điểm. Giờ họ đang bị canh giữ trong một căn hầm, không biết gì về trận đánh, và nghe một tay lính Đức tập chơi harmonica.

Đó là những giây phút điên loạn đối với tất cả - đặc biệt là các vị tướng. Họ thiếu sĩ quan tham mưu, thiếu phương tiện liên lạc và thiếu quân. Thiếu tướng Maxwell Taylor thấy xung quanh ông có nhiều sĩ quan nhưng chỉ có 2 hay 3 người lính. “Chưa bao giờ lại có ít lính được chỉ huy bởi nhiều sĩ quan thế này”. Ông nói với họ.

Thiếu tướng Matthew B. Ridgway đang đơn độc trên cánh đồng, súng ngắn trong tay, tự thấy mình may mắn. Như ông nhớ lại sau này, “không có đồng đội thì ít nhất cũng không gặp kẻ thù”. Phó của ông, Chuẩn tướng James M “Jumpin Jim” Gavin, người lúc này đang nắm quyền chỉ huy Sư đoàn 82 ở cách đây vài km trong khu đầm lầy Merderet.



Thiếu tướng (sau này là Đại tướng) Matthew Bunker Ridgway (trái), Sư đoàn trưởng và Chuẩn tướng (sau này là Trung tướng) James Maurice Gavin (phải), Sư đoàn phó Sư đoàn Đổ bộ đường không 82 Mỹ.

Gavin cùng một số lính dù đang cố thu thập các gói trang bị rơi xuống đầm lầy. Chúng bao gồm điện đài, bazooka, súng cối và đạn dược mà Gavin rất cần. Anh biết đến sáng đầu cầu sẽ bị tấn công ác liệt. Giờ trong khi anh đang đứng ngập đến đầu gối trong nước lạnh, một mối lo khác đang đến. Anh không biết chắc mình đang ở đâu, và tự hỏi phải làm gì với những người bị thương đã gặp được nhóm và đang nằm trên bờ.

Gần một giờ trước, nhìn thấy ánh sáng đỏ và xanh ở xa phía bên kia hồ, Gavin đã cử phụ tá của mình, Trung úy Hgo Olson đi tìm hiểu. Anh hy vọng đó là tín hiệu tập hợp của 2 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 82. Olson vẫn chưa trở về và Gavin càng lúc càng lo lắng. Một trong những sĩ quan của anh, Trung úy John Devine đang trần như nhộng lặn ngụp ở giữa hồ để mò tìm các túi trang bị. “Mỗi lần lên bờ, anh ta đứng như một bức tượng trắng toát”, Gavin nhớ lại, “và tôi không thể không nghĩ là anh ta sẽ trở thành bia sống nếu bọn

Đức nhìn thấy”.

Đột nhiên một bóng người chật vật đi tới từ đầm lầy. Người anh ta phủ đầy bùn và ướt nhẹp. Đó là Olson trở về để báo cáo có một đường xe lửa chạy thẳng ở bên kia, nằm trên bờ đường đắp cao chạy qua đầm lầy. Đây là tin tốt đầu tiên. Gavin biết chỉ có một đường xe lửa trong khu vực – đường xe lửa Cherbourg-Carentan chạy qua thung lũng Merderet. Vị tướng bắt đầu cảm thấy khá hơn. Lần đầu tiên anh biết mình đang ở đâu.

Trong một vườn táo phía ngoài Ste-Mere-eeglise, người sẽ phải giữ cửa ngõ phía bắc thị trấn – bên sườn đầu cầu đổ bộ Utah – đang bị đau và cố để không thể hiện ra. Trung tá Benjamin Vandervoort ở Sư đoàn 82 đã bị vỡ mắt cá khi nhảy, nhưng anh quyết định ở lại chiến đấu cho dù chuyện gì xảy ra.

Vận rủi đã đeo đuổi Vandervoort. Anh luôn thực hiện nhiệm vụ một cách nghiêm chỉnh, đôi lúc quá nghiêm chỉnh. Không giống các sĩ quan khác, Vandervoort không bao giờ có một biệt danh nào hay cho phép mình có một quan hệ gần gũi, dễ dãi với binh sĩ như nhiều người hay làm. Normandy đã thay đổi tất cả - và hơn thế. Nó đã khiến anh trở thành “một trong những chỉ huy dũng cảm nhất, gan lì nhất mà tôi từng biết” như Thiếu tướng Matthew B. Ridgway sau này nhớ lại. Vandervoort sẽ chiến đấu với cái chân bị vỡ mắt cá thêm 40 ngày, sát cánh bên những người mà sự chấp nhận của họ là thứ anh mong muốn nhất.

Bác sĩ quân y của tiểu đoàn Vandervoort, Đại úy Putnam, vẫn đang dò dẫm sau cuộc chạm trán với người lính dù lạ ở hàng rào, tình cờ gặp trung tá và người của anh. Putnam vẫn còn nhớ rõ hình ảnh đầu tiên về Vandervoort mà anh thấy “Anh ta ngồi, trùm áo mưa, xem bản đồ nhờ ánh đèn pin. Anh ta nhận ra tôi và gọi tôi lại, khẽ đề nghị tôi xem chỗ mắt cá cho anh ta càng kín đáo càng tốt. Mắt cá của anh ấy rõ ràng là bị vỡ. Anh ta khẳng khẳng đòi chiếc bột và chúng tôi buộc chặt nó lại”. Sau đó, trước sự chứng kiến của Putnam, Vandervoort nhặt khẩu súng trường và dùng nó như một cây nạng,

bước từng bước. Anh nhìn những người lính xung quanh. “Nào”, anh nói, “lên đường thôi”. Anh bước đi trên cánh đồng.



Lính dù Sư đoàn 82 ở Normandy, D-Day.

Giống như những lính dù Anh ở phía đông, các lính dù Mỹ - hài hước, buồn phiền, sợ hãi và đau đớn – bắt đầu thực hiện công việc mà vì nó họ đã tới Normandy.

Đó là sự khởi đầu. Những người lính xung kích đầu tiên của D-Day, gần 18.000 quân Mỹ, Anh và Canada đang ở trên hai bên sườn của chiến trường Normandy. Ở giữa họ là 5 bãi đổ bộ và ngoài khơi, hạm đội với 5.000 tàu đang đều đặn tiến đến. Chiếc tàu đầu tiên, USS Bayfield chở theo chỉ huy Lực lượng U của Hải quân, Chuẩn đô đốc D. P. Moon giờ chỉ còn cách bãi Utah 19km và đang chuẩn bị thả neo.

Kế hoạch đổ bộ đang bắt đầu được triển khai một cách chậm rãi – và quân

Đức vẫn mù tịt. Có nhiều lí do. Thời tiết, thiếu trinh sát (chỉ có vài máy bay được cử đến khu vực tập kết quân mấy tuần trước, và đều đã bị bắn hạ), niềm tin vững chắc vào việc cuộc đổ bộ sẽ diễn ra ở Pas-de-Calais, sự bối rối và chông chéo của các mệnh lệnh và thất bại trong việc giải mã các thông điệp của quân kháng chiến, tất cả đều góp phần. Ngay cả các đài radar đêm đó cũng không phát hiện điều gì. Những trạm không bị ném bom đã bị nhầm lẫn bởi các bó “gây nhiễu” – những dải lá thiếc được máy bay Đồng minh thả xuống dọc bờ biển đã che phủ màn hình. Chỉ có một trạm báo cáo về. Nó chỉ cho biết “lưu thông bình thường trên Eo biển”.

Hai giờ đã qua tính từ lúc lính dù đầu tiên tiếp đất. Chỉ đến lúc này các chỉ huy Đức ở Normandy mới bắt đầu nhận ra điều gì đó hệ trọng có thể đang diễn ra. Những báo cáo đầu tiên bắt đầu tới rải rác và chậm chạp. Giống như một bệnh nhân sau khi bị gây mê, quân Đức đang tỉnh dần.

Đại tướng Erich Marcks đứng bên chiếc bàn dài nghiên cứu tấm bản đồ trải trước mặt. Các sĩ quan tham mưu đứng quanh ông. Họ đã ở đây từ lúc tổ chức tiệc sinh nhật, tóm tắt cho vị Tư lệnh Quân đoàn 84 về cuộc diễn tập ở Rennes. Mỗi lúc tướng quân lại yêu cầu một tấm bản đồ khác. Với sĩ quan tình báo của ông, Thiếu tá Friedrich Hayn thì Marcks đang chuẩn bị cho cuộc diễn tập như thể đó là một trận đánh thực sự, chứ không phải một cuộc đổ bộ giả định vào Normandy.

Trong khi họ đang bàn bạc thì chuông điện thoại kêu. Cuộc thảo luận ngừng lại khi Marcks nhắc ống nghe. Hayn nhớ lại rằng “cơ thể tướng quân dường như hoá đá lại khi ông nghe”. Marcks ra hiệu cho tham mưu trưởng nghe máy song song. Người đang gọi là Thiếu tướng Wilhelm Richter, Tư lệnh Sư đoàn 716 bảo vệ khu duyên hải phía trên Caen. “Lính dù đã đổ bộ xuống phía đông sông Orne”, Richter nói, “Phạm vi dường như là quanh Breeville và Ranville... dọc theo phía bắc rừng Bavent...”

Đây là báo cáo chính thức đầu tiên về cuộc tấn công của Đồng minh tới được một sở chỉ huy cấp cao của Đức. “Nó làm chúng tôi choáng váng như

sét đánh”, Hayn kể. Lúc đó là 2:11 sáng (giờ mùa hè Anh).

Ngay lập tức Marcks gọi cho Thiếu tướng Max Pemsel, Tham mưu trưởng Tập đoàn quân 7. Lúc 2:15, Pemsel đặt Tập đoàn quân 7 vào Alarmstruffe II, cấp sẵn sàng chiến đấu cao nhất. Đó là 4 tiếng kể từ khi bắt được thông điệp Verlainne thứ hai. Cuối cùng Tập đoàn quân 7, đơn vị đảm trách khu vực xảy ra đổ bộ đã được báo động.

Pemsel không liều lĩnh. Ông đánh thức Tư lệnh Tập đoàn quân 7, Chuẩn thống chế Freidrich Dollmann. “Tướng quân”, Pemsel nói, “Tôi tin rằng đây là cuộc đổ bộ. Ngài có thể đến đây ngay được không?”.

Khi đặt ống nghe xuống, Pemsel chợt nhớ ra một điều. Trong số hàng đồng bản tin tình báo đã tới suốt buổi chiều có tin của một điệp viên ở Casablanca. Anh ta thông báo rõ ràng rằng cuộc đổ bộ sẽ diễn ra ở Normandy ngày 6 tháng 6.



Thiếu tướng (sau này là Trung tướng) Max Josef Johann Pemsel, Tham mưu trưởng Tập đoàn quân 7 Đức.

*Trong khi Pemsel đang đợi Dollmann, Quân đoàn 84 tiếp tục báo cáo: ...”Có thả dù ở gần Montebourg và St-Marcouf [trên bán đảo Cherbourg] ... Một bộ phận đã giao chiến với địch”. * Không chần chừ, Pemsel gọi cho tham mưu trưởng của Rommel, Thiếu tướng Dr. Hans Speidel ở Cụm quân B. Lúc đó là 2:35.*

** Có nhiều tranh cãi về thời điểm các phản ứng của quân Đức và thời điểm các bức điện được chuyển tới các sở chỉ huy. Khi tôi bắt đầu nghiên cứu, Chuẩn thống chế Franz Halder, nguyên Tổng tham mưu trưởng Đức (giờ làm việc cho bộ phận nghiên cứu sử của quân đội Mỹ ở Đức) đã khuyên tôi “đừng tin vào bất kì thứ gì của bên tôi trừ khi nó khớp với các nhật ký chiến trường chính thức của các sở chỉ huy”. Tôi đã làm theo lời khuyên đó. Các mốc thời gian (lấy theo giờ mùa hè Anh), báo cáo và các cuộc điện thoại liên quan tới các hoạt động của quân Đức đều từ nguồn trên – TG.*

Cùng thời điểm đó, Đại tướng Hans Von Salmuth ở sở chỉ huy Tập đoàn quân 15 gần biên giới Bỉ đang cố gắng tìm thông tin trực tiếp. Mặc dù phần lớn lực lượng của ông ở cách xa khu vực có đổ bộ đường không, có một sư đoàn - Sư đoàn 711 của Thiếu tướng Josef Reichert đang bố trí ở phía đông sông Orne, điểm tiếp giáp giữa Tập đoàn quân 7 và Tập đoàn quân 15.

Nhiều thông điệp đã đến từ Sư đoàn 711. Một báo cáo rằng lính dù thực tế đã đổ bộ gần sở chỉ huy ở Cabourg; cái thứ hai cho biết giao tranh đang diễn ra khắp nơi xung quanh sở chỉ huy.

Von Salmuth quyết định tự mình kiểm tra. Ông gọi cho Reichert. “Cái quái gì đang diễn ra ở đây vậy?”, ông gặng hỏi.

“Tướng quân”, từ đầu dây bên kia vang lên giọng nói phiền não của Reichert, “nếu ngài cho phép, tôi sẽ để ngài tự nghe”. Dừng lại một chút, và rồi Von Salmuth có thể nghe thấy rõ tiếng xành xạch của súng máy.

“Cám ơn”, Von Salmuth nói rồi dập máy. Và ông cũng ngay lập tức gọi cho Cụm quân B, báo cáo rằng ở sư đoàn bộ 711 “có thể nghe thấy tiếng giao tranh hỗn loạn”.

Các cuộc gọi của Pemsel và Von Salmuth đến gần như cùng lúc, đã cung cấp cho tổng hành dinh của Rommel thông tin đầu tiên về cuộc tiến công của Đồng minh. Đó có phải là cuộc đổ bộ đã được chờ đợi từ lâu không? Không ai ở Cụm quân B lúc đó được chuẩn bị để trả lời. Thực tế, phụ tá hải quân của Rommel, Phó đô đốc Friedrich Ruge nhớ rõ rằng trong số nhiều báo cáo về quân đổ bộ đường không “có một số nói chúng là những hình nộm bị tưởng lầm là lính dù”.

Bất kể là ai thì họ cũng đúng một phần khi nhận xét như vậy. Để gây thêm bối rối cho quân Đức, Đồng minh đã thả xuống phía nam vùng đổ bộ Normandy hàng trăm hình nộm cao su trông như thật, mặc như lính dù. Mỗi hình nộm được gắn theo một dây pháo sẽ phát nổ khi rơi xuống đất, gây ra cảm tưởng đó là tiếng súng. Trong hơn 3 giờ một số hình nộm đó đã đánh lừa Đại tướng Marcks tin rằng lính dù đã đổ bộ xuống Lessay, cách sở chỉ huy của ông khoảng 40km về phía tây nam.

Đó là những giây phút kì quặc, hoang mang đối với các sĩ quan tham mưu của Von Rundstedt tại OB West ở Paris và của Rommel ở La Roche-Guyon. Báo cáo đến từ khắp nơi – những báo cáo thường thiếu chính xác, đôi khi khó hiểu và luôn trái ngược nhau. Tổng hành dinh Luftwaffe ở Paris cho biết “50 đến 60 máy bay 2 động cơ đang tới” trên bầu trời bán đảo Cherbourg và lính dù đã đổ bộ “gần Caen”. Sở chỉ huy của Đô đốc Theodor Krancke - Marinegruppenkommando West (Bộ Tư lệnh Hải quân Mặt trận phía Tây) xác nhận có quân Anh nhảy dù và lo lắng chỉ ra rằng đối phương đã nhảy xuống gần một trong những trận địa pháo bờ biển, và rồi bổ sung

rằng “một số dù là các hình nộm rơm”. Không báo cáo nào nhắc đến quân Mỹ ở bán đảo Cherbourg, mặc dù thời điểm đó trận địa pháo ở St-Marcouf ở ngay phía sau bãi Utah đã thông báo cho sở chỉ huy tại Cherbourg là một tá lính Mỹ đã bị bắt sống. Sau báo cáo đầu tiên vài phút, Luftwaffe gọi báo một tin khác. Họ nói quân dù đã nhảy xuống gần Bayeux. Thực tế vào thời điểm đó không có ai đổ bộ ở đây.

Ở các sở chỉ huy người ta cố gắng đánh giá những chấm đỏ đang lan rộng trên bản đồ. Các sĩ quan Cụm quân B thông báo cho OB West những con số trái ngược, làm rối tung tình hình và đi đến những kết luận mà rất nhiều trong số đó khi so sánh với những gì thực sự xảy ra thì dường như không thể tin được. Ví dụ, khi quyền sĩ quan tình báo của OB West, Thiếu tá Doertenbach gọi cho Cụm quân B yêu cầu báo cáo, anh đã được tin là “Tham mưu trưởng đã bình tĩnh đánh giá tình hình” và “có khả năng những lính dù được báo cáo chỉ đơn thuần là các phi công ném bom phải nhảy dù”.

Tập đoàn quân 7 không nghi thế. Đến 3:00 sáng, Pemsel đã chắc chắn là Schwerpunkt – hướng chủ công – đang nhắm vào Normandy. Tấm bản đồ của ông cho thấy lính dù xuất hiện ở cả hai đầu của khu vực do Tập đoàn quân 7 đóng – trên bán đảo Cherbourg và ở phía đông sông Orne. Giờ cũng có cả những báo động từ các trạm của hải quân ở Cherbourg. Sử dụng thiết bị định hướng bằng âm thanh và radar, các trạm này phát hiện tàu thuyền cơ động trên vịnh Seine.

Theo suy nghĩ của Pemsel, không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc đổ bộ đang được tiến hành. Ông gọi cho Speidel. “Cuộc tấn công đường không”, Pemsel nói, “là giai đoạn đầu cho một hoạt động lớn hơn của kẻ thù”. Rồi ông nói thêm, “Có thể nghe thấy tiếng động cơ từ phía biển”. Nhưng ông không thuyết phục được tham mưu trưởng của Rommel. Câu trả lời của Speidel được ghi lại trong sổ liên lạc của Tập đoàn quân 7 là “các sự kiện chỉ giới hạn ở mức cục bộ”. Đánh giá mà ông cho Pemsel biết lúc đó được

tóm tắt lại trong nhật ký chiến trường: “Tham mưu trưởng Cụm Tập đoàn quân B tin rằng đây không phải là một chiến dịch lớn”.

Thậm chí khi Pemsel và Speidel đang trao đổi, người lính dù cuối cùng trong số 18.000 quân đổ bộ đường không vẫn còn lơ lửng trên bầu trời Cherbourg. 69 tàu lượn chở quân, pháo và trang bị nặng chỉ vừa mới tiến vào bờ biển nước Pháp, hướng tới bãi đổ bộ của quân Anh gần Ranville. Và ngoài khơi Normandy 19km, chiến hạm Ancon, kỳ hạm của Lực lượng O dưới quyền Chuẩn đô đốc John L. Hall đã thả neo. Dàn hàng phía sau là đội tàu vận tải chở theo những binh sĩ sẽ đổ bộ đợt đầu lên bãi Omaha.

Nhưng ở La Roche-Guyon vẫn chưa có gì chỉ ra được quy mô cuộc tấn công của Đồng minh, và ở Paris OB West chấp nhận đánh giá tình hình đầu tiên của Speidel. Viên sĩ quan tác chiến tài năng của Rundstedt, Trung tướng Bodo Zimmermann khi biết về cuộc tranh luận của Speidel với Pemsley đã gửi điện đồng tình với Speidel: “Phòng Tác chiến OB West giữ ý kiến rằng đây không phải một cuộc tấn công đường không quy mô lớn, ngoài ra Đô đốc vùng Eo biển (sở chỉ huy của Krancke) đã báo cáo rằng kẻ địch thả nhiều hình nộm rơm”.

Khó mà trách được những sĩ quan này vì đã hoàn toàn nhầm lẫn. Họ ở cách chỗ chiến sự xảy ra nhiều km, hoàn toàn chỉ dựa vào những báo cáo được gửi đến. Chúng quá không đồng nhất và nhiều sai lạc đến nỗi ngay cả những sĩ quan có kinh nghiệm nhất cũng không thể định rõ được quy mô của cuộc đổ bộ đường không – hay bằng cách nào đó, nhận ra toàn bộ ý đồ tấn công của Đồng minh. Nếu đó là cuộc đổ bộ, liệu nó có nhằm vào Normandy không? Dường như chỉ có Tập đoàn quân 7 tin thế. Có thể quân nhảy dù đơn giản nhằm mục đích đánh lạc hướng cho cuộc đổ bộ thật sự nhằm vào Tập đoàn quân 15 của Đại tướng Hans von Salmuth ở Pas-de-Calais, nơi hầu như tất cả đều tin là Đồng minh sẽ tấn công. Tham mưu trưởng Tập đoàn quân 15, Thiếu tướng Rudolf Hofmann tin tưởng cuộc tấn công sẽ diễn ra ở khu vực của mình tới mức ông đã gọi cho Pemsel và cá cược bữa tối.

“Đây là vụ cá cược mà ông sẽ thua”, Pemsel trả lời. Vào lúc này cả Cụm quân B và OB West đều không đủ chắc chắn để đưa ra kết luận nào. Họ cho báo động vùng duyên hải và chỉ thị các biện pháp đối phó với quân dù. Đó là những gì ít ỏi có thể làm.



Quân Đức truy lùng lính dù Đồng minh.

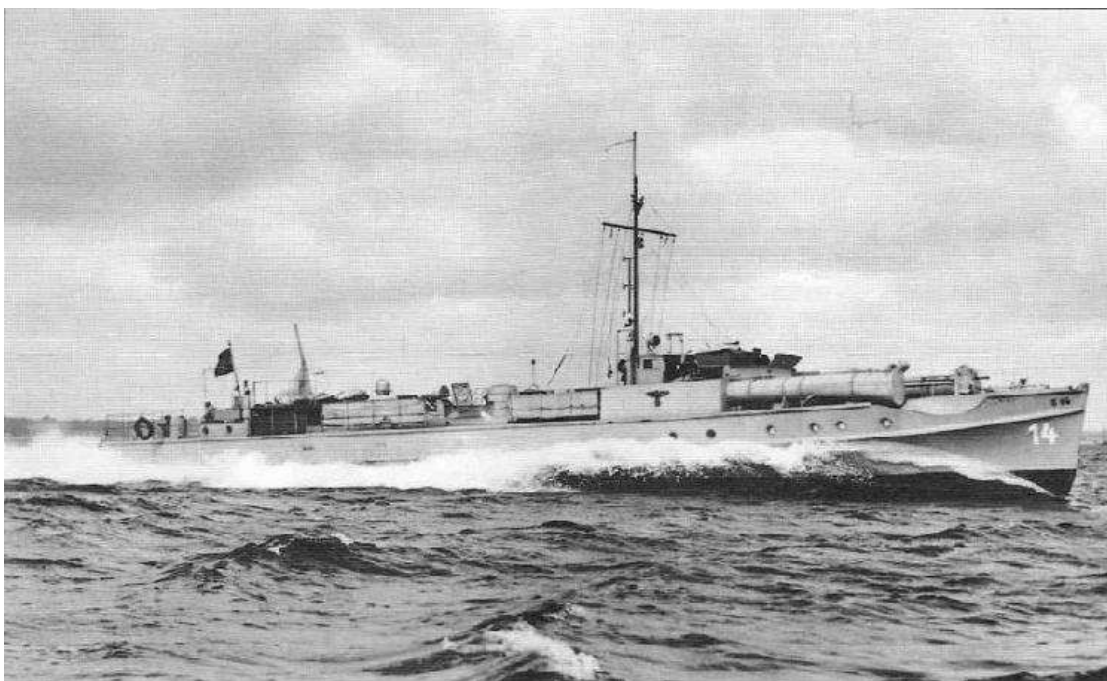
Đến giờ, các bản tin đang tràn ngập các sở chỉ huy trên khắp Normandy. Một trong những vấn đề đầu tiên với nhiều sư đoàn là tìm chỉ huy của họ - những người đã lên đường tới Rennes. Mặc dù phần lớn đều nhanh chóng liên lạc được, hai người – Trung tướng Karl von Schlieben và Thiếu tướng Wilhelm Falley, chỉ huy các sư đoàn ở bán đảo Cherbourg đều không thể tìm thấy. Von Schlieben đang ngủ trong khách sạn ở Rennes còn Falley vẫn đang trên đường.

Đô đốc Krancke, Tư lệnh Hải quân Mặt trận phía Tây đang trong chuyến đi thị sát ở Bordeaux. Viên tham mưu trưởng đánh thức ông trong căn phòng khách sạn. “Lính dù đang đổ bộ gần Caen. OB West cho rằng đây là nghi binh và không phải cuộc tiến công thực sự, nhưng chúng tôi đang tập hợp tàu. Chúng tôi nghĩ đó là cuộc đổ bộ thật”. Krancke lập tức cho báo động lực lượng hải quân ít ỏi của ông và nhanh chóng lên đường về sở chỉ huy tại Paris.

*Một trong những người nhận lệnh của Krancke ở Le Harve là huyền thoại của Hải quân Đức. Thiếu tá Heinrich Hoffmann đã ghi danh mình với tư cách thuyền trưởng E-boat **. Gần như ngay khi chiến tranh bắt đầu, những phân đội tàu phóng lôi cao tốc mạnh mẽ của anh đã quần thảo khắp Eo biển, tấn công bất cứ tàu thuyền nào họ phát hiện. Hoffmann cũng đã chiến đấu trong trận Dieppe và tảo bạo hộ tống các thiết giáp hạm Scharnhorst, Gneisenau, Prinz Eugen trong cuộc hành trình ấn tượng từ Brest tới Na Uy năm 1942.*

*** E-boat tức Enemy boat, được quân Đồng minh dùng để chỉ tàu phóng lôi của Hải quân Đức – chiangshan.*

Khi mệnh lệnh từ sở chỉ huy tới, Hoffmann đang trên cabin chiếc tàu chỉ huy T-28 của Hải đội 5, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ rải mìn. Anh lập tức cho gọi các thuyền trưởng. Họ đều còn trẻ, và mặc dù Hoffmann nói rằng “đây có thể là cuộc đổ bộ”, họ cũng không ngạc nhiên. Họ đã chờ đợi nó. Chỉ có 3 trong 6 tàu sẵn sàng, nhưng Hoffmann không thể đợi những chiếc kia nạp ngư lôi xong. Vài phút sau 3 chiếc tàu nhỏ rời Le Harve. Trên boong T-28, với chiếc mũ lưỡi trai trắng thủy thủ đội ngược như thường lệ, vị thiếu tá 34 tuổi chăm chú nhìn vào bóng đêm. Phía sau anh, 2 chiếc tàu dàn hàng ngang, theo sát mỗi hành động của chỉ huy. Chúng lao đi trong đêm tối với tốc độ hơn 23 hải lý/h – lạng lẹ tiến thẳng về nơi có hạm đội lớn nhất từng được tập hợp.



Một tàu phóng lôi của Hải quân Đức.

Ít nhất họ cũng đã vào trận. Có lẽ những người đang thất vọng nhất ở Normandy đêm nay là 16.242 binh sĩ dày dạn của Sư đoàn Panzer 21 từng tham gia Quân đoàn Phi Châu lừng danh của Rommel. Bị kẹt ở những ngôi làng, thôn xóm và khu rừng chỉ cách Caen 40km về phía tây nam, những người lính này gần như đang ngồi ngay bên rìa chiến trường, sư đoàn xe tăng duy nhất nằm trong tầm công kích trực tiếp đối với quân dù Anh và là đơn vị cứu binh duy nhất trong khu vực.

Kể từ lúc được báo động, sĩ quan và binh lính đã đứng sẵn bên các xe tăng, xe cơ giới, nổ máy sẵn, chờ lệnh lên đường. Đại tá Hermann von Oppeln-Bronikowski, chỉ huy trung đoàn xe tăng của sư đoàn không thể hiểu nổi sự trì hoãn này. Ngay sau 2:00 sáng ông đã bị Trung tướng Edgar Feuchtinger, Sư đoàn trưởng đánh thức. “Oppeln”, Feuchtinger thở hỗn hển, “Thử tưởng tượng mà xem! Họ đã tấn công”. Ông tóm tắt tình hình cho Bronikowski và nói ngay khi nhận được lệnh Sư đoàn sẽ “lập tức quét sạch khu vực giữa Caen và bờ biển”. Nhưng sau đó không có thêm lời nào. Bronikowski tiếp

tục chờ, càng lúc càng thấy bức mình và nóng ruột.

Cách đó hàng km, Trung tá Priller của Luftwaffe nhận được thông tin gây bối rối nhất. Anh và trợ thủ, Hạ sĩ Wodarczyk đã đi ngủ lúc khoảng 1:00 ở căn cứ Phi đoàn Tiêm kích 26 gần Lille giờ trống trơn. Họ đã trút bỏ nỗi bức dọc đối với Bộ Chỉ huy Luftwaffe bằng mấy chai cô nhắc hảo hạng. Giờ trong giấc ngủ say Priller nghe thấy tiếng chuông điện thoại kêu như thể vọng đến từ một nơi xa lắm. Anh chậm chạp tỉnh giấc, tay trái dò dẫm tìm điện thoại đặt trên chiếc bàn cạnh giường.

Sở chỉ huy Quân đoàn Tiêm kích số 2 đang gọi. “Priller”, sĩ quan tác chiến nói, “có vẻ một cuộc tấn công đang diễn ra. Tôi đề nghị anh cho báo động cả phi đoàn”.

Vẫn còn ngái ngủ, cơn giận của Priller lập tức bùng phát trở lại. 124 máy bay dưới quyền anh đã bị chuyển khỏi Lille chiều hôm trước và giờ đây điều anh lo ngại đã xảy ra.

Những gì Priller đã tuôn ra, như anh nhớ lại, vô cùng khiếm nhã, sau khi hỏi người đối thoại rằng chuyện gì đang xảy ra với bộ chỉ huy Quân đoàn và cả Bộ Chỉ huy Luftwaffe, viên phi công kì cựu hét lên, “Anh nghĩ tôi còn cái chó gì để báo động? Tôi đã được báo động. Wodarczyk đã được báo động! Nhưng lũ đầu đất các anh cũng biết là tôi chỉ còn có 2 máy bay!”. Anh dập máy.

Vài phút sau chuông điện thoại lại kêu. “Gì nữa?”, Priller quát. Vẫn là vị sĩ quan đó. “Priller thân mến”, ông nói, “tôi thực sự xin lỗi. Tất cả là nhầm lẫn. Không hiểu sao chúng tôi lại nhận được báo cáo sai. Mọi thứ đều ổn – không có cuộc đổ bộ nào”. Priller vẫn điên tiết đến mức không thể trả lời. Tệ hơn, anh không ngủ lại được nữa.

Bất chấp sự bối rối, do dự và thiếu quyết đoán ở các cấp chỉ huy cao, những

lính Đức thực sự đụng phải đối phương đang phản ứng lại khá mau lẹ. Hàng nghìn quân đã chuyển động, khác với các vị tướng ở Cụm quân B và OB West, họ không nghi ngờ gì về việc cuộc tấn công đã diễn ra. Nhiều người đã giao chiến những trận đơn lẻ, mặt đối mặt kể từ lúc những lính Anh, Mỹ đầu tiên nhảy dù. Hàng nghìn người khác đã được báo động, chờ đợi trong những công sự phòng thủ bờ biển, sẵn sàng đánh trả cuộc đổ bộ bất kể nó diễn ra ở đâu. Họ lo sợ, nhưng cũng kiên quyết.

Ở sở chỉ huy Tập đoàn quân 7, viên chỉ huy cao nhất không bị bối rối cho triệu tập các sĩ quan tham mưu. Trong căn phòng bản đồ được chiếu sáng rực rỡ, Thiếu tướng Pemsel đứng trước các sĩ quan. Giọng ông vẫn khê khàng và bình thản như thường. Chỉ những lời ông nói ra mới thể hiện mối quan tâm sâu sắc trong lòng. “Các vị, tôi tin chắc cuộc đổ bộ sẽ đến lúc bình minh. Tương lai phụ thuộc vào việc chúng ta sẽ chiến đấu như thế nào trong ngày hôm nay. Tôi kêu gọi các vị hãy nỗ lực và cố gắng hết sức có thể”.

Ở Đức, cách đó 800km, người có lẽ sẽ đồng ý với Pemsel – người chỉ huy đã thắng nhiều trận nhờ khả năng nhìn thấu phi thường ngay cả những trường hợp khó hiểu nhất vẫn đang ngủ. Ở sở chỉ huy Cụm quân B, người ta cho rằng tình hình chưa nghiêm trọng đến mức phải gọi Thống chế Erwin Rommel.

Những viện binh đầu tiên đã đến với quân đổ bộ đường không. Trong khu vực Sư đoàn 6 Anh, 69 tàu lượn đã hạ cánh, 49 chiếc ở đúng đường hạ cánh gần Ranville. Những đơn vị tàu lượn nhỏ đã đến lúc trước – đáng kể nhất là đơn vị của Thiếu tá Howard ở cầu và đội tàu lượn chở trang bị nặng cho sư đoàn – nhưng đây mới là đợt chính. Công binh đã làm nhiệm vụ khá tốt. Họ không đủ thời gian dọn sạch một bãi dài, nhưng chừng đó là đủ. Sau khi các tàu lượn hạ cánh, bãi đổ bộ là một quang cảnh khá ngoạn mục. Dưới ánh trăng

trông nó giống như một nghĩa địa Daliesque. Xác tàu với những cái cánh rách nát, cabin bẹp dúm và phần đuôi tan tành nằm khắp nơi, tưởng như không ai có thể sống sót sau những vụ va chạm như thế, mặc dù thương vong khá thấp. Số người bị thương vì đạn cao xạ lớn hơn là do lúc hạ cánh.



Tàu lượn của quân Anh đổ bộ ở Ranville.

Đợt tàu này đã mang tới cho Sư đoàn trưởng 6, Thiếu tướng Richard Gale và ban chỉ huy của ông thêm nhiều quân, trang bị nặng và quan trọng nhất là

những khẩu pháo chống tăng. Những người chui ra từ tàu lượn đã hình dung ra cảnh cánh đồng với hỏa lực dày đặc của địch; thay vào đó họ thấy một sự im ắng lạ lùng. Hạ sĩ John Hutley, phi công lái chiếc Horsa đã chờ đợi một sự đón tiếp dữ dội và đã cảnh báo phi công phụ của anh, “Khi ta tiếp đất, hãy thoát ra nhanh nhất có thể và tìm chỗ nấp”. Nhưng dấu hiệu của chiến tranh duy nhất là những luồng sáng đủ màu của đạn vạch đường và tiếng súng máy ở đằng xa gần Ranville mà Hutley có thể nhìn và nghe thấy. Quanh anh bãi đổ bộ đang nhộn nhịp khi người ta lôi trang bị từ trong xác tàu và móc những khẩu pháo chống tăng vào sau xe jeep. Ở đây thậm chí còn có không khí hân hoan vì hành trình bằng tàu lượn đã kết thúc. Hutley và những người lính đi cùng ngồi lại trong cabin vỡ nát uống một tách trà trước khi lên đường tới Ranville.

Ở phía bên kia chiến trường Normandy, trên bán đảo Cherbourg, đợt tàu lượn đầu tiên vừa tới. Ngồi trên ghế phi công phụ của chiếc đi đầu là Sư đoàn phó 101, Chuẩn tướng Don Pratt, vị sĩ quan mà lúc còn ở Anh đã hoảng hốt khi có người đặt mũ lên chiếc giường ông đang ngồi. Pratt, như được người ta kể lại, đã “nhột như một cậu học sinh” khi bay chuyển tàu lượn đầu tiên. Trải ra phía sau là 32 tàu lượn theo đội hình 4 chiếc, mỗi chiếc được kéo bởi một máy bay Dakota. Đợt này mang theo xe jeep, pháo chống tăng, toàn bộ một đơn vị quân y không vận và thậm chí một xe ủi nhỏ. Trên mũi chiếc tàu lượn của Pratt sơn chữ “No. 1” lớn. Một con “đại bàng găm thét” to, phù hiệu Sư đoàn 101 và một lá cờ Mỹ được trang trí hai bên buồng lái. Trong đội hình đó, chuyên gia phẫu thuật Emile Natalle nhìn xuống những đám nổ, những chiếc xe cháy phía dưới và thấy “cả một màn lửa chào đón chúng tôi”. Những chiếc tàu lượn vẫn còn nối với máy bay lắc lư từ bên này qua bên kia lướt qua “màn đạn cao xạ đủ dày để hạ cánh lên”.

Không giống máy bay chở lính dù, các tàu lượn đến từ hướng Eo biển và tiến vào bán đảo từ phía đông. Chỉ vài giây sau khi bay qua bờ biển họ thấy đèn tín hiệu ở bãi đổ bộ Hiesville, cách Ste-Mere-eeglise 6,5km. Những sợi thừng nylon dài 300m lần lượt được tháo ra và những chiếc tàu lượn vòng xuống.

Tàu của Natalie lỡ mất bãi đổ bộ và đâm vào một cánh đồng đầy “cây măng tây của Rommel” – những hàng cọc nặng cắm trên mặt đất làm vật cản chống tàu lượn. Ngồi trên chiếc jeep bên trong, Natalie nhìn chăm chăm qua ô cửa sổ nhỏ và quan sát cảnh tượng hãi hùng khi những chiếc cánh bị xén đứt và những chiếc cọc sượt qua vèo vèo. Sau đó là một tiếng rắc lớn và chiếc tàu lượn gãy đôi ngay phía sau chiếc jeep mà Natalie ngồi. “Tôi thoát ra rất dễ dàng”, anh nhớ lại.

Cách đó một quãng là xác chiếc tàu lượn “No. 1”. Trượt trên đồng cỏ, những chiếc phanh không thể hãm lại tốc độ 160km/h, nó đã lao vào một hàng rào.

Natalie tìm thấy người phi công bị bắn ra ngoài nằm bên hàng rào với đôi chân bị gãy. Chuẩn tướng Pratt đã chết ngay lập tức, bị khung buồng lái vỡ nát đè lên người. Ông là sĩ quan cấp tướng đầu tiên đối với cả hai phe tử trận trong D-Day.



Chuẩn tướng Don Forrester Pratt, Sư đoàn phó Sư đoàn Đổ bộ đường không 101 Mỹ.

*Pratt là một trong số ít thương vong của Sư đoàn 101 trong khi hạ cánh. Hầu như tất cả các tàu lượn của sư đoàn đã hạ xuống hoặc gần cánh đồng Hiesville. Mặc dù phần lớn đều bị hủy hoại, đa số các trang thiết bị chúng mang theo vẫn nguyên vẹn. Đây là một thành quả xuất sắc. Một số phi công mới chỉ có 3 hay 4 giờ luyện tập hạ cánh, và đều là vào ban ngày. **

** Có sự thiếu hụt các phi công tàu lượn. “Có lúc chúng tôi không nghĩ là mình sẽ có đủ”, tướng Gavin nhớ lại, “trong cuộc tấn công ghề phi công phụ được bố trí một lính dù. Đường như không thể tin được, những người lính đó không được huấn luyện lái hay hạ cánh tàu lượn. Hôm 6 tháng 6, một số rơi vào tình thế phải điều khiển một tàu lượn chở đầy người và trang bị qua bầu trời dày đặc đạn cao xạ khi phi công chính đã bị thương. May mắn thay,*

những tàu lượn được sử dụng không quá khó để lái hay hạ cánh. Nhưng làm việc đó trong trận đánh đầu tiên thực sự là một điều khó khăn; hiển nhiên nó khiến người ta phải kính phục – TG.

Mặc dù Sư đoàn 101 gặp may, Sư đoàn 82 đã không được thế. Sự thiếu kinh nghiệm của các phi công đã gần như gây ra thảm họa với 50 tàu lượn của sư đoàn. Không đầy một nửa trong số đó tìm được đúng bãi hạ cánh ở tây bắc Ste-Mere-eeglise; số còn lại lao vào những hàng rào và toà nhà, rơi xuống sông hoặc hạ xuống vùng đầm lầy Merderet. Trang bị và xe cộ cần thiết bị rải ra khắp nơi và số thương vong lên cao. Chỉ riêng phi công đã có 18 người chết trong những phút đầu tiên. Một tàu lượn chở đầy lính lao vút qua đầu Đại úy Robert Piper, sĩ quan quản trị Trung đoàn 505 và trước sự hãi hùng của anh, “loạng choạng quệt vào ống khói của một ngôi nhà, lao xuống sân sau, lộn nhào trên mặt đất rồi đâm vào một bức tường đá dày. Thậm chí bên trong không có một tiếng kêu nào”.

Đối với Sư đoàn 82 đang khó khăn, việc số lớn tàu lượn bị phân tán là một tai họa. Sẽ mất hàng giờ để thu hồi và tập trung những khẩu pháo và đồ hậu cần ít ỏi đã tới nơi an toàn. Trong lúc ấy, lính dù phải chiến đấu với vũ khí cá nhân. Nhưng sau tất cả, điều đó là chuyện bình thường với lính dù: họ sẽ chiến đấu bằng những gì có thể cho tới khi được giải vây.

Lúc này Sư đoàn 82 giữ khu vực phía sau của đầu cầu – những cây cầu bắc qua sông Douve và Merderet – đã vào vị trí và sẵn sàng nghênh chiến với quân Đức. Họ không có xe cơ giới, không có pháo chống tăng, chỉ có vài khẩu bazooka, súng máy hay súng cối. Tệ hơn, họ không có được liên lạc thông tin. Họ không biết điều gì đang xảy ra xung quanh, vị trí nào đang được giữ và mục tiêu nào đã bị chiếm. Tình cảnh cũng tương tự với Sư đoàn 101 ngoại trừ việc vận may đã giúp họ lấy được phần lớn trang bị. Các binh sĩ của cả hai sư đoàn vẫn còn đang bị phân tán và tách biệt, nhưng các nhóm nhỏ đang tiến đánh các mục tiêu chính và các vị trí đang bắt đầu sụp đổ.

Ở Ste-Mere-eeglise, trong khi người dân sững sờ quan sát sau cửa sổ, lính dù

Trung đoàn 505 Sư đoàn 82 thận trọng tiến qua những đường phố vắng tanh. Chuông nhà thờ đã ngừng kêu. Trên tháp chuông chiếc dù của Binh nhì John Steele buông rũ, thỉnh thoảng những đám tàn lửa từ ngôi biệt thự của M. Hairon lại bùng lên, làm nổi lên bóng dáng những hàng cây trên quảng trường. Đôi khi một phát đạn bắn tĩa réo lên giận dữ trong đêm tối, nhưng đó là âm thanh duy nhất; khắp nơi bao trùm một sự im ắng khó chịu.

Trung tá Edward Krause chỉ huy cuộc tấn công đã hình dung là sẽ phải chiến đấu ác liệt ở Ste-Mere-eeglise, nhưng trừ vài tay bắn tỉa có vẻ lính Đức đã rút hết. Quân của Krause nhanh chóng tận dụng tình hình: họ chiếm lĩnh các ngôi nhà, triển khai các chốt đường và các ổ súng máy, cắt dây điện thoại. Các tiểu đội khác tiếp tục chậm rãi tiến sâu vào thị trấn, di chuyển như những cái bóng từ góc tường này sang góc tường khác, từ ô cửa này sang ô cửa khác, tất cả cùng hướng về trung tâm thị trấn, quảng trường Place de l'eeglise.



Quân Mỹ tuần tra ở Ste-Mere-eglise.

Vòng qua phía sau nhà thờ, Binh nhất William Tucker tới quảng trường và bố trí súng máy sau một gốc cây. Khi nhìn sang quảng trường dưới ánh trăng, anh thấy một lính dù, và nằm cạnh đó là một xác lính Đức. Ở phía xa là những những xác chết co quắp rải rác. Trong khi Tucker ngồi trong cảnh tranh tối tranh sáng cố đoán xem chuyện gì đã xảy ra, anh bắt đầu cảm thấy mình không chỉ có một mình – ai đó đang đứng phía sau. Chộp lấy khẩu súng máy cồng kềnh, anh quay ngoắt lại. Ngang tầm mắt anh là đôi boots chậm chậm đu đưa. Tucker vội lùi lại. Một lính dù đã chết bị treo trên cây đang nhìn xuống.

Giờ những lính dù khác tiến vào quảng trường và lập tức thấy những xác chết

lơ lửng trên cây. Trung úy Gus Sanders nhớ lại rằng “họ chỉ đứng đó nhìn chăm chăm với sự giận dữ khủng khiếp”. Trung tá Krause tới nơi. Khi nhìn thấy những tử sĩ, anh chỉ thốt lên 3 từ: “Ôi, lạy Chúa”.

Rồi Krause rút trong túi ra lá cờ Mỹ. Nó đã cũ và bạc – lá cờ đã được Trung đoàn 505 phất cao ở Naples. Krause đã hứa với binh lính “trước bình minh của D-Day lá cờ này sẽ được cắm trên Ste-Mere-eeglise”. Anh bước tới toà thị chính và treo nó lên cột cờ cạnh cửa. Không có nghi thức nào. Trên quảng trường với những lính dù đã hy sinh, cuộc chiến đấu đã kết thúc. Lá cờ Sao và Vạch tung bay trên thị trấn đầu tiên của nước Pháp được quân Mỹ giải phóng.

Sở chỉ huy Tập đoàn quân 7 Đức ở Le Mans nhận được điện từ Quân đoàn 84 của Đại tướng Marcks. “Mất liên lạc với Ste-Mere-eeglise...”. Lúc đó là 4:30 sáng.

Đảo St-Marcouf cấu thành bởi hai khối đá căn cỗi nằm ngoài khơi bãi Utah 4,8km. Trong bản kế hoạch đổ bộ to lớn và phức tạp, những hòn đảo này đã không được chú ý cho đến trước D-Day 3 tuần. Sau đó Bộ Tổng tư lệnh đã quyết định đó có thể là các trận địa pháo. Không ai dám liều lĩnh bỏ qua. Rất nhanh chóng, 132 binh sĩ của Sư đoàn 4 Mỹ và Tiểu đoàn Kỵ binh 24 được huấn luyện cho cuộc tấn công trước H-Hour. Họ đổ bộ lên đảo lúc khoảng 4:30 sáng. Họ không thấy quân địch, không thấy pháo – chỉ có những cái chết bất thành linh. Khi người của Trung tá Edward C. Dunn tiến vào bãi biển, họ rơi vào một mê cung những bãi mìn. Những quả mìn S sẽ nhảy lên khi bị dẫm vào và bắn ra một đám bi đã được gài khắp nơi như gieo hạt. Chỉ trong vài phút màn đêm bị xé tan bởi những chớp lửa và tiếng kêu gào của những người bị thương. Ba trung úy bị thương gần như tức thì, hai binh sĩ chết và Trung úy Alfred Rubin cũng nằm trong số thương vong không bao giờ quên được “hình ảnh một người lính nằm trên mặt đất bị găm đầy những viên bi”. Đến cuối ngày, tổn thất của họ sẽ là 19 chết và bị thương. Đứng giữa những người chết và đang hấp hối, Trung tá Dunn phát tín hiệu thành công, “Nhiệm vụ đã hoàn thành”. Đây là lực lượng Đồng minh đầu tiên đổ bộ bằng đường

biển lên châu Âu đang nằm dưới ách Hitler. Nhưng nhìn toàn cảnh, hành động của họ chỉ đơn thuần là một bổ sung nhỏ cho D-Day, một chiến thắng cay đắng và vô ích.



Đảo St-Marcouf.

*

* *

Trong khu vực của quân Anh, gần như ngay bên bờ biển và chỉ cách bãi Sword 4,8km, đơn vị Trung tá Terence Otway đang nằm ngoài hàng rào và bãi mìn dưới hỏa lực súng máy dữ dội của trận địa pháo Merville. Tình cảnh của Otway khá tuyệt vọng. Suốt hàng tháng luyện tập anh chưa bao giờ hy vọng cuộc tấn công không-bộ sẽ diễn ra hoàn hảo như kế hoạch. Nhưng anh cũng chưa bao giờ chuẩn bị cho sự đảo lộn hoàn toàn này. Thế nhưng, bằng cách nào đó nó đã xảy ra.

Cuộc ném bom đã thất bại. Những tàu lượn đặc biệt đã mất và cùng với chúng là pháo binh, súng phun lửa, súng cối, máy dò mìn và thang gấp. Trong số 700 người của tiểu đoàn Otway chỉ tập hợp được 150, và để đánh chiếm trận địa pháo do 200 lính Đức bảo vệ họ chỉ có súng trường, tiểu liên Sten, lựu đạn, vài ống bộc phá và một khẩu đại liên. Mặc dù gặp bất lợi, người của Otway đã vật lộn với khó khăn và ứng biến một cách xuất sắc.

Với kéo cắt rào họ mở đường qua lớp rào đầu tiên và đặt bộc phá để sẵn sàng phá tung số còn lại. Một toán đã dọn sạch lối qua bãi mìn. Đó là một công việc hết sức nguy hiểm. Họ trườn đi dưới ánh trăng, cảm nhận các kíp mìn và xăm đất xung quanh chúng bằng lưỡi lê. Giờ 150 binh sĩ của Otway nấp dưới các rãnh và hố bom, dọc theo hàng rào, chờ lệnh tấn công. Sư đoàn trưởng 6, Thiếu tướng Gale đã chỉ thị cho Otway: “Anh phải xác định quan điểm là không được nghĩ đến thất bại...”. Khi nhìn những người lính xung quanh, Otway biết thương vong sẽ cao. Nhưng những khẩu pháo phải bị khoá hòng – chúng có thể tàn sát lực lượng đổ bộ lên bãi Sword. Tình thế hoàn toàn chênh lệch, anh nghĩ, nhưng không có cách nào khác. Anh phải tấn công. Otway biết điều đó ngay cả khi anh biết phần cuối cùng của kế hoạch cũng đã thất bại. Ba tàu lượn dự kiến sẽ hạ thẳng xuống trận địa pháo khi cuộc tấn công bắt đầu sẽ không đáp xuống trừ khi nhận được tín hiệu đặc biệt – một viên đạn sáng bắn bằng súng cối. Otway không có cả viên đạn lẫn súng cối. Anh chỉ có khẩu súng ngắn Very bắn pháo sáng, nhưng chúng chỉ dùng để thông báo cuộc tấn công đã thắng lợi. Cơ hội cuối cùng để được giúp đỡ đã mất.

Các tàu lượn đến đúng giờ. Các máy bay kéo bật đèn báo hạ cánh và tách các tàu lượn ra. Chỉ có hai chiếc, mỗi chiếc chở 20 người. Chiếc thứ ba bị tách ra khi vẫn còn ở trên Eo biển, đã quay về Anh an toàn. Lính dù nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ nhàng khi tàu lượn bay tới trận địa pháo. Otway chứng kiến trong bất lực cảnh những chiếc tàu lượn, bóng dáng nổi lên dưới ánh trăng, từ từ hạ độ cao và lượn vòng, các phi công tìm kiếm vô vọng tín hiệu mà anh không thể gửi. Khi họ xuống thấp, quân Đức nổ súng. Những khẩu súng máy đang ghìm đầu quân dù giờ quay sang bắn tàu lượn. Những luồng đạn vạch

đường 20mm xé toang lớp vỏ không được bảo vệ. Các tàu lượn vẫn gan lì quần lượn tìm tín hiệu như kế hoạch. Và Otway, gần như khổ sở đến trào nước mắt, không thể làm gì.



Trung tá Terence Brandram Hastings Otway - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 9, Lữ đoàn Dù số 3, Sư đoàn Đổ bộ đường không số 6 Anh.

Sau đó họ từ bỏ. Một chiếc chuyển hướng, hạ cánh cách đó 6,5km. Chiếc kia bay quá thấp trên đầu những người đang lo lắng và chờ đợi khiến Binh nhì Alan Mower và Pat Hawkins nghĩ rằng nó sẽ đâm xuống trận địa. Trong giây phút cuối cùng, nó bốc lên và đâm xuống khu rừng cách đó một quãng. Theo bản năng, một số người bật dậy định rời chỗ nấp đến tìm cứu người sống sót. Nhưng họ bị chặn lại ngay lập tức. “Không được di chuyển! Không được rời vị trí!”. Các sĩ quan liên tục thì thào. Không còn gì để chờ đợi. Otway ra lệnh tấn công. Binh nhì Mower hét lên, “Tất cả xông lên! Chúng ta sẽ chiếm cái

trận địa chó chết này!”.

Và họ xông lên.

Với tiếng nổ dữ dội, các ống bộc phá mở ra những khoảng trống trên hàng rào. Trung úy Mike Dowling quát, “Xung phong! Xung phong!”. Một lần nữa hồi tù và đi sẵn nổi lên trong đêm. Vừa quát tháo vừa bắn, các lính dù băng qua màn khói bụi và vượt qua hàng rào. Phía trước họ, sau ranh giới với các bãi mìn, các chiến hào và ụ súng, trận địa pháo hiện ra mờ ảo. Đột nhiên pháo sáng đỏ nổ toé ra trên đầu và lập tức súng máy, tiểu liên Schmeisser và súng trường trút đạn vào họ. Các lính dù bò và trườn, chạy, nằm, lại bật dậy và chạy tiếp, vượt qua lưới lửa chết chóc đó. Họ nấp vào những hố bom, tự lôi mình ra và lại tiếp tục tiến lên. Mìn nổ. Binh nhì Mower nghe thấy tiếng kêu và ai đó hét lên, “Dừng lại! Dừng lại! Có mìn ở khắp nơi!”. Phía bên phải, anh thấy một binh nhất bị thương nặng ngồi trên mặt đất xua tay gào, “Dừng lại gần tôi! Dừng lại gần tôi!”.

Giữa tiếng súng, tiếng mìn nổ và tiếng la hét, Trung úy Alan Jefferson đi đầu, tiếp tục thổi tù và. Bất ngờ Binh nhì Sid Capon nghe thấy tiếng mìn nổ và chứng kiến Jefferson ngã xuống. Anh chạy về phía trung úy, nhưng Jefferson quát, “Đi tiếp đi! Đi tiếp đi!”. Rồi, nằm trên mặt đất, Jefferson đưa tù và lên môi và bắt đầu thổi. Giờ có những tiếng la hét, kêu gào và chớp lửa khi lính dù ném lựu đạn xuống hào và đánh giáp lá cà với kẻ địch. Binh nhì Capon lao xuống một đoạn hào, bất ngờ đối mặt với 2 lính Đức. Một tên vội vàng giơ chiếc hộp có dấu chữ thập đỏ lên đầu ra dấu xin hàng và nói “Russki, Russki”. Chúng là các “lính tình nguyện” người Nga. Trong một giây, Capon không biết phải làm gì. Rồi anh thấy các lính Đức khác đầu hàng và bị lính dù giải đi dọc hào. Anh bàn giao 2 tù binh và tiếp tục tiến về hướng trận địa pháo.

Ở đây Otway, Trung úy Dowling và khoảng 40 người đang chiến đấu quyết liệt. Lính dù sau khi quét sạch các đoạn hào và ụ súng đang chạy quanh bờ tường bê tông, trút đạn Sten và lựu đạn vào các ô cửa. Trận đánh đẫm máu

và hoang dại. Binh nhì Mower, Hawkins cùng một xạ thủ Bren vượt qua làn đạn cối và súng máy tới được bên trận địa, thấy một cánh cửa mở và xông vào. Một xạ thủ Đức nằm chết giữa lối đi; ở đây xem ra không còn ai nữa. Mower để hai người kia lại ở cửa và đi dọc hành lang. Anh tới một căn phòng lớn với những khẩu pháo lớn đặt trên bệ. Bên cạnh là những đồng đạn pháo. Mower quay lại và hào hứng trình bày kế hoạch “thối tung cái chỗ này bằng cách cho nổ đạn pháo bằng lựu đạn”. Nhưng họ không có cơ hội. Trong khi ba người đang trao đổi thì một tiếng nổ lớn vang lên. Người xạ thủ Bren hy sinh ngay lập tức. Hawkins bị thương vào cổ. Mower nghĩ rằng lưng của anh đã bị “hàng ngàn mũi kim nóng đỏ châm vào”. Anh không thể cử động chân. Họ bị co giật vô thức – cùng một kiểu với các xác chết anh đã thấy. Anh chắc mình sẽ chết và không muốn kết thúc như thế này, anh bắt đầu kêu gọi giúp đỡ. Anh đã gọi mẹ.

Trên khắp trận địa quân Đức đang đầu hàng. Binh nhì Capon nhập bọn với toán của Dowling vừa đúng lúc để thấy “bọn Đức chui ra từ các cánh cửa và gần như cầu xin được hàng”. Nhóm Dowling làm nứt nòng pháo hai khẩu bằng cách bắn đồng thời hai viên đạn qua mỗi nòng, và tạm thời loại bỏ hai khẩu kia. Sau đó Dowling tìm Otway. Anh đứng trước mặt trung tá, tay phải đặt lên ngực trái. Anh nói, “Trận địa đã được chiếm giữ thừa sếp. Các khẩu pháo đã bị phá”. Trận đánh kết thúc chỉ sau 15 phút. Otway bắn phát pháo hiệu màu vàng từ khẩu Very – tín hiệu thành công. Máy bay trinh sát RAF đã nhìn thấy và liên lạc về tàu HMS Arethusa ở ngoài khơi đúng 15 phút trước khi chiếc tuần dương hạm bắt đầu trận pháo kích. Cùng lúc đó, sĩ quan thông tin của Otway gửi một thông điệp xác nhận bằng chim bồ câu. Anh đã mang chú chim theo trong suốt trận đánh. Một mảnh giấy bỏ trong vỏ nhựa buộc vào chân chú chim ghi mật mã “Cái búa”. Một thoáng sau Otway thấy thi thể của Trung úy Dowling. Anh đã hy sinh sau khi báo cáo.



Công sự pháo tại trận địa Merville.

*Otway dẫn tiểu đoàn xộc xệch của mình rời khỏi trận địa Merville đẫm máu. Anh không được yêu cầu giữ nó sau khi đã loại bỏ các khẩu pháo. Họ còn những nhiệm vụ khác cho D-Day. Họ chỉ bắt 22 tù binh. Trong số 200 lính Đức, 178 đã chết, và Otway mất một nửa quân số – 70 chết và bị thương. Trớ trêu thay, những khẩu pháo này có cỡ nòng chỉ bằng một nửa như được báo cáo *. Trong 48 giờ nữa, quân Đức sẽ trở lại trận địa và 2 trong số những khẩu pháo sẽ bắn xuống bãi biển. Nhưng trong những giờ quyết định sắp tới, trận địa pháo Merville sẽ câm lặng và bị bỏ hoang.*

** Tác giả (C. Ryan) cho rằng ở Merville quân Đức bố trí pháo 75mm, nghĩa là bằng một nửa so với cỡ nòng 150mm mà trước đó tình báo Đồng minh đã phán đoán. Trên thực tế đây là pháo cỡ 100mm của Tiệp Khắc – Chiangshan.*

Otway phải để lại phần lớn những người bị thương nặng vì không có cả

thuốc men lẫn phương tiện chuyên chở. Mower được khiêng trên một tấm ván. Hawkins bị thương quá nặng để có thể di chuyển. Cả hai sẽ sống sót – kể cả Mower với 57 mảnh đạn găm trên người. Điều cuối cùng mà Mower nhớ khi họ rời trận địa là tiếng Hawkins kêu lên, “Các cậu, vì Chúa, đừng bỏ tôi!”. Tiếng anh cứ yếu dần và rồi Mower lịm đi.

Bình minh đã gần kề – bình minh mà 18.000 lính dù đang chờ đợi. Trong không đầy 5 giờ đồng hồ, họ đã hoàn thành nhiệm vụ vượt trên cả mong đợi của Đại tướng Eisenhower và các chỉ huy của ông. Lực lượng đổ bộ đường không đã cắt đứt thông tin và gây rối loạn cho đối phương, lúc này họ giữ hai bên sườn khu vực đổ bộ, ngăn chặn viện binh địch cơ động.

Ở khu vực quân Anh, Thiếu tá Howard kiểm soát cả hai đầu cầu quan trọng tại kênh Caen và sông Orne. Đến bình minh 5 cây cầu qua sông Dives sẽ bị phá. Trung tá Otway với tiểu đoàn chấp vá của anh đã chiếm trận địa pháo Merville và lính dù đang bố trí trên các cao điểm nhìn xuống Caen. Như vậy nhiệm vụ chính của quân dù Anh đã hoàn thành, và chừng nào họ còn giữ các trục giao thông, các cuộc phản công của quân Đức sẽ bị chặn đứng hoặc cầm chân.

Ở phía bên kia, quân Mỹ cũng đã làm không kém, bất chấp khó khăn về địa hình và phải thực hiện nhiều nhiệm vụ hơn. Trung tá Krause giữ đầu mối liên lạc then chốt Ste-Mere-eeglise. Ở phía bắc thị trấn, Trung tá Vandervoort cắt đường giao thông chính chạy qua bán đảo Cherbourg và sẵn sàng đánh phản kích trên hướng này. Chuẩn tướng Gavin bố trí xung quanh những điểm vượt sông chiến lược trên sông Merderet, Douve và giữ phía sau bãi đổ bộ Utah. Sư đoàn 101 của Thiếu tướng Maxwell Taylor vẫn còn bị phân tán, đến bình minh mới chỉ tập hợp được 1.100 người trên tổng số 6.600. Bất chấp điều đó, họ đã tới được trận địa pháo St-Martin-de-Varreville - chỉ để phát hiện những khẩu pháo đã được chuyển đi. Những đơn vị khác đã tiếp cận con đập quan trọng La Barquette kiểm soát việc làm ngập dọc theo vùng cổ họng của bán đảo. Và mặc dù chưa có con đường dẫn ra khỏi bãi Utah nào bị chiếm,

các toán quân vẫn đang tiến về đó và đã chiếm giữ sườn tây của khu đất ngập sau lưng bãi biển.



Cầu qua sông Merderet sau khi bị Sư đoàn 82 Mỹ chiếm.

Những người lính dù của Đồng minh đã tiến công Lục địa từ trên không và chiếm giữ khu vực đứng chân ban đầu cho cuộc tiến công từ biển. Giờ họ chờ đợi lực lượng đổ bộ đường biển sẽ cùng với họ tiến vào châu Âu. Lực lượng Mỹ đã nằm ngoài khơi bãi Utah và Omaha 19km. Đối với họ, H-Hour – 6:30 sáng chỉ còn đúng 1 giờ 45 phút nữa.

*

* *

Lúc 4:45 sáng, chiếc tàu ngầm mini X23 của Đại úy George Honour nổi lên cách bờ biển Normandy 1,6km. Cách đó 32km người anh em X20 của nó cũng làm như thế. Hai chiếc tàu dài 17m đã vào vị trí, mỗi chiếc đánh dấu một đầu của khu đổ bộ cho quân Anh-Canada – ba bãi biển Sword, Juno và Gold.

Lúc này mỗi thủy thủ đang dựng một cọc với đèn chiếu sáng, thiết lập các thiết bị liên lạc vô tuyến và dấu hiệu khác, chờ chiếc tàu Anh đầu tiên nhận tín hiệu.

Trên chiếc X23 Honour mở nắp và khó nhọc trèo lên lối đi hẹp phía trên. Sóng vỗ trên boong tàu và anh phải bám để khỏi bị đánh văng đi. Các thủy thủ mệt mỏi đứng sau anh. Họ bám vào những tay vịn, chân lội trong nước và thèm thuồng hít căng lồng ngực không khí ban đêm mát rượi. Họ đã nằm ngoài khơi bãi Sword từ sáng ngày 4 tháng 6 và phải lặn bên dưới hơn 21 tiếng mỗi ngày. Tính từ lúc rời Portsmouth hôm 2 tháng 6, họ đã ở dưới nước khoảng 64 giờ.

Đến lúc này thử thách vẫn chưa kết thúc. Trên các bãi biển của quân Anh, H-Hour là từ 7:00 đến 7:30 sáng. Như vậy, cho tới khi đợt tàu đổ bộ đầu tiên tiến vào, những chiếc tàu ngầm mini sẽ phải giữ vị trí trong 2 giờ nữa. Suốt thời gian đó, X23 và X20 sẽ phơi ra trên mặt nước – những mục tiêu nhỏ, cố định cho pháo binh Đức. Và trời thì sắp sáng.

Ở khắp nơi người ta chờ đợi bình minh đến, nhưng không ai lo lắng bằng người Đức. Bây giờ một dấu hiệu xấu mới đã xuất hiện trong mớ thông điệp được chuyển đến sở chỉ huy của Rommel và Rundstedt. Dọc theo bờ biển các đơn vị hải quân của Đô đốc Krancke đang phát hiện tiếng tàu biển – không chỉ 1 hay 2 chiếc như trước, mà với số lượng lớn. Trong hơn 1 tiếng các báo

cáo đã tăng lên. Lúc gần 5:00 sáng, vị tướng kiên trì Pemsel của Tập đoàn quân 7 gọi cho tham mưu trưởng của Rommel, Thiếu tướng Speidel và nói thẳng thừng: “Tàu đang tập trung trong khoảng giữa cửa sông Vire và Orne. Chúng đưa đến kết luận là cuộc đổ bộ và tấn công quy mô lớn của địch vào Normandy sắp xảy ra”.

Tại sở chỉ huy OB West ngoại ô Paris, Thống chế Gerd Von Rundstedt cũng đã đi đến một kết luận tương tự. Đối với ông đòn tấn công sắp nhắm vào Normandy vẫn giống như một sự “nghĩ binh” và không phải cuộc đổ bộ thực sự. Mặc dù vậy Rundstedt đã hành động mau lẹ. Ông lệnh cho 2 sư đoàn xe tăng hùng hậu – Sư đoàn Panzer SS 12 và Sư đoàn Panzer Lehr, đều là lực lượng dự bị nằm gần Paris – tập hợp và tiến về phía bờ biển. Về lý thuyết các sư đoàn này do tổng hành dinh OKW của Hitler nắm và không thể điều động nếu không có sự cho phép đặc biệt của Quốc trưởng. Nhưng Rundstedt đã mạo hiểm; ông không thể tin là Hitler có thể phản đối hay huỷ lệnh đó. Lúc này, tin tưởng mọi dấu hiệu cho thấy Normandy là nơi Đồng minh sẽ “tấn công nghĩ binh”, Rundstedt chính thức yêu cầu OKW điều động các đơn vị dự bị. Điện của ông viết, “OB West chắc chắn rằng đây thực sự là một chiến dịch lớn của địch và chỉ có thể đối phó thành công nếu hành động ngay lập tức. Nó bao gồm việc chuyển giao ngay hôm nay các đơn vị dự bị chiến lược sẵn có... Sư đoàn SS 12 và Sư đoàn Panzer Lehr. Nếu được tập hợp nhanh chóng và khởi hành sớm họ có thể tham chiến ngay trong ngày. Do đó trong trường hợp này OB West đề nghị OKW chuyển giao lực lượng dự bị”. Đây là một bức điện chiếu lệ, đơn giản chỉ là để ghi vào hồ sơ.



Sư đoàn Panzer Lehr.

Tại tổng hành dinh Hitler ở Berchtesgaden trong khí hậu êm dịu ở miền nam Bavaria, thông điệp trên được chuyển tới văn phòng của Chuẩn thống chế Alfred Jodl, Cục trưởng Tác chiến. Jodl đang ngủ và các sĩ quan tin rằng tình hình chưa nghiêm trọng đến mức phải quấy rầy ông. Bức điện có thể đợi.

Cách đó chưa đến 5km, tại nhà nghỉ trên núi của Hitler, Quốc trưởng và người tình Eva Braun cũng đang ngủ. Hitler đã đi nghỉ như thường lệ lúc 4:00 sáng và bác sĩ riêng Morell đã cho ông ta một liều thuốc ngủ (giờ ông ta không thể ngủ nếu thiếu nó). Lúc khoảng 5:00, phụ tá hải quân của Hitler, Đô đốc Karl Jesko von Puttkamer bị đánh thức bởi cuộc gọi từ sở chỉ huy của Jodl. Người gọi điện – Puttkamer không thể nhớ ra là ai – nói rằng đã có “dấu hiệu cuộc đổ bộ lên Pháp”. Vẫn chưa biết chính xác điều gì - thực tế, Puttkamer được thông báo rằng “những thông điệp đầu tiên hoàn toàn mơ hồ”. Puttkamer có nghĩ là Quốc trưởng nên được biết không? Cả hai trao đổi và quyết định không đánh thức Hitler. Puttkamer nhớ lại rằng “dù sao cũng không có gì nhiều để báo cáo, và chúng tôi đều lo ngại rằng nếu bị đánh thức vào lúc này, ông ta có thể sẽ lại bị một cơn kích động vô tận luôn luôn dẫn tới những quyết định điên rồ nhất”. Puttkamer quyết định rằng buổi sáng là thời

gian thích hợp để báo tin cho Hitler. Ông tắt đèn và quay vào ngủ tiếp.

Ở Pháp, các tướng lĩnh OB West và Cụm quân B ngồi xuống chờ đợi. Họ đã báo động quân đội và yêu cầu các đơn vị xe tăng dự bị; giờ, nước đi tiếp theo là của Đồng minh. Không ai đoán được tầm cỡ của cuộc tấn công sắp tới. Không ai biết hay thậm chí đoán được quy mô hạm đội Đồng minh. Và mặc dù mọi thứ đang hướng về Normandy, không ai thực sự chắc chắn hướng chính sẽ là ở đâu. Các tướng lĩnh Đức đã làm tất cả những gì có thể. Phần còn lại phụ thuộc vào những người lính thường của Wehrmacht bảo vệ bờ biển. Bỗng nhiên họ trở nên quan trọng. Từ những công sự phòng thủ, các binh sĩ của Đế chế nhìn ra biển, tự hỏi đây là cuộc báo động tập luyện hay cuối cùng điều đó đã thực sự đến.

** **

Thiếu tá Werner Pluskat trong căn hầm nhìn xuống bãi Omaha không được biết gì từ cấp trên từ lúc 1:00 sáng. Anh thấy lạnh, mệt và bức dọc. Anh cảm thấy bị cô lập. Anh không hiểu vì sao không có thông báo gì từ cả trung đoàn lẫn sư đoàn. Thực tế, việc chiếc điện thoại nằm yên cả đêm chắc chắn là dấu hiệu tốt; nó có nghĩa không có gì nghiêm trọng xảy ra. Nhưng còn lính dù, những đoàn máy bay khổng lồ? Pluskat không thể trút bỏ cảm giác lo lắng cồn cào. Một lần nữa anh quay ống kính về bên trái, bắt lấy hình dáng tối đen của bán đảo Cherbourg và bắt đầu quan sát phía chân trời. Trong ống kính vẫn là màn sương phủ thấp đó, vẫn ánh trắng mờ ảo đó, vẫn mặt biển bập bềnh với những vệt trắng đó. Không có gì thay đổi. Mọi thứ dường như vẫn bình yên.

Trong căn hầm, phía sau anh chú chó Harras đang nằm ngủ. Gần đó, Đại úy Ludz Wilkening và Trung úy Fritz Theen khe khẽ trao đổi. Pluskat nhập bọn với họ. “Vẫn không thấy gì”, anh nói, “tôi nghĩ đây”. Nhưng anh bước lại lỗ châu mai và đứng nhìn khi những tia nắng đầu tiên chiếu rọi bầu trời. Anh

quyết định quan sát thêm một lần nữa.

Một mỗi, anh lại xoay ống kính về bên trái. Anh chậm chạp dò theo đường chân trời. Anh đến đúng trung tâm vịnh. Ống kính khựng lại. Pluskat căng thẳng, tập trung nhìn chăm chăm.

Phía sau màn sương mỏng và loãng, phía chân trời hiện ra đầy những tàu – đủ mọi kích cỡ và hình dáng, những chiếc tàu cơ động xuôi ngược liên tục như thể chúng đã ở đó hàng giờ. Phải có đến hàng nghìn chiếc. Bằng cách nào đó, một hạm đội ma quái đã hiện ra từ hư không. Pluskat chết lặng, nhìn với sự hoài nghi, không nói nên lời, di chuyển theo cách anh chưa bao giờ làm. Vào thời điểm đó, người lính trong Pluskat sụp đổ. Anh kể rằng trong những giây phút đầu tiên ấy, anh biết một cách bình tĩnh và chắc chắn, “đó là sự kết thúc cho nước Đức”.

Pluskat quay lại Wilkening và Theen và với một sự thờ ơ lạ lùng, nói đơn giản, “Đó là cuộc đổ bộ. Các anh hãy tự xem đi”. Rồi anh nhắc máy gọi cho Thiếu tá Block ở sư đoàn bộ 352.

“Block”, Pluskat nói, “đó là cuộc đổ bộ. Phải có đến mười nghìn tàu ở ngoài này”. Ngay khi nói những từ đó, anh cũng biết là chúng nghe không thể tin được.

“Bình tĩnh đi, Pluskat!”, Block ngắt lời, “Quân Mỹ và Anh hợp lại cũng không có ngăn đẩy tàu. Không ai có ngăn đẩy tàu!”.

Sự nghi ngờ của Block đã đưa Pluskat ra khỏi trạng thái bàng hoàng. Anh đột nhiên hét lên, “Nếu anh không tin thì đến đây và tự nhìn đi. Thật quái dị! Thật không thể tin được!”.

Một giây im lặng, rồi Block hỏi, “Những tàu đó hướng vào đâu?”

*Pluskat, ổng nghe trong tay, nhìn qua lỗ châu mai của căn hầm và trả lời,
“Vào chỗ tôi”.*

PHẦN BA: NGÀY

Chưa từng có buổi bình minh nào giống như vậy. Tráng lệ và uy nghiêm trong buổi sáng u ám, xám xịt, hạm đội vĩ đại của Đồng minh dàn quân trước 5 bãi đổ bộ trên vùng biển Normandy. Mặt biển tràn ngập những tàu. Những lá quân kỳ tung bay trong gió dọc theo đường chân trời suốt từ bãi Utah ở bán đảo Cherbourg tới bãi Sword gần cửa sông Orne. Hiện lên sừng sững trên nền trời là những thiết giáp hạm khổng lồ, những tuần dương hạm dữ tợn, những khu trục hạm thon dài. Đằng sau chúng là các tàu chỉ huy thấp lùn, chĩa ra cả một rừng ăng ten. Và sau nữa là hàng đoàn tàu vận tải và đổ bộ chở đầy quân, nằm khướt và chậm rãi. Bao quanh những tàu vận tải dẫn đường, hàng đông tàu đổ bộ đang nhắp nhô trên sóng nước chờ hiệu lệnh tiến vào bờ, trên đó chật cứng những người sẽ đổ bộ trong đợt đầu tiên.

Khối tàu bè hỗn độn này sôi sục lên với những hoạt động và âm thanh. Tiếng động cơ kéo dài khi những tàu tuần tiểu chạy tới chạy lui qua những đám tàu đổ bộ. Tiếng tời kêu vo vo khi mở khoang chứa xe lội nước. Tiếng xích sắt lạch cạch trên cần trục khi xuống được hạ thủy. Tàu đổ bộ chở đầy những người lính xanh xao liên tục lặc và va vào thành tàu vận tải. Tiếng loa ồn ào, “Giữ đúng hàng! Giữ đúng hàng” khi các binh sĩ Phòng vệ bờ biển hướng dẫn tàu xếp thành đội hình. Trên các tàu vận tải, người ta đứng chật bên lan can, chờ leo những chiếc thang trơn tuột hay những tấm lưới để xuống những tàu đổ bộ đang nhắp nhô trên mặt nước làm tung lên những đám bọt. Và xuyên suốt tất cả, hệ thống loa phóng thanh trên các tàu đều đặn truyền đi các thông điệp và những lời cổ vũ: “Hãy chiến đấu để đưa binh sĩ vào bờ, hãy chiến đấu để bảo vệ tàu, và nếu anh còn chút sức lực nào, hãy chiến đấu vì bản thân mình”... “Tiến lên, Sư đoàn 4, và hãy cho chúng biết tay!” ... “Đừng quên, Anh Cả Đỏ sẽ dẫn đầu” ... “Biệt kích, vào vị trí” ... “Hãy ghi nhớ Dunkirk! Hãy ghi nhớ Coventry! Chúa phù hộ chúng ta!” ... “Nous mourrons sur le sable de notre France chérie, mais nous ne retournerons pas” [Chúng ta thà chết trên bờ biển nước Pháp thân yêu chứ không lùi

bước] ...” Đây, các anh, hãy nhanh chân và lên đường nào, các anh chỉ có tấm vé một chiều và đây là chặng cuối. Sư đoàn 29, đi thôi!”. Và sau đó là hai thông điệp mà phần lớn mọi người đều nhớ rõ: “Tất cả lên tàu!” và “Lạy Cha chúng con ở trên trời. Chúng con nguyện danh Cha...”



Trên boong tàu đổ bộ LST.

Trên boong tàu đông nghịt, nhiều người rời vị trí để chào tạm biệt bạn bè trên những tàu khác. Những người lính và thủy thủ đã trở thành bạn thân sau hành trình dài trên tàu cùng chúc nhau may mắn. Và hàng trăm người tranh

thủ trao đổi địa chỉ “để phòng khi”. Hạ sĩ kỹ thuật Roy Stevens Sư đoàn 29 len qua đám đông để tìm người em sinh đôi của mình. “Cuối cùng tôi cũng tìm được cậu ấy”, anh kể, “Cậu ấy cười và chìa tay ra. Tôi nói, “Không, ta sẽ bắt tay nhau trên đất Pháp như đã hẹn”. Chúng tôi chào tạm biệt, và tôi không bao giờ gặp lại cậu ấy nữa”. Trên tàu HMS Prince Leopold, Trung úy Joseph Lacy, cha tuyên úy Tiểu đoàn Biệt kích 2 và 5 bước đi giữa những người lính đang chờ đợi, và Binh nhất Max Cole nghe thấy ông nói, “Ta sẽ cầu nguyện cho các con kể từ bây giờ. Những gì các con sẽ làm hôm nay, bản thân nó cũng đã là một lời cầu nguyện”.

Trên khắp các con tàu, các sĩ quan cổ vũ tinh thần binh lính bằng những câu chữ màu mè và khó quên mà họ thấy thích hợp trong hoàn cảnh này – đôi khi mang lại những kết quả bất ngờ. Trung tá John O’atoneill, người chỉ huy đơn vị công binh chiến đấu đặc biệt sẽ đổ bộ lên bãi Omaha và Utah trong đợt đầu để phá huỷ bãi mìn và vật cản nói to, nghĩ rằng đã tìm ra câu kết lý tưởng cho bài phát biểu của mình, “Bất kể địa ngục hay biển sâu, hãy đập nát đám chướng ngại khổng kiếp đó!”. Ở gần đó, một giọng nói cất lên, “Tôi tin nó cũng đáng sợ!”. Đại úy Sherman Burroughs Sư đoàn 29 nói với Đại úy Charles Cawthon là anh dự định sẽ diễn lại "The Shooting of Dan McGrew" trong quá trình đổ bộ. Trung tá Elzie Moore, chỉ huy một lữ đoàn công binh sẽ đổ bộ lên bãi Utah thì không diễn thuyết gì. Anh đã muốn diễn lại một trích đoạn phù hợp nhất trong câu chuyện về một cuộc tấn công khác vào nước Pháp, một cảnh chiến trận trong vở Henry V của Shakespear, nhưng tất cả những gì anh có thể nhớ là câu mở đầu, “Vào trận nào, các anh em...” Anh quyết định từ bỏ. Thiếu tá C. K. “Bagger” King ở Sư đoàn 3 Anh sẽ đổ bộ lên bãi Sword trong đợt đầu định đọc cũng vở kịch đó. Anh đã gặp rắc rối trong việc viết ra những câu mình muốn. Chúng kết thúc bằng “Will đã sống sót qua hôm đó, và trở về nhà bình an, khẽ nhón chân khi ngày này được vinh danh...”

Nhịp độ hoạt động đang gia tăng. Ngoài khơi các bờ biển của quân Mỹ đang có thêm nhiều những tàu chở đầy lính gia nhập vào đoàn đang không ngừng chạy vòng quanh tàu mẹ. Uớt súng, say sóng và khốn khổ, những người trên

tàu này sẽ mở đường vào Normandy qua bãi Omaha và Utah. Ở khu vực vận tải, việc chuyển quân đang được thực hiện hết công suất. Đây là một hoạt động phức tạp và nguy hiểm. Binh sĩ mang quá nhiều trang bị đến nỗi gần như không thể di chuyển được. Mỗi người phải mặc một áo phao bằng cao su và ngoài vũ khí, ba lô, xẻng cá nhân, mặt nạ phòng độc, túi cứu thương, bi đông, dao găm và đồ hộp, họ còn phải đeo thêm lựu đạn, thuốc nổ và đạn được bổ sung – thường là lên đến 250 viên. Ngoài ra, nhiều người còn phải vác theo những trang thiết bị chuyên môn. Một vài người ước tính mình nặng ít nhất 140kg khi di chuyển ịch trên boong và chuẩn bị xuống tàu. Tất cả những thứ này là cần thiết, nhưng đối với Thiếu tá Gerden Johnson Sư đoàn 4 thì người của anh đang trở nên “chậm như rùa bò”. Trung úy Bill Williams Sư đoàn 29 cho rằng binh sĩ phải mang vác quá nặng đến mức “họ không thể chiến đấu được”, và khi Binh nhì Rudolph Mozgo nhìn xuống chiếc tàu xung kích đang dập dềnh trên sóng, va đập vào mạn tàu, anh cho rằng nếu mình và đồng trang bị kia có thể xuống tàu được thì “trận đánh đã thắng một nửa”.



Sư đoàn 1 Mỹ triển khai xuống tàu đổ bộ.

Nhiều người, cố gắng giữ thăng bằng trong khi leo xuống những tấm lưới với đồng trang bị trên người đã bị thương ngay khi chưa chiến đấu. Binh nhất Harold Janzen ở một đơn vị súng cối mang hai cuộn dây và điện thoại dã chiến cố gắng ước lượng thời điểm lên và xuống của chiếc tàu xung kích bên dưới. Anh nhảy và đã đánh giá sai, rơi từ độ cao 3,6m xuống sàn tàu và tự loại mình ra khỏi cuộc chiến. Còn có những trường hợp nặng hơn. Hạ sĩ Romeo Pompei nghe thấy tiếng gào lên bên dưới, anh nhìn xuống và thấy một người bị treo trên tấm lưới một cách đau đớn khi chân anh ta bị hai bên thành

tàu kẹp vào. Bản thân Pompei cũng đâm đầu xuống tàu và bị gãy răng cửa.

Những người đã ở trên tàu và đang được hạ xuống bằng tời cũng không khá hơn. Thiếu tá Thomas Dallas, tiểu đoàn trưởng của Sư đoàn 29 cùng với tiểu đoàn bộ bị treo lơ lửng khi tời bị kẹt. Họ bị treo ở đó suốt 20 phút – chỉ 1,2m ngay bên dưới ống xả chất thải nhà vệ sinh. “Nhà vệ sinh vẫn đang được dùng liên tục, và trong 20 phút đó chúng tôi hứng trọn sản phẩm của nó”, anh nhớ lại.

Sóng cao tới mức nhiều tàu xung kích bị dềnh lên và hạ xuống trên tời như những con lắc yo-yo khổng lồ. Một tàu chở lính biệt kích hạ xuống từ HMS Prince Charles được nửa đường thì một cơn sóng lớn ập đến và gần như ném họ trở lại boong tàu. Con sóng rút xuống và chiếc tàu trượt xuống theo cáp một cách khủng khiếp, làm những người đang say sóng trên đó nảy lên như những con búp bê.

Trong khi triển khai vào các tàu nhỏ, các cựu binh cho các tân binh biết về những gì sẽ đến. Trên HMS Empire Anvil, Binh nhất Micheal Kurtz Sư đoàn 1 tập hợp tiểu đội. “Tôi muốn tất cả cúi thấp sau thành tàu”, anh cảnh báo họ. “Ta sẽ bị bắn ngay khi chúng thấy ta. Nếu các cậu tránh được thì tốt. Còn nếu không, đây sẽ là chỗ tốt để chết. Giờ lên đường”. Khi Kurtz và đơn vị vào trong chiếc tàu trên tời, họ nghe thấy tiếng kêu bên dưới. Một tàu khác đã bị lật úp, ném những người bên trong xuống biển. Tàu của Kurtz được hạ xuống mà không gặp vấn đề gì. Rồi họ thấy những người đang bơi bên cạnh. Khi tàu Kurtz đi qua, một trong số đó hét lên, “Nhanh quá đấy, đồ khốn!”. Kurtz nhìn đồng đội. Anh thấy họ đều ngây ra.

Lúc này là 5:30 sáng. Đợt quân đổ bộ đầu tiên đã sẵn sàng vào trận. Trong cuộc đổ bộ đường biển vĩ đại mà thế giới tự do đã nỗ lực để tiến hành này, chỉ có khoảng 3.000 lính sẽ dẫn đầu mũi tấn công. Đó là các đơn vị thuộc Sư đoàn 1, 29 và 4 cùng các đơn vị phối thuộc – các đội phá hoại dưới nước của Lục quân và Hải quân, các tiểu đoàn xe tăng và biệt kích. Mỗi đơn vị được giao đảm nhiệm một khu vực đổ bộ. Ví dụ, Trung đoàn 16 thuộc Sư đoàn 1

*của Thiếu tướng Clarence R. Huebner sẽ tấn công một nửa bãi Omaha, Trung đoàn 116 thuộc Sư đoàn 29 của Thiếu tướng Charles H. Gerhardt lo nửa còn lại *. Mỗi khu vực được chia thành các khu nhỏ hơn. Sư đoàn 1 đổ bộ lên Easy Red, Fox Green và Fox Red, Sư đoàn 29 đảm nhiệm Charlie, Dog Green, Dog White, Dog Red and Easy Green.*

** Mặc dù Sư đoàn 1 và 29 cùng tấn công, thực tế quá trình đổ bộ ban đầu được đặt dưới sự chỉ huy của Sư đoàn 1 – TG.*

Thời gian biểu của kế hoạch đổ bộ lên Omaha và Utah được tính đến gần như từng phút. Ở khu vực của Sư đoàn 29, vào H-Hour kém 5 phút – 6:25 sáng – 32 xe tăng lội nước sẽ bơi vào Dog White và Dog Green, chiếm lĩnh vị trí bắn sát mép nước để yểm trợ cho giai đoạn đầu của cuộc đổ bộ. Vào đúng H-Hour – 6:30 sáng – 8 tàu LCT sẽ chở thêm xe tăng đổ bộ thẳng vào Easy Green và Dog Red. Một phút sau – 6:31 sáng – quân đổ bộ tiến vào bờ ở tất cả các khu vực. Hai phút tiếp đó – 6:33 sáng – đến lượt các đội công binh phá hoại dưới nước; họ có nhiệm vụ khó khăn là mở ra 16 cửa mở rộng 50m xuyên qua bãi mìn và vật cản. Họ chỉ có 27 phút để hoàn thành công việc nan giải này. Cứ cách 6 phút, tính từ 7:00 sáng, 5 đợt xung phong, lực lượng chiến đấu chính sẽ bắt đầu đổ bộ.



Tàu đổ bộ LCVP tiến về bãi Omaha dưới sự yểm trợ của tuần dương hạm USS Augusta.

Đó là kế hoạch cơ bản cho cả hai bãi biển. Quá trình lập kế hoạch đã tính toán cẩn thận để đảm bảo các trang bị nặng như pháo binh có thể đổ bộ lên Omaha trong vòng một tiếng rưỡi và thậm chí cả half-track và xe cứu kéo tăng cũng dự kiến lên bờ vào lúc 10:30 sáng. Đó là một thời gian biểu phức tạp, tỉ mỉ mà nhìn qua thì dường như không thể thực hiện được – và rất có thể những nhà lập kế hoạch đã mắc phải sơ suất này.

Đợt quân đầu tiên vẫn chưa thể nhìn thấy bờ biển phủ đầy sương của Normandy. Họ vẫn còn cách 14km. Vài chiến hạm đã bắt đầu đấu pháo với pháo bờ biển của quân Đức, nhưng đối với binh lính trên tàu chuyện đó không can hệ tới họ - chưa có ai bắn trực tiếp vào họ. Say sóng vẫn là mối nguy lớn nhất. Rất ít người thoát được. Các tàu xung kích mỗi chiếc chở khoảng 30 người cùng với trang bị nặng nề chạy chậm đến mức sóng liên tục đập vào mạn tàu. Mỗi lần như thế con tàu lại lắc lư và tròng trành, và Đại tá

Eugene Caffey ở Lữ đoàn Công binh đặc biệt số 1 nhớ lại rằng một số thành viên “cứ nằm trong nước lũng bông, không quan tâm đến sống chết gì nữa”. Nhưng đối với những người không bị thì cảnh tượng của hạm đội vĩ đại xung quanh thực sự kì thú và tuyệt vời. Trên tàu chở công binh phá hoại của Binh nhất Herald Burt, một người lính đã ước có máy quay phim.

*

* *

Cách đó 48km, Thiếu tá Heinrich Hoffmann trên chiếc E-boat chỉ huy Hải đội 5 nhìn thấy một màn sương lạ bất thường đang phủ lên mặt biển phía trước. Khi Hoffmann đang quan sát, một máy bay xuất hiện từ màn trắng đó. Nó xác nhận nghi ngờ của anh – đó phải là một màn khói. Hoffmann dẫn 2 chiếc E-boat băng qua màn khói để tìm hiểu – và nhận được cú sốc lớn nhất trong đời. Ở bên kia màn khói, anh thấy mình đối mặt với một hàng dài kinh ngạc những chiến hạm – gần như toàn bộ hạm đội Anh. Ở khắp nơi anh thấy những thiết giáp hạm, tuần dương hạm và khu trục hạm sừng sững trước mặt. “Tôi cảm thấy như đang ngồi trên một chiếc thuyền chèo tay”, Hoffmann kể lại. Gần như ngay lập tức đạn pháo rơi quanh những chiếc tàu đang chạy ngoắt ngoéo. Dù bị áp đảo đến mức khó tin, Hoffman vẫn không do dự lấy một giây, tự tin ra lệnh tấn công. Vài giây sau, 18 quả ngư lôi xé nước lao tới hạm đội Đồng minh trong cuộc tấn công duy nhất của Hải quân Đức trong D-Day.

Trên đài chỉ huy khu trục hạm Svenner của Na Uy, Đại úy Hải quân Hoàng gia Desmond Lloyd thấy những ngư lôi đang đến gần. Những sĩ quan trên tàu Warspite, Ramillies và Largs cũng vậy. Tàu Largs nhanh chóng tăng tốc chạy lùi tối đa. Hai quả ngư lôi đi qua giữa Warspite và Ramillies. Svenner không thể tránh. Viên thuyền trưởng hét lên “Sang trái! Động cơ phải tiến tối đa! Động cơ trái lùi tối đa!” trong một nỗ lực vô vọng nhằm xoay tàu thoát khỏi quả ngư lôi. Đại úy Lloyd, qua chiếc ống nhòm thấy chúng sẽ đâm thẳng vào ngay bên dưới đài chỉ huy. Tất cả những gì anh có thể nghĩ là “Mình sẽ bay cao bao nhiêu?”. Với sự chậm chạp khổ sở, Svenner xoay sang trái và trong

một khoảnh khắc Lloyd đã nghĩ rằng họ thoát nạn. Nhưng biện pháp đó đã thất bại. Một quả ngư lôi xé toang khoang lò hơi. Svenner dường như bị nâng lên khỏi mặt nước, giật mạnh và vỡ làm đôi. Gần đó, Thợ máy chính Robert Dowie trên tàu quét mìn HMS Dunbar đã kinh ngạc khi thấy chiếc khu trục hạm chìm xuống nước với "mũi và đuôi tạo thành một hình chữ V hoàn hảo". Có 30 thương vong. Đại úy Lloyd không hề hấn gì, bơi trong khoảng 20 phút, giữ một thủy thủ bị gãy chân nổi trên mặt nước cho tới khi khu trục hạm Swift cứu họ lên.



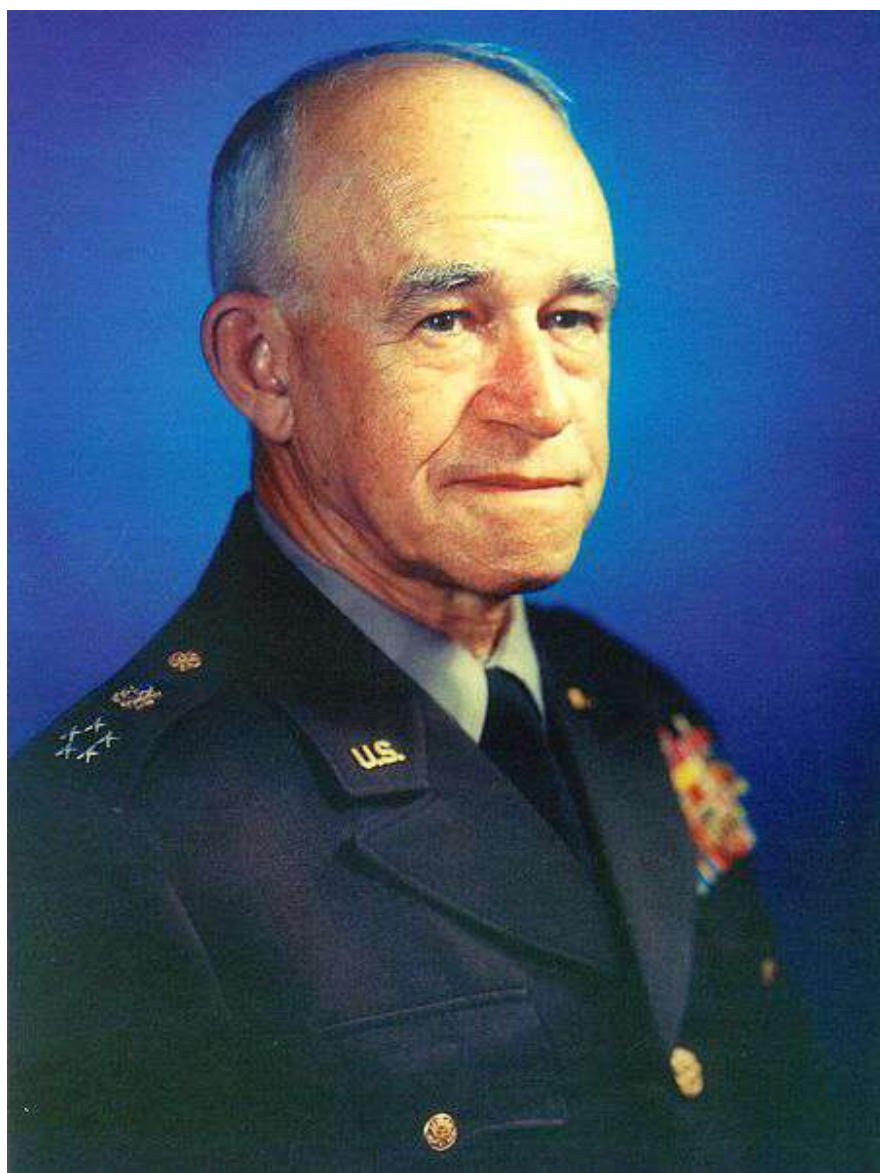
Tàu khu trục HNoMS Svenner của Hải quân Hoàng gia Na Uy.

Đối với Hoffmann đã trở lại an toàn phía bên kia màn khói thì việc quan trọng lúc này là báo động. Anh cho truyền tin cấp tốc về Le Havre, không hề biết là điện đài đã bị hỏng trong trận chiến chớp nhoáng vừa qua.

Trên kỳ hạm Augusta nằm ngoài khơi bãi biển của quân Mỹ, Trung tướng Omar N. Bradley nhét bông vào tai và chĩa ống nhòm về phía những tàu đổ bộ tăng tốc lao vào bờ. Lực lượng dưới quyền ông, Tập đoàn quân 1 Mỹ đang tiến lên một cách vững chắc. Bradley đang rất lo lắng. Cho tới cách đây vài giờ ông vẫn tin rằng bảo vệ khu vực bờ biển từ bãi Omaha cho tới khu vực quân Anh ở phía đông là một sư đoàn “tĩnh” hạng xoàng và bị phân tán của

quân Đức, Sư đoàn 716. Nhưng ngay trước khi rời Anh, tình báo Đồng minh cho biết đã có thêm một sư đoàn Đức được điều tới khu vực đổ bộ. Tin tức này đến quá chậm nên Bradley không thể thông báo cho số quân đã được phổ biến và “định đoạt” của ông. Giờ, lực lượng của Sư đoàn 1 và 29 đang tiến về bãi Omaha, không biết rằng Sư đoàn 352 Đức dày dạn đang bố trí phòng thủ. *

* Tình báo Đồng minh cho rằng Sư đoàn 352 chỉ vừa mới triển khai và là để “diễn tập phòng thủ”. Thực tế đơn vị này đã tới và canh phòng bờ biển Omaha hơn 2 tháng và một số còn lâu hơn. Ví dụ, đơn vị pháo binh của Pluskat đã ở đây từ tháng 3. Nhưng cho đến ngày 4 tháng 6, tình báo Đồng minh vẫn xác định vị trí của Sư đoàn 352 ở St-Leo, cách đó hơn 30km – Chú thích của TG.



Trung tướng (sau này là Đại tướng 5 sao) Omar Nelson Bradley, Tư lệnh Tập đoàn quân 1 Mỹ.

Đợt pháo kích của hải quân mà Bradley hy vọng sẽ giúp nhiệm vụ của họ dễ thở hơn chuẩn bị bắt đầu. Cách đó vài km, Chuẩn đô đốc Jaujard trên chiếc tuần dương hạm hạng nhẹ Montcalm của Pháp, nói với các sĩ quan và thủy thủ: "C'est une chose terrible et monstrueuse que d'être obligé de tirer sur notre propre patrie, mais je vous demande de le faire aujourd'hui" [Thật khủng khiếp khi chúng ta phải bắn lên chính mảnh đất quê hương, nhưng hôm nay tôi muốn các bạn thực hiện điều đó]. Ông nói, giọng đầy xúc động. Và

ngoài khơi bãi Omaha 6,5km, trên khu trục hạm USS Carmick, Trung tá Robert O. Beer nhấn nút trên bàn điều khiển và nói, “Giờ nghe đây! Đây có lẽ sẽ là bữa tiệc lớn nhất mà các anh từng được tham dự, vì vậy hãy ra ngoài và khiêu vũ đi!”

Lúc này là 5:50 sáng. Các chiến hạm Anh đã bắn phá khu đổ bộ của họ được hơn 20 phút. Giờ cuộc pháo kích của quân Mỹ bắt đầu. Toàn bộ bãi biển chìm đi trong một cơn bão lửa dữ dội. Tiếng nổ rền vang khắp vùng bờ biển Normandy khi những chiến hạm khổng lồ nã pháo không ngớt vào những mục tiêu đã được chỉ định. Bầu trời xám xịt sáng rực lên với những chớp lửa đầu nòng và dọc theo bãi biển những đám khói đen lớn bắt đầu bốc lên.

Ngoài khơi bãi Sword, Juno và Gold, thiết giáp hạm Warspite và Ramillies đội hàng tấn sắt thép từ những khẩu pháo 380mm xuống những trận địa pháo nguy hiểm của quân Đức ở Le Harve và xung quanh cửa sông Orne. Các tuần dương hạm và khu trục hạm cơ động trút đạn vào những lô cốt, hầm ngầm bê tông và đồn bốt. Với sự chính xác kinh ngạc, chiến hạm thiện xạ HMS Ajax của trận chiến River Plate lừng danh triệt hạ một cụm pháo 152mm 4 khẩu từ cự ly 9,5km. Ngoài khơi Omaha, thiết giáp hạm Texas và Arkansas với tổng cộng 10 khẩu pháo 356mm, 12 pháo 305mm và 12 pháo 127mm bắn 600 phát vào trận địa pháo trên đỉnh Pointe du Hoc trong một nỗ lực toàn diện nhằm giảm gánh nặng cho các tiểu đoàn biệt kích đang hướng về vách đá dốc đứng cao 30m này. Ngoài khơi Utah, thiết giáp hạm Nevada và tuần dương hạm Tuscaloosa, Quincy và Black Prince dường như nghiêng đi khi bắn hết loạt này đến loạt khác. Trong khi những tàu lớn khai hỏa từ cự ly 8 đến 10km thì các khu trục hạm nhỏ tiến sát bờ biển 1,5 đến 3km và nối đuôi nhau trút đạn như mưa vào tất cả các vị trí phòng thủ.

Cuộc bắn phá đáng sợ này gây ấn tượng mạnh mẽ đối với những người nghe thấy và chứng kiến nó. Thiếu úy Hải quân Hoàng gia Richard Ryland vô cùng hãnh diện về “sự xuất hiện uy nghiêm của các thiết giáp hạm” và tự hỏi “đây có phải là cơ hội cuối cùng có thể chứng kiến một cảnh tượng như thế này”.

Trên USS Nevada, Thông tin viên cấp 3 Charles Langley gần như kinh hoàng trước hoả lực khủng khiếp của hạm đội. Anh không thấy “có quân đội nào có thể chịu đựng được cuộc pháo kích này” và tin rằng “hạm đội có thể rút lui trong 2 hay 3 giờ nữa”. Và trên những tàu xung kích đang lao nhanh, khi đạn gầm rú loé sáng trên đầu, những người lính ướt sũng, say sóng và khổ sở bỏ mũ sắt nhìn lên reo hò.

Giờ một âm thanh khác vang lên. Đầu tiên là chậm rãi, giống như tiếng vo ve của một con ong khổng lồ, và rồi trở thành một tiếng động lớn, những máy bay ném bom và tiêm kích xuất hiện. Chúng bay thẳng bên trên hạm đội, sát cánh, nối đuôi nhau – 9.000 máy bay Spitfire, Thunderbolt và Mustang gầm rít trên đầu. Không để ý tới cơn mưa đạn từ hạm đội, chúng bắn phá các bãi đổ bộ và điểm cao, bay vọt lên, vòng lượn và quay lại. Phía trên, cắt chéo ở tất cả các cao độ là những máy bay ném bom hạng trung B-26 của Tập đoàn Không quân 9, và cao hơn nữa trên tầng mây dày nằm ngoài tầm mắt là những gã khổng lồ - những chiếc Lancaster, Fortress, Liberator của Tập đoàn Không quân 8 và RAF. Đường như bầu trời không thể chứa được hết máy bay. Người ta ngước lên và nhìn chăm chăm, mắt rưng rưng, khuôn mặt nhẵn lại vì một cảm xúc bất ngờ dường như không thể kìm nén. Sẽ tốt cả thôi, họ nghĩ. Đó là yểm trợ của không quân – kẻ thù sẽ bị đánh đập đầu, những khẩu pháo sẽ bị phá huỷ, bờ biển sẽ bị cày xới bởi hố bom. Nhưng do không thể quan sát qua màn mây và không muốn ném bom nhằm xuống đồng đội, 329 máy bay ném bom bố trí cho bãi Omaha đã thả 13.000 quả bom vào sâu hơn trong đất liền 4,8km so với mục tiêu của họ, những khẩu pháo chết chóc ở bãi Omaha.

** Có 8 công sự bê tông trang bị pháo 75mm hoặc lớn hơn, 35 lô cốt với pháo đủ các cỡ và/hoặc súng tự động; 4 cụm pháo binh; 18 pháo chống tăng; 6 hố súng cối; 35 hệ thống phóng rocket trang bị rocket 4 nòng 38mm; và không dưới 85 hoả điểm súng máy. - Chú thích của TG*

Tiếng nổ cuối cùng ở rất gần. Thiếu tá Pluskat nghĩ rằng căn hầm đang vỡ thành từng mảnh. Một phát đạn khác bắn vào mặt đồi ở sát căn hầm. Sức ép

của nó hất Pluskat văng ra phía sau. Anh rơi ục ịch xuống đất. Bụi, đất và mảnh bê tông vỡ rào rào xung quanh. Anh không thể nhìn thấy gì qua màn bụi trắng xoá, nhưng có thể nghe thấy người của mình la hét. Đạn pháo nổ nhau rơi xuống đồi. Pluskat bị choáng váng vì sức ép đến mức không thể nói được.

Chuông điện thoại kêu. Đó là sư đoàn bộ 352. “Tình hình thế nào?”, một giọng nói cất lên.

“Chúng tôi đang bị oanh tạc”, Pluskat cố nói, “bị oanh tạc rất mạnh”.

Giờ anh nghe thấy tiếng bom nổ ở đâu đó xa phía sau. Một loạt đạn nữa rơi xuống đỉnh đồi, làm tung những đám đất đá qua các ô cửa của căn hầm. Điện thoại lại kêu. Lần này Pluskat không tìm được nó. Anh để mặc cho nó kêu. Anh nhận ra mình bị bụi trắng phủ kín từ đầu đến chân và bộ quân phục đã rách tả tơi.

Trong một khoảnh khắc đạn ngừng bắn và qua lớp bụi dày Pluskat nhìn thấy Theen và Wilkening nằm trên sàn. Anh hét lên với Wilkening, “Tốt hơn là cậu về vị trí ngay đi khi còn có cơ hội”. Wilkening ủ rũ nhìn Pluskat – đài quan sát của anh ta ở căn hầm khác cách đây một đoạn. Pluskat tranh thủ thời gian yên tĩnh gọi cho các đại đội. Trước sự sững sốt của anh, toàn bộ 20 khẩu pháo – tất cả đều là loại Krupp mới tinh với nhiều cỡ nòng – đều không hề hấn gì. Anh không thể hình dung làm sao mà các khẩu pháo bố trí chỉ cách bờ biển 800m hoặc hơn thế một chút lại thoát được; thậm chí không một pháo thủ nào thương vong. Pluskat bắt đầu tự hỏi liệu có phải các đài quan sát dọc bờ biển đã bị nhầm là vị trí đặt pháo. Cảnh tàn phá quanh căn hầm của anh có vẻ chỉ ra điều đó.



Một trận địa pháo Đức ở bãi Omaha.

Điện thoại lại kêu ngay khi cuộc oanh tạc tiếp tục. Vẫn giọng nói ban nãy yêu cầu được biết “địa điểm chính xác bị bắn phá”.

“Vì Chúa”, Pluskat hét lên, “chúng bắn khắp nơi. Anh muốn tôi làm gì, ra ngoài và lấy thước đo mấy cái hố à?”. Anh đập máy và nhìn quanh. Có vẻ không người nào trong hầm bị thương. Wilkening đã trở về hầm của anh ta; Theen đang ở bên một ô cửa. Rồi Pluskat nhận ra Harras đã biến mất. Nhưng lúc này anh không có thời gian để quan tâm đến chú chó lớn đó. Anh lại nhắc điện thoại, bước đến bên một ô cửa khác và quan sát. So với lần cuối anh nhìn, có vẻ đã có thêm nhiều tàu đổ bộ đang tới gần. Chúng sẽ sớm ở trong tầm bắn.

Anh gọi cho Đại tá Ocker ở trung đoàn bộ. “Tất cả pháo đều còn nguyên vẹn”.

“”Tốt”, Ocker nói, “giờ anh nên trở lại sở chỉ huy ngay đi”.

Pluskat gọi cho các sĩ quan tác xạ. “Tôi quay lại đây”, anh bảo họ. “Hãy nhớ, không được bắn cho đến khi quân địch tới mép nước”.

Tàu đổ bộ chở Sư đoàn 1 Mỹ tới bãi Omaha không còn xa nữa. Phía sau những điểm cao nhìn xuống Easy Red, Fox Green và Fox Red, các pháo thủ ở 4 đại đội của Pluskat đang chờ chúng vào gần hơn.

*

* *

“Đây là thông điệp từ London.

Tôi mang đến cho các bạn một chỉ thị khẩn cấp của Tổng tư lệnh. Mạng sống của rất nhiều người trong các bạn phụ thuộc vào việc phải thực hiện nó thật nhanh chóng và cẩn thận. Thông điệp này dành cho tất cả những người sống trong phạm vi 35km ở bất kì khu vực nào của bờ biển”.

Micheal Hardelay đứng bên cửa sổ ngôi nhà của mẹ anh ở Vierville, đầu phía tây bãi Omaha và quan sát hạm đội chuyển động. Những khẩu pháo vẫn đang bắn, và Hardelay có thể cảm thấy chấn động truyền qua gót giày. Toàn bộ gia đình – mẹ của Hardelay, em trai anh, người cháu gái và cô phục vụ – đã tập trung trong phòng khách. Có vẻ không nghi ngờ gì nữa, họ đều đồng tình: cuộc đổ bộ sẽ diễn ra ở ngay Vierville. Hardelay thản nhiên khi nghĩ về căn biệt thự ven biển của anh; lúc này chắc chắn nó đã bị phá hủy. Trong khi đó, BBC lại tiếp tục truyền đi thông điệp đã được phát đi phát lại suốt hơn một giờ qua.

“Hãy rời đi ngay lập tức, khi bạn đi hãy thông báo cho những người hàng xóm nào không được cảnh báo. ...Tránh xa các trục đường. ...Hãy đi bộ và đừng mang theo thứ gì nặng. ...Hãy tới những chỗ trống trải càng nhanh

càng tốt. ...Đừng đi thành nhóm đông vì có thể bị nhầm với chỗ tập trung quân địch...”

Hardelay tự hỏi liệu gã Đức cưỡi ngựa có mang cà phê cho đám pháo thủ như thường lệ không. Anh nhìn đồng hồ; nếu có thì gần đến giờ rồi. Rồi Hardelay thấy hấn trên con ngựa mông to, với những bình cà phê vẫn thường mang. Gã Đức bình thản đi xuống con đường, tới chỗ rẽ và nhìn thấy hạm đội. Trong một hay hai giây hấn chờ ra. Rồi hấn nhảy xuống, trượt chân ngã, gượng dậy và chạy đi tìm chỗ nấp. Con ngựa vẫn chậm rãi đi xuống làng. Lúc đó là 6:15 sáng.

Lúc này hàng dài những tàu xung kích nhấp nhô trên sóng nước cách bãi Omaha và Utah không đầy 1,5km. Đối với 3.000 lính Mỹ trong đợt đổ bộ đầu tiên, H-Hour chỉ còn 15 phút nữa.



Tàu LVCP của Sư đoàn 1 Mỹ tiến về bãi Omaha.

Tiếng động inh tai khi những chiếc tàu lao vào bờ, làm tung lên những đám bọt trắng xoá phía sau. Trên tàu người ta phải hét lên mới át được tiếng động cơ diesel. Đạn pháo từ hạm đội vẫn đang gầm rít phía trên đầu như một cái ô bằng thép khổng lồ. Và chạy dọc bờ biển là những vụ nổ dữ dội từ các đợt ném bom trải thảm của không quân Đồng minh. Thật kỳ lạ, những khẩu pháo của Bức tường Đại Tây Dương vẫn im lặng. Những người lính nhìn về bãi biển trải dài phía trước và thắc mắc vì không thấy đối phương bắn trả. Có lẽ cuối cùng đây sẽ là một cuộc đổ bộ dễ dàng, nhiều người nghĩ.

Những mũi tàu lớn hình vuông liên tục va vào sóng và nước lạnh tung toé lên

tất cả mọi người. Trên những chiếc tàu này không có người hùng nào – chỉ có những người lính đang lạnh cóng, khổ sở, lo âu, chen chúc nhau chặt cứng, oằn mình xuống bởi đồng trang bị nặng nề đến mức thường xuyên không còn chỗ để nôn ngoại trừ nôn cả vào người khác. Kenneth Crawford ở tờ Newsweek đi cùng đợt đổ bộ đầu tiên lên bãi Utah nhìn thấy một người lính trẻ của Sư đoàn 4 bị phủ đầy người bởi đồng bãi nôn của chính anh ta đang chậm rãi lắc lư đầu một cách khổ sở và kinh tởm. “Anh chàng Higgins này thấy việc thiết kế ra con tàu chết tiệt này không có gì đáng tự hào cả”, anh kể.

Vài người không có thời gian để nghĩ về những sự khổ sở của mình – họ đang tát nước vì sự sống còn. Hầu như ngay lúc rời tàu mẹ, các tàu xung kích bắt đầu bị nước tràn vào. Đầu tiên người ta không để ý lắm đến đám nước lỏng bông dưới chân; đó chỉ là một sự phiền phức khác phải chịu. Trung úy Biệt kích George Kerchner nhìn nước dâng lên từ từ trong tàu và tự hỏi liệu nó có nghiêm trọng không. Người ta đã nói với anh là những chiếc LCA không thể chìm được. Nhưng sau đó người của Kerchner nghe thấy tiếng kêu cứu trên điện đài: “Đây là LCA 860! ... LCA 860! ...Chúng tôi đang chìm! ...Chúng tôi đang chìm!”. Và cuối cùng là một câu cảm thán: “Lạy Chúa, chúng tôi chìm rồi!”. Ngay lập tức Kerchner và mọi người bắt đầu tát nước ra.

Ngay sau tàu của Kerchner, Hạ sĩ Regis McCloskey cũng thuộc lực lượng biệt kích có vấn đề của riêng mình. McCloskey và người của anh đã tát nước suốt hơn 1 giờ. Tàu của họ chở đạn dược cho cuộc tấn công Pointe du Hoc cùng tất cả trang bị của lính biệt kích. Con tàu bị ngập đến mức McCloskey tin chắc nó sẽ chìm. Hy vọng cuối cùng của anh là làm nhẹ con tàu đang chìm này. McCloskey ra lệnh bỏ tất cả những thứ không cần thiết. Đồ hộp, quần áo thừa và ba lô bị loại ra. McCloskey ném hết chúng xuống biển. Trong một ba lô là 1200 đô mà Binh nhì Chuck Vella đã thắng bạc; trong một cái khác là hàm răng giả của Thượng sĩ Charles Frederick.

Tàu đổ bộ bắt đầu chìm ở cả khu vực Omaha lẫn Utah – 10 chiếc ngoài khơi Omaha, 7 chiếc ngoài khơi Utah. Vài người được các tàu cứu hộ đi sau vớt lên, một số khác sẽ nổi quanh đó hàng giờ trước khi được cứu. Và một số binh

sĩ, tiếng kêu gào của họ không được nghe thấy đã chết đuối vì đồng trang bị và đạn dược trên người. Họ chết đuối ở ngay gần bãi đổ bộ, không kịp bắn phát súng nào.

Trong chốc lát cuộc chiến trở thành vấn đề cá nhân. Quân đổ bộ tiến về bãi Utah nhìn thấy một tàu hướng dẫn bỗng nhiên nảy lên và bùng nổ. Vài giây sau những cái đầu nhấp nhô trên mặt nước và những người sống sót cố tìm cách thoát thân bằng cách bám vào những mảnh xác. Một tiếng nổ khác tiếp nối gần như tức thì. Thủy thủ trên xà lan đang cố đưa 4 trong số 32 xe tăng lội nước vào bãi Utah xuống đã đâm vào một quả mìn. Phần mũi xà lan bị bắn tung và Hạ sĩ Orris Johnson trên một chiếc LCT như bị hoá đá vì kinh hoàng, chứng kiến một chiếc xe tăng “văng lên cao hơn 30m, chậm chạp xoay vòng, rơi xuống nước và biến mất”. Sau này Johnson được biết trong số hy sinh có cả người bạn thân của mình, anh lính xe tăng Don Neill.

Rất nhiều những người đổ bộ lên Utah thấy những xác chết và nghe thấy tiếng kêu của những người đang chìm. Một người, Thiếu úy Francis X. Riley của lực lượng Phòng vệ bờ biển vẫn còn nhớ rõ cảnh tượng đó. Viên sĩ quan 24 tuổi chỉ huy một tàu LCI chỉ có thể nghe “những tiếng kêu thảm thiết xin giúp đỡ của những người lính và thủy thủ bị thương và choáng khi họ cầu xin chúng tôi kéo họ lên”. Nhưng lệnh mà Riley nhận được là “đổ quân đúng thời gian bất kể thương vong”. Cố gắng quên đi những tiếng kêu gào đó, Riley ra lệnh cho tàu vượt qua những người đang chìm. Anh không thể làm gì hơn. Các đợt đổ bộ vượt lên, và khi chiếc tàu chở Trung tá James Batte cùng lực lượng của Trung đoàn 8 Sư đoàn 4 lách qua những xác chết, Batte nghe thấy một người lính mặt xám ngoét nói “May mắn một cách khốn nạn – họ không còn bị say sóng nữa”.

Cảnh tượng những xác người trên mặt nước, sự căng thẳng vì hành trình dài trên tàu và giờ đây là những bãi biển và cồn cát mang điềm xấu của Utah kéo người ta ra khỏi cơn mê. Binh nhất Lee Cason, người vừa mới bước sang tuổi 20, bỗng thấy mình “nguyên rủa Hitler và Mussolini đã đẩy chúng ra vào cái đồng rác này”. Các đồng đội của anh giật mình vì sự kích động đó – họ chưa

bao giờ thấy Cason chửi thề. Trên nhiều tàu các binh sĩ bồn chồn kiểm tra đi kiểm tra lại vũ khí. Người ta trở nên keo kiệt về đạn dược đến mức Đại tá Eugene Caffey không thể xin được ai một kẹp đạn cho khẩu súng trường. Caffey, người không nghĩ là sẽ đổ bộ cho tới 9:00 sáng đã nhảy lên chiếc tàu của Trung đoàn Bộ binh 8 này để bắt kịp với Lữ đoàn Công binh 1 kỳ cựu. Ông không có trang bị gì và mặc dù tất cả những người trên tàu đều mang quá nhiều đạn, họ vẫn “giữ chúng để sống”. Caffey cuối cùng cũng gom được đạn bằng cách xin của mỗi người trong số 8 người 1 viên.

Ngoài khơi bãi Omaha một thảm họa đang diễn ra. Gần một nửa số xe tăng lội nước dự định để chi viện cho cuộc tấn công đã bị chìm. Theo kế hoạch 64 xe tăng sẽ được thả xuống cách bờ 3 đến 4,5km. Từ đây chúng sẽ bơi vào bờ. Trong số đó 32 chiếc được phối thuộc cho khu vực của Sư đoàn 1 – Easy Red, Fox Green và Fox Red. Các xà lan chở chúng vào vị trí, mở cửa khoang và 29 xe tăng được thả xuống biển. Những chiếc xe có vẻ ngoài quái dị, với lớp bọc bằng vải bạt lớn như bóng bay nhằm hỗ trợ chúng khi xuống nước bắt đầu rẽ sóng tiến vào bờ. Và rồi bi kịch xảy ra với Tiểu đoàn Xe tăng 741. Do sức va đập của sóng, lớp bọc chống nước bị đục, nước tràn vào động cơ và từng cái một, 27 chiếc xe tăng lần lượt chìm ngấm. Những người lính chui ra từ tháp pháo, bơm phồng áo phao và nhảy xuống biển. Một số may mắn thả được các bè cứu sinh. Những người khác chìm xuống cùng với cỗ quan tài thép.

Hai xe tăng, bị va đập và gần như bị sóng cuốn đi, vẫn tiếp tục tiến vào bờ. Tổ lái của 3 chiếc khác gặp may khi cửa xà lan của họ bị kẹt. Họ sẽ lên bờ sau. 32 chiếc còn lại – dành cho khu vực của Sư đoàn 29 – vẫn an toàn. Các sĩ quan trên tàu bị lấn át bởi thảm họa mà họ chứng kiến đã khôn ngoan khi quyết định đưa chúng lên thẳng bãi biển. Nhưng việc mất những chiếc xe tăng của Sư đoàn 1 sẽ khiến hàng trăm người bị thương vong trong mấy phút nữa.

Từ cách 3km binh lính đã thấy những người chết và những người sống trên mặt nước. Những người chết nổi lênh bênh, dạt vào bờ theo những con sóng như thể muốn đi cùng đồng đội. Những người sống trôi sạt trên mặt nước kêu cứu trong khi các tàu không thể làm gì. Hạ sĩ Regis McCloskey, chiếc tàu chở

đạn của anh đã được an toàn, nhìn những người lính đang gào thét “kêu gọi giúp đỡ, cầu xin chúng tôi dừng lại – và chúng tôi không thể. Không thể vì bất cứ cái gì hay bất cứ ai”. Nghiến chặt răng, McCloskey quay đi khi chiếc tàu phóng vượt qua, vài giây sau anh nôn mửa qua thành tàu. Đại úy Robert Cunningham và đồng đội cũng nhìn thấy những người sống sót đang vùng vẫy. Theo bản năng, các thủy thủ Hải quân lái tàu về phía đó. Một tàu cao tốc chặn họ lại. Loa trên đó kêu, “Các anh không phải là tàu cứu hộ! Hãy tiến vào bờ!”. Trên một tàu khác gần đó, Hạ sĩ Noel Dube ở một tiểu đoàn công binh đọc kinh ăn năn.

Lúc này bản hoà âm chết chóc của bom đạn dường như tăng lên và dữ dội hơn khi những hàng tàu xung kích vào gần bãi Omaha. Các tàu đổ bộ cách bờ khoảng 900m tham gia cuộc bắn phá; và rồi hàng ngàn chớp sáng của rocket gầm rít lướt qua đầu binh sĩ. Đối với họ dường như không thể tưởng tượng được thứ gì có thể sống sót dưới hỏa lực kinh khủng đang dội xuống tuyến phòng thủ của quân Đức. Bãi biển chìm đi trong khói bụi, và những đám khói do cỏ cây bị thiêu đốt lơ lửng bốc lên trên những ngọn đồi. Những họng pháo của quân Đức vẫn im ắng. Những chiếc tàu tiến vào. Trên bãi cát trải dài người ta giờ có thể nhìn thấy một rừng vật cản bằng thép và bê tông. Chúng được bố trí khắp nơi, buộc dây thép gai và gài mìn. Trông chúng xấu xí và dữ tợn như họ đã hình dung. Phía sau lớp phòng thủ bờ biển hoàn toàn hoang vắng; không có ai hay thứ gì di động. Những chiếc tàu càng lúc càng vào gần hơn ...450m ...400m. Kẻ địch vẫn không bắn. Băng qua những con sóng cao 1,2 đến 1,5m, các tàu xung kích tiến lên, và giờ cuộc bắn phá vĩ đại bắt đầu ngừng lại, chuyển sang các mục tiêu nằm sâu trong đất liền. Những tàu đầu tiên chỉ còn cách bờ chừng 350m khi pháo binh Đức – những khẩu pháo mà không ai nghĩ là có thể thoát khỏi cuộc oanh tạc của không quân và hải quân Đồng minh – bắt đầu khai hỏa.

Trong những tiếng la hét và ầm ĩ có một âm thanh gần hơn, chết chóc hơn tất cả những thứ còn lại – tiếng lạnh lạnh của đạn súng máy bắn vào mũi tàu bằng thép trông như mũi lợn. Pháo gầm lên. Đạn cối rơi như mưa. Suốt dọc 6,5km bờ biển của bãi Omaha những họng súng của quân Đức trút đạn xuống

các tàu xung kích.

Lúc đó là H-Hour.



Quân Mỹ đổ bộ lên bãi Omaha.

*Họ đổ bộ lên bãi Omaha, những người vất vả hơn tất cả. Không có một lá quân kỳ nào được phát lên, không có một hồi tù và hay kèn trận nào được thổi. Nhưng họ có lịch sử của mình. Họ đến từ những trung đoàn đã trấn thủ ở Valley Forge, Stone Creek, Antietam, Gettysburg, đã chiến đấu ở Argonne. Họ đã đổ bộ lên bờ biển Bắc Phi, Sicily và Salerno **. Giờ họ có thêm một bãi biển nữa phải đánh chiếm. Họ sẽ gọi nó là “Omaha đầm máu”.*

*** Các địa điểm nổi tiếng mà Sư đoàn 1 hoặc Sư đoàn 29 Mỹ từng tham chiến trong quá khứ. Valley Forge, Stone Creek, Antietam, Gettysburg ở Mỹ trong Nội chiến Mỹ. Argonne ở Pháp trong Thế chiến I. Bắc Phi, Sicily (Italia),*

Salerno (Italia) trong Thế chiến II năm 1942-1943 – Chiangshan.

Hoả lực mạnh nhất đến từ những điểm cao ở cả hai đầu của bãi biển hình trăng lưỡi liềm này – từ khu Dog Green của Sư đoàn 29 ở phía tây tới khu Fox Green của Sư đoàn 1 ở phía đông. Tại đây quân Đức đã tập trung phòng ngự chặt chẽ nhất để giữ hai lối ra chính của bãi biển ở Vierville và tới Colleville. Ở khắp nơi binh sĩ bị bắn khi tàu vào gần, nhưng lực lượng đổ bộ lên Dog Green và Fox Green không có cơ hội nào khác. Các xạ thủ Đức trên đồi hầu như nhìn trực tiếp được xuống các tàu đổ bộ đầy nước đang lắc lư tiến vào. Những con tàu vụng về và chậm chạp đó gần như đứng yên tại chỗ. Họ là những mục tiêu ngon ăn. Các thuyền trưởng cố gắng liều lĩnh lái những con tàu công kênh của mình lách qua bãi mìn và chướng ngại giờ phải hứng chịu hoả lực.

Một số tàu không thể tìm được đường trước mê cung những vật cản và lưới lửa từ trên đồi bắn xuống đã lùi lại, chạy lung tung dọc bờ biển tìm một chỗ phòng thủ yếu hơn để đổ bộ. Những chiếc khác kiên trì tiến vào khu vực được phân công đã bị bắn dữ dội đến mức binh sĩ phải nhảy qua thành tàu xuống nước, nơi họ lập tức bị súng máy hạ gục. Một vài tàu tan tành khi vào gần. Chiếc tàu xung kích của Thiếu úy Edward Gearing chở 30 người ở Sư đoàn 29 vỡ tan trong phút chốc khi cách lối ra Vierville ở Dog Green 270m. Gearing và đồng đội bị ném khỏi tàu và rơi xuống nước. Choáng váng, viên thiếu úy 19 tuổi rơi xuống cách nơi con tàu chìm mấy mét, ngập nửa người. Những người sống sót cũng bắt đầu thấy nhấp nhô trên mặt nước. Vũ khí, mũ sắt và trang bị của họ đều không còn. Viên thuyền trưởng đã biến mất, và gần đó một người lính của Gearing bị chiếc điện đài nặng nề kéo xuống đang gào lên, “Vì Chúa, tôi chết mất!”. Không ai có thể giúp người điện đài viên khi anh ta chìm xuống. Đối với Gearing và những người còn lại trong phân đội, thử thách mới chỉ bắt đầu. Họ sẽ mất 3 giờ nữa mới lên được bãi biển. Rồi Gearing sẽ được biết mình là sĩ quan duy nhất còn lại trong đại đội. Những người khác đã chết hoặc bị thương nặng.

Dọc theo bãi Omaha, những cửa khoang đổ bộ hạ xuống đường như là tín hiệu cho một đợt hỏa lực súng máy mới tập trung hơn, và một lần nữa nơi ác liệt nhất là Dog Green và Fox Green. Tàu của Sư đoàn 29 tiến vào Dog Green dừng lại trên những cồn cát. Cửa khoang hạ xuống và binh lính lao xuống nước sâu 1 đến 2m. Họ chỉ có một ý nghĩ duy nhất trong đầu – lội lên bờ, vượt qua bãi cát dài 180m đầy những vật chướng ngại, trèo lên bờ đá và ẩn nấp sau những chỗ trú ẩn không chắc chắn của bức tường biển. Nhưng bị đè nặng bởi trang thiết bị, không thể chạy nhanh ở chỗ nước sâu và không có gì che chắn, họ bị kẹp giữa những làn đạn súng máy và súng bộ binh bắn chéo cánh sẻ.

Những binh sĩ say sóng, đã kiệt sức sau hàng giờ trên tàu vận tải và tàu xung kích, giờ đây phải đấu tranh để sinh tồn dưới mặt nước ngập quá đầu. Binh nhì David Silva thấy những người đứng trước bị dồn gục khi họ rời tàu. Đến lượt mình, anh nhảy xuống chỗ nước sâu tới thắt lưng và, bị kéo xuống bởi đồng trang bị, nhìn như bị mê hoặc khi đạn réo khắp nơi xung quanh. Trong vòng vài giây, đạn súng máy đã làm thủng lỗ chỗ chiếc ba lô, bộ quân phục và chiếc bi đông của anh. Silva cảm thấy mình giống như “một con bồ câu rơi vào bẫy”. Anh nghĩ đã trông thấy tên Đức đang nã súng máy vào mình, nhưng không thể bắn trả. Khẩu súng trường của anh đã bị tắc bởi cát. Silva lội vào, quyết định hướng tới bờ cát phía trước. Rốt cục anh cũng lôi mình được lên bãi cát và lao tới bức tường biển, hoàn toàn không biết là mình đã bị 2 vết thương – một ở lưng và một ở chân phải.

Những người lính ngã xuống dọc theo mép nước. Một số bị giết ngay lập tức, những người khác kêu gào thảm thiết trong khi sóng chậm chạp nhấn chìm họ. Trong số những người chết có Đại úy Sherman Burroughs. Đại úy Charles Cawthon bạn anh thấy cái xác bị xô đẩy tới lui trên bãi biển.

Cawthon tự hỏi Burroughs đã kịp diễn lại "The Shooting of Dan McGrew" cho đồng đội xem trên đường vào như dự định chưa. Và khi Đại úy Carroll Smith đi qua, anh không thể giúp gì ngoài việc nghĩ rằng Burroughs “sẽ

không phải chịu đựng chứng đau nửa đầu triền miên nữa”. Burroughs đã bị bắn vào đầu.

Chỉ trong vài phút của cuộc tàn sát ở Dog Green cả 1 đại đội đã bị loại khỏi vòng chiến. Không đầy 1 phần 3 quân số sống sót sau hành trình đẫm máu từ tàu lên bờ. Các sĩ quan bị chết, bị thương nặng hoặc mất tích, và những người lính, bị sốc và không có vũ khí, túm tụm lại dưới chân đồi cả ngày hôm đó. Một đại đội khác trong khu vực còn chịu thương vong nặng hơn. Đại đội C Tiểu đoàn Biệt kích 2 đã được giao nhiệm vụ tiêu diệt các điểm phòng thủ của địch ở Pointe de la Percee, gần phía tây Vierville. Những người lính biệt kích lên bờ từ 2 chiếc tàu xung kích trong đợt đổ bộ đầu tiên vào Dog Green. Họ đã bị tiêu hao nặng. Chiếc tàu đi đầu bị pháo bắn chìm gần như tức thì và 12 người hy sinh tại chỗ. Khi chiếc tàu thứ hai hạ cửa khoang đổ bộ, súng máy trút vào những binh sĩ đang lao lên, giết và làm bị thương 15 người. Số còn lại chạy tới chỗ vách đá. Hết người này đến người khác ngã xuống. Binh nhất Nelson Noyes, bị đè xuống bởi sức nặng của khẩu bazooka đã chạy được 90m trước khi anh buộc phải dán mình xuống đất. Vài giây sau anh bật dậy và chạy tiếp. Khi tới bờ đá anh bị súng máy bắn vào chân. Khi nằm đó Noyes nhìn thấy 2 lính Đức vừa bắn đang nhìn xuống từ trên đỉnh. Chống khuỷu tay ngồi dậy, anh mở khóa khẩu Tommy và bắn hạ cả 2 tên. Vào lúc Đại úy Ralph E. Goranson đại đội trưởng tới được chân vách đá, anh chỉ còn lại 35 trong số 70 lính biệt kích. Khi trời tối, con số này sẽ rút xuống còn 12.



Quân Mỹ đổ bộ lên bãi Omaha.

Tai họa liên tiếp giáng xuống những người ở bãi Omaha. Giờ đây binh sĩ nhận ra họ đã đổ bộ lên nhầm chỗ. Một số ở cách gần 3km so với vị trí được quy định. Tàu của Sư đoàn 29 thấy mình ở lẫn với lính của Sư đoàn 1. Ví dụ, các đơn vị dự kiến đổ bộ lên Easy Green và đánh mở đường tới lối ra ở Les Moulins phát hiện ra họ đang ở đâu phía đông bãi biển, nơi địa ngục Fox Green. Gần như toàn bộ các tàu đổ bộ lệch về phía đông so với kế hoạch. Một tàu chỉ dẫn bị trôi dạt khỏi vị trí, một luồng nước mạnh chảy từ tây sang đông

bãi biển, sương mù và khói bụi do cỏ cháy che khuất các điểm mốc – tất cả điều đó dẫn tới việc đổ bộ sai. Các đại đội đã được huấn luyện để đánh chiếm những mục tiêu cụ thể không bao giờ tới gần được nó. Các toán nhỏ thấy mình bị ghìm đầu bởi hỏa lực quân Đức và cô lập trong địa hình xa lạ, và thường là không có sĩ quan chỉ huy hay thông tin.

Các lính công binh phá hoại đặc biệt của Lục quân – Hải quân có nhiệm vụ mở đường qua bãi chướng ngại không chỉ bị phân tán mà còn bị chậm mất những phút quyết định. Những người lính thất vọng này bắt tay vào việc ở bất cứ chỗ nào họ đứng chân. Nhưng họ chiến đấu một trận thất bại. Trong vài phút có được trước khi các đợt quân tiếp theo đổ bộ, công binh chỉ mở được 5 đường rười thay vì 16 như dự tính.

Những toán phá hoại đang hành động khẩn trương và liều lĩnh liên tục gặp phải trở ngại – lính bộ binh lợi xung quanh họ, ẩn nấp sau những chướng ngại vật mà họ phải cho nổ tung và tàu đổ bộ gần như lao đến ngay trên đầu. Hạ sĩ Barton A. Davis ở Tiểu đoàn Công binh 299 thấy một tàu hướng về phía mình. Chiếc tàu chở đầy lính Sư đoàn 1 tiến thẳng qua bãi vật cản. Một tiếng nổ dữ dội và con tàu tan tành. Đối với Davis dường như tất cả những người bên trong đều bị hất tung lên trời cùng một lúc. Xác người và những mảnh thi thể vung vãi quanh con tàu đang cháy. “Tôi thấy những người lính, nhỏ như những chấm đen, đang cố bơi qua đám dầu tràn trên mặt nước và trong khi chúng tôi đang không biết phải làm gì thì một thi thể không đầu rơi ục ục từ hơn 15m trên không xuống với một tiếng động khủng khiếp”. Davis không thấy làm cách nào người ta có thể sống sót sau vụ nổ ấy, nhưng có 2 người đã thoát chết. Họ được kéo lên khỏi mặt nước, bị bỏng nặng nhưng vẫn sống.

Nhưng cảnh tượng Davis chứng kiến còn thua cả thảm họa đã xảy ra với những người lính dũng cảm của chính đơn vị anh, Lực lượng đặc biệt Công binh Lục quân – Hải quân. Những chiếc tàu chở chất nổ đã bị pháo kích, nằm cháy rùng rục bên mép nước. Lính công binh cùng những thuyền cao su chất đầy thuốc nổ dẻo và kíp nổ tan xác khi chúng bị trúng đạn. Quân Đức quan

sát thấy lính công binh làm việc giữa những chướng ngại vật đường như đã chú ý đặc biệt đến họ. Khi họ gắn những khối chất nổ, các tay bắn tỉa ngắm bắn chính xác vào những trái mìn trên chướng ngại vật. Ở chỗ khác chúng đợi cho lính công binh chuẩn bị xong việc làm nổ tung những khung thép và vật chướng ngại hình tứ diện. Rồi chính quân Đức sẽ thực hiện điều đó bằng hỏa lực súng cối trước khi họ kịp thoát khỏi khu vực. Đến cuối ngày, số thương vong sẽ là gần 50 phần trăm. Hạ sĩ Davis cũng nằm trong số đó. Khi trời tối anh sẽ ở trên một tàu bệnh viện, quay trở lại Anh với cái chân bị thương.

Đó là 7:00 sáng. Đợt đổ bộ thứ hai đã tới nơi đang diễn ra cảnh tàn sát là bãi biển Omaha. Người ta lội vào bờ dưới làn hỏa lực không ngớt của địch. Các tàu đổ bộ tiếp tục đóng góp thêm vào nghĩa địa những xác tàu tan nát, bốc cháy. Mỗi đợt tàu lại làm dậy lên những cơn sóng, và dọc theo bãi biển hình trăng lưỡi liềm xác lính Mỹ lại khẽ va chạm vào nhau trong nước.

Phủ đầy bãi biển là những vật dụng trôi dạt. Trang bị nặng và đồ hậu cần, hòm đạn, điện đài vỡ nát, điện thoại đã chiến, mặt nạ phòng độc, xẻng cá nhân, bi đông, mũ sắt và áo phao rải rác khắp nơi. Những cuộn lớn dây kim loại, thùng, đồ hộp, máy dò mìn và vô số vũ khí, từ những khẩu súng trường đã gãy đến khẩu bazooka móp méo nằm trên bãi cát. Xác tàu nằm nghiêng trên mặt nước. Xe tăng cháy tuôn lên trời những đụn khói đen. Xe ủi nằm lật giữa những chướng ngại vật. Ở Easy Red, trôi giữa đồng vật dụng chiến tranh vô dụng đó, người ta thấy cả một cây đàn ghi ta.

Thương binh rải rác trên cát như những hòn đảo nhỏ. Những binh sĩ đi ngang qua để ý thấy rằng có những người có thể ngồi thẳng như thể họ được miễn trừ với súng đạn. Họ là những người trầm lặng, dường như thờ ơ với cảnh tượng và âm thanh xung quanh. Hạ sĩ nhất Alfred Eigenberg, y tá phối thuộc cho Lữ đoàn Công binh đặc biệt số 6 nhớ lại rằng “một sự lịch thiệp khủng khiếp giữa những người bị thương nặng”. Trong những phút đầu tiên trên bãi biển, Eigenberg thấy có quá nhiều người bị thương đến mức anh không biết “bắt đầu từ đâu và với ai”. Ở Dog Red anh đi ngang qua một người lính trẻ

đang ngồi với cái chân “mở toang từ đầu gối lên đến xương chậu một cách gọn gàng giống như vừa được mổ”. Vết thương sâu đến mức Eigenberg có thể nhìn thấy rõ động mạch đùi đang đập. Người lính bị sốc nặng. Anh ta nói với Eigenberg một cách điềm tĩnh: “Tôi đã uống hết chỗ thuốc sulfa và đổ hết bột sulfa vào chỗ vết thương. Tôi sẽ ổn, phải không?”. Người y tá 19 tuổi Eigenberg không biết nên nói gì. Anh tiêm cho người lính một liều morphine và nói, “Tất nhiên rồi, cậu sẽ ổn thôi”. Sau đó khép hai bên miệng vết rách đã bị cắt ngọt lại với nhau, Eigenberg làm điều duy nhất có thể nghĩ tới – anh cẩn thận băng kín vết thương bằng kim băng.

Những người lính của đợt đổ bộ thứ ba tràn xuống bãi biển hỗn loạn, rối ren và chết chóc – và bị chặn lại. Chỉ phút sau đợt thứ tư tới – và bị chặn lại. Binh sĩ nằm sát bên nhau trên bãi cát, bờ đá. Họ bò tới sau những vật cản, họ ẩn nấp giữa những xác chết. Bị ghìm đầu bởi hỏa lực mà họ tưởng là đã bị vô hiệu hóa, lúng túng do đổ bộ nhầm vị trí, hoang mang vì không thấy những hố bom mà họ hy vọng sẽ có từ Không quân, và choáng váng bởi cảnh tàn phá chết chóc xung quanh, họ tê liệt trên bãi biển. Họ dường như chết cứng. Bị choáng ngợp bởi tất cả, một số tin rằng cuộc đổ bộ đã thất bại. Hạ sĩ kỹ thuật William McClintock ở Tiểu đoàn Xe tăng 741 đi ngang qua một người lính đang ngồi bên mép nước, không để ý tới đạn súng máy đang trút xuống khắp khu vực. Anh ta ngồi đó “ném những viên sỏi xuống nước và nhẹ nhàng khóc như thể trái tim đã bị tan vỡ”.

Cơn choáng váng sẽ không kéo dài. Thậm chí ngay lúc này rải rác đã có những người nhận ra ở lại trên bãi biển là cầm chắc cái chết, đã đứng lên và di chuyển.

Cách đó 16km ở bãi Utah, binh sĩ Sư đoàn 4 đang lội vào bờ và tiến vào đất liền một cách nhanh chóng. Đợt tàu xung kích thứ ba đang tới và hầu như vẫn không có cản trở nào. Vài quả đạn pháo nổ trên bãi biển, rải rác mấy loạt súng máy và súng trường lớp đớp, nhưng không có cảnh chiến đấu ác liệt mà những người lính căng thẳng và lo lắng của Sư đoàn 4 đã hình dung. Đối với nhiều người cuộc đổ bộ hầu như chỉ là hình thức. Binh nhất Donald N. Jones

đi trong đợt hai cảm thấy đây “chỉ là một buổi diễn tập khác”. Những người khác nghĩ cuộc tấn công thật đơn giản, hàng tháng trời tập luyện ở Slapton Sands, Anh còn khó khăn hơn. Binh nhất Ray Mann cảm thấy hơi “mất hứng” một chút vì “hóa ra cuối cùng cuộc đổ bộ chẳng phải một thử thách lớn gì”. Ngay cả những chướng ngại vật cũng không tệ như họ đã lo ngại. Vài khối bê tông hình nón hoặc chớp và cọc thép rải rác trên bãi biển. Một số ít được gài mìn và tất cả đều nằm lộ liễu, dễ dàng cho công binh gỡ bỏ. Các đội phá hoại đã vào việc. Họ đã dùng thuốc nổ mở ra một tuyến đường dài 150m xuyên qua các tuyến phòng thủ và phá thủng bức tường biển, và trong vòng 1 giờ có thể dọn sạch bãi biển.



Quân Mỹ đổ bộ lên bãi Utah.

Những chiếc xe tăng lội nước dàn hàng trên bãi biển với lớp bọc bằng bọt buông rủ – đây là một trong những lí do quan trọng khiến cuộc tấn công thành công như vậy. Lên bờ cùng với đợt đầu tiên, chúng đã hỗ trợ bộ binh một cách âm ỉ khi họ tiến vào. Xe tăng cùng những cuộc bắn phá trước đó có vẻ đã phá hủy và vô hiệu hóa các vị trí quân Đức. Dù vậy, cuộc tấn công vẫn không tránh khỏi cảnh khổ sở và chết chóc. Gần như ngay khi tới bờ, Binh nhất Rudolph Mozgo thấy người đầu tiên chết. Một chiếc xe tăng đã dính một phát đạn bắn thẳng và Rudolph thấy “một thành viên tổ lái nằm nhô nửa

người ra khỏi tháp pháo”. Thiếu úy Herbert Taylor Lữ đoàn Công binh đặc biệt số 1 chết lặng bởi cảnh “một người bị mảnh pháo chém văng đầu chỉ cách đó có 20m”. Và Binh nhất Edward Wolfe đi ngang qua một lính Mỹ “ngồi trên bãi biển, lưng dựa vào cọc như thể đang ngủ”. Người lính trông tự nhiên và yên bình đến mức Wolfe “bị thôi thúc bởi việc bước tới và lay anh ta dậy”.

Chuẩn tướng Theodore Roosevelt nặng nhọc bước đi trên bãi cát, thỉnh thoảng lại xoa bóp bả vai bị viêm khớp. Vị sĩ quan 57 tuổi – viên tướng duy nhất đổ bộ cùng với đợt đầu tiên – đã khẳng khái đòi nhận nhiệm vụ này. Bản yêu cầu đầu tiên bị bác bỏ, nhưng Roosevelt nhanh chóng đáp lại bằng một cái khác. Trong bức thư tay ngắn gửi cho Sư đoàn trưởng 4, Thiếu tướng Raymond O. Barton, Roosevelt lí giải rằng việc ông có mặt sẽ khiến “các chàng trai vững tâm khi thấy tôi đi cùng với họ”. Barton miễn cưỡng chấp thuận, nhưng quyết định này làm ông day dứt. “Khi chào tạm biệt Ted ở Anh”, ông nhớ lại, “Tôi không bao giờ hy vọng sẽ gặp lại ông ấy”. Roosevelt quả quyết đang rất khỏe. Hạ sĩ Harry Brown thuộc Trung đoàn Bộ binh 8 thấy ông “tay cầm gậy, tay cầm bản đồ đi đi lại lại như đang xem xét một khu đất xây dựng”. Có những viên đạn cối nổ trên bãi biển làm tung lên trời những đám đất. Chúng dường như làm Roosevelt khó chịu, ông đang muốn mau chóng được tổng khử.

Khi đợt tàu thứ ba đổ quân và binh sĩ đang lội vào bờ, bất ngờ pháo 88mm của quân Đức bắn, đạn nổ giữa họ. Một tá người gục xuống. Một giây sau, một hình bóng đơn độc hiện ra từ đám khói. Khuôn mặt anh ta đen kịt, mũ sắt và quân trang đều đã biến mất. Anh ta bước đi trên bãi biển trong trạng thái hoàn toàn sốc, mắt mở trừng trừng. Hét gọi cứu thương, Roosevelt lao tới người lính. Ông vòng tay đỡ lấy anh ta. “Con trai”, ông nói, “ta nghĩ chúng ta sẽ đưa cậu trở lại tàu”.

Lúc này mới chỉ có Roosevelt và vài sĩ quan của ông biết rằng cuộc đổ bộ Utah đã diễn ra nhầm chỗ. Đó là một sai sót may mắn, những khẩu đội pháo

hạng nặng có thể sẽ tàn sát binh sĩ nằm dọc khu vực đổ bộ dự kiến lúc trước vẫn còn hoạt động được. Có vài nguyên nhân cho sự nhầm lẫn này. Lúng túng bởi màn khói do các cuộc pháo kích bốc bên che mất các mốc chuẩn, bị cuốn vào luồng nước xiết chảy dọc bờ biển, một tàu điều hành đã dẫn đợt đầu tiên đổ bộ cách mục tiêu hơn 1,5km về phía nam. Thay vì đổ quân lên bãi biển đối diện lối ra số 3 và 4 – hai trong số năm con đường sống còn mà Sư đoàn Đổ bộ đường không 101 đang tiến đánh – đầu cầu đã chệch đi gần 1.800m và lúc này đối diện lối ra số 2. Trớ trêu thay, vào chính lúc đó Trung tá Robert G. Cole và một nhóm hỗn hợp 70 lính từ Sư đoàn 101 và 82 vừa mới tới được đầu phía tây của lối ra 3. Họ là những lính dù đầu tiên đến được một đường dẫn. Cole và đồng đội bố trí ẩn nấp trong khu đầm lầy và chờ đợi Sư đoàn 4 đến vào bất cứ lúc nào.

Trên bãi biển gần lối ra số 2, Roosevelt sắp đưa ra một quyết định quan trọng. Mỗi phút kể từ lúc này các đợt quân và xe cộ sẽ nối nhau đổ bộ - 30.000 người và 3.500 xe cơ giới. Roosevelt phải quyết định sẽ cho các đợt tiếp theo đổ quân vào khu tập kết mới tương đối yên tĩnh với chỉ một lối ra này, hay điều chỉnh lại các đơn vị xung kích cùng với trang bị tới mục tiêu cũ với 2 lối ra. Nếu lối ra duy nhất không thể khai thông và giữ vững, cả khối khổng lồ quân và xe cộ sẽ bị mắc kẹt trên bãi biển. Viên tướng hội ý với các chỉ huy tiểu đoàn. Quyết định đã được đưa ra. Thay vì chiến đấu với các mục tiêu như trong kế hoạch nằm ngay sau bãi biển dự kiến lúc đầu, Sư đoàn 4 sẽ tiến vào đất liền bằng lối ra duy nhất, tiêu diệt các vị trí Đức bất cứ nơi nào và khi nào họ gặp. Lúc này mọi việc phụ thuộc vào chuyện phải tiến quân nhanh nhất có thể trước khi đối phương kịp định thần lại. Sức kháng cự của địch yếu và binh sĩ Sư đoàn 4 đang rời bãi biển nhanh chóng. Roosevelt quay sang Đại tá Eugene Caffey ở Lữ đoàn Công binh đặc biệt 1. “Tôi sẽ đi tiếp”, ông bảo Caffey, “Anh báo lại cho Hải quân. Chúng ta sẽ bắt đầu cuộc chiến từ chỗ này”.



Chuẩn tướng Theodore Roosevelt, Jr - Sư đoàn phó Sư đoàn bộ binh số 4 Mỹ.

Ngoài khơi Utah, những khẩu pháo của USS Corry đã đỏ nòng. Chúng đang bắn nhanh đến mức các thủy thủ đứng trên tháp pháo phải dùng vòi tưới nước lên. Gần như ngay từ lúc Thiếu tá George Hoffmann cơ động chiếc khu trục hạm vào vị trí và thả neo, những khẩu pháo của Corry đã trút đạn vào đất liền với tốc độ 8 viên đạn 127mm mỗi phút. Một trận địa pháo Đức sẽ không bao giờ làm phiền ai được nữa, Corry đã phá tan nó bằng 110 phát đạn chính xác. Quân Đức bắn trả lại ác liệt. Corry là chiếc khu trục hạm duy nhất mà các trinh sát địch có thể nhìn thấy. Máy bay thả khói được bố trí để bảo vệ các tàu thuộc nhóm “yểm trợ gần ven bờ”, nhưng chiếc của Corry đã bị bắn rơi. Riêng một trận địa pháo trên đồi nhìn xuống bãi biển phía trên Utah – ánh lửa đầu nòng cho thấy nó nằm gần làng St-Marcouf dường như tập trung hết sức mạnh vào chiếc khu trục hạm lộ liễu. Hoffmann quyết định lùi lại trước khi quá muộn. Điện đài viên cấp 3 Bennie Glisson nhớ lại, “Chúng tôi

xoay lại, và quay đuôi tàu trước mặt chúng như một cô gái già trước mặt gã lính thủy đánh bộ”.



Khu trục hạm USS Corry của Hải quân Mỹ.

Nhưng Corry đang ở chỗ nước nông với những dải đá ngầm sắc nhọn như dao. Thuyền trưởng không thể cho tàu chạy cho tới khi thấy rõ. Trong vài phút anh buộc phải chơi trò mèo vờn chuột đầy căng thẳng với các pháo thủ Đức. Cố gắng phán đoán các loạt bắn của chúng, Hoffman cho Corry cơ động ngoắt ngoéo. Anh cho tiến lên, giật lùi, quay sang trái, rồi sang mạn phải, dừng lại, rồi lại tiến. Trong khi đó pháo trên tàu bắn trả. Gần đó, khu trục hạm USS Fitch thấy tình thế khó khăn của Corry cũng bắt đầu bắn vào trận địa pháo St-Marcouf. Nhưng các tay súng thiện xạ của Đức không hề ngừng lại. Gần như bị bao vây bởi đạn pháo, Hoffmann cho Corry tiến từng tí một ra. Cuối cùng, hài lòng vì đã thoát khỏi bãi đá ngầm, anh ra lệnh, “Bánh lái sang phải! Tiến hết tốc lực!” và Corry lao vút về phía trước. Hoffman nhìn lại phía sau. Đạn pháo lao vun vút theo sát họ, làm tung lên những đụn nước lớn. Hoffman thở phào, anh đã thành công. Chính vào lúc đó may mắn của anh đã hết. Lướt đi trên mặt nước với tốc độ hơn 28 hải lý/giờ, Corry đâm

vào một quả thủy lôi.

Đó là một tiếng nổ xé dữ dội đến mức đường như chiếc khu trục hạm bị ném khỏi mặt nước sang một bên. Chấn động quá lớn khiến Hoffmann choáng váng. Đối với anh có vẻ là “con tàu đã bị nâng lên bởi một trận động đất”. Trong khoang điện đài, Bennie Glisson đang nhìn qua cửa sổ bỗng nhiên thấy mình bị “ném vào một cái máy trộn bê tông”. Bị trượt mạnh chân, anh bị ném lên trần nhà, rồi rơi xuống và bị vỡ đầu gối.

Quả thủy lôi gần như đã cắt Corry thành hai nửa. Chạy từ bên này sang bên kia boong tàu là một vết nứt rộng hơn 0,3m. Mũi và đuôi tàu sụp về phía trước, chỉ còn sàn tàu là giữ chiếc khu trục hạm dính liền với nhau. Buồng đốt và khoang động cơ đã ngập nước. Hầu như không có ai ở khoang nồi hơi số 2 sống sót – họ bị thiêu cháy gần như ngay lập tức khi nồi hơi phát nổ. Bánh lái bị kẹt. Không có điện, nhưng bằng cách nào đó Corry đang chết đau đớn trong lửa và khói vẫn tiếp tục lướt đi như điên dại trên mặt nước. Hoffmann đột nhiên bắt đầu nhận ra là vài khẩu pháo vẫn bắn – không có điện, các pháo thủ nạp đạn và bắn bằng tay.

Cái khối thép méo mó đã từng là tàu Corry chạy tiếp được hơn 900m trước khi dừng hẳn. Các khẩu đội pháo Đức đưa được nó vào vòng ngắm. “Bỏ tàu!”, Hoffmann ra lệnh. Chỉ trong vài phút ít nhất 9 phát đạn bắn trúng tàu. Một phát làm nổ tung kho đạn pháo 40mm. Một phát khác kích hoạt bộ phận tạo khói ở đuôi tàu, suýt làm các thủy thủ chết ngạt khi họ tranh nhau xuống xuống và bè.

Boong tàu đã ngập dưới 0,6m nước khi Hoffmann nhìn lại con tàu lần cuối, nhảy xuống và bơi tới một chiếc bè. Sau lưng anh tàu Corry chìm xuống đáy, cột ăng ten và một phần boong vẫn nhô lên trên sóng – đây là thiệt hại lớn duy nhất của Hải quân Mỹ trong D-Day. Trong số 294 thủy thủ của Hoffmann, 13 đã chết hoặc mất tích và 33 bị thương, tổn thất nặng hơn cả trong cuộc đổ bộ lên bãi Utah tính đến lúc đó.



USS Corry bị đánh chìm trong D-Day.

Hoffmann nghĩ mình là người cuối cùng rời tàu. Nhưng không phải. Không người nào biết đó là ai, nhưng khi các xuồng và bè được kéo đi, thủy thủ trên những tàu khác thấy một người trèo lên mũi tàu Corry. Anh ta tháo lá cờ hiệu đã bị bắn rơi, bơi và trèo lên thân tàu tới cột ăng ten chính. Từ tàu USS Butler, Thuyền trưởng Dick Scrimshaw chứng kiến trong sự kinh ngạc và kính phục cảnh người thủy thủ bình tĩnh buộc và kéo lá cờ lên cột ăng ten chính trong khi đạn pháo vẫn rơi xung quanh. Sau đó anh bơi đi. Phía trên cái xác tàu Corry, Scrimshaw thấy lá cờ treo ử rũ trong một giây. Rồi nó tung bay trong gió.

Các ống rocket phóng dây thường khai hỏa nhằm vào vách đá cao 30m Pointe du Hoc. Giữa bãi Utah và Omaha, cuộc tấn công đường biển thứ ba của quân Mỹ đang bắt đầu. Súng bộ binh vãi đạn xung quanh 3 đại đội biệt kích của Trung tá James E. Rudder khi họ mở màn cuộc đột kích nhằm khóa họng trận địa pháo hạng nặng mà tình báo cho rằng có thể đe dọa cả hai bãi biển của quân Mỹ. Chín tàu LCA chở theo 225 binh sĩ Tiểu đoàn Biệt kích 2 cụm lại dọc theo dải bờ biển bên dưới phần nhô ra của vách đá. Nó giúp bảo vệ khỏi súng máy và lựu đạn mà quân Đức đang ném xuống – nhưng không nhiều.

Ngoài khơi, khu trục hạm Talybont của Anh và Satterlee của Mỹ rút hết phát này tới phát khác lên đỉnh.

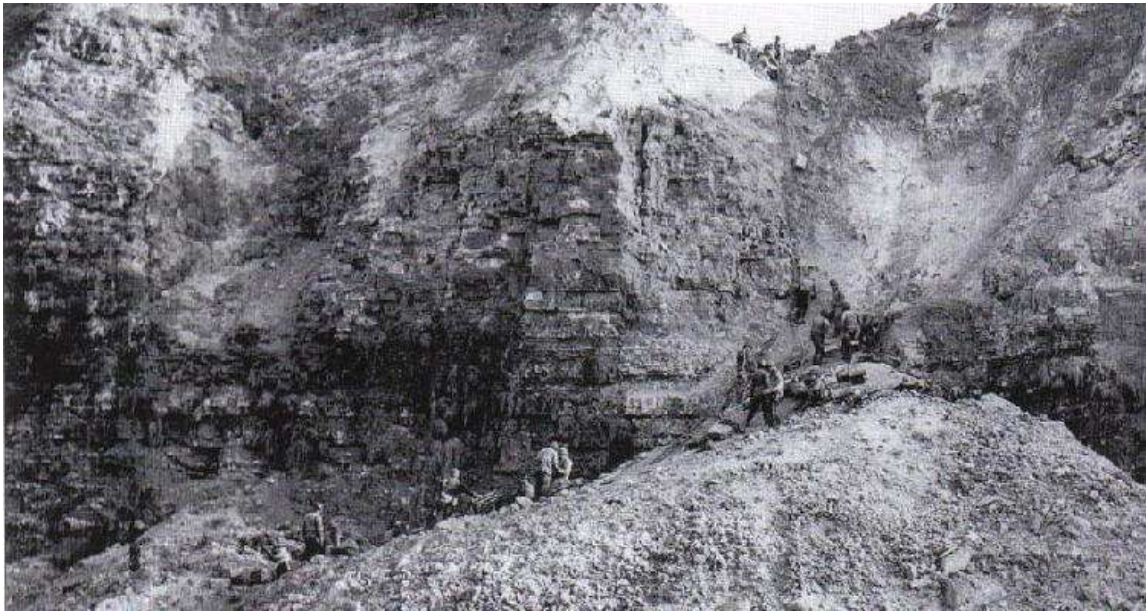
Lính biệt kích dưới quyền Rudder dự kiến sẽ tới được chân vách đá vào H-Hour. Nhưng chiếc tàu đi đầu đã đi lạc và dẫn cả đoàn thẳng tới Pointe de la Percee, cách đó 4,8km về phía đông. Rudder đã nhận ra sự nhầm lẫn, nhưng khi anh cho tàu quay lại thì thời gian quý giá đã mất. Sự chậm trễ này sẽ lấy đi của anh 500 quân tiếp viện – phần còn lại của Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 5 của Trung tá Max Schneider. Theo kế hoạch, Rudder bắn pháo hiệu ngay khi người của anh tới được vách đá để báo cho các đơn vị biệt kích khác đang đợi ngoài khơi vài km cùng tiến vào. Nếu đến 7:00 sáng mà không có tín hiệu, Trung tá Schneider sẽ coi như cuộc tấn công Pointe du Hoc đã thất bại và sẽ đổ bộ lên bãi Omaha cách đó 6,5km. Từ đó, đi sau Sư đoàn 29, đơn vị biệt kích sẽ tạt về phía tây và tiến tới vách đá để chiếm trận địa pháo từ phía sau. Lúc này đã là 7:10 sáng. Do không nhận được tín hiệu nào nên Schneider đã chuyển sang bãi Omaha. Rudder cùng 225 lính biệt kích của anh phải tự lực chiến đấu.

Đó là một cảnh tượng dữ dội, ghê gớm. Rocket liên tiếp gầm lên, phóng đi những sợi thừng và thang dây với móc ở đầu. Đạn pháo và liên thanh 40mm cày xới đỉnh vách đá, làm tung những đám bụi đất lớn xuống đầu lính biệt kích. Người ta chạy tản ra dọc theo dải bờ biển hẹp, lồi lõm đầy những thang, dây thừng và rocket cầm tay. Đây đó nhấp nhô trên đỉnh, lính Đức ném lựu đạn cháy hoặc bắn tiểu liên Schmeisser. Bằng cách nào đó, lính biệt kích lao từ chỗ nấp này sang chỗ khác, lấy các trang bị từ tàu ra và bắn – tất cả cùng một lúc. Và phía ngoài, 2 xe lội nước DUKW gắn những chiếc thang gấp dài mượn từ Lữ đoàn Cứu hỏa London đang cố gắng vào gần. Từ trên đỉnh thang lính biệt kích nã đạn với súng trường tự động Browning và tiểu liên Tommy.

Cuộc tấn công rất quyết liệt. Vài người không đợi có dây. Khoác chéo súng qua vai, họ dùng dao khoét bậc và bắt đầu bám vào vách đá cao bằng tòa nhà 9 tầng như một bầy ruồi. Vài móc đã mắc ở bên trên và binh sĩ đu dây leo lên.

Rồi có những tiếng kêu gào khủng khiếp khi quân Đức cắt dây và lính biệt kích rơi nhào xuống. Dây của Binh nhất Harry Robert bị cắt hai lần. Đến lần thứ ba rốt cục anh cũng tới được một hốc đá nằm ngay phía dưới đỉnh. Hạ sĩ Bill “L-Rod” Petty cố gắng leo từng bước lên bằng một sợi dây thừng, mặc dù anh là một chuyên gia leo núi nhưng sợi dây quá ướt và dính bùn nên anh không thể làm được. Rồi Petty thử leo thang được 10m thì bị trượt xuống khi nó bị cắt. Anh tiếp tục thử lại. Hạ sĩ Herman Stein trèo trên một chiếc thang khác đã suýt bị hất khỏi vách đá khi anh lỡ tay giật nút bơm áo phao. Anh “vật lộn vô tận” với chiếc áo phao nhưng đằng trước và sau anh đều có người. Bằng cách nào đó Stein tiếp tục trèo lên.

Lúc này những người lính tranh nhau những sợi dây thừng vắn xoắn và buông xuống từ trên đỉnh như một bầy rắn. Đột nhiên Hạ sĩ Petty, đang trèo lên lần thứ ba bỗng thấy tối tăm mặt mũi bởi đất cát bắn tứ tung xung quanh. Quân Đức đang nhô ra xả súng máy vào họ. Lính Đức chống trả quyết liệt, bất chấp đạn bắn như mưa từ những lính biệt kích trên thang cứu hỏa và từ các khu trục hạm ngoài khơi. Petty thấy người bên cạnh bám chặt vào sợi dây đang quăng quật. Stein cũng thấy. Và Binh nhất Carl Bombardier 20 tuổi cũng vậy. Trong khi họ chứng kiến một cách hãi hùng, anh ta trượt tay và rơi xuống, nảy tung lên sau khi đập vào những mỏm đá nhô ra, và dường như đối với Petty “anh ta vẫn còn sống trước khi rơi xuống bãi biển”. Petty đông cứng lại trên sợi dây. Anh không thể khiến đôi tay của mình hoạt động tiếp. Anh nhớ lại là đã tự nói với bản thân “Chỉ là quá khó trèo”. Nhưng một lần nữa những khẩu súng máy Đức phát hiện ra anh. Ngay khi chúng vãi đạn ngay sát người, Petty “hoàn hồn một cách nhanh chóng”. Anh liều lĩnh lôi mình lên nốt mấy mét cuối cùng.



Biệt kích Mỹ ở Point du Hoc.

Ở khắp nơi binh sĩ nhao lên đỉnh vách đá và nhảy xuống những hố đạn pháo. Đối với Hạ sĩ Regis McCloskey, người đã thành công trong việc đưa con tàu chở đạn chìm đến một nửa vào bờ thì Pointe du Hoc là một cảnh tượng vô cùng kì lạ. Mặt đất chỉ chít những hố bom, hố pháo do cuộc oanh tạc của hải quân và không quân trước H-Hour khiến cho nó trông giống “những miệng núi lửa trên mặt trăng”. Lúc này có một sự im lặng ma quái khi họ trèo lên và lao xuống ẩn nấp giữa những hố pháo. Súng đã ngừng bắn trong một khoảnh khắc, không thấy lính Đức nào, và khắp nơi binh sĩ nhìn những miệng hố rộng toác kéo dài vào trong đất liền – một chiến trường tàn bạo, khủng khiếp.

Trung tá Rudder đã thiết lập xong sở chỉ huy đầu tiên trong một hốc đá trên đỉnh. Từ đây sĩ quan thông tin của anh, Trung úy James Eikner phát đi tín hiệu “Đội ơn Chúa”. Nó có nghĩa “Tất cả đã ở trên đỉnh”. Nhưng điều đó không hoàn toàn là sự thật. Dưới chân vách đá người sĩ quan quan y, một bác sĩ nhi khoa tự học đang trông nom những người chết và hấp hối trên bãi biển – có lẽ khoảng 25 người. Mỗi phút, đội biệt kích tiên phong lại bị tiêu hao. Đến cuối ngày sẽ chỉ còn lại 90 trên tổng số 225 người đủ sức cầm vũ khí. Tệ hơn, họ đã nỗ lực một cách anh hùng và vô ích để tiêu diệt những khẩu pháo

không có ở đây. Thông tin mà Jean Marion, chỉ huy lực lượng kháng chiến Pháp đã cố gắng gửi cho London là chính xác. Những công sự đồ nát trên đỉnh Pointe du Hoc trống trơn – pháo chưa bao giờ được bố trí. *

* Khoảng 2 giờ sau một toán biệt kích tuần tiểu phát hiện 5 khẩu pháo bị bỏ lại trong một vị trí được ngụy trang nằm sâu phía trong hơn 1,5km. Hàng chồng đạn pháo xếp xung quanh mỗi khẩu và đã sẵn sàng để bắn, nhưng lính biệt kích không thấy dấu hiệu nào cho thấy chúng đã được sử dụng. Có thể phỏng đoán rằng đây là những khẩu pháo dành cho trận địa Pointe du Hoc – TG.

Ngồi trong một hố bom, Hạ sĩ Petty và nhóm 4 tay súng BAR của anh kiệt sức sau khi leo lên đỉnh. Một màn bụi mỏng bốc lên từ mặt đất bị cày xới và mùi thuốc súng nồng nặc. Petty nhìn xung quanh như người mơ ngủ. Trên miệng hố anh thấy hai chú chim sẻ đang ăn sâu. “Nhìn này”, Petty nói, “chúng đang dùng bữa sáng”.

Bây giờ, trong buổi sáng vĩ đại và phi thường này, màn cuối cùng của cuộc đổ bộ đường biển bắt đầu. Dọc theo nửa phía đông của khu đổ bộ Normandy, Tập đoàn quân 2 Anh dưới quyền Trung tướng M. C. Dempsey đang tiến vào bờ, với sự dứt khoát và hoan hỉ, với sự tráng lệ và kiêu cách, với tất cả sự lãnh đạm mà người Anh thường tỏ ra trong những giờ phút xúc động. Họ đã chờ ngày này suốt 4 năm. Họ đang tấn công không chỉ các bãi biển mà còn cả những kí ức chua xót – những kí ức về Munich và Dunkirk, về những cuộc rút lui nhục nhã và đáng ghét nối tiếp nhau, về vô số những cuộc không kích tàn phá, về những ngày đen tối khi họ đứng đơn độc. Cùng với họ là người Canada với đủ lí do riêng của mình để thanh toán những mất mát to lớn ở Dieppe. Và cùng với họ có cả người Pháp, mãnh liệt và hăm hở cho chuyến trở về.



Trung tướng (sau này là Đại tướng) Miles Christopher Dempsey - Tư lệnh Tập đoàn quân 2 Anh.

Có một không khí hân hoan đến kì lạ. Trong khi binh lính đang tiến vào bờ, loa trên một tàu cứu hộ phát vang “Roll Out the Barrel”. Một tàu phóng rocket ngoài khơi bãi Sword phát đi giai điệu “We Don’t Know Where We’re Going”. Lính Canada ở bãi Juno nghe thấy những tiếng kèn cọt kẹt âm ỉ. Vài người thậm chí còn hát. Lính thủy đánh bộ Denis Lovell nhớ lại rằng “các chàng trai đứng thẳng, hát vang tất cả những bài hát quen thuộc của Lục quân và Hải quân”. Và những lính đặc công thuộc Lữ đoàn Đặc nhiệm số 1

của Lord Lovat, chải chuốt và chỉnh tề trong những chiếc bê rê xanh lá cây (họ từ chối đội mũ sắt) thì đang vào trận trong tiếng nỉ non kì quặc của kèn túi. Khi tàu đổ bộ của họ đi ngang qua kỳ hạm của Đô đốc Vian, chiếc HMS Scylla, những người lính đặc công giơ ngón tay cái lên chào. Nhìn xuống họ, Binh nhì thủy thủ 18 tuổi Ronald Northwood nghĩ rằng đó là “những tay khá nhất mà tôi từng gặp”.

Nhiều người tỏ vẻ thờ ơ với những chương ngại vật và ngay cả với làn đạn địch đang réo xung quanh. Trên một chiếc LCT, Điện báo viên John Webber chứng kiến một đại úy Thủy quân lục chiến Hoàng gia xem xét đám vật cản được gài mìn dày đặc trên bờ biển, rồi nhắc đi nhắc lại với thuyền trưởng, “Nói rồi đấy, bạn già, anh phải đưa bằng được quân của tôi lên bờ, đồng đội tốt đấy”. Trên một tàu đổ bộ khác, một thiếu tá Sư đoàn 50 trầm ngâm nhìn những quả mìn Teller tròn hiện rõ mồn một trên những chương ngại vật và bảo người lái tàu, “Vì Chúa, đừng có đụng vào đám dứa khốn kiếp ấy, không là chúng ta sẽ được du lịch xuống âm phủ miễn phí!”. Một tàu chở Tiểu đoàn Đặc công 48 Thủy quân lục chiến Hoàng gia bị bắn dữ dội ngoài khơi bãi Juno và binh sĩ chúi xuống nấp dưới thành tàu. Đại úy Daniel Flunder, sĩ quan quản trị không làm thế. Anh kẹp cây gậy bóng bẩy dưới nách và bình thản đi qua đi lại trên boong. Sau này anh giải thích, “Tôi nghĩ đó là việc nên làm” (trong khi làm như vậy, một viên đạn đã xuyên thủng chiếc cặp đựng bản đồ của anh). Và trên một tàu đổ bộ đang tiến vào bãi Sword, Thiếu tá C. K. “Bagger” King đang đọc Henry V, đúng như anh đã hứa. Trong tiếng ồn của động cơ diesel, tiếng rít và tiếng súng nổ, King đọc to vào chiếc loa pin, “Và những quý ngài đang nằm trên giường ở Anh sẽ thấy mình đáng bị nguyên rủa vì không có mặt ở đây...”

Vài người gần như không thể đợi cuộc chiến đấu thêm nữa. Hai hạ sĩ người Ireland, James Percival “Paddy” de Lacy, người đã nâng cốc De Valera để “giữ chúng ta tránh khỏi cuộc chiến” vài giờ trước và người đồng đội Paddy McQuaid đứng ở mũi chiếc LST - được lên dây cót bởi rượu rum ngon của Hải quân - đang nghiêm trang quan sát những người lính. “De Lacy”,

McQuaid nói, nhìn chăm chăm vào những người Anh xung quanh, “cậu có nghĩ là vài tay trong số họ hơi trẻ con không?”. Khi bờ biển đã gần kề, De Lacy gọi, “Được rồi, nào! Ta đi thôi! Tiến lên!”. Chiếc LST dừng lại. Trong khi binh sĩ đang lao ra, McQuaid hét lên với bờ biển mờ trong khói đạn, “Ra đây đi lũ chó, ra đây mà chiến với bọn tao!”. Rồi anh biến mất dưới nước. Một thoáng sau, anh ngoi lên và thở phì phì. “Ồi, lũ ma quỷ!”, McQuaid gầm lên, “Cố làm mình chết chìm trước khi đặt chân lên bờ!”.

Ngoài khơi bãi Sword, Binh nhì Hubert Victor Baxter ở Sư đoàn 3 Anh nổ máy chiếc xe bọc thép Bren Gun Carrier và chui ra từ chiếc tàu sắt, lao xuống nước. Ngồi lộ liễu trên chiếc ghế cao là đối thủ khó chịu nhất của anh, Hạ sĩ “Dinger” Bell, người mà Baxter đã đối đầu suốt nhiều tháng qua. Bell hét lên, “Baxter, ra khỏi chỗ đó mà nhìn đường cho rõ!”. Baxter quát trả, “Không cần! Tôi nhìn được!”. Trong khi họ đang tiến vào bờ, viên hạ sĩ bị kích động bởi thời khắc sôi động này, đã dùng đến chính thứ gây ra mối bất đồng. Anh ta đâm liên tiếp lên chiếc mũ sắt của Baxter và gào lên, “Đi tiếp đi! Đi tiếp đi!”.



Quân Anh đổ bộ lên bãi Sword.

Khi lính đặc công đổ bộ lên bãi Sword, người thổi kèn của Lord Lovat, William Millin lao khỏi tàu xuống chỗ nước sâu đến nách. Anh có thể thấy khói bốc lên từ bờ biển phía trước và nghe thấy tiếng nổ dữ dội của đạn cối. Trong khi Millin lội vào bờ, Lovat hét lên với anh, “Chơi bài “Highland Laddie” đi, anh bạn!”. Ngập đến thắt lưng trong nước, Millin đưa chiếc kèn lên môi và giữa những con sóng vỗ, nó réo rắt một cách quái dị. Tới mép nước, bất chấp đạn vẫn bắn, anh ta dừng lại và điều đi tới lui dọc bờ biển, thổi kèn thúc đặc công tiến vào. Những người lính vượt lên anh, và trộn lẫn với tiếng rít của đạn và tiếng nổ của pháo là tiếng kèn kêu te te hoang dại khi Millin chơi bài “The Road to the Isles”. “Đúng cái ta cần đây, anh bạn”, một

lính đặc công kêu lên. Một người khác nói, “Cúi thấp xuống, cái thằng điên này”.

Dọc theo bãi Sword, Juno và Gold – gần 32km, từ Ouistreham gần cửa sông Orne tới làng Le Hamel ở phía tây – quân Anh tiến vào bờ. Bờ biển chật cứng những tàu đổ bộ đang thả quân và gần như ở mọi nơi dọc khu vực đổ bộ những con sóng cao và vật cản ngầm còn gây ra nhiều khó khăn hơn quân địch.

Tốp đi đầu là những người nhái – 120 chuyên gia phá hoại dưới nước có nhiệm vụ mở ra những cửa mở rộng 30m giữa những chướng ngại vật. Họ chỉ có 20 phút để hoàn thành trước khi đợt đổ bộ đầu tiên tràn tới. Những vật cản này rất đáng ngại - ở đây chúng được bố trí dày hơn bất cứ chỗ nào trong khu vực Normandy. Hạ sĩ Thủy quân lục chiến Hoàng gia Peter Henry Jones gặp phải một rừng những cọc, rào và gai thép cùng những khối bê tông. Trên tuyến phải mở, Jones đếm được 12 chướng ngại vật chính, vài cái dài đến 4m. Khi một người nhái khác, Đại úy Hải quân Hoàng gia John B. Taylor nhìn thấy lớp phòng thủ dưới nước quái dị xung quanh mình, anh hét lên với người chỉ huy rằng “việc này không thể làm được”. Nhưng anh không bỏ cuộc. Dưới làn đạn, Taylor, cũng như những người khác vào việc một cách bài bản. Họ cho nổ tung từng chướng ngại vật vì chúng quá lớn để có thể phá hủy cùng một lúc. Trong khi họ vẫn đang tiến hành, những chiếc xe tăng lội nước đã tiến vào, theo sau gần như tức thì là đợt quân đổ bộ thứ nhất. Những người nhái bị xô đẩy trong làn nước, chứng kiến những tàu đổ bộ, nghiêng ngả vì sóng dữ đâm sầm vào đám vật cản. Mìn nổ, cọc thép đâm thủng vỏ tàu và khắp dọc bãi biển những chiếc tàu bắt đầu loạng quạng. Bờ biển trở thành bãi xác khi những chiếc tàu gần như lao đè lên nhau. Điện báo viên Webber nhớ rằng đã nghĩ “cuộc đổ bộ là một tấn bi kịch”. Khi tàu của anh tiến vào, Webber chứng kiến “một chiếc LCT mắc cạn và nổ tung, ném những khối thép khổng lồ lên bờ, những chiếc xe tăng và xe ủi bốc cháy”. Và khi một chiếc LCT ngang qua họ hướng ra biển, Webber kinh hoàng khi thấy “boong tàu chìm trong một ngọn lửa khủng khiếp”.

Ở bãi Juno, khi người nhái Jones đang cùng lính Công binh Hoàng gia cố gắng dọn sạch vật cản, anh thấy một chiếc LCI tiến vào, trên đó binh sĩ đứng sẵn sàng đổ bộ. Một cơn sóng lớn đột ngột làm chiếc tàu bị xoay đi, bị nâng lên và đâm vào một dãy chóp thép có gài mìn. Jones chứng kiến con tàu tan xác trong một tiếng nổ dữ dội. Nó khiến anh nghĩ đến một “bộ phim hoạt hình với hiệu ứng chậm – những người lính đang đứng thẳng bị ném lên trời giống như được thổi lên bởi một cột nước... trên đỉnh cột nước xác người và mảnh thi thể tung tóe tựa như những giọt nước”.

Tàu nối tiếp nhau va vào các chướng ngại vật. Trong số 16 tàu đổ bộ chở Tiểu đoàn Đặc công 47 Thủy quân lục chiến Hoàng gia thì 4 bị phá hủy, 11 bị hỏng hay mắc cạn và chỉ có 1 chiếc quay về được tàu mẹ. Hạ sĩ Donald Gardner của Tiểu đoàn 47 cùng đồng đội lao xuống nước cách bờ khoảng 50m. Họ mất hết trang bị và phải bơi dưới làn đạn súng máy. Trong khi vật lộn với dòng nước, Gardner nghe thấy ai đó nói, “Có lẽ chúng ta là khách không mời mà đến, đây có vẻ là một bãi biển riêng tư”. Tiểu đoàn Đặc công 48 Thủy quân lục chiến Hoàng gia ở bãi Juno thì không chỉ vướng phải vật cản mà còn phải chịu hỏa lực súng cối dày đặc. Trung úy Micheal Aldworth và khoảng 40 người phải cúi rạp xuống ở mũi chiếc LCI trong khi đạn nổ xung quanh họ. Aldworth nhô lên quan sát và thấy binh sĩ ở đuôi tàu đang chạy dọc boong. Người của anh kêu lên, “Bao giờ thì ta mới thoát khỏi đây?”. Aldworth đáp lại, “Chờ một phút, các cậu. Chưa đến lượt chúng ta”. Một khoảnh khắc và rồi ai đó lại hỏi thêm, “Rồi, chỉ là anh nghĩ sau bao lâu nữa, bạn già? Cái khoang chết tiệt này đầy nước rồi”.

Binh sĩ từ chiếc LCI bị chìm nhanh chóng được những tàu khác vớt. Xung quanh có vô số tàu, Aldworth nhớ lại, nó “giống như chặn một chiếc taxi trên phố Bond”. Một số được đưa lên bờ an toàn, số khác được đưa tới một chiếc khu trục hạm của Canada, nhưng 50 lính đặc công phát hiện mình đang trên một chiếc LCT đã đổ bộ hết số xe tăng chở theo và đang quay thẳng về Anh. Bất cứ điều gì mà những người lính đang tức điên này nói hay làm cũng không thể thuyết phục được thuyền trưởng chuyển hướng. Một sĩ quan, Thiếu

tá de Stackpoole đã bị thương ở đùi, nhưng khi biết điểm đến của con tàu, anh gào lên, “Thật vô lý! Các anh điên cả rồi!”. Sau đó anh lao xuống biển và bơi vào bờ.

Đối với phần lớn, những vật chướng ngại tỏ ra là phần khó khăn nhất của cuộc tấn công. Trong khi vượt qua chúng, binh sĩ thấy những vị trí địch dọc theo 3 bãi biển trước mặt – khá cứng ở vài nơi, yếu và thậm chí không có gì ở những chỗ khác. Ở khu phía tây của bãi Gold, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn Hampshire gần như bị tàn sát khi họ lội trong nước sâu 1 đến 1,8m. Vừa phải cùng nhau vật lộn với dòng nước mạnh, họ vừa phải chịu hỏa lực súng cối hạng nặng và những luồng đạn súng máy bắn ra từ làng Le Hamel - một cứ điểm mạnh do Sư đoàn 352 Đức dày dạn chiếm đóng. Những người lính nổi nhau gục xuống. Binh nhì Charles Wilson nghe thấy một giọng nói đột ngột, “Các cậu, tớ dính rồi!”. Quay lại, Wilson thấy người đó, khuôn mặt vẫn lộ vẻ ngạc nhiên, ngã xuống mà không nói thêm một lời nào. Wilson tiếp tục đi. Trước đây anh đã từng đi trong nước và bị súng máy nhắm bắn như vậy – chỉ trừ một điều là lúc đó ở Dunkirk anh đi theo hướng khác. Binh nhì George cũng chứng kiến đồng đội hy sinh xung quanh. Anh tiến lại một chiếc xe bọc thép Bren Gun Carrier đứng im trong làn nước sâu 1m, máy vẫn nổ và người lái xe “đông cứng lại bên vô lăng, quá sợ hãi để lái xe”. Stunell đẩy anh ta sang bên và lái xe lên bờ, trong khi đạn vẫn bắn xung quanh. Stunell đang phấn khởi vì làm được điều đó. Đột nhiên anh ngã nhào xuống đất, viên đạn bắn trúng hộp thuốc lá anh để trong túi áo gây ra chấn động khủng khiếp. Vài phút sau Stunell nhận thấy máu chảy từ vết thương ở lưng và sườn. Đạn đã đi xuyên qua người anh.

Tiểu đoàn 1 Hampshires phải mất gần 8 tiếng để đè bẹp sự kháng cự ở Le Hamel, và đến cuối D-Day số thương vong của họ lên đến gần 200. Thật kì lạ, quân đổ bộ lên khu phía đông gặp rất ít cản trở ngoại trừ những chướng ngại vật. Họ cũng có tổn thất nhưng ít hơn dự kiến. Ở bên trái Tiểu đoàn 1 Hampshires, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn Dorset đã rời bãi biển trong 40 phút. Kế bên họ, các tiểu đoàn của Trung đoàn Green Howards ** đổ bộ dũng mãnh và quyết đoán đến mức họ tiến vào đất liền và chiếm mục tiêu đầu tiên trong

không đầy 1 giờ. Thượng sĩ nhất Stanley Hollis, người đã diệt 90 tên Đức cho đến lúc này, lội vào bờ và một mình đánh chiếm một lô cốt. Hollis có thân kinh thép đã dùng lựu đạn và khẩu Sten diệt 2 và bắt sống 20 lính Đức trong khởi đầu của cái ngày sẽ chứng kiến anh hạ thêm 10 tên nữa.

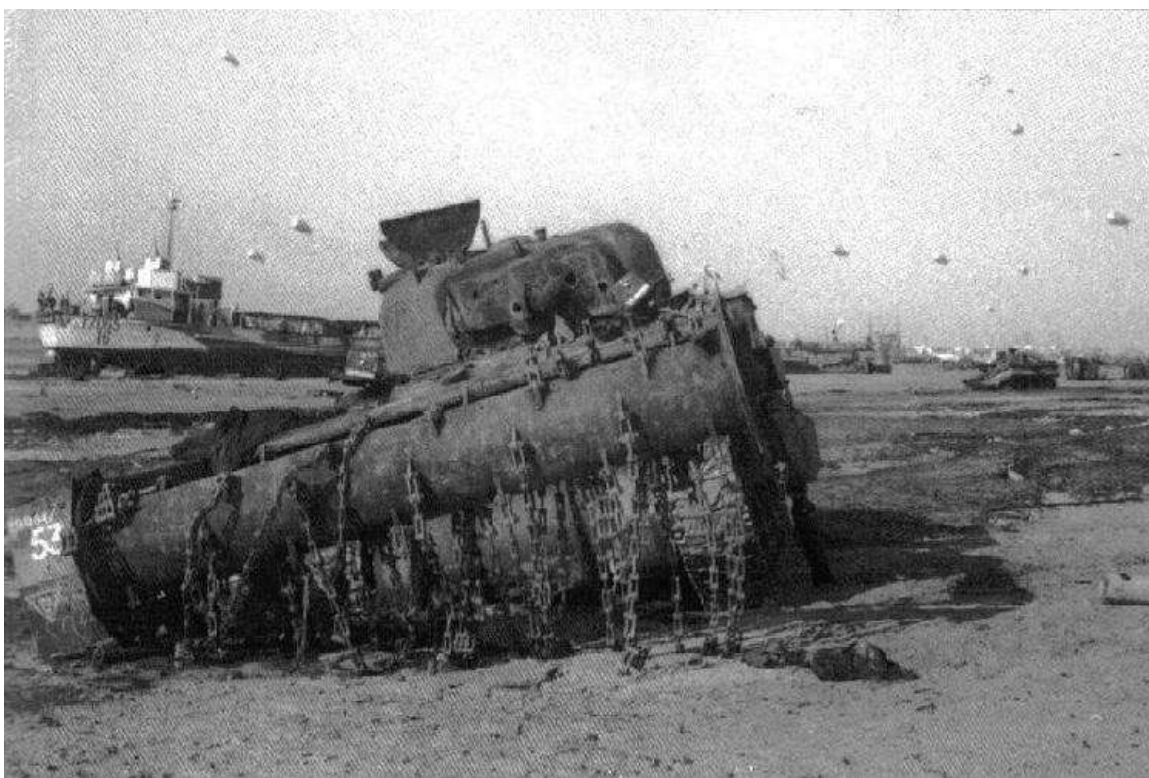
*** Các tiểu đoàn bộ binh Anh (cũng như Canada) được xây dựng từ những trung đoàn có lịch sử từ thế kỷ XVII – XIX. Khác với trong quân đội Mỹ hay Đức thời điểm đó, khái niệm “trung đoàn” của quân đội Anh lúc này mang ý nghĩa nêu cao truyền thống đơn vị chứ không có vai trò gì trong chỉ huy. Trên thực tế các tiểu đoàn này được biên chế trong các lữ đoàn bộ binh trực thuộc sư đoàn. Ví dụ: Lữ đoàn Bộ binh 231 Sư đoàn Bộ binh 50 Anh gồm Tiểu đoàn 1 Trung đoàn Hampshire, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn Dorset và Tiểu đoàn 2 Trung đoàn Devonshire – Chiangshan.*

Bãi biển bên phải Le Hamel yên tĩnh đến mức làm cho nhiều người thất vọng. Y tá Geoffrey Leach chứng kiến người và xe cộ đổ vào bờ và thấy ở đây không có việc gì “cho một y tá làm ngoại trừ giúp mang vác đạn dược”. Với Lính thủy đánh bộ Denis Lovell, cuộc đổ bộ giống như “một cuộc tập trận ở nhà”. Đơn vị của anh, Tiểu đoàn Đặc công 47 Thủy quân lục chiến Hoàng gia nhanh chóng phát triển, bỏ qua mọi ố đề kháng của địch, tiến về phía tây và hành quân suốt 11km để hội quân với quân Mỹ gần Port-en-Bessin. Họ trông đợi sẽ gặp những lính Mỹ đầu tiên vào khoảng trưa.

Những điều đó sẽ không xảy ra – không giống như quân Mỹ ở bãi Omaha vẫn đang bị Sư đoàn 352 Đức dày dạn ghìm đầu, ở đây Sư đoàn 716 Đức yếu ớt và mệt mỏi với những “lính tình nguyện” cường bức người Nga và Ba Lan không phải đối thủ của quân Anh và Canada. Ngoài ra, người Anh còn tận dụng hết khả năng của những xe tăng lội nước và một loạt các xe bọc thép tựa như bộ sưu tập của Rube Goldberg **. Một số giống như những chiếc xe tăng “trùy xích”, quạt những sợi xích xuống phía trước mũi xe để kích nổ mìn. Các xe bọc thép khác chở theo những chiếc cầu nhỏ hoặc những cuộn thảm bằng thép khi trải ra sẽ tạo thành đường dã chiến khi gặp đất mềm. Một

nhóm thậm chí còn mang theo những bó lớn cây gỗ để kê khi cần vượt tường hoặc lấp hào chống tăng. Những sáng chế đó cùng với cuộc bắn phá kéo dài lên các bãi biển của quân Anh đã giúp những người tấn công có được sự bảo vệ đặc biệt.

**** Rube Goldberg:** họa sĩ phim hoạt hình người Mỹ, đã thiết kế những cơ cấu máy móc thực hiện những nhiệm vụ đơn giản thông qua phản ứng dây chuyền – *chiangshan*.



Xe tăng của quân Anh trên bãi Gold.

Dù vậy vẫn có một số điểm kháng cự mạnh. Trên một nửa bãi Juno, Sư đoàn 3 Canada phải chiến đấu trên những tuyến chiến hào và lô cốt, những ngôi nhà được biến thành ổ phòng ngự và trên từng đường phố của thị trấn Courseulles trước khi chọc thủng chúng và tiến vào đất liền. Nhưng mọi sự chống trả sẽ bị quét sạch trong 2 tiếng. Ở nhiều nơi chúng được thực hiện với sự khẩn trương và nhanh gọn. Binh nhì thủy thủ Edward Ashworth của một

tàu LCT đổ quân và xe tăng lên bãi biển Courseulles thấy lính Canada giải 6 tù binh Đức ra phía sau cồn cát cách đó một quãng. Ashworth nghĩ đây là cơ hội để kiểm một chiếc mũ sắt Đức làm kỉ niệm. Anh chạy tới và thấy 6 lính Đức “tất cả đều nằm co quắp” sau cồn cát. Ashworth lật một cái xác lên, vẫn định lấy chiếc mũ. Nhưng anh thấy “cổ họng của anh ta bị cắt – tất cả đều bị cắt cổ”, Ashworth “quay đi, buồn nôn khủng khiếp. Tôi không lấy chiếc mũ sắt”.

Hạ sĩ Paddy de Lacy cũng ở khu vực Courseulles đã bắt sống 12 lính Đức gần như hăm hở chui ra khỏi hào, tay giơ cao. De Lacy đứng nhìn trừng trừng vào chúng, anh đã mất người anh trai ở Bắc Phi. Rồi De Lacy nói với người lính cạnh đó, “Nhìn lũ thượng đẳng này đi, nhìn chúng đi. Đây, đưa chúng đi cho khuất mắt tôi”. Anh quay bước để kiểm cho mình một tách trà nhằm xoa dịu cơn giận dữ. Khi De Lacy đang đun một ca nước trên hộp Sterno **, một sĩ quan trẻ măng “vẫn còn lông tơ trên mặt” tiến lại và nói nghiêm khắc, “Này nhìn đây, hạ sĩ, không có thời gian để pha trà đâu”. De Lacy nhìn lên, và lịch sự như một quân nhân Lục quân 21 tuổi phải tỏ ra, anh trả lời, “Thưa sếp, chúng tôi không đùa giỡn với binh sĩ, đây là cuộc chiến thực sự. Sao sếp không quay lại sau 5 phút nữa và uống một tách trà ngon”. Viên sĩ quan đã nghe theo.

** Sterno: Chất đốt được làm từ cồn biến tính và làm đông, được thiết kế để đốt trực tiếp từ hộp đựng – Chiangshan.

Mặc dù giao tranh vẫn đang diễn ra ở Courseulles, quân, pháo, tăng, xe cộ và đồ hậu cần vẫn được đổ lên bãi biển. Quá trình di chuyển được tiến hành trôi chảy và hiệu quả. Sĩ quan chỉ huy bãi biển, Đại tá Colin Maud không cho phép sự la cà nào trên bãi Juno. Phần lớn mọi người, giống như Trung úy John Beynon đều có một chút sững sốt trước viên sĩ quan cao ráo rậm với dáng vẻ oai vệ và giọng nói vang vang chào đón mỗi người với cùng một lời chào, “Tôi là chủ tịch ủy ban tiếp đón và của bữa tiệc này, đi tiếp đi”. Hầu như không ai dám cãi lại với người chỉ huy bãi Juno; Beynon nhớ lại rằng

ông ta một tay cầm dùi cui, một tay giữ dây buộc con chó Alsatian về ngoài dũ tợn. Hiệu quả là tất cả những gì ông hy vọng. Phóng viên INS Josseph Willicombe đã đổ bộ cùng với lính Canada trong đợt đầu tiên, quả quyết rằng anh sẽ được phép gửi một thông điệp 25 từ qua chiếc điện đài 2 chiều của người chỉ huy bãi biển tới tàu chỉ huy để chuyển về Mỹ. Có vẻ không ai dám quấy rầy Maud.

Lạnh lùng nhìn thẳng vào Willicombe, ông ta càu nhàu, “Bạn thân mến, ở đây đang có chiến tranh”. Willicombe phải thừa nhận là viên sĩ quan này đúng. * Chỉ cách đó có vài mét, trên bãi cỏ khô là thi thể xơ xác của 15 lính Canada đã vấp mìn khi tiến vào bờ.

* Những phóng viên ở bãi Juno không có cách nào để liên lạc cho tới khi Ronald Clark của hãng United Press lên bờ với 2 lồng đựng bồ câu. Các phóng viên nhanh chóng viết bài văn tắt, đặt chúng trong ống nhựa buộc vào chân bồ câu và thả chúng đi. Không may, những con bồ câu phải mang quá nặng nên phần lớn đã rơi xuống đất. Tuy nhiên, vài con lại lượn tròn vài vòng và sau đó bay thẳng về phía quân Đức. Charles Lynch của Reuter đứng trên bãi biển, vung nắm đấm về phía chúng và hét lên, “Phản bội! Lũ phản bội khốn kiếp”. Bốn chú bồ câu, theo lời Willicombe, “tỏ ra trung thành”. Thực tế chúng đã về tới Bộ Thông tin ở London trong có vài giờ – TG.

Trừ những tổn thất lúc đầu, cuộc tấn công bãi Sword diễn ra nhanh chóng và chỉ gặp sự chống trả rời rạc. Cuộc đổ bộ thành công đến mức nhiều người lên bờ sau đợt một vài phút đã ngạc nhiên khi chỉ gặp bọn bắn tỉa. Họ thấy bãi biển được che phủ bởi khói, quân y đang chăm sóc những thương binh, xe tăng gần xích đang phá mìn, những xe tăng và xe cơ giới bị cháy nằm rải rác, và cát bắn tung lên khi đạn pháo thỉnh thoảng lại rơi xuống, nhưng không có cảnh tàn sát mà họ đã hình dung. Đối với những người lính căng thẳng, đã được chuẩn bị tinh thần đối diện với một cuộc thảm sát thì bãi biển là một sự thoái trào.

Ở nhiều nơi trên bãi Sword thậm chí còn có không khí lễ hội. Đây đó những

tổp dân Pháp hân hoan vẫy tay với binh sĩ và hô vang, “Vive les Anglais!”. Tín hiệu viên Leslie Ford Thủy quân lục chiến Hoàng gia để ý thấy một người Pháp “gần như ở ngay trên bãi biển và hình như đang tường thuật lại trận chiến cho một nhóm dân của thị trấn”. Ford nghĩ họ đã mất trí, vì bãi biển vẫn còn đang bị gài mìn và thỉnh thoảng lại bị quân Đức bắn xuống. Nhưng điều đó diễn ra ở khắp nơi. Họ được dân Pháp ôm hôn, những người dường như hoàn toàn không để ý đến nguy hiểm xung quanh. Binh nhất Harry Norfield và Xạ thủ Ronald Allen ngạc nhiên trước “một người mặc lễ phục trang trọng và đội chiếc mũ đồng đang cố đi tới bãi biển”. Hóa ra đó là trưởng làng Colleville-sur-Orne, ngôi làng nhỏ nằm sâu trong đất liền 1,5km, ông đã quyết định tới đây và chính thức nghênh đón lực lượng đổ bộ.

Một số lính Đức có vẻ cũng không kém hào hứng hơn người Pháp trong việc chào mừng quân Đồng minh. Chuyên gia chất nổ Henry Jennings thấy ngay khi lên bờ, anh đã “đụng phải một đám lính Đức phần lớn là các “lính tình nguyện” người Nga và Ba Lan đang nóng lòng xin hàng”. Nhưng Đại úy Gerald Norton thuộc một đơn vị Pháo binh Hoàng gia gặp phải bất ngờ lớn nhất: Anh gặp “4 lính Đức với vali sẵn sàng, hình như đang đợi chuyển đầu tiên rời nước Pháp”.

Thoát ra khỏi những lúng túng ở bãi Gold, Juno và Sword, quân Anh và Canada tiến vào đất liền. Cuộc tiến quân diễn ra có tổ chức và hiệu quả. Khi đánh vào những ngôi làng và thị trấn, những tấm gương anh hùng và dũng cảm xuất hiện quanh họ. Vài người nhớ một thiếu tá Thủy quân lục chiến Hoàng gia bị mất cả 2 tay, hò hét thúc giục lính của anh “tiến vào đất liền, các bạn, trước khi bọn Fritz tỉnh lại”. Những người khác nhớ sự hân hoan tự hào và thiện ý của những thương binh đang chờ cứu chữa. Một số vẫy chào khi họ đi ngang qua, một số kêu lên, “Gặp lại ở Berlin nhé, các bạn!”. Xạ thủ Ronald Allen sẽ không bao giờ quên một người lính bị thương nặng ở hòng. Anh ta dựa vào tường, bình thản đọc sách.

Lúc này tốc độ là yếu tố cần thiết. Từ bãi Gold quân Anh tiến về thị trấn với

thánh đường Bayeux, sâu trong đất liền khoảng 11km. Từ bãi Juno quân Canada tiến tới đường cao tốc Bayeux – Caen và sân bay Carpiquet cách đó khoảng 16km. Và từ bãi Sword quân Anh tiến đánh thành phố Caen. Họ tin chắc sẽ chiếm được những mục tiêu này đến mức ngay cả những phóng viên, như Noel Monks của tờ London Daily Mail nhớ lại sau này, cũng được bảo rằng họp báo sẽ diễn ra ở “điểm X tại Caen lúc 4:00 chiều”. Đơn vị đặc công của Lord Lovat rời bãi Sword không bỏ phí tí thời giờ nào. Họ đến tăng viện cho lực lượng Sư đoàn 6 dưới quyền tướng Gale đang giữ những cây cầu trên sông Orne và Caen cách đó 6,5km, và “Shimy” Lovat đã hứa với Gale rằng anh sẽ ở đó “vào giữa trưa”. Phía sau chiếc xe tăng, dẫn đầu đội hình là người thổi kèn của Lord Lovat, Bill Millin đang chơi bài "Blue Bonnets over the Border".



Quân Anh tiến vào đất liền từ bãi Sword.

Đối với 10 người lính Anh, thủy thủ của tàu ngầm mini X20 và X23 thì D-Day đã kết thúc. Ngoài khơi bãi Sword, Đại úy George Honour cho tàu X23 lách qua những tàu đổ bộ đang đều đặn tiến vào bờ. Trong biển động, boong tàu phẳng hầu như chìm đi trong sóng, tất cả những gì của X23 có thể nhìn thấy được là những lá cờ hiệu bay trong gió. Thuyền trưởng Charles Wilson trên một tàu LCT “suýt ngã nhào xuống nước vì ngạc nhiên” khi thấy “2 lá cờ lớn hầu như không có gì chống đỡ” đang thẳng tiến tới chỗ anh. Khi X23 đi qua, Wilson không thể hiểu nổi “một chiếc tàu ngầm mini làm cái gì trong cuộc đổ bộ này”. X23 rẽ nước hướng tới khu vực vận tải để tìm chiếc tàu kéo của mình, một tàu đánh cá mang cái tên thích hợp, En Avant. Cuộc hành quân Gambit đã hoàn thành. Đại úy Honour cùng 4 thủy thủ của anh đang trên đường về nhà.

Những người đã được họ hướng dẫn giờ đang tiến vào đất Pháp. Tất cả đều lạc quan. Bức tường Đại Tây Dương đã bị xuyên thủng. Giờ câu hỏi lớn là quân Đức sẽ hồi phục sau cú sốc này nhanh tới mức nào?

Berchtesgaden nằm yên bình trong buổi sáng sớm. Thời tiết ấm áp và ngọt ngào, và mây treo lơ lửng trên những đỉnh núi xung quanh. Ở nơi ẩn dật trên núi giống như một pháo đài của Hitler tại Obersalzberg, mọi thứ vẫn yên tĩnh. Quốc trưởng đang ngủ. Cách đó vài km, tại sở chỉ huy của ông ta, Reichskanzlet, buổi sáng diễn ra như thường lệ. Chuẩn thống chế Alfred Jodl, Cục trưởng Tác chiến OKW đã dậy lúc 6 giờ. Ông dùng bữa sáng nhẹ như mọi khi (một tách cà phê, một quả trứng luộc và một lát mỏng bánh mì), và giờ đang bận rộn đọc các báo cáo ban đêm trong căn phòng nhỏ cách âm của mình.

Những tin tức từ Italy vẫn tiếp tục tồi tệ. Rome đã thất thủ 24 giờ trước đó và các đơn vị dưới quyền Thống chế Albert Kesselring đang chịu sức ép nặng nề trong khi rút lui. Jodl nghĩ rằng quân Đồng minh sẽ tiếp tục chọc thủng tuyến phòng ngự trước khi Kesselring kịp cho rút về phía bắc. Jodl lo

ngại về nguy cơ sụp đổ ở Italy nên đã ra lệnh cho người phó, Đại tướng Walter Warlimont đến sở chỉ huy của Kesselring để nắm tình hình thực tế. Warlimont sẽ khởi hành vào cuối ngày hôm đó.

Không có gì mới từ Nga. Mặc dù phạm vi thẩm quyền chính thức của Jodl không bao gồm mặt trận phía Đông, từ lâu ông đã tự đưa mình vào vị trí “cố vấn” cho Quốc trưởng về cuộc chiến trên đất Nga. Hiện nay, cuộc tiến công mùa hè của Hồng quân có thể bắt đầu vào bất cứ lúc nào, và dọc theo chiến tuyến dài 3.200km, 200 sư đoàn Đức – hơn 1,5 triệu người – đang căng thẳng chờ đợi nó. Nhưng sáng nay mặt trận Nga vẫn yên tĩnh. Phụ tá của Jodl đã chuyển tới nhiều báo cáo từ tổng hành dinh của Rundstedt về cuộc tấn công của quân Đồng minh lên Normandy. Jodl không nghĩ tình hình ở đó nghiêm trọng, ít nhất là vẫn chưa. Vào lúc này mối quan tâm lớn của ông là Italy.

Ở doanh trại tại Strub cách đó vài km, phó của Jodl, Đại tướng Warlimont đã cẩn thận theo dõi cuộc tấn công Normandy từ 4:00 sáng. Ông đã nhận được điện của OB West yêu cầu chuyển giao các đơn vị xe tăng dự bị - Sư đoàn Panzer Lehr và SS 12 – và đã trao đổi qua điện thoại với tham mưu trưởng của Von Rundstedt, Thiếu tướng Geunther Blumentritt. Giờ Warlimont gọi cho Jodl.

“Blumentritt đã gọi về số xe tăng dự bị”, Warlimont báo cáo. “OB West muốn điều họ tới khu vực đổ bộ ngay lập tức”.

Như Warlimont nhớ lại, Jodl im lặng khá lâu trước khi trầm ngâm hỏi. “Ông có chắc đây là cuộc đổ bộ?”, Jodl hỏi. Trước khi Warlimont có thể trả lời, Jodl tiếp tục, “Theo những báo cáo mà tôi nhận được thì đây có thể là một cuộc tấn công nghi binh... một phần của kế hoạch lừa gạt. OB West đã có đủ quân dự bị... OB West nên cố gắng đẩy lui cuộc tấn công với lực lượng trong tay... Tôi không nghĩ đây là thời điểm thích hợp để chuyển giao các đơn vị dự bị OKW... Ta phải đợi cho tình hình rõ ràng hơn”.

Warlimont biết tranh cãi là vô ích, mặc dù ông tin rằng cuộc đổ bộ ở Normandy nghiêm trọng hơn nhiều so với những gì mà Jodl nghĩ. Ông hỏi Jodl, “Thưa ngài, với tình hình Normandy như vậy, tôi có tiếp tục đi Italy như kế hoạch không?”. Jodl trả lời, “Có, có, tôi không thấy có lí do gì để không làm thế”. Rồi ông gác máy.

Warlimont đặt điện thoại xuống. Quay sang Thiếu tướng Von Buttlar-Brandenfels, Trưởng ban Tác chiến Lục quân, ông cho biết về quyết định của Jodl. “Tôi thông cảm với Blumentritt”, Warlimont nói, “Quyết định này hoàn toàn trái ngược với những đánh giá của tôi về kế hoạch đổ bộ này”.



Đại tướng Walter Warlimont, Phó tổng tham mưu trưởng OKW.

Warlimont bị “sốc” vì giải thích theo nghĩa đen của Jodl về chỉ thị của Hitler đối với việc kiểm soát các đơn vị xe tăng. Sự thật, chúng là dự bị của OKW và do đó được đặt dưới quyền điều động trực tiếp của Hitler. Nhưng, cũng giống như Von Rundstedt, Warlimont đã luôn hiểu rằng “trong trường hợp quân Đồng minh tấn công, bất kể là nghi binh hay không, các đơn vị xe tăng sẽ được chuyển giao ngay tập tức – chuyển giao tự động, trên thực tế”. Đối với Warlimont, làm như thế mới hợp lý; người chỉ huy ở chiến trường đối đầu với cuộc đổ bộ phải có trong tay mọi lực lượng để sử dụng khi cần

thiết, đặc biệt khi người đó lại là một trong những “Hiệp sĩ Đen” cuối cùng của nước Đức - chiến lược gia đáng kính Von Rundstedt. Jodl có thể chuyển giao các đơn vị đó, nhưng ông đã bỏ qua. Như Warlimont nhớ lại sau này, “quyết định của Jodl là cái mà ông nghĩ Hitler cũng sẽ đưa ra”. Warlimont cảm thấy quan điểm của Jodl chỉ là một ví dụ khác về “sự rối loạn về chỉ huy trong Hội đồng lãnh đạo”. Nhưng không ai tranh cãi với Jodl.

Warlimont cho Blumentritt biết qua điện thoại. Lúc này quyết định điều động đơn vị xe tăng dự bị dựa vào tính cách thất thường của người mà Jodl cho là một thiên tài quân sự – Hitler.

Viên sĩ quan đã lường trước chuyện đó và đang hy vọng sẽ thảo luận nó với Hitler đang ở cách Berchtesgaden không đầy 2 giờ chạy xe. Thống chế Erwin Rommel ở tư gia tại Herrlingen, Ulm, dường như bằng cách nào đó đã bị bỏ quên trong sự bối rối. Không có ghi chép nào trong cuốn nhật ký chi tiết của Cụm quân B cho thấy Rommel ít ra là được nghe về cuộc đổ bộ Normandy.

Tại OB West ngoại ô Paris, quyết định của Jodl gây ra sự choáng váng và hoài nghi. Thiếu tướng Bodo Zimmermann, Trưởng phòng Tác chiến nhớ lại rằng Von Rundstedt “tức điên lên, đỏ mặt và cơn thịnh nộ khiến ông hành động một cách khó hiểu”. Zimmermann cũng không thể hiểu nổi. Đêm đó, trong cuộc gọi tới OKW, Zimmermann đã báo cho sĩ quan trực của Jodl, Trung tá Friedel rằng OB West đã ra lệnh báo động 2 sư đoàn xe tăng. “Không có sự phản đối nào về việc đó”, Zimmermann cay đắng nhớ lại. Giờ ông gọi OKW một lần nữa và trao đổi với Trưởng ban Tác chiến Lục quân, Thiếu tướng Von Buttlar-Brandenfels. Ông được tiếp đón lạnh nhạt – Von Buttlar đã được Jodl gợi ý. Ông ta huênh hoang trong cơn giận dữ bột phát, “Những sư đoàn đó nằm dưới quyền điều động trực tiếp của OKW! Các anh không có quyền ra lệnh báo động họ mà không được chúng tôi cho phép trước. Các anh phải dừng lại ngay lập tức – không được làm gì trước khi

Quốc trưởng đưa ra quyết định!”. Khi Zimmermann cố gắng tranh cãi, Von Buttlar chặn họng ông lại bằng giọng nói the thé, “Hãy làm như đã được yêu cầu!”.

Nước đi tiếp theo thuộc về Von Rundstedt. Là một thống chế, ông có thể gọi trực tiếp cho Hitler, và có thể những đơn vị xe tăng sẽ được chuyển giao ngay lập tức. Nhưng Von Rundstedt không gọi cho Quốc trưởng lúc đó hay bất cứ lúc nào trong D-Day. Ngay cả tính nghiêm trọng của cuộc đổ bộ cũng không buộc được nhà quý tộc Von Rundstedt phải cầu xin với người mà ông vẫn thường gọi là “gã cai Bohem”. *

* Theo Von Buttlar-Brandenfels, Hitler biết rõ sự khinh miệt của Rundstedt. Hitler từng nói, “Chừng nào mà Thống chế còn cần nhần thì mọi sự vẫn ổn” – TG.

Nhưng các sĩ quan của ông vẫn tiếp tục gọi điện dồn dập tới OKW trong những nỗ lực vô vọng nhằm có được quyết định điều động. Họ gọi cho Warlimont, Von Buttlar-Brandenfels và cả sĩ quan quản trị của Hitler, Thiếu tướng Rudolf Schmundt. Đó là một cuộc đấu tranh kì quặc, kéo dài hàng giờ. Zimmermann tóm tắt lại thế này: “Khi chúng tôi cảnh báo là nếu không có các đơn vị xe tăng, cuộc đổ bộ Normandy có thể thành công và dẫn tới những hậu quả khó lường, chúng tôi được bảo đơn giản là mình không ở vị trí đánh giá đúng mức, rằng cuộc đổ bộ thực sự sẽ diễn ra ở một nơi hoàn toàn khác”.

* Và Hitler, được bao bọc bởi những kẻ nịnh bợ trong quân đội, đã ngủ suốt trong lúc đó ở thế giới không tưởng êm dịu ở Berchtesgaden.

* Hitler đã trở nên tin chắc rằng cuộc đổ bộ “thật” sẽ bắt đầu ở khu vực Pas-de-Calais đến mức ông ta giữ nguyên Tập đoàn quân 15 của Von Salmuth cho đến tận ngày 24 tháng 7. Đến lúc đó thì đã quá muộn. Trớ trêu thay, ban đầu Hitler dường như là người duy nhất tin cuộc đổ bộ sẽ xảy ra ở Normandy. Tướng Blumentritt kể, “Tôi nhớ rõ một cuộc gọi từ Jodl hồi tháng 4, khi đó ông ta nói rằng “Quốc trưởng có thông tin rõ ràng rằng không phải là không

có khả năng sẽ diễn ra một cuộc đổ bộ ở Normandy” – TG.

Ở tổng hành dinh của Rommel tại La Roche-Guyon, Tham mưu trưởng, Thiếu tướng Speidel vẫn chưa biết gì về quyết định của Jodl. Ông tưởng rằng 2 sư đoàn xe tăng dự bị đã được báo động và đang trên đường. Speidel cũng biết rằng Sư đoàn Panzer 21 đang cơ động vào vị trí tập kết phía nam Caen, và mặc dù phải mất một thời gian nữa những chiếc xe tăng mới vào trận, một số đơn vị trinh sát và bộ binh của nó đã đang chiến đấu với kẻ địch. Do vậy sở chỉ huy có một không khí lạc quan tin tưởng. Đại tá Leodegard Freyberg nhớ lại “cảm tưởng chung là đến cuối ngày quân Đồng minh sẽ bị đẩy xuống biển”. Phó đô đốc Friedrich Ruge, phụ tá hải quân của Rommel cũng chia sẻ sự phấn khởi đó. Nhưng Ruge để ý thấy một điều khác thường:

Người quản gia nhà de La Rochefoucauld đã lặng lẽ đi khắp lâu đài và hạ những tấm thảm thêu Goblin vô giá trên tường xuống.

*Có vẻ ở sở chỉ huy Tập đoàn quân 7, đơn vị đang giao chiến thực sự với quân Đồng minh, người ta có lí do để lạc quan hơn. Đối với những sĩ quan tham mưu, tình hình hiện tại là Sư đoàn 352 đã đẩy quân địch xuống biển ở khu vực giữa Vierrville và Colleville – bãi Omaha. Nguyên do là một sĩ quan tại một căn hầm nhìn xuống bãi biển cuối cùng cũng về được sở chỉ huy với báo cáo lạc quan về diễn biến chiến sự. Báo cáo này được đánh giá quan trọng đến mức nó được ghi lại từng từ một. “Tại mép nước”, viên sĩ quan chứng kiến nói, “quân địch phải tìm chỗ nấp sau những chướng ngại vật. Rất nhiều xe cơ giới – trong đó có 10 xe tăng – cháy nằm trên bãi biển. Các đội phá hủy vật cản đã phải chấm dứt hoạt động. Quá trình đổ bộ từ tàu đã ngừng lại... các tàu phải đỗ ở xa. Hỏa lực từ các cứ điểm và của pháo binh khá chuẩn xác và đã gây thương vong đáng kể cho địch. Rất nhiều người chết và bị thương nằm trên bãi biển...” **

** Báo cáo này được truyền đạt trực tiếp đến trưởng ban Tác chiến Sư đoàn 352, Trung tá Ziegelmann khoảng giữa 8 đến 9 giờ bởi Đại tá Goth quả*

quyết, người chỉ huy các cứ điểm ở Pointe et Raz de la Perceee khổng chế khu Vierville của bãi Omaha. Điều này đã tạo nên sự phẫn chấn mà Ziegelmann, căn cứ vào chính những gì ông viết sau chiến tranh, đã đánh giá rằng mình đang chiến đấu với “lực lượng địch yếu”. Những báo cáo sau đó còn lạc quan hơn và đến 11:00 sáng, tướng Kraiss, Sư đoàn trưởng 352 tin chắc là bãi Omaha đã được quét sạch đến mức ông điều động các đơn vị dự bị sang tăng cường cho cánh phải của sư đoàn ở khu vực của quân Anh – TG.

Đây là tin tốt đầu tiên mà Tập đoàn quân 7 nhận được. Tinh thần lên rất cao, nên khi Tư lệnh Tập đoàn quân 15, Đại tướng von Salmuth đề nghị cử Sư đoàn Bộ binh 346 sang giúp Tập đoàn quân 7, ông đã bị từ chối một cách ngạo mạn. “Chúng tôi không cần đến họ”.

Ngay cả khi tất cả đều tin tưởng, Tham mưu trưởng Tập đoàn quân 7, Thiếu tướng Pemsel vẫn đang cố nối những mảnh ghép lại để có được bức tranh chính xác về tình hình. Điều này là khó khăn, vì ông gần như không thể liên lạc được. Đường dây và cáp đã bị cắt hoặc phá hủy bởi quân kháng chiến Pháp, bởi lính dù hay do các cuộc bắn phá. Pemsel nói với sở chỉ huy của Rommel, “Tôi đang chiến đấu theo kiểu mà William the Conqueror phải đánh – chỉ bằng tai và mắt”. Thực tế Pemsel không biết liên lạc xấu tới mức nào. Ông nghĩ chỉ có lính dù ở bán đảo Cherbourg. Lúc này ông không có ý niệm gì là cuộc đổ bộ đường biển đã diễn ra ở bờ đông bán đảo, tại bãi Utah.

Pemsel rất khó khăn để xác định chính xác giới hạn không gian của cuộc tấn công, ông chỉ chắc chắn một điều – cuộc tấn công ở Normandy chính là cuộc đổ bộ. Ông tiếp tục chỉ ra điều đó với những cấp trên ở tổng hành dinh của Rommel và Von Rundstedt, nhưng ông chỉ là thiểu số. Cả Cụm quân B và OB West đều viết trong báo cáo buổi sáng của họ, “vào lúc này, vẫn còn quá sớm để nói rằng đây là hướng chính hay chỉ là một cuộc nghi binh quy mô lớn”. Các vị tướng vẫn tiếp tục chờ đợi Schwerpunkt (hướng chủ công). Dọc theo bờ biển Normandy, bất cứ binh nhì nào cũng có thể nói cho họ nó nằm ở đâu.

Cách bãi Sword 800m, Binh nhất Josef Heager bàng hoàng và run rẩy bằng

cách nào đó đã tìm được cò của khẩu súng máy và tiếp tục nổ súng. Mặt đất dường như đang nổ tung xung quanh anh. Tiếng nổ inh tai. Đầu ông lên và người xạ thủ súng máy 18 tuổi phát mệt vì tiếng ồn. Anh đã chiến đấu tốt, giúp yểm trợ cuộc rút lui của đại đội khi tuyến phòng thủ của Sư đoàn 716 ở bãi Sword bị chọc thủng. Heager không biết mình đã hạ được bao nhiêu tay Tommy. Bị thôi miên, anh đã chứng kiến họ xuất hiện trên bãi biển và bắn gục từng người một. Trước đây anh ta vẫn thường tự hỏi giết kẻ thù thì sẽ như thế nào. Anh đã nói chuyện đó nhiều lần với những người bạn Huf, Saxler và "Ferdie" Klug. Giờ Heager đã biết: Nó đơn giản đến khủng khiếp. Huf không kịp sống để thấy nó dễ ra sao – anh ta bị giết khi họ bỏ chạy. Heager để anh ta nằm lại trong một hàng rào cây, mồm há hốc với một cái lỗ mà trước đây là trán. Heager không biết Saxler đâu, nhưng Ferdie vẫn ở bên cạnh, mù một nửa, máu chảy xuống mặt từ những vết thương do mảnh đạn. Và bây giờ Heager biết chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi họ bị giết sạch. Anh và 19 người nữa – những gì còn lại của đại đội – đang ở trong chiến hào trước một căn hầm nhỏ. Họ bị bắn từ khắp nơi bởi súng máy, súng cối và súng trường. Họ đã bị bao vây. Hoặc là đầu hàng, hoặc là chết. Tất cả đều biết thế - tất cả trừ viên đại úy giữ súng máy trong căn hầm sau lưng họ. Anh ta không để họ vào trong. “Chúng ta phải tử thủ! Phải tử thủ!”, anh ta liên tục gào thét.

Đó là giây phút kinh khủng nhất trong đời Heager. Anh không còn biết mình bắn vào cái gì nữa. Mỗi khi pháo kích ngừng anh lại bóp cò như một cái máy và cảm thấy sức giật của khẩu súng máy. Nó tiếp thêm can đảm cho anh. Rồi đạn pháo lại rơi xuống và mọi người lại kêu la với viên đại úy. “Cho chúng tôi vào! Cho chúng tôi vào!”.

Có lẽ những chiếc xe tăng đã khiến viên đại úy thay đổi. Tất cả họ đều nghe thấy tiếng gầm gừ và lách cách. Có 2 chiếc. Một dừng lại cách đó một quãng. Chiếc còn lại chậm chạp tiến lên, húc đổ hàng rào và đi ngang qua 3 con cừu đang trệu trạo nhai cỏ một cách vô tư lự gần đó. Các binh sĩ trong chiến hào thấy nòng pháo từ từ hạ thấp, sẵn sàng để bắn trực xạ. Chính vào

lúc đó, chiếc xe tăng bất ngờ nổ tung một cách lạ lùng. Một xạ thủ chống tăng nấp trong hào đã dùng viên đạn rocket cuối cùng với cái đuôi lửa nóng rực và bắn chính xác. Bị mê hoặc và vẫn không hiểu điều gì vừa xảy ra, Heager và người bạn Ferri thấy nắp xe bật mở và qua màn khói đen cuộn cuộn một người đang cố liều chui ra. Bộ quân phục bốc cháy, anh ta kêu gào chui được nửa người ra rồi gục xuống, xác vất lên thành xe. Heager nói với Ferdi, “Tớ hy vọng Chúa sẽ cho chúng ta chết tử tế hơn”.

Chiếc xe tăng thứ hai khôn ngoan đứng lại ngoài tầm súng chống tăng, bắt đầu khai hỏa và cuối cùng viên đại úy ra lệnh cho tất cả vào hầm. Heager cùng những người sống sót ụa vào trong – thực sự là một cơn ác mộng. Căn hầm có kích thước vừa vặn bằng một gian phòng khách chất đầy xác chết và những người hấp hối. Hơn 30 người chen chúc trong hầm đến mức không thể ngồi xuống hay thậm chí cả xoay người. Tối tăm, nóng bức và ồn ào khủng khiếp. Những thương binh đang kêu gào. Người ta nói chuyện bằng đủ thứ ngôn ngữ - nhiều người trong số đó là người Nga hay Ba Lan. Và suốt thời gian đó, viên đại úy nã đại liên qua lỗ châu mai duy nhất, không để ý đến tiếng kêu của những người bị thương, “Đầu hàng! Đầu hàng!”.

Không gian trở nên yên tĩnh trong chốc lát và Heager cùng những người lính đang ngạt thở trong hầm nghe thấy ai đó ở ngoài hét lên, “Được rồi, quân Đức – tốt hơn là chui ra đi!”. Viên đại úy giận dữ khai hỏa khẩu súng máy. Vài phút sau họ lại nghe thấy giọng nói đó. “Các anh nên đầu hàng đi, Fritz!”.

Họ ho sù sụ vì làn khói cay sè từ khẩu đại liên. Mỗi lần viên đại úy dừng lại để nạp đạn, giọng nói kia lại vang lên kêu gọi họ đầu hàng. Cuối cùng ai đó phía ngoài gọi bằng tiếng Đức và Heager sẽ luôn ghi nhớ là một thương binh, gần như chỉ dùng có 2 từ tiếng Anh mà anh ta biết bắt đầu đáp lại, “Xin chào, các cậu! Xin chào, các cậu! Xin chào, các cậu!”.

Tiếng súng bên ngoài ngừng lại và đối với Heager dường như tất cả đều

nhận ra cùng một lúc chuyện gì sắp đến. Có một cửa nhỏ chỗ mái vòm trên đầu họ. Heager với mấy binh sĩ nữa nâng một người lên để quan sát. Đột nhiên, anh ta hét lên, “Súng phun lửa! Họ đang mang súng phun lửa tới!”.

Heager biết lửa sẽ không lan tới được chỗ họ vì những ống thông khí bằng kim loại đi vào căn hầm từ phía sau được thiết kế hình chữ chi. Nhưng hơi nóng có thể giết chết họ. Bất ngờ họ nghe thấy tiếng “phụt” của súng phun lửa. Lúc này chỗ duy nhất mà không khí có thể vào là qua lỗ châu mai, nơi viên đại úy vẫn đang xả súng dữ dội và qua cái lỗ trên trần.

Nhiệt độ từ từ tăng lên. Vài người hoảng loạn, cào xé, xô đẩy và kêu lên, “Chúng ta phải ra khỏi đây”. Họ cố cúi xuống và bò qua chân những người khác về phía cửa. Nhưng bị lèn cứng bởi những người xung quanh, họ thậm chí còn không thể cúi xuống được. Lúc này tất cả đều cầu xin viên đại úy đầu hàng. Anh ta thậm chí không thèm quay lại, vẫn tiếp tục bắn. Không khí trở nên khủng khiếp không thể nào tả được.

“Tất cả hít thở theo hiệu lệnh của tôi”, một trung úy hô lên. “Hít!... Thở!... Hít... Thở!”. Heager dõi theo đường ống thông khí chuyển từ màu hồng sang đỏ và rồi trắng rực rỡ. “Hít!... Thở!... Hít!... Thở!”, viên sĩ quan hô. “Xin chào, các cậu! Xin chào, các cậu!”, người thương binh kêu khóc. Và bên chiếc điện đài đặt trong góc Heager có thể nghe thấy người điện đài viên nhắc đi nhắc lại, “Rau chân vịt! Rau chân vịt!”.

“Chỉ huy!”, viên trung úy hét lên, “thương binh đang chết ngạt – chúng ta phải đầu hàng!”.

“Không có chuyện đó!”, viên đại úy gầm lên, “Chúng ta sẽ mở đường máu! Kiểm đếm quân số và vũ khí!”.

“Không! Không!”, người ta kêu lên từ khắp nơi trong căn hầm.

Ferdi bảo Heager, “Cậu là người duy nhất có súng máy ngoài tay đại úy kia. Thằng điên đó sẽ đẩy cậu ra đầu tiên, tin tớ đi”.

Lúc này, nhiều binh sĩ đã bọc dọc tháo quy lát súng trường và ném chúng xuống sàn. “Tớ không đi đâu”, Heager nói với Ferdi. Anh tháo khóa an toàn khẩu đại liên và quăng đi.

Người ta bắt đầu suy sụp vì sức nóng. Chân khuyu xuống, đầu choáng váng, họ vẫn ở trong tư thế đứng, họ không thể gục xuống sàn được. Người trung úy trẻ tiếp tục van xin viên đại úy, nhưng vô hiệu. Không ai có thể tới được cửa, vì nó ngay sát lỗ châu mai và viên đại úy ở đó với khẩu súng máy.

Bỗng nhiên anh ta ngừng bắn và quay lại hỏi người điện đài viên, “Đã liên lạc được chưa?”. Người điện đài viên trả lời, “Không được gì, thưa chỉ huy”. Đường như lần đầu tiên viên đại úy nhìn thấy căn hầm chật cứng. Anh ta có vẻ kinh ngạc và hoang mang. Rồi anh ta hạ súng xuống và nói một cách cam chịu, “Mở cửa ra”.

Heager thấy ai đó buộc mảnh vải trắng vào đầu súng và thò ra qua lỗ châu mai. Bên ngoài một giọng nói cất lên, “Được rồi, Fritz, ra ngoài đi – từng người một!”.

Thở hổn hển và lóa mắt vì ánh sáng, họ lao đảo bước ra từ căn hầm tối tăm. Nếu không nhanh chóng bỏ vũ khí và mũ sắt xuống, những người lính Anh đứng hai bên thành hào sẽ bắn xuống đất sau lưng họ. Ở cuối hào, những người bắt giữ cắt thắt lưng, dây lưng và rách đứt cúc quần. Rồi họ phải nằm úp mặt xuống đất.

Heager và Ferdi đi dọc hào, tay giơ lên trời. Khi cắt thắt lưng của Ferdi, một sĩ quan Anh nói, “Trong 2 tuần nữa bọn tao sẽ gặp bạn mày ở Berlin, Fritz

ạ”. Ferdi với khuôn mặt chảy máu và sưng phồng vì mảnh đạn cổ pha trò. Anh nói, “Đến lúc đó thì bọn tôi đã ở Anh”. Anh muốn nói là ở trong trại tù binh, nhưng người Anh kia không hiểu. “Dẫn mấy thằng này ra bờ biển!”, anh ta gầm lên. Tay giữ lấy quần, họ bị giải đi, ngang qua chiếc xe tăng vẫn đang cháy và mấy con cừu vẫn đang bình thản gặm cỏ.

Mười lăm phút sau, Heager và những người khác sẽ phải lao động quanh các chướng ngại vật trên bờ biển, tháo gỡ mìn. Ferdi nói với Heager, “Tớ cá là cậu chưa bao giờ nghĩ đến chuyện cậu đặt mìn ở đây để rồi đến một ngày lại phải gỡ chúng đi”. *

* Tôi chưa thể xác định được viên đại úy cuồng tín đã cố thủ căn hầm đó là ai, nhưng Heager tin rằng tên anh ta là Gundlach, và người sĩ quan cấp dưới là Trung úy Luke. Ngày hôm đó Heager sẽ gặp người bạn đã biến mất – Saxler, cũng đang phải lao động giữa những chướng ngại vật. Đêm đó họ được đưa tới Anh và 6 ngày sau Heager cùng 150 lính Đức dừng lại ở New York trên đường tới một trại tù binh của Canada – TG.



Tù binh Đức ở Normandy.

Binh nhì Aloysius Damski không có tí tinh thần chiến đấu nào. Damski, một người Ba Lan đã bị bắt lính vào Sư đoàn 716 từ lâu đã quyết định rằng nếu cuộc đổ bộ xảy ra, anh ta sẽ chạy thẳng tới chiếc tàu gần nhất và xin hàng. Nhưng Damski không có cơ hội. Quân Anh đổ bộ dưới sự bắn phá của hải quân và hỏa lực xe tăng dữ dội đến mức chỉ huy đại đội pháo của anh, ở một vị trí gần đầu phía đông bãi Gold đã nhanh chóng ra lệnh rút lui. Damski nhận ra nếu chạy lên đồng nghĩa với cái chết không tránh được – hoặc do quân Đức phía sau, hoặc do quân Anh phía trước. Nhưng nhân lúc rút quân hỗn loạn, anh đã tìm đường chuồn đến làng Tracy, nơi anh đã trú trong nhà của một bà già người Pháp. Nếu ở đây, Damski tính, anh có thể ra hàng khi ngôi làng bị chiếm.

Trong khi đang len lỏi trên cánh đồng Damski đụng phải một tay hạ sĩ Wehrmacht cứng cỏi cười ngửa. Đi trước anh ta là một binh nhì khác, một người Nga. Viên hạ sĩ nhìn Damski và ngoác miệng ra cười, “Nào, cậu nghĩ là mình đang đi đâu đấy?”. Họ nhìn nhau một giây và Damski biết viên hạ sĩ cho rằng anh đang đào ngũ. Rồi vẫn mỉm cười, tay hạ sĩ nói, “Tôi nghĩ tốt hơn là cậu nên đi cùng với bọn này”. Damski không ngạc nhiên. Khi họ đi tiếp anh chưa chát nghĩ rằng vận may của mình vốn chưa bao giờ tốt đẹp và hiển nhiên là nó chưa khá hơn tí gì.

Cách đó 16km, ở khu vực phụ cận Caen, Binh nhì Wilhelm Voigt của một đơn vị điện đài cơ động cũng đang tự hỏi làm sao để đầu hàng. Voigt đã sống 17 năm ở Chicago, nhưng anh chưa bao giờ được nhập quốc tịch. Năm 1939 vợ anh về thăm nhà ở Đức đã buộc phải ở lại chăm sóc bà mẹ ốm đau. Năm 1940, bất chấp lời khuyên của bạn bè, Voigt quyết định đưa cô về. Không thể đến Đức bằng con đường chính thức trong thời chiến, anh phải đi lòng vòng qua Thái Bình Dương để đến Nhật, rồi tới Vladivostok và lên tàu Trans-Siberian tới Moscow. Từ đây anh tới Ba Lan và vào Đức. Chuyển đi mất gần 4 tháng, và sau khi vượt biên giới Voigt không thể quay lại. Vợ chồng anh đã mắc kẹt. Bây giờ, lần đầu tiên sau 4 năm, anh có thể nghe thấy giọng Mỹ trong tai nghe. Đã hàng giờ anh nghĩ xem sẽ nói gì khi gặp người lính Mỹ đầu

tiên. Anh sẽ chạy lại chỗ họ và hét lên, “Chào các cậu, tớ ở Chicago đây!”. Nhưng đơn vị của anh bị giữ quá xa phía sau. Anh gần như đã đi vòng quanh thế giới chỉ để trở lại Chicago – và giờ tất cả những gì anh có thể làm là ngồi trên chiếc xe tải, lắng nghe giọng nói, đối với anh là giọng nói của quê hương cách đó có vài cây số. *

* Voigt không trở lại. Hiện tại anh vẫn sống ở Đức, làm việc cho hãng Pan American Airways – TG.

Phía sau bãi Omaha, Thiếu tá Werner Pluskat nằm thở dốc trong một con hào. Gần như không thể nhận ra anh nữa. Mũ sắt đã mất. Bộ quân phục rách tả tơi. Khuôn mặt sây sát và đầy máu. Trong hơn một tiếng rưỡi kể từ lúc rời căn hầm ở Ste-Honorine để quay lại sở chỉ huy, Pluskat đã bò qua chiến tuyến cháy rực và ngổn ngang. Hàng đoàn máy bay tiêm kích quần đảo sau những mòm đồi, xả súng vào bất cứ thứ gì di chuyển và suốt thời gian đó pháo hải quân cày xới khu vực. Chiếc Volkswagen ở đâu đó phía sau, chỉ còn là một cái xác bẹp dúm đang cháy. Khói bốc lên từ những hàng cây và vật cỏ bị thiêu đốt. Ở đây đó anh đi qua những chiến hào đầy xác chết, do đạn pháo hay những cuộc bắn phá không thương tiếc của không quân. Đầu tiên anh cố chạy nhưng đã bị máy bay truy đuổi. Anh bị bắn hết lần này đến lần khác. Giờ Pluskat bò. Anh tính rằng mình mới đi được 1,5km và vẫn còn cách sở chỉ huy ở Etreham 4,5km nữa. Anh cử động một cách đau đớn. Phía trước anh nhìn thấy một trang trại. Pluskat quyết định chạy nước rút quãng đường 20m hay hơn thế từ con hào này tới đó và xin chủ nhà chút nước. Khi lại gần, anh sửng sốt khi thấy hai người phụ nữ Pháp bình thản ngồi bên cửa. Họ nhìn anh và một người cười hân học, gọi to, "C'est terrible, n'est-ce pas?" (“Sợ quá, phải không?”). Pluskat lê bước đi, tiếng cười vẫn văng vẳng trong tai. Lúc đó anh cảm thấy căm ghét người Pháp, người Norman và cả cuộc chiến bẩn thỉu này.

Binh nhất Anton Wuensch thuộc Trung đoàn Dù 6 Đức nhìn thấy một chiếc dù treo trên ngọn cây cao. Chiếc dù màu xanh da trời mang theo một bọc lớn bằng vải bạt đang đu đưa bên dưới. Ở phía xa có tiếng súng trường và súng

máy nổ khá nhiều, nhưng Wuensch và đơn vị súng cối của anh ta vẫn chưa chạm địch. Họ đã hành quân suốt gần 3 giờ đồng hồ và lúc này đang ở trong một khu rừng nhỏ phía trên Carentan, cách bãi Utah gần 16km về phía tây nam.

Binh nhất Richter nhìn chiếc dù và nói, "Đó là của bọn Amis [quân Mỹ]. Có lẽ chứa đạn". Binh nhì Fritz "Friedolin" Wendt nghĩ có thể là đồ ăn. "Lạy Chúa, tớ đói quá", anh nói. Wuensch bảo tất cả ở yên trong hố trong khi anh bò tới. Đó có thể là trò lừa gạt; họ có thể bị phục kích khi cố lấy dù, hoặc có thể là một cái bẫy dẫm máu.

Wuensch thận trọng quan sát. Hải lòng khi thấy tất cả đều yên tĩnh, anh buột 2 quả lựu đạn vào gốc cây và giật chốt. Cái cây đổ xuống cùng với chiếc dù. Wuensch chờ đợi, nhưng hầu như tiếng nổ đó không bị phát hiện. Anh vẫy tay gọi đồng đội. "Xem đám Amis gửi cho ta cái gì nào", anh gọi.

Friedolin dùng dao rạch cái bọc. Anh rất phấn khởi. "Ôi lạy Chúa", anh kêu lên, "Đồ ăn đấy! Đồ ăn!".

Trong nửa giờ tiếp đó 7 người lính dù dày dạn có khoảng thời gian đáng nhớ trong đời. Họ tìm thấy những lon nước dừa và nước cam, những hộp sô cô la và thuốc lá, và một lô thực phẩm khác mà họ chưa được thấy đã hàng năm. Friedolin ngẫu nhiên chúng. Thậm chí anh còn đổ bột Nescafe vào mồm và cố nuốt trôi chúng bằng sữa đặc. "Tớ chả biết là cái gì", anh ta nói, "nhưng mà ngon lắm".



Lính dù Đức ở Normandy, 6/1944.

Cuối cùng, mặc do Friedolin phản đối, Wuensch quyết định họ nên “tiếp tục đi và tìm kiếm cuộc chiến”. Nhồi chặt ba lô tất cả số thuốc lá mang được, Wuensch cùng đồng đội rời khỏi khu rừng, đi về hướng có tiếng súng. Vài phút sau, cuộc chiến đã tìm đến họ. Một người lính của Wuensch trúng đạn vào thái dương, gục xuống.

“Bắn tỉa!”, Wuensch hét lên. Tất cả lao xuống nấp khi đạn bắt đầu réo xung quanh họ.

“Nhìn kia”, một người kêu lên, chỉ về phía bụi cây phía bên phải, “Tôi nghĩ đã thấy hãn ở đó”.

Wuensch lấy ống nhòm và hướng ống kính lên ngọn cây, quan sát kỹ lưỡng. Anh cho rằng mình đã thấy một chuyển động nhẹ của cành lá, nhưng không chắc lắm. Anh giữ ống nhòm một lúc lâu và rồi lại thấy tán cây lay động. Nhặt khẩu súng trường, Wuensch nói, “Rồi, giờ xem ai giỏi hơn”. Anh nổ súng.

Đầu tiên Wuensch nghĩ mình đã bắn trượt, vì anh thấy người xạ thủ bắn tỉa đang trèo xuống. Wuensch ngắm lại một lần nữa, lần này là vào một điểm trên thân cây không bị cành lá che khuất. “Nhóc”, anh nói to, “tao tóm được mày rồi”. Anh thấy chân người bắn tỉa hiện ra và tiếp theo là thân hình. Wuensch bắn liên tiếp. Người lính bắn tỉa từ trên cây rơi rất chậm xuống đất. Các đồng đội của Wuensch reo lên và họ chạy tới chỗ cái xác. Họ đứng nhìn người lính dù Mỹ đầu tiên mà họ gặp. “Anh ta có mái tóc màu sẫm, rất trẻ và đẹp trai. Một dòng máu trào ra từ khoe miệng”. Wuensch nhớ lại.

Binh nhất Richter bước lại chiếc ba lô của người chết và tìm thấy chiếc ví đựng hai tấm ảnh cùng một lá thư. Wuensch nhớ lại một trong số đó “chụp người lính ngồi bên một cô gái và chúng tôi đều kết luận có lẽ đó là vợ anh ta”. Tấm kia chụp “người lính trẻ và cô gái ngồi bên hè cùng với gia đình, chắc là gia đình của anh ta”. Richter nhét ảnh và thư vào ví của mình.

Wuensch hỏi, “Cậu nghĩ mình đang làm cái gì đấy?”.

Richter đáp, “Tớ nghĩ sẽ gửi những thứ này về địa chỉ trên bì thư sau khi chiến tranh kết thúc”.

Wuensch nghĩ anh ta đã mất trí. “Chúng ta có thể bị bọn Amis bắt”, anh nói, “và nếu chúng thấy cái này trên người cậu...”. Anh vạch ngón tay ngang cổ họng. “Hãy để nó cho đám quân y và ra khỏi đây thôi”.

Trong khi đồng đội rời đi, Wuensch nán lại một chút và nhìn lại người lính Mỹ

đã chết, nằm đó “giống như một con chó bị xe chẹt”. Anh hồi hả đuổi theo đơn vị.

Cách đó vài cây số một chiếc xe sĩ quan Đức với lá cờ hiệu màu đen, trắng và đỏ tung bay đang chạy dọc con đường dẫn tới làng Picaucville. Thiếu tướng Wilhelm Falley của Sư đoàn Không vận 91 cùng với người phụ tá và lái xe đã di chuyển trên chiếc Horch này suốt gần 7 giờ, kể từ lúc ông lên đường tới tham dự cuộc diễn tập ở Rennes lúc gần 1:00 sáng. Khoảng giữa 3:00 và 4:00 sáng, tiếng máy bay không ngớt và tiếng bom nổ phía xa đã khiến Falley quay trở lại.

Họ chỉ còn cách sở chỉ huy ở phía bắc làng Picaucville có mấy km khi đạn súng máy nã thẳng vào mũi xe. Tấm kính chắn gió vỡ vụn và người phụ tá của Falley ngồi bên cạnh lái xe gục xuống bên chiếc ghế. Chiếc Horch vẫn còn gầm rú, loạng quạng lao chệch đi và đâm sầm vào một bức tường thấp. Cửa bật tung, người lái xe và Falley lao ra. Khẩu súng của Falley văng ra phía trước. Ông bò qua đường về phía nó. Người lái xe, run rẩy và mù mẫm, thấy những lính Mỹ xông tới. Falley kêu lên, “Đừng bắn! Đừng bắn!”, nhưng ông vẫn bò lại chỗ khẩu súng. Một tiếng nổ và Falley đổ xuống mặt đường, một tay vẫn vươn đến chỗ cây súng.



Trung tướng Wilhelm Falley, Sư đoàn trưởng Sư đoàn Không vận 91 Đức.

Trung úy Malcolm Branne ở Sư đoàn Đổ bộ đường không 82 nhìn xuống người chết. Anh cúi xuống nhặt chiếc mũ của viên sĩ quan. Trên vành mũ ghi cái tên “Falley”. Viên sĩ quan Đức này mặc bộ quân phục xám xanh với những dải đỏ dọc theo viền quần. Cầu vai hẹp màu vàng và vạch quân hàm đỏ với lá sồi vàng trên ve áo. Tám Huân chương Chữ thập Sắt với dải ruy băng đen đính trên cổ. Branne không chắc lắm, nhưng có vẻ anh đã hạ được một viên tướng.

** **

Trên sân bay gần Lille, Phi đoàn trưởng Josef “Pips” Priller và Hạ sĩ Heinze Wordarczyk chạy tới chỗ 2 chiếc tiêm kích FW-190 lẻ loi.

Sở chỉ huy Luftwaffe và Quân đoàn Tiêm kích đã gọi điện. “Priller”, viên sĩ

quan tác chiến nói, “cuộc đổ bộ đã bắt đầu. Tốt hơn là anh nên tới đó”.

Priller nổ tung: “Giờ các anh đã bỏ qua nó! Lũ ngốc khốn kiếp! Anh muốn tôi làm cái chó gì với 2 máy bay? Các tiểu đoàn của tôi đâu? Các anh có gọi họ về được không?”

Người sĩ quan tác chiến vẫn bình tĩnh đến tuyệt vời. “Priller”, anh ta nói, “chúng tôi vẫn chưa biết chính xác các tiểu đoàn của anh đã hạ cánh ở đâu, nhưng chúng tôi sẽ điều họ về sân bay Piox. Đưa các nhân viên kỹ thuật của anh tới đó ngay. Trong lúc đó anh nên tới ngay khu vực đổ bộ. Chúc may mắn, Priller”.

Bình tĩnh tựa như cơn giận đã qua, Priller hỏi, “Làm ơn cho tôi biết cuộc đổ bộ diễn ra ở đâu?”.

Viên sĩ quan điềm tĩnh đáp, “Normandy, Pips – đâu đó phía trên Caen”.

Priller mất một giờ để tiến hành những công việc cần thiết cho việc di chuyển các nhân viên kỹ thuật. Giờ anh và Wodarczyk đã sẵn sàng – sẵn sàng để thực hiện cuộc tấn công duy nhất của Luftwaffe chống lại cuộc đổ bộ ngày hôm đó.

*

* Một vài nguồn viết rằng 8 máy bay ném bom Ju-88 đã tấn công bãi biển trong thời gian cuộc đổ bộ. Máy bay ném bom đã hoạt động ở khu vực bãi biển đêm 6-7 tháng 6 nhưng tôi không tìm thấy có cuộc tập kích nào trong buổi sáng D-Day trừ phi vụ của Priller – TG.

Ngay trước khi lên máy bay, Priller bước lại chỗ người trợ thủ. “Giờ nghe đây”, anh nói, “chỉ có hai chúng ta. Ta không thể tách nhau được. Vì Chúa, hãy làm chính xác những gì tôi làm. Bay sau tôi và làm theo”. Họ đã chiến đấu cùng nhau một thời gian dài và Priller cảm thấy nên rõ ràng. “Chúng ta đi một mình”, anh nói, “và tôi không nghĩ sẽ quay về được”.

Họ cất cánh lúc 9:00 sáng (với Priller là 8:00 sáng). Họ hướng về phía tây, bay sát mặt đất. Ngay phía trên Abbeville, ở trên đầu, họ bắt đầu thấy máy bay tiêm kích Đồng minh. Priller nhận thấy chúng không bay theo đội hình chặt chẽ cần thiết. Anh nhớ lại đã nghĩ là “nếu tôi chỉ cần có thêm vài máy bay, họ sẽ là những cái bia sống”. Tới gần Le Harve, Priller nâng độ cao để ẩn nấp trong mây. Họ bay trong mấy phút rồi lao xuống. Ở phía dưới là một hạm đội vĩ đại – hàng trăm tàu đủ cỡ, đủ loại đường như trái dài vô tận suốt Eo biển. Có những tàu đổ bộ đều đặn chở quân vào bãi biển, và Priller có thể thấy khói trắng từ những vụ nổ trên và phía sau bãi biển. Bờ cát đen đặc những lính, xe tăng và đủ thứ trang bị. Priller vòng trở lại để cân nhắc xem nên làm gì. Có quá nhiều máy bay, quá nhiều chiến hạm ngoài khơi, quá nhiều lính trên bãi biển, nên anh tính chỉ có thời gian để bay qua bãi biển một lần trước khi bị bắn rơi.



Bãi Sword sau khi quân Anh đổ bộ.

Giờ không cần giữ im lặng qua điện đài nữa. Gần như vui vẻ, Priller nói vào loa. “Thật là một màn trình diễn! Thật là một màn trình diễn!”. “Mọi thứ có ở đây – ở mọi nơi. Tìn tôi đi, đây chính là cuộc đổ bộ!”. Rồi anh nói,

“Wodarczyk, ta tấn công thôi! Chúc may mắn!”.

Họ lao xuống bãi biển của quân Anh với tốc độ 640km/h, tấn công ở độ cao dưới 45m. Priller không có thời gian để ngắm. Anh chỉ đơn giản là giữ nút bắn trên cần lái và cảm thấy họng súng rung lên. Lướt qua gần như ngay trên đầu, anh thấy những khuôn mặt giật mình nhìn lên.

Trên bãi Sword, Trung tá Philippe Kieffer ở đơn vị đặc công Pháp thấy Priller và Wodarczyk tới. Ông lao xuống nắp. Sáu tù binh Đức nhân cơ hội đó định chạy trốn. Người của Kieffer nhanh chóng hạ gục chúng. Trên bãi Juno, Binh nhì Robert Rogge ở Lữ đoàn Bộ binh 8 Canada nghe thấy tiếng máy bay và thấy chúng “lao tới ở độ cao thấp tới mức tôi có thể nhìn rõ mặt phi công”. Anh cũng như những người khác nhào xuống, nhưng anh kinh ngạc khi thấy một người “bình tĩnh đứng thẳng, xả đạn từ khẩu Sten”. Ở rìa phía đông bãi Omaha, Thiếu úy Hải quân Mỹ William J. Eisemann há hốc mồm khi chứng kiến 2 chiếc FW-190 với họng súng khạc lửa, phóng tới ở độ cao dưới 15m và lượn lách giữa những quả khí cầu. Và trên tàu HMS Dunbar, Thợ máy chính Robert Dowie dõi theo những khẩu pháo phòng không của hạm đội nổ súng bắn vào Priller và Wodarczyk. Hai chiếc tiêm kích vượt qua mà không hề hấn gì, rồi hướng vào đất liền và biến mất trong mây. “Dù có phải bọn Jerry hay không thì cũng chúc may mắn”, Dowie nói, vẫn không thể tin được, “Chúng mày khá lắm”.

Dọc theo dải bờ biển Normandy, cuộc đổ bộ diễn ra như vũ bão. Đối với những người Pháp kẹt trong cuộc chiến thì đó là những giờ phút rối ren, hân hoan và kinh hãi. Quanh Ste-Mere-eeglise lúc này đang bị pháo kích dữ dội, lính dù Sư đoàn 82 thấy nông dân vẫn điềm tĩnh làm việc trên cánh đồng như thể không có gì xảy ra. Thỉnh thoảng lại có người ngã xuống, bị thương hoặc chết. Ở trong thị trấn, họ cũng chứng kiến một thợ cắt tóc thay thế tấm biển hiệu để “Friseur” bằng “Barber”.

Cách đó vài km, trong ngôi làng nhỏ vùng duyên hải La Madeleine, Paul Gazengel đang cảm thấy cay đắng và đau đớn. Không chỉ vì nhà kho và hiệu

cà phê của ông đã bị bắn sập, mà ông còn bị thương trong cuộc pháo kích, và giờ binh sĩ Sư đoàn 4 đang dẫn Gazengel cùng 7 người đàn ông nữa xuống bãi Utah.

“Các anh đưa chồng tôi đi đâu?”, vợ ông gắng hỏi người trung úy chỉ huy.

Viên sĩ quan trả lời trôi chảy bằng tiếng Pháp, “Để xét hỏi, thưa bà”, anh nói. “Chúng tôi không thể hỏi ông ấy ở đây, vì thế chúng tôi sẽ đưa ông ấy cùng với tất cả đàn ông về Anh”.

Bà Gazengel không thể tin vào tai mình. “Tối Anh!”, bà kêu lên. “Vì sao? Ông ấy đã làm gì?”.

Người sĩ quan trẻ bối rối. Anh nhần nại giải thích rằng mình chỉ thực hiện mệnh lệnh.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chồng tôi bị giết trong cuộc ném bom”, bà Gazengel hỏi trong nước mắt.

“Chín mươi phần trăm là sẽ không có chuyện đó đâu, thưa bà”, anh ta trả lời.

Gazengel hôn tạm biệt vợ và bị dẫn đi. Ông không biết gì về chuyện này – và sẽ không bao giờ biết. Hai tuần sau ông sẽ trở lại Normandy, với lời giải thích không đâu vào đâu từ những người Mỹ rằng “tất cả là do nhầm lẫn”.

Jean Marion, người chỉ huy lực lượng kháng chiến Pháp ở thị trấn ven biển Grancamp cảm thấy nản lòng. Anh có thể nhìn rõ hạm đội ngoài khơi bãi Utah phía bên trái và Omaha phía bên phải và anh biết họ đang đổ bộ. Nhưng dường như Grandcamp đã bị bỏ quên. Suốt buổi sáng anh đã chờ họ đến một cách đau đớn. Tuy nhiên Marion phấn khởi khi được vợ chỉ cho một khu trục hạm đang chậm rãi cơ động đối diện với thị trấn. “Khẩu pháo!”,

Marion kêu lên, “Khẩu pháo mà anh đã bảo họ”. Mấy hôm trước anh đã báo cho London rằng một khẩu pháo nhẹ đã được bố trí trên bức tường biển, được chỉnh để chỉ bắn được về phía trái, hướng lúc này là bãi Utah. Giờ Marion tin chắc họ đã nhận được tin vì anh thấy chiếc chiến hạm thận trọng di chuyển vào góc chết của khẩu pháo và bắt đầu bắn. Nước mắt trào ra, Marion nháy lên mỗi khi con tàu khai hỏa. Chiếc khu trục hạm – có lẽ là Herndon – nã hết phát này đến phát khác. Đột nhiên một tiếng nổ dữ dội bùng lên khi đạn pháo nổ tung. “Tuyệt vời!”, Marion phấn khởi reo lên. “Quá đẹp!”.

Trong thị trấn thánh đường Bayeux cách đó khoảng 24km, Guillaume Mercader, phụ trách tình báo kháng chiến khu vực bãi Omaha đứng bên cửa sổ cùng người vợ, Madeleine. Mercader cố cầm nước mắt. Sau 4 năm khủng khiếp, lực lượng chính của quân Đức chiếm đóng thị trấn có vẻ đã rút đi. Anh có thể nghe thấy tiếng pháo từ phía xa và biết sẽ có giao tranh ác liệt. Lúc này Mercader nóng lòng muốn tập hợp các thành viên kháng chiến và đánh đuổi đám Quốc xã còn lại. Nhưng đài phát thanh đã khuyến cáo họ phải thận trọng, không nên tổ chức nổi dậy. Điều này là khó khăn, nhưng Mercader đã học được cách chờ đợi. “Ta sẽ sớm được giải phóng”, anh bảo vợ.

Dường như tất cả mọi người ở Bayeux đều cảm thấy thế. Mặc dù quân Đức đã dán những thông cáo buộc người dân phải ở trong nhà, họ đã tập hợp công khai ở sân nhà thờ để nghe một tu sĩ tường thuật lại cuộc đổ bộ. Từ vị trí thuận lợi của mình, ông có thể quan sát rõ các bãi biển, chấp tay làm loa và hét lên từ trên tháp chuông.

Trong số những người đang nghe có Anne Marie Broeckx, cô gái 19 tuổi dạy mẫu giáo, người sẽ tìm thấy người chồng tương lai trong số những lính Mỹ đổ bộ. Lúc 7 giờ cô bình tĩnh đạp xe về trang trại của người cha ở Colleville, phía sau bãi Omaha. Cô hối hả đạp qua những vị trí súng máy và lính Đức hành quân về phía bờ biển. Vài lính Đức đã vẫy tay và một người bảo cô cẩn thận, nhưng không ai ngăn cản. Cô đã thấy máy bay công kích và lính Đức nháo nhào ẩn nấp, nhưng Anne Marie vẫn tiếp tục đi, mái tóc tung bay và

chiếc váy màu xanh da trời phồng lên trong gió. Cô cảm thấy an toàn tuyệt đối; cô không hề nghĩ rằng mình đang gặp nguy hiểm.

Giờ cô chỉ cách Colleville không đầy 1,5km. Những con đường vắng tanh. Những làn khói giạt vào trong đất liền. Đây đó những đám lửa đang cháy. Rồi cô thấy những trang trại đổ nát. Lần đầu tiên Anne Marie cảm thấy sợ. Cô phóng như điên. Tới ngã tư ở Colleville cô được cảnh báo một cách kỹ lưỡng. Tiếng súng rền vang xung quanh và cả khu vực đường như đã bị tàn phá và bỏ hoang một cách kì lạ. Trang trại của cha cô nằm giữa Colleville và bờ biển. Anne Marie quyết định đi bộ. Vác xe đạp trên vai, cô cuốc bộ qua cánh đồng. Rồi, trên một mòm đồi, cô thấy trang trại – vẫn còn. Cô chạy trong suốt chặng đường còn lại.

Đầu tiên Anne Marie nghĩ trang trại không có ai, vì cô không thấy bất cứ hoạt động gì. Cô chạy vào sân, gọi bố mẹ. Cửa sổ của căn nhà đã vỡ hết, một phần mái biển mất và có một lỗ trên cửa. Đột nhiên cánh cửa vỡ nát bật tung và cha mẹ cô hiện ra. Cô quàng tay ôm lấy cả hai người.

“Con gái”, cha cô nói, “Hôm nay là một ngày trọng đại đối với nước Pháp”. Anne Marie òa khóc.

Cách đó 800m, Binh nhất Leo Heroux, người sau này sẽ kết hôn với Anne Marie đang chiến đấu vì sự sinh tồn giữa cảnh tượng rừng rợn của bãi Omaha. *

* Anne là một cô dâu thời chiến không sống ở Mỹ. Hiện nay cô và Leo Heroux đang sống ở nơi mà họ gặp nhau lần đầu tiên hôm 8 tháng 6 – trang trại Broeckx gần Colleville sau bãi Omaha. Họ có 3 người con và Heroux mở một trường dạy lái xe – TG.

Trong khi cuộc đổ bộ của quân Đồng minh diễn ra quyết liệt ở Normandy, một trong những lãnh đạo kháng chiến cao cấp nhất của khu vực đang tức điên lên trên chiếc xe lửa ở ngoại ô Paris. Leonard Gille, phó chỉ huy tình báo

quân sự Normandy đã ở trên chuyến tàu về Paris này hơn 12 tiếng. Hành trình này tưởng như dài vô tận. Họ đã di chuyển trong đêm, dừng lại ở mỗi nhà ga. Giờ thật trở trêu, người chỉ huy tình báo đã nghe được tin từ những người khuân vác. Gille không biết cuộc tấn công xảy ra ở chỗ nào của Normandy, nhưng anh không thể chờ để quay về Caen. Anh thấy chua cay là sau gần đầy năm hoạt động, cấp trên lại chọn chính cái ngày này để triệu tập anh về thủ đô. Tệ hơn, anh không có cách nào thoát khỏi đoàn tàu. Điểm dừng tiếp theo là Paris.

Nhưng ở Caen, vợ chưa cưới của anh, Janine Boitard đang bận rộn kể từ lúc cô nghe được tin. Lúc 7 giờ cô đánh thức 2 phi công RAF đang được che giấu. “Ta phải nhanh lên”, cô nói với họ, “tôi sẽ đưa các anh tới một trang trại ở làng Gavrus, cách đây 12 km”.

Địa điểm đó gây sốc cho 2 người Anh. Tự do chỉ còn cách dưới 15km, vậy mà họ lại đi sâu hơn vào đất liền. Gavrus nằm ở phía tây nam Caen. Một trong hai người, Trung tá K.t Logts nghĩ rằng họ nên tận dụng cơ hội đi về phía bắc để gặp quân đổ bộ.

“Hãy kiên nhẫn”, Janine nói, “Giữa chỗ này và bờ biển đang đầy lính Đức. Chờ đợi thì sẽ an toàn hơn”.

Vài phút sau họ lên đường bằng xe đạp, hai người lính Anh mặc quần áo nông dân giả dì. Hành trình diễn ra yên ổn. Mặc dù bị lính tuần tra Đức chặn lại nhiều lần, nhưng những giấy tờ giả đã thành công và họ lại đi tiếp. Ở Gavrus, trách nhiệm của Janine đã kết thúc – thêm 2 phi công nữa chỉ còn cách nhà một bước. Janine muốn đi thêm cùng với họ, nhưng cô phải quay về Caen – để chờ những phi công bị bắn rơi khác sẽ đi qua đường dây, và chờ giây phút giải phóng mà cô biết đã rất gần. Vẫy tay chào tạm biệt, cô lên xe và đạp về.

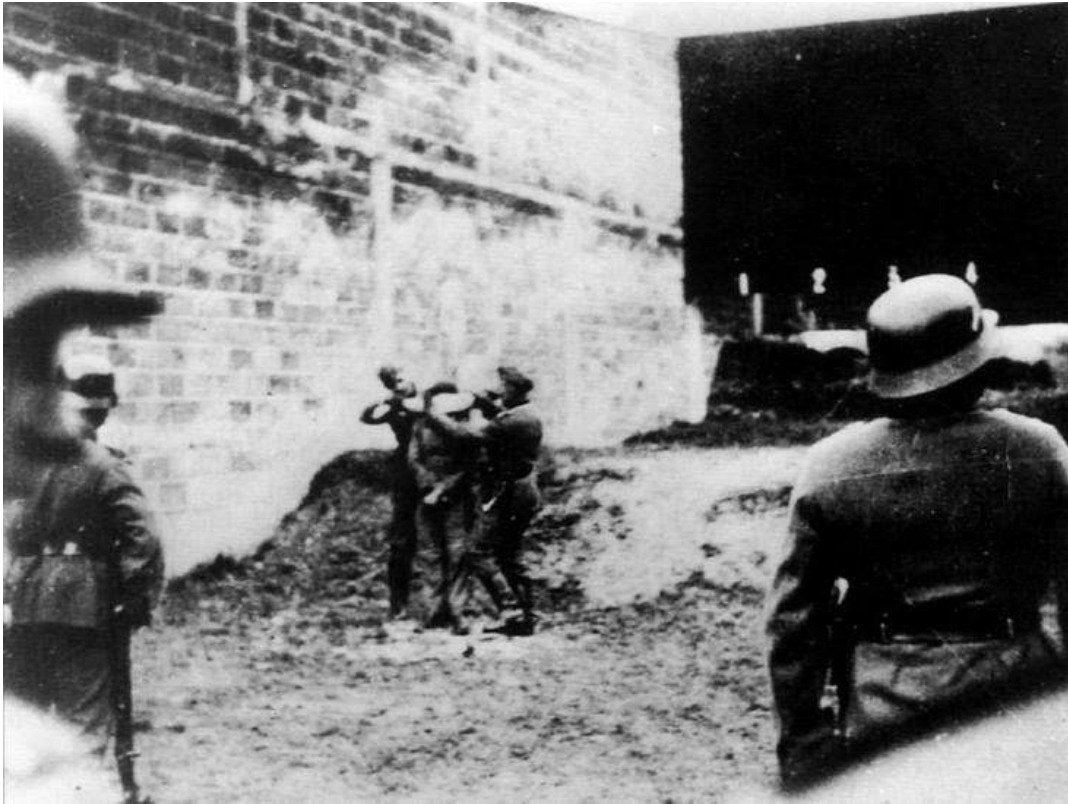
Trong nhà tù tại Caen, bà Ameelie Lechevalier đang chờ bị xử tử vì đã tham

gia giải cứu các phi công Đồng minh nghe thấy một tiếng huýt sáo khi ai đó luôn chiếc đĩa sắt dừng bữa sáng luôn qua cửa. “Hãy hy vọng, hy vọng”, một giọng nói cất lên, “người Anh đã đổ bộ”. Bà Lechevalier bắt đầu cầu nguyện. Bà tự hỏi người chồng, Louis trong một xà lim gần đó đã biết chưa. Suốt buổi tối có tiếng bom nổ, nhưng bà đã nghĩ chỉ là những cuộc không kích thông thường của Đồng minh. Giờ đã có hy vọng, họ có thể sẽ được cứu trước khi quá muộn.

Bỗng nhiên bà Lechevalier nghe thấy tiếng động ngoài hành lang. Bà quỳ xuống bên cửa và lắng nghe. Bà có thể nghe thấy tiếng quát tháo và những từ “Raus! Raus! [Ra ngoài! Ra ngoài!]” lặp đi lặp lại. Rồi có tiếng bước chân, tiếng sập cửa và tất cả lại trở nên yên ắng. Vài phút sau, ở chỗ nào đó bên ngoài nhà tù, bà nghe thấy tiếng súng máy kéo dài.

Bọn lính gác Gestapo đã hoảng loạn. Trong vòng vài phút sau khi có tin về cuộc đổ bộ, 2 khẩu súng máy đã được bố trí trong sân. Từng nhóm 10 tù nhân bị lôi ra đứng trước tường và xử bắn. Họ đã bị bắt vì nhiều tội danh khác nhau, có trường hợp đúng, có trường hợp sai. Đó là Guy de Saint Pol và Rene Loslier, nông dân; Pierre Audige, nha sĩ; Maurice Primault, chủ cửa hàng; Đại tá Antoine de Touchet, quân nhân về hưu; Antole Lelieevre, thư ký tòa thị chính; Georges Thomine, ngư dân; Pierre Menochet, cảnh sát; Maurice Dutacq, Achille Boutrois, Joseph Picquenot và con ông, công nhân đường sắt; Albert Anne; Deesire Lemieere; Roger Veillat; Robert Boulard – tổng cộng 92 người, trong đó chỉ có 40 người là thành viên kháng chiến. Hôm nay, đúng vào ngày bắt đầu cuộc giải phóng vĩ đại, những người này, không được giải thích, không được biết, không được xét xử, đã bị tàn sát. Trong số họ có cả người chồng của bà Lechevalier, Louis.

Tiếng súng kéo dài 1 tiếng. Trong xà lim bà Lechevalier tự hỏi chuyện gì đang xảy ra.



Quân Đức hành quyết thành viên kháng chiến Pháp.

Ở Anh lúc này là 9:30 sáng. Suốt đêm hôm đó Đại tướng Eisenhower đã đi lại trong chiếc toa xe, chờ tin báo. Ông cố thư giãn bằng cách thông thường là đọc sách nhưng không mấy thành công. Rồi những báo cáo đầu tiên bắt đầu được gửi về. Chúng rời rạc, nhưng mang tin tốt. Các chỉ huy không quân và hải quân còn hơn cả thỏa mãn với sự phát triển của cuộc tấn công và binh sĩ đã lên bờ ở cả 5 bãi biển. Chiến dịch Overlord đang diễn biến tốt. Mặc dù đầu cầu vẫn còn chưa thật vững, nhưng giờ Eisenhower không cần phải đưa ra bản thông cáo đã được lặn lẽ soạn thảo một cách vội vàng chỉ 24 giờ trước. Dự phòng trường hợp các nỗ lực đổ bộ bất thành, ông viết, "Cuộc đổ bộ của quân ta lên khu vực Cherbourg – Havre đã không thiết lập được một đầu cầu vững chắc và tôi đã cho rút lui. Thời điểm và địa điểm tấn công được quyết định dựa trên những thông tin tốt nhất có thể. Lục quân, Không quân và Hải quân đã thể hiện tinh thần dũng cảm và tận tụy với nhiệm vụ cao nhất. Nếu có bất cứ trách nhiệm hay sai lầm nào trong chuyện này, tất cả đều thuộc về riêng cá nhân tôi".

Chắc chắn rằng quân đội đã đổ bộ được, Eisenhower cho phát đi một bản thông cáo hoàn toàn khác. Lúc 9:33 sáng, tùy viên thông tấn của ông, Đại tá Ernest Dupuy công bố trước toàn thế giới. "Sáng nay, dưới sự chỉ huy của Đại tướng Eisenhower", ông nói, "Hải quân Đồng minh được sự yểm trợ mạnh mẽ của không quân đã bắt đầu đổ bộ các đơn vị lục quân lên vùng duyên hải phía bắc nước Pháp".

Đó là khoảnh khắc mà cả thế giới tự do đã chờ đợi và giờ đây họ đón nhận nó với cảm xúc lẫn lộn kì lạ, cả nhẹ người, phấn khởi và lo lắng. "Cuối cùng, căng thẳng đã được gỡ bỏ", ấn bản D-Day của tờ London Times viết.

Phần lớn người Anh nghe được tin này ở nơi làm việc. Trong vài cơ sở quốc phòng bản tin được đọc qua loa, và những người đàn ông và phụ nữ đang đứng máy hát vang bài "God Save the King". Nhà thờ của những ngôi làng mở tung cửa. Những hành khách không quen biết nói với nhau trên tàu hỏa. Trên đường phố, người ta bắt tay các binh sĩ Mỹ. Những đám đông nhỏ tụ tập ở góc đường để ngắm nhìn những chuyến bay tập nập nhất mà họ từng thấy.

Nữ Đại úy Hải quân Naomi Coles Honour, vợ của người thuyền trưởng tàu ngầm X23 nghe tin và ngay lập tức biết chồng mình đang ở đâu. Lát sau cô nhận được cuộc gọi từ một sĩ quan tác chiến ở sở chỉ huy hải quân: "George vẫn khỏe, nhưng cô không đoán được là anh ta đã trải qua những gì đâu". Naomi có thể nghe điều đó sau; quan trọng nhất lúc này là anh vẫn an toàn.

Mẹ của Binh nhì thủy thủ 18 tuổi Ronald Northwood trên kỳ hạm Scylla phấn khích đến mức bà chạy qua đường để kể với bà Spurgeon sống gần đó là "Ron của tôi đang ở đó". Bà Spurdgeon không chịu kém. Bà có một "người họ hàng trên chiếc Warspite" và chắc chắn anh ta cũng đang ở đó. (Với chút ít khác biệt, những cuộc đối thoại tương tự diễn ra khắp nước Anh).

Grace Gale, vợ của Binh nhì John Gale, người đã đổ bộ lên bãi Sword trong

đợt đầu tiên đang tắm cho đứa nhỏ nhất trong số 3 đứa con của họ khi cô nghe được tin. Cô cố gắng cầm nước mắt, nhưng không thể - cô chắc rằng chồng mình đang ở trên đất Pháp. “Lạy Chúa”, cô cầu nguyện, “Hãy đưa anh ấy về”. Rồi Gale bảo con gái Evelyn tắt radio. “Chúng ta sẽ không để ảnh hưởng đến bố con vì lo lắng”, cô nói.

Trong không khí trang nghiêm ở Ngân hàng Westminster tại Bridgeport ở Dorset, Audrey Duckworth đang tập trung làm việc và mãi về sau mới được nghe về cuộc đổ bộ. Cũng chỉ ngay lúc đó, người chồng Mỹ của cô, Đại úy Edmund Duckworth thuộc Sư đoàn 1 đã hy sinh ngay khi đặt chân lên bãi biển Omaha. Họ chỉ vừa kết hôn được 5 ngày.

Trên đường tới tổng hành dinh của Eisenhower ở Portsmouth, Trung tướng Sir Frederick Morgan nghe BBC đề nghị thính giả chuẩn bị theo dõi thông báo đặc biệt. Morgan bảo người lái xe dừng lại. Ông vặn to radio – và rồi cha đẻ của kế hoạch đổ bộ đã được nghe về cuộc tấn công.

Đối với phần lớn dân Mỹ, tin tức đến vào lúc nửa đêm; ở bờ biển phía Đông là 3:33 sáng, ở bờ biển phía Tây là 12:33 sáng. Phần lớn đang say ngủ, nhưng trong số những người đầu tiên biết tin về D-Day là hàng ngàn người làm việc ca đêm, những người đàn ông và phụ nữ đã lao động vất vả để sản xuất ra phần lớn xe tăng, máy bay, tàu chiến đang được sử dụng trong cuộc đổ bộ. Ở khắp nơi trong các nhà máy quốc phòng nhộn nhịp, người ta ngừng tay để dành một phút mặc niệm. Tại xưởng đóng tàu Brooklyn, trong ánh lửa chói mắt của đèn hàn, hàng trăm người quỳ xuống trên boong những chiếc tàu Liberty chưa hoàn thành và bắt đầu đọc kinh.

Trên khắp đất nước, trong những ngôi làng và thị trấn đang say ngủ, đèn bật sáng. Đường phố tĩnh mịch bỗng chốc tràn ngập âm thanh khi radio được bật lên. Người ta đánh thức láng giềng để báo tin cho họ, và quá nhiều người gọi cho bạn bè, người thân đến mức mạng điện thoại đã bị nghẽn. Ở Coffeyville, Kansas, đàn ông và phụ nữ vẫn còn mặc quần áo ngủ quỳ xuống bên cửa vòm nhà thờ và cầu nguyện. Trên chuyến tàu giữa Washington và New York, người

ta đề nghị một tu sĩ tổ chức buổi lễ tại chỗ. Ở Marietta, Georgia, người dân đổ đến nhà thờ lúc 4:00 sáng. Quả chuông Tự do đã được gióng lên ở Philadelphia, và trên khắp mảnh đất Virginia lịch sử - quê hương của Sư đoàn 29, chuông nhà thờ kêu trong đêm như từng trong thời kỳ Cách mạng. Ở thị trấn nhỏ Bedford, Virginia (dân số 3.800 người), tin này có một tầm quan trọng đặc biệt. Hầu như ai ở đây cũng có một người chồng, người con, người anh em hay người yêu phục vụ trong Sư đoàn 29. Người dân Bedford vẫn còn chưa được biết, nhưng tất cả những người đàn ông của họ đã đổ bộ lên bãi biển Omaha. Trong số 46 người Bedford ở Trung đoàn 116 chỉ có 23 trở về.

Thiếu úy Hải quân WAVE ** Lois Hoffman, vợ của thuyền trưởng tàu Corry đang làm nhiệm vụ ở căn cứ hải quân Norfolk, Virginia khi nghe tin về D-Day. Trong suốt thời gian qua cô đã theo dõi hành trình của chồng thông qua các bản vẽ ở phòng tác chiến. Tin này không mấy quan trọng với cá nhân cô. Lois Hoffmann vẫn nghĩ chồng đang hộ tống một đoàn tàu chở đạn ở Bắc Đại Tây Dương.

** TỨC WAVES: Women Accepted for Volunteer Emergency Service - Nữ tình nguyện viên được chấp nhận phục vụ cho trường hợp khẩn cấp. WAVES là bộ phận thuộc Hải quân Mỹ gồm toàn quân nhân nữ đi vào hoạt động tháng 8 năm 1942 để đáp ứng yêu cầu thời chiến – Chiangshan.

Ở San Francisco, bà Lucille M. Schultz, y tá bệnh viện Cựu chiến binh tại Fort Miley đang làm ca đêm khi thông báo được đưa ra. Bà muốn nghe đài với hy vọng Sư đoàn Đổ bộ đường không 82 sẽ được nhắc đến; bà hoài nghi về chuyện sư đoàn có tham gia cuộc tấn công hay không. Nhưng bà cũng e ngại rằng việc đó sẽ gây phẫn khích cho bệnh nhân tim của mình, một cựu binh Thế chiến I. Ông muốn được nghe. “Tôi ước gì mình cũng ở đó”, ông nói. “Ông đã có cuộc chiến của mình rồi”, y tá Schultz nói khi tắt đài. Ngồi trong bóng tối và lặng lẽ khóc, bà cầu nguyện cho con trai, người lính dù 21 tuổi Arthur, được biết đến ở Trung đoàn 505 là Binh nhì Dutch Schultz.

Tại căn nhà ở Long Island, bà Theodore Roosevelt đã có một giấc ngủ chập chờn. Khoảng 3:00 sáng, bà tỉnh giấc và không thể ngủ lại được. Như cái máy, bà bật radio – vừa đúng lúc để nghe thông báo chính thức về D-Day. Bà biết với tính cách của chồng, ông sẽ ở đâu đó trong cuộc chiến đấu. Bà không biết mình có lẽ là người phụ nữ duy nhất có chồng chiến đấu trên bãi Utah và con trai – Đại úy Quentin Roosevelt 25 tuổi ở Sư đoàn 1 – trên bãi Omaha. Ngồi trên giường, bà nhắm mắt đọc lời cầu nguyện cũ quen thuộc của gia đình. “Chúa che chở cho chúng con... cho tới khi bóng tối kéo dài và đêm đổ xuống”.



Người dân New York (Mỹ) theo dõi tin tức về cuộc đổ bộ Normandy, 6/6/1944.

Tại trại Stalag 17But gần Krems, Áo, tin tức được đón nhận với một sự hoan hỉ hầu như không thể che giấu được. Các quân nhân Không quân Mỹ đã bắt được nó qua sóng điện bằng những máy thu thanh tí hon tự chế, một số có thể nhét vừa hộp đựng bàn chải, một số được ngụy trang như những chiếc bút

chì. Hạ sĩ nhất James Lang, người đã bị bắn rơi trên bầu trời nước Đức hơn 1 năm trước gần như không dám tin. “Hội đồng kiểm soát thông tin” của trại đã cố cảnh báo 4.000 tù binh không nên lạc quan quá mức. “Đừng quá hy vọng vội”, họ thận trọng, “hãy cho chúng tôi thời gian để xác nhận hay bác bỏ”. Nhưng ở khắp khu này đến khu khác, các tù binh đã bắt đầu vẽ những tấm bản đồ bí mật ghi lại bước tiến thẳng lợi của quân Đồng minh ở Normandy.

Lúc này, những tù binh đó biết về cuộc đổ bộ còn nhiều hơn cả dân Đức. Những người trên đường phố vẫn chưa được nghe gì chính thức. Điều này thật mỉa mai vì Radio Berlin đi trước thông cáo của Eisenhower đến 3 tiếng là đài đầu tiên loan tin quân Đồng minh đổ bộ. Từ 6 rưỡi, người Đức đã bắt đầu cảm thấy hồ nghi trước luồng tin tức không ngừng đổ về. Dân Đức không nghe được các phát thanh trên sóng ngắn. Tuy vậy, hàng nghìn người đã biết tin từ những nguồn khác. Mặc dù nghe đài nước ngoài bị cấm và có thể bị bỏ tù một cách cứng rắn, nhiều người đã bắt sóng từ Thụy Sĩ, Thụy Điển hay Tây Ban Nha. Tin tức lan truyền nhanh chóng. Nhiều người ngờ vực. Nhưng cũng có nhiều người, nhất là những ai có chồng đóng quân ở Normandy hết sức lo lắng. Một trong số đó là vợ của Werner Pluskat.

Cô dự định buổi chiều sẽ đi xem phim với bà Sauer. Nhưng khi nghe tin đồn rằng quân Đồng minh đổ bộ lên Normandy, cô trở nên gần như bị kích động. Ngay lập tức cô gọi cho Sauer, người cũng đã nghe gì đó về cuộc tấn công và hủy buổi xem phim. “Tôi phải biết chuyện gì đang xảy ra với Werner”, cô nói, “tôi có thể sẽ không bao giờ được gặp lại anh ấy nữa”.

Sauer tỏ ra hết sức cục cằn và rất Phổ. “Cô không được như thế này!”, Sauer hét lên. “Cô phải tin tưởng vào Quốc trưởng và cư xử cho xứng là vợ của một sĩ quan”.

Pluskat đáp trả. “Tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với cô nữa!”. Rồi cô đập máy.

Tại Berchtesgaden dường như hầu hết những người thân cận của Hitler đang chờ tuyên bố chính thức của phía Đồng minh trước rồi mới dám báo cho ông ta. Lúc đó là 10:00 sáng (9:00 giờ Đức) khi phụ tá hải quân của Hitler, Đô đốc Karl Jessko von Puttkamer gọi cho trụ sở của Jodl để yêu cầu báo cáo mới nhất. Ông được trả lời rằng “có những bằng chứng rõ ràng cho thấy một cuộc đổ bộ quan trọng đã được tiến hành”. Tập trung mọi tin tức có thể, Puttkamer và ban tham mưu nhanh chóng chuẩn bị một tấm bản đồ. Rồi Thiếu tướng Rudolf Schmundt, sĩ quan quản trị của Quốc trưởng đánh thức Hitler. Ông ta vẫn mặc đồ ngủ khi ra khỏi phòng. Ông ta bình tĩnh lắng nghe báo cáo và cho gọi Tham mưu trưởng OKW, Thống chế Wilhelm Keitel và Jodl. Khi họ đến Hitler đã thay quần áo và đang đợi trong trạng thái kích động.

Cuộc thảo luận sau đó, như Puttkamer nhớ lại, “hoàn toàn kích động”. Tin tức chưa đầy đủ, nhưng dựa trên những gì được biết Hitler đã quả quyết rằng đây không phải là cuộc đổ bộ chính, và ông ta lặp đi lặp lại điều đó. Cuộc thảo luận chỉ kéo dài vài phút và bị cắt một cách thô lỗ, như Jodl nhớ lại sau này, khi Hitler bất ngờ quát vào mặt ông và Keitel, “Nào, đây có phải cuộc đổ bộ không?” rồi xoay lưng bỏ ra khỏi phòng.

Vấn đề chuyển giao các sư đoàn xe tăng dự bị của OKW mà Von Rundstedt đang rất cần thậm chí còn chưa được đề cập đến.

Lúc 10:15 chuông điện thoại tại tư gia của Thống chế Erwin Rommel ở Herrlingen reo vang. Người gọi là tham mưu trưởng của ông, Thiếu tướng Hans Speidel. Mục đích: báo cáo hoàn chỉnh đầu tiên về cuộc đổ bộ. * Rommel lắng nghe, choáng váng.

* Tướng Speidel nói với tôi rằng ông gọi Rommel “lúc khoảng 6:00 sáng qua đường dây riêng”. Ông cũng kể lại tương tự như vậy trong cuốn sách của mình *Invasion 1944*. Nhưng tướng Speidel đã nhầm lẫn về thời gian. Ví dụ, trong sách ông viết rằng thống chế rời La Roche-Guyon ngày 5 tháng 6 –

không phải 4 tháng 6 như Đại úy Hellmuth Lang và Đại tá Hans George von Tempelhof cho biết và nhật ký của Cụm quân B ghi lại. Trong D-Day nhật ký chỉ ghi lại một cuộc gọi cho Rommel: lúc 10:15. Nội dung viết: “Speidel thông báo tình hình cho Thống chế Rommel qua điện thoại. Tư lệnh Cụm quân B sẽ quay lại sở chỉ huy trong hôm nay” – TG.

Đây không phải một cuộc tập kích “như kiểu Dieppe”. Với tất cả bản năng khôn ngoan đã theo ông gần hết cuộc đời, Rommel biết đây chính là cái ngày mà ông đã chờ đợi – ngày mà ông đã nói sẽ là “ngày dài nhất”. Ông kiên nhẫn đợi Speidel báo cáo xong và khẽ nói, không biểu hiện chút cảm xúc nào, “Tôi đã ngu ngốc làm sao. Tôi đã ngu ngốc làm sao”.

Ông đặt máy và bà Rommel thấy “cuộc gọi đã biến đổi ông ấy... một sự căng thẳng khủng khiếp”. Trong vòng 45 phút sau, Rommel gọi người phụ tá, Đại úy Hellmuth Lang đang ở nhà tại Strasbourg 2 lần. Mỗi lần ông cho Lang một giờ giấc để khởi hành về La Roche-Guyon khác nhau. Bản thân điều đó làm Lang lo lắng; thống chế chưa bao giờ tỏ ra thiếu quyết đoán như vậy. “Giọng ông nghe phiền muộn ghê gớm trong điện thoại”, Lang nhớ lại, “và điều đó cũng không giống ông ấy”. Giờ lên đường cuối cùng cũng được ấn định. “Chúng ta sẽ đi vào 1 giờ đúng từ Freudenstadt”, Rommel bảo. Khi đặt máy Lang đoán rằng Rommel hoãn chuyến đi để kịp gặp Hitler. Anh không biết là ở Berchtesgaden trừ Thiếu tướng Schmudt, sĩ quan quản trị của Hitler, không ai biết Rommel đang ở Đức.

Trên bãi biển Uta, tiếng động cơ xe tải, xe tăng, half-track và xe jeep gần như che lấp tiếng nổ rời rạc của những khẩu pháo 88 Đức. Đây là âm thanh của chiến thắng; Sư đoàn 4 đang tiến vào đất liền nhanh hơn bất cứ đơn vị nào khác.

Ở lối ra số 2, đường dẫn duy nhất chạy từ bãi biển, 2 người đang đứng điều hành luồng giao thông. Đó đều là những vị tướng. Ở một bên đường là Thiếu tướng Raymond O. Barton, Sư đoàn trưởng 4, ở phía bên kia là người đang vui vẻ như trẻ con, Chuẩn tướng Teddy Roosevelt. Khi Thiếu tá Gerden

Johnson ở Trung đoàn Bộ binh 12 tới, anh thấy Roosevelt "chống gậy đi tới đi lui trên con đường đầy bụi, bình thản hút thuốc như thể ông đang đứng giữa Quảng trường Thời đại". Roosevelt nhìn thấy Johnson và hét lên, "Chào Johnny! Cứ đi đúng đường, cậu đang làm tốt đấy! Một ngày tuyệt vời để đi săn, phải không?". Đó là giây phút chiến thắng của Roosevelt. Quyết định cho Sư đoàn 4 xuất phát cách vị trí đổ bộ theo kế hoạch 1.800m của ông đã có thể trở thành thảm họa. Giờ ông dõi theo hàng dài người và xe tiến vào đất liền và cảm thấy vô cùng hài lòng. *

* Vì thành tích ở bãi biển Utah, Roosevelt được tặng thưởng Huân chương Danh dự Quốc hội. Ngày 12 tháng 7, Đại tướng Eisenhower ký quyết định bổ nhiệm ông làm Tư lệnh Sư đoàn 90. Roosevelt không bao giờ biết về chuyện này. Ông mất tối hôm đó vì một cơn đau tim – TG.

Nhưng bất chấp không khí lạc quan, Barton và Roosevelt đều có một lo lắng chung: trừ khi tiếp tục giữ được tốc độ hành quân thế này, nếu không một cuộc phản kích kiên quyết của quân Đức có thể chặn Sư đoàn 4 chết cứng. Hai vị tướng liên tục giải tỏa những chỗ ùn tắc. Xe chết máy bị đẩy khỏi đường không thương tiếc. Đây đó có những chiếc xe cháy, nạn nhân của đạn pháo địch, gây ra nguy cơ cản trở cuộc tiến quân. Những chiếc xe tăng ủi chúng tới một khu vực ngập nước nơi binh sĩ đang bì bõm tiến qua. Khoảng 11:00, Barton có được tin tốt, lối ra số 3 cách đó 1,5km đã được khai thông. Ngay lập tức Barton cho xe tăng tiến vào bằng con đường mới để giảm bớt sức ép. Sư đoàn 4 đang chuyển động, tiến thẳng tới điểm hội quân với những lính dù đang phải chịu áp lực khá lớn.



Sư đoàn 4 Mỹ tiến vào bờ từ bãi Utah.

Cuộc hội quân diễn ra không ngoạn mục – những người lính lẻ tẻ gặp nhau ở những nơi không ngờ tới, thường là dẫn tới những kết quả hài hước và xúc động. Binh nhất Louis Merlano Sư đoàn 101 có thể là lính dù đầu tiên gặp Sư đoàn 4. Cùng với 2 lính dù khác, Merlano, người nhảy xuống giữa đám chướng ngại vật trên bờ biển ngay trên bãi Utah, đã đánh mở đường qua gần 3km xuống bờ biển. Anh mệt mỏi, bần thủ và lồi thối khi gặp những người lính Sư đoàn 4. Anh nhìn chăm chăm vào họ một giây và rồi cúi kính hỏi, “Các cậu đã ở cái chỗ khi nào thế?”.

Hạ sĩ Thomas Bruff Sư đoàn 101 thấy một trinh sát Sư đoàn 4 xuất hiện trên con đường gần Pouppeville, “mang khẩu súng trường như một cây súng

sẵn”. Người trinh sát nhìn Bruff đã mệt lử, “Cuộc chiến ở đâu?”, anh ta hỏi. Bruff, người rơi cách bãi đổ bộ 13km và đã cùng một nhóm nhỏ chiến đấu suốt đêm dưới sự chỉ huy của Thiếu tướng Maxwell Taylor, cầu nhàu, “Bất cứ chỗ nào từ đây. Đi tiếp đi anh bạn, cậu sẽ thấy nó”.

Gần Audouville-la-Hubert, Đại úy Thomas Mulvey Sư đoàn 101 đang hồi hả đi dọc con đường đất về phía bờ biển khi “một người lính nổ súng từ bụi cây, cách đó 70m phía trước”. Cả hai nhào xuống nấp. Họ thận trọng nằm, súng sẵn sàng và yên lặng nhìn một cách đề phòng. Người kia yêu cầu Mulvey bỏ súng, giơ tay lên đầu và bước ra chỗ anh ta. Mulvey đề nghị anh ta cũng làm như thế. “Điều này lặp đi lặp lại mấy lần”, Mulvey kể, “không ai chịu nhường”. Cuối cùng Mulvey có thể thấy rõ người kia là một lính Mỹ, bèn đứng dậy. Họ gặp nhau giữa con đường, bắt tay và vỗ vào lưng nhau.

Ở Ste-Marie-du-Mont, Pierre Caldron, người thợ làm bánh, thấy lính dù trên tháp chuông nhà thờ vẫy tấm bảng hiệu màu da cam. Trong vài phút, một đoàn quân dài đi hàng một xuất hiện trên đường. Trong khi Sư đoàn 4 hành quân qua, Caldron đặt cậu con trai lên vai. Cậu bé vẫn chưa hồi phục hoàn toàn từ cuộc phẫu thuật cắt amidan hôm qua, nhưng đây là cảnh tượng mà anh không muốn con bỏ lỡ. Bỗng nhiên anh khóc. Một người lính Mỹ chắc nịch ngoác miệng ra cười với Caldron và hét lên, “Vive la France”. Caldron gật đầu, cười đáp lại. Anh không thể nói được gì.

Từ bãi Utah, Sư đoàn 4 phát triển vào trong đất liền. Tổn thất của họ trong D-Day khá nhẹ: 197 thương vong, trong đó có 60 là ở ngoài biển. Cuộc chiến đấu ác liệt vẫn còn ở phía trước trong những tuần tiếp theo, nhưng đây là ngày của họ. Đến tối 22.000 quân và 1.800 xe cơ giới đã lên bờ. Cùng với quân dù, Sư đoàn 4 đã làm chủ đầu cầu đầu tiên của quân Mỹ trên đất Pháp.

Một cách khó khăn, binh sĩ chiến đấu mở đường qua từng thước đất trên bãi Omaha đầm máu. Từ ngoài khơi nhìn vào, bãi biển đưa ra một cảnh tượng tàn phá ghê gớm. Tình hình căng thẳng đến mức vào buổi trưa, Trung tướng Omar Bradley trên chiến hạm Augusta đã bắt đầu cân nhắc khả năng di tản và chuyển hướng sang bãi Utah và các bãi biển của quân Anh. Nhưng trong khi Bradley đang đấu tranh với khó khăn, những người đang kẹt trong sự hỗn loạn của Omaha vẫn tiến lên.

Dọc theo Dog Green và Dog White, viên tướng cộc cằn 51 tuổi có tên Norman Cota sải bước tới lui trong làn mưa đạn, tay vung vẩy khẩu .45 và hô binh sĩ rời khỏi bãi biển. Dọc bãi cát đầy đá cuội, bên dưới bức tường biển và trong những đám cỏ ở chân đồi, những người lính nấp bên nhau chăm chú nhìn vị tướng, không tin được là một người có thể đứng thẳng mà vẫn sống.



*Chuẩn tướng (sau này là Thiếu tướng) Norman Daniel Cota, Sr, Sư đoàn phó
Sư đoàn Bộ binh 29 Mỹ.*

Một toán biệt kích nằm tùm lại gần lối ra Vierville. “Lính biệt kích hãy dẫn đầu!”, Cota hét lên. Họ bắt đầu đứng dậy. Phía xe trên bãi biển có một xe ủi chất đầy TNT bị bỏ lại. Đó chính là thứ ông cần để phá bức tường chống tăng ở lối ra Vierville. “Ai sẽ lái nó?”, ông hô lớn. Không ai trả lời. Họ dường như vẫn còn bị tê liệt trước làn đạn tàn bạo đang đổ xuống bãi biển. Cota bắt đầu mất bình tĩnh. “Chẳng nhẽ không ai dám lái cái thứ khốn nạn đó lên đây à?”, ông gầm lên.

Một người lính tóc đỏ chậm rãi đứng lên và thong thả bước lại. “Để tôi”, anh nói.

Cota vỗ vào lưng anh ta. “Đúng là người tôi cần”, vị tướng nói, “giờ ra khỏi đây thôi”. Ông bước đi mà không nhìn lại. Phía sau, binh sĩ bắt đầu chuyển động.

Đó là điển hình. Chuẩn tướng Cota, Sư đoàn phó 29 đã trở thành tấm gương ngay lúc ông đặt chân lên bờ biển. Ông chỉ huy cánh phải của Sư đoàn 29, Đại tá Charles Canham, Trung đoàn trưởng 116 chỉ huy cánh trái. Canham với chiếc khăn tay đẫm máu buộc quanh vết thương, đi lại giữa những người chết, những người đang hấp hối và những người còn đang choáng váng, giục giã từng nhóm. “Chúng đang giết ta ở đây!”, ông nói. “Hãy tiến lên và giết chúng!”. Binh nhất Charles Ferguson kinh ngạc khi đại tá đi qua. “Thằng quái nào thế nhỉ?”, anh hỏi và rồi cùng những người khác nhóm dậy.

Ở khu vực Sư đoàn 1 trên bãi Omaha, những cựu binh của Sicily và Salerno ra khỏi cơn sốc nhanh hơn. Hạ sĩ Raymond Strojny tập hợp đơn vị và dẫn họ lên đồi xuyên qua bãi mìn. Anh tiêu diệt một lô cốt trên đỉnh bằng súng bazooka. Strojny đã trở nên “hơi điên”. Cách đó 90m, Hạ sĩ Phillip Streczyk cũng đã hết chịu nổi. Vài binh sĩ nhớ lại là Streczyk gần như đá đít họ khỏi bãi biển và leo lên doi đất gài đầy mìn, nơi anh đã chọc thủng hàng rào dây thép gai của địch. Ngay sau đó, Đại úy Edward Wozenski gặp Streczyk trên

đường. Wozenski kinh hoàng khi thấy Streczyk đập phải một quả mìn Teller. Streczyk bình tĩnh nói, “Nó không nổ khi tôi dẫm lên, Đại úy ạ”.

Đại tá George A. Taylor, Trung đoàn trưởng 16 chạy khắp khu vực do Sư đoàn 1 đảm nhiệm, không quan tâm đến đạn pháo và súng máy đang cày đất xung quanh. “Có hai loại người nằm trên bãi biển”, ông hét lên, “những người đã chết và những người sẽ chết. Hãy ra khỏi đây”.

Ở khắp nơi, những sĩ quan, binh nhì và tướng lĩnh dũng cảm đều làm giống nhau là dẫn đầu đoàn quân. Khi đã bắt đầu, họ không dừng lại nữa. Hạ sĩ kỹ thuật William Wiedefeld, Jr bước qua xác của nhiều đồng đội, hiên ngang leo lên đồi qua bãi mìn. Thiếu úy Donald Anderson băng vết thương – anh đã bị bắn vào sau cổ và viên đạn đã xuyên ra ngoài qua miệng – thấy mình “có đủ dũng khí để đứng dậy, và từ thời điểm đó tôi đã từ một tân binh trở thành một cựu binh”. Hạ sĩ Bill Courtney ở Tiểu đoàn Biệt kích 2 trèo lên đồi và hét gọi với tiểu đội, “Tiến lên! Lũ khốn đã bị quét sạch!”. Đột nhiên một loạt súng máy bắn về phía trái anh. Courtney lăn tròn, ném 2 quả lựu đạn và lại hét lên, “Tiến lên! Tiến lên! Bây giờ lũ khốn đã bị quét sạch!”.

Trong khi bộ binh vận động, vài tàu đổ bộ bắt đầu di chuyển vào bờ, lách qua những vật cản. Thuyền trưởng trên những tàu khác thấy điều đó có thể thực hiện được và làm theo. Một số khu trục hạm yểm trợ đã vào gần đến mức mạo hiểm với nguy cơ đâm tàu, từ đây họ bắn trực xạ vào các vị trí địch. Dưới hỏa lực chi viện, lính công binh bắt đầu hoàn thành công việc phá hoại đã khởi đầu gần 7 tiếng trước đó. Khắp nơi trên bãi Omaha, vòng khóa chết chóc dần dần bị phá vỡ.



Quân Mỹ chiến đấu trên bãi Omaha.

Khi binh sĩ thấy có thể tiến lên, nỗi sợ và thất vọng nhường chỗ cho cơn giận dữ. Gần đỉnh đồi Vierrville, Binh nhất Biệt kích Carl Weast và đại đội trưởng của anh, Đại úy George Whittington phát hiện ổ súng máy Đức với 3 tên. Khi Weast và đại úy thận trọng bọc hậu nó, một lính Đức bất ngờ quay lại, nhìn thấy họ và kêu lên "Bitte! Bitte! Bitte!". Whittington bắn chết cả ba. Quay sang Weast anh nói, "Tớ chả hiểu "bitte" nghĩa là gì".

Vượt qua cảnh rừng rợn là bãi biển Omaha, binh sĩ phát triển vào đất liền. Lúc 1:30, Trung tướng Bradley sẽ nhận được thông điệp: "Các đơn vị bị cầm chân ở Easy Red, Easy Green, Fox Red đang tiến chiếm các điểm cao phía sau bãi biển". Đến cuối ngày, Sư đoàn 1 và 29 sẽ vào sâu được 1,5km. Cái giá của Omaha: gần 2.500 người chết, bị thương và mất tích.

Lúc đó là 1:00 chiều khi Thiếu tá Werner Pluskat về được sở chỉ huy ở Etreham. Hiện ra ở cửa không phải là hình ảnh quen thuộc của người chỉ huy như các sĩ quan của anh từng biết. Pluskat run lấy bầy như người bệnh, và tất cả những gì anh có thể nói là “Brandy. Brandy”. Khi rượu được đưa tới, hai bàn tay anh run đến mức gần như không cầm nổi cốc.

Một sĩ quan nói, “Thưa chỉ huy, quân Mỹ đã đổ bộ”. Pluskat nhìn trừng trừng và xua anh ta đi. Ban tham mưu tập trung xung quanh, một vấn đề lớn đang ở trong tâm trí họ. Pluskat được báo cáo các khẩu đội sẽ sớm thiếu đạn. Họ cho anh biết vấn đề đã được báo cho trung đoàn, và Trung tá Ocker nói rằng tiếp tế đang trên đường tới. Nhưng vẫn chưa nhận được gì. Pluskat gọi cho Ocker.

“Pluskat thân mến”, giọng nói vui vẻ của Ocker vang lên từ đầu dây bên kia, “Vẫn sống chứ?”.

Pluskat không để ý đến câu hỏi. “Chuyện gì xảy ra với chỗ đạn?”, anh hỏi thẳng.

“Đang đưa tới”, Ocker trả lời.

Thái độ bình thản của viên trung tá làm Pluskat nổi điên. “Khi nào?”, anh hét lên. “Khi nào mới tới? Các anh hình như không nhận ra là tình hình ở đây thế nào?”.

Mười phút sau Pluskat được gọi tới điện thoại. “Tôi có tin xấu”, Ocker nói, “Tôi vừa được biết là đoàn xe chở đạn đã bị tiêu diệt. Sẽ phải đến tối mới đưa được thứ gì đó cho anh”.

Pluskat không ngạc nhiên; anh đã biết từ những kinh nghiệm cá nhân đau đớn của mình là không gì có thể đi trên đường. Anh cũng biết là với tốc độ bắn hiện nay, đến tối là các khẩu pháo sẽ hết đạn. Câu hỏi là thứ gì sẽ đến với họ trước – đạn được hay quân Mỹ? Pluskat ra lệnh cho binh sĩ chuẩn bị sẵn

sàng cho cận chiến rồi bước đi một cách vô định. Anh bỗng thấy đơn độc và vô dụng. Anh ước gì biết được chú chó Harras đang ở đâu.

*

* *

Lúc này những người lính Anh đánh trận đầu tiên của D-Day đã giữ vững thành quả của mình - những cây cầu qua sông Orne và kênh Caen hơn 13 tiếng đồng hồ. Mặc dù Thiếu tá Howard đã được lính dù Sư đoàn 6 tăng viện lúc bình minh, nhưng quân số của họ bị tiêu hao liên tục dưới hỏa lực đạn cối và súng bộ binh. Quân của Howard đã chặn đứng nhiều đợt phản kích nhỏ thăm dò. Giờ, những binh sĩ mệt mỏi và lo âu trong công sự chiếm được của quân Đức ở cả hai đầu cầu đang nóng lòng chờ đợi hội quân với lực lượng đổ bộ đường biển.

Trong hố cá nhân gần lối lên cầu kênh Caen, Binh nhì Bill Gray lại xem đồng hồ. Đơn vị đặc công của Lord Lovat đã trở gần tiếng rưỡi. Anh tự hỏi chuyện gì đang diễn ra trên bãi biển. Gray không nghĩ là chiến sự còn có thể xấu hơn tình hình ở những cây cầu này. Anh hầu như không dám nhô đầu lên, dường như mỗi phút bọn bắn tỉa lại trở nên chính xác hơn.

Chính trong khoảng thời gian yên tĩnh giữa trận đánh, người bạn của Gray, Binh nhì John Wilkes nằm cạnh bỗng nói, “Cậu biết không, tớ nghĩ là tớ nghe thấy tiếng kèn túi”. Gray nhìn anh ta một cách ngờ ngẩn.

“Cậu điên rồi”, anh nói. Vài giây sau, Wilkes lại quay sang. “Tớ nghe thấy tiếng kèn túi thật mà”, anh khẳng khái. Giờ chính Gray cũng nghe thấy.

Những người lính đặc công của Lord Lovat xuất hiện trên đường, bành chèo trong những chiếc bê-rê màu xanh lá cây. Bill Millin đi đầu đoàn quân, thổi bài "Blue Bonnets over the Border". Súng từ cả hai phía bỗng ngừng lại khi binh sĩ ngạc nhiên trước cảnh tượng đó. Nhưng nó không kéo dài. Lúc lính

đặc công tiến về phía cầu thì quân Đức tiếp tục bắn. Bill Millin nhớ lại rằng anh “chỉ thấy may mắn khi không trúng đạn, vì tôi chẳng nghe được gì do tiếng kèn túi”. Được nửa đường, Millin quay lại nhìn Lord Lovat. “Anh ta sai bước như thể đang đi dạo trong vườn”, Millin nhớ lại, “và anh ấy ra hiệu cho tôi tiếp tục”.

Bất chấp hỏa lực dày đặc của quân Đức, lính dù lao tới để chào đón lính đặc công. Lovat xin lỗi “vì chậm mất mấy phút”. Đối với những binh sĩ mệt mỏi của Sư đoàn Đổ bộ đường không số 6, đây là một thời khắc sung sướng. Mặc dù phải nhiều giờ nữa chủ lực quân Anh mới tới được điểm xa nhất của tuyến phòng thủ do lính dù bảo vệ, nhưng lực lượng tăng viện đầu tiên đã tới. Khi những chiếc bê-rê đỏ và xanh hòa vào nhau, trong lòng họ bỗng xuất hiện cảm giác phấn khởi rõ rệt. Anh lính 19 tuổi Bill Gray thấy “trẻ đi đến vài tuổi”.



Lính dù và đặc công Anh hội quân tại cầu kênh Caen trong D-Day.

Giờ đây, trong cái ngày định mệnh của Đế chế thứ ba này, trong khi Rommel đang vội vã quay về Normandy, trong khi các sĩ quan của ông đang cố gắng chặn cuộc tấn công vũ bão của Đồng minh, tất cả đặt vào những đơn vị xe tăng: Sư đoàn Panzer 21 ở ngay phía sau các bãi biển của quân Anh, và Sư đoàn SS 12 và Panzer Lehr thì vẫn đang bị Hitler giữ rịt.

Thống chế Rommel dõi theo những vạch làn đường màu trắng trải dài phía trước và thúc giục người lái xe. “Nhanh lên! Nhanh lên! Nhanh lên!”, ông nói. Chiếc xe rú lên khi Daniel nhấn ga. Họ mới chỉ rời Freudenstadt 2 giờ trước và Rommel hầu như không thốt ra một lời nào. Người phụ tá, Đại úy Lang ngồi phía sau chưa bao giờ thấy thống chế phiền muộn đến vậy. Lang muốn trao đổi về cuộc đổ bộ nhưng Rommel tỏ ra không muốn nói chuyện. Bỗng nhiên ông xoay người lại và nhìn Lang. “Tôi đã luôn đoán đúng”, ông nói, “luôn đúng”. Rồi ông lại chăm chú nhìn đường.

Sư đoàn Panzer 21 không thể đi qua Caen. Đại tá Hermann Von Oppeln-Bronikowski, chỉ huy trung đoàn xe tăng của sư đoàn chạy tới chạy lui dọc đoàn quân trên chiếc Volkswagen. Thành phố là một cảnh hỗn loạn. Nó đã bị ném bom trước đó và những máy bay ném bom đã thực hiện nhiệm vụ khá tốt. Đường phố phủ đầy gạch vỡ, với Bronikowski dường như “tất cả dân cư trong thành phố đang cố gắng thoát ra”. Những con đường đông nghịt đàn ông và phụ nữ trên những chiếc xe đạp. Không có hy vọng gì cho xe tăng. Bronikowski quyết định quay lại và đi vòng qua. Sẽ mất hàng giờ, ông biết, nhưng không còn cách khác. Và những trung đoàn sẽ phải hỗ trợ ông tấn công khi đã qua được thì đang ở chỗ nào vậy?



Thành phố Caen (Pháp) tháng 6/1944 sau những đợt ném bom của Không quân Đồng minh.

Binh nhì 19 tuổi Walter Hermes ở Trung đoàn 192 Sư đoàn Panzer 21 chưa bao giờ vui như lúc này. Thật là vinh dự. Anh ta sẽ dẫn đầu cuộc tấn công vào quân Anh! Hermes ngồi lên mô tô, phóng lên phía trước đại đội tiên phong. Họ sẽ tiến về bờ biển và sẽ sớm được xe tăng tăng cường, rồi Sư đoàn 21 sẽ đẩy quân Anh xuống biển. Ai cũng nói vậy. Trên những chiếc mô tô gần đó là đồng đội của anh, Tetzlaw, Mattusch và Schard. Trước đó tất cả bọn họ đã

chờ đợi sẽ bị quân Anh tấn công, nhưng không có gì xảy ra. Có vẻ lạ là họ vẫn chưa bắt kịp đơn vị xe tăng. Nhưng Hermes đoán rằng họ ở đâu đó phía trước, có lẽ đã đang đột kích vào bãi biển. Hermes phóng đi một cách vui vẻ, dẫn đại đội tiên phong của trung đoàn vào thẳng lỗ hổng 13km giữa bãi Juno và Gold mà đặc công Anh vẫn chưa bịt được. Đây là lỗ hổng mà xe tăng có thể tận dụng để chia cắt các bãi đổ bộ của quân Anh, đe dọa toàn bộ cuộc tấn công của Đồng minh – lỗ hổng mà Đại tá von Oppeln-Bronikowski không biết tí gì.

Tại sở chỉ huy OB West ở Paris, Thiếu tướng Blumentritt, tham mưu trưởng của Rundstedt gọi cho Speidel ở sở chỉ huy của Rommel. Cuộc đàm thoại với một câu duy nhất này được ghi lại đầy đủ ở Nhật ký chiến tranh của Cụm quân B. “OKW đã chuyển giao Sư đoàn SS 12 và Panzer Lehr”, Blumentritt nói. Lúc này là 3:40 chiều. Cả hai vị tướng đều biết đã quá trễ. Hitler và cấp dưới của ông ta đã giữ 2 sư đoàn xe tăng suốt hơn 10 tiếng đồng hồ. Không có hy vọng là họ tới được khu vực đổ bộ trong cái ngày quan trọng này. Sư đoàn SS 12 chỉ tới được bờ biển vào sáng ngày 7 tháng 6. Sư đoàn Panzer Lehr đã bị tiêu hao trong những cuộc không kích liên tục không thể tới trước ngày 9. Cơ hội duy nhất để thay đổi cán cân giờ phụ thuộc vào Sư đoàn Panzer 21.

Khoảng 6:00 chiều, chiếc Horch của Rommel dừng lại ở Rheims. Tại sở chỉ huy thành phố, Lang gọi cho La Roche-Guyon. Rommel dành 15 phút nắm tình hình từ tham mưu trưởng qua điện thoại. Khi Rommel rời trụ sở, Lang thấy rằng ông đã nhận được tin xấu. Im lặng bao trùm chiếc xe khi họ đi tiếp. Lúc sau Rommel dấn vào lòng bàn tay đeo găng và nói chua chát, “Kẻ thù thân thiết của tôi, Montgomery”. Rồi sau đó ông nói, “Lạy chúa! Nếu Sư đoàn Panzer 21 thành công, chúng ta có thể đẩy lui chúng trong 3 ngày”.

Phía bắc Caen, Bronikowski ra lệnh tấn công. Ông cử 35 xe tăng do Đại úy Wilhelm von Gottberg chỉ huy đi trước để chiếm các điểm cao ở Peeriers cách bờ biển 6,5km. Bản thân Bronikowski sẽ chiếm dãy đồi ở Bieeville cách đó

3,2km với 25 xe tăng khác.

Đại tướng Edgar Feuchtinger, Tư lệnh Sư đoàn Panzer 21 và Đại tướng Marcks, Tư lệnh Quân đoàn 84 đã tới để chứng kiến cuộc tấn công được tiến hành. Marcks bước lại chỗ Bronikowski. Ông nói, “Oppeln, tương lai nước Đức đang đặt hết lên vai anh. Nếu anh không đẩy được quân Anh xuống biển, chúng ta sẽ thua”.

Bronikowski đứng nghiêm chào và trả lời, “Thưa tướng quân, tôi sẽ cố hết sức”.

Khi họ lên đường, những chiếc xe tăng tản ra khắp cánh đồng, Bronikowski bị chặn lại bởi Thiếu tướng Wilhelm Richter, Sư đoàn trưởng 716. Bronikowski thấy Richter “gần như mất trí vì đau khổ”. Những giọt nước mắt trào ra khi ông nói với Bronikowski, “Quân của tôi đi tong hết rồi. Cả sư đoàn đã mất rồi”.

Bronikowski hỏi, “Tôi có thể làm gì, thưa ngài? Chúng tôi sẽ giúp hết sức”. Ông rút bản đồ và chỉ cho Richter. “Họ đang ở đâu, thưa ngài? Ngài có thể chỉ cho tôi được không?”.

Richter chỉ biết lắc đầu. “Tôi không biết”, ông nói, “tôi không biết”.

Rommel xoay nửa người lại trên ghế trước và nói với Lang, “Tôi hy vọng không có cuộc đổ bộ thứ hai từ Địa Trung Hải”. Ông dừng lại một phút. “Cậu biết không, Lang”, ông trầm ngâm nói, “nếu lúc này tôi là chỉ huy quân Đồng minh, tôi có thể giải quyết cuộc chiến trong 14 ngày”. Ông quay lại và nhìn thẳng. Lang nhìn ông, cảm thấy khổ sở, không thể giúp gì. Chiếc Horch kêu vang trong đêm.

Những chiếc xe tăng của Bronikowski gào rú tiến lên dãy cao điểm Bieeville. Họ vẫn chưa gặp sự chống trả nào. Rồi, khi chiếc Mark IV đầu tiên gần tới đỉnh đồi, đột nhiên có tiếng gầm của pháo ở đâu đó phía xa. Ông không thể

nói được là đã đụng phải xe tăng Anh hay đó là tiếng nổ của pháo chống tăng. Nhưng chúng bắn rất dữ dội và chính xác. Đường như có đến nửa tá trận địa cùng bắn. Chiếc xe tăng đi đầu nổ tung mà không kịp bắn phát nào. Hai chiếc khác tiến lên, khai hỏa pháo chính. Nhưng xem ra chúng không gây được ấn tượng đối với các pháo thủ Anh. Bronikowski bắt đầu hiểu vì sao: ông đang bị áp đảo về hỏa lực. Pháo của quân Anh dường như có tầm bắn rất ghê gớm. Lần lượt từng chiếc tăng của Bronikowski bị hạ. Trong không đến 15 phút mà ông đã mất 6 chiếc. Chưa bao giờ ông gặp một trận đánh thế này. Bronikowski không thể làm gì. Ông cho dừng cuộc tấn công và ra lệnh rút quân.

Binh nhì Walter Hermes không hiểu xe tăng đang ở đâu. Đại đội tiên phong của Trung đoàn 192 đã tới bờ biển ở Luc-sur-Mer, nhưng không thấy dấu hiệu nào của đơn vị xe tăng. Cũng không thấy dấu hiệu nào của quân Anh, và Hermes cảm thấy một chút thất vọng. Nhưng cảnh tượng hạm đội đổ bộ đã bù đắp lại. Trên bãi biển, cả bên trái lẫn bên phải, Hermes thấy hàng trăm tàu thuyền đang ngược xuôi, và ngoài khơi 1,5km hay hơn thế là những chiến hạm đủ loại. “Đẹp thật”, anh nói với người bạn, Schard. “Như một cuộc duyệt binh vậy”. Hermes và đồng đội tản ra trên bãi cỏ và rút thuốc lá. Có vẻ không có gì sẽ xảy ra và không ai cho họ mệnh lệnh nào.

Quân Anh đã vào vị trí sẵn sàng trên các điểm cao Peeriers. Họ chặn đứng 35 xe tăng dưới quyền Đại úy Wilhelm von Gottberg trước khi chúng đạt đến tầm bắn. Chỉ trong vài phút Gottberg đã mất 10 xe tăng. Mệnh lệnh chậm trễ, thời gian lãng phí khi đi vòng qua Caen đã cho quân Anh cơ hội củng cố vững chắc trên những điểm cao chiến lược. Gottberg nguyên rủa thẳng thừng bất cứ ai mà anh nghĩ ra được. Anh rút về bìa rừng gần làng Lebissey. Tại đây anh ra lệnh đào hầm cho xe tăng, chỉ nhô tháp pháo lên. Anh chắc rằng quân Anh sẽ tiến đến Caen chỉ vài giờ nữa.

Nhưng trước sự kinh ngạc của Gottberg, thời gian trôi qua mà không có cuộc tấn công nào. Sau đó, khoảng sau 9:00 tối một chút, Gottberg chứng kiến một cảnh tượng kì vĩ. Tiếng động cơ máy bay chậm rãi vọng đến, và từ phía xa

trong ánh mặt trời hoàng hôn, anh thấy hàng đoàn tàu lượn đến từ hướng biển. Có rất nhiều tàu, bay theo đội hình ổn định sau những chiếc máy bay kéo. Trước sự quan sát của anh, những chiếc tàu lượn tách ra và lượn vòng, hạ độ cao để hạ cánh đâu đó ngoài tầm mắt ở giữa anh và bờ biển. Gottberg chửi thề một cách giận dữ.

Ở Bieeville, Bronikowski cũng đã cho xe tăng xuống công sự. Đứng bên đường, ông chứng kiến “các sĩ quan Đức với những toán lẻ 20 đến 30 lính quay trở lại từ mặt trận, rút lui về Caen”. Bronikowski không thể hiểu vì sao quân Anh không tấn công. Với ông dường như “Caen và cả khu vực xung quanh có thể bị đánh chiếm chỉ trong vài giờ”. *

Ở cuối đoàn, Bronikowski thấy một hạ sĩ khoác vai hai gã lính lực lưỡng. Chúng “say bí tỉ như một lũ lợn, khuôn mặt bần thỉu và bước đi xiêu vẹo”. Quay cuồng, quên bẵng mọi thứ, chúng cất tiếng gào to bài "Deutschland euber Alles". Bronikowski dõi theo cho tới khi chúng khuất khỏi tầm mắt. Ông nói to, “Chúng ta thua rồi”.

* Mặc dù trong D-Day quân Anh tiến nhanh nhất, họ đã thất bại trong việc đánh chiếm mục tiêu quyết định – Caen. Bronikowski sẽ còn ở đó với những chiếc xe tăng trong hơn 6 tuần nữa – đến khi thành phố hoàn toàn thất thủ – TG.

Chiếc Horch của Rommel lặng lẽ tiến vào La Roche-Guyon, chậm rãi lướt qua những ngôi nhà nhỏ sát nhau hai bên đường. Chiếc xe lớn màu đen rẽ khỏi đường cao tốc, đi qua 16 cây chanh cắt tía ngay ngắn và tiến vào cổng tòa lâu đài của dòng họ de La Rochefoucauld. Khi họ dừng lại trước cửa, Lang nhảy ra và chạy đi báo cho Thiếu tướng Speidel. Trong hành lang chính anh nghe thấy giai điệu của một vở opera Wagnerian vọng đến từ văn phòng của tham mưu trưởng. Tiếng nhạc vang lên khi cửa đột ngột bật mở và Speidel bước ra.

Lang vô cùng choáng váng và giận dữ. Quên mất mình đang nói chuyện với

một vị tướng, anh cúi kính, “Làm sao mà ngài có thể nghe opera vào lúc như thế này?”

Speidel mỉm cười, “Lang thân mến, cậu không nghĩ là việc tôi chơi nhạc một tí sẽ chặn được cuộc tấn công, phải không?”

Rommel trong chiếc áo khoác dài màu xanh xám sải bước dọc hành lang, tay phải cầm cây trượng đầu bạc của thống chế. Ông bước vào văn phòng của Speidel và đứng chắp tay sau lưng, nhìn bản đồ. Speidel đóng cửa, và Lang, biết cuộc thảo luận sẽ mất nhiều thời gian, rời đến phòng ăn. Anh uể oải ngồi xuống bên chiếc bàn dài và gọi một tách cà phê. Một sĩ quan khác ngồi gần đó đang đọc báo. Anh ta nhìn lên. “Chuyển đi thế nào?”, viên sĩ quan vui vẻ hỏi. Lang chỉ nhìn trừng trừng vào anh ta.

*

* *

Trên bán đảo Cherbourg gần Ste-Mere-eeglise, Binh nhì Dutch Schultz của Sư đoàn 82 dựa lưng vào thành hố cá nhân và lắng nghe tiếng chuông nhà thờ phía xa điểm 11 giờ. Anh không thể mở mắt được nữa. Anh tính rằng mình đã thức suốt gần 72 giờ đồng hồ - từ lúc tham gia ván bài bạc khi cuộc hành quân bị hoãn lại đêm 4 tháng 6. Anh cảm thấy buồn cười là đã mất quá nhiều công để thua hết số tiền thắng bạc – cuối cùng chẳng có chuyện gì xảy ra. Trên thực tế, Dutch hơi có một chút ngượng ngùng. Suốt cả ngày hôm đó anh vẫn chưa bắn phát súng nào.

Ở bãi biển Omaha, Hạ sĩ nhất quân y Alfred Eigenberg kiệt sức thả mình xuống một cái hố. Anh đã không còn đếm được số người bị thương mà mình cứu chữa. Anh mệt mỏi đến tận xương tủy, nhưng vẫn còn muốn làm nốt một việc trước khi ngủ. Eigenberg lôi trong ba lô ra một tập giấy nhàu nát và bắt đầu viết thư về nhà dưới ánh sáng đèn pin. Anh viết nguệch ngoạc, “Đâu đó trên đất Pháp”, và mở đầu:

“Cha mẹ thân yêu, con biết lúc này cha mẹ đã biết tin về cuộc đổ bộ. Con vẫn khỏe”. Rồi người y tá 19 tuổi dừng bút. Anh không thể nghĩ ra điều gì để viết thêm.

Trên bãi biển, Chuẩn tướng Norman Cota dõi theo ánh đèn “mắt mèo” mờ mờ của xe tải và lắng nghe tiếng quát tháo của các quân cảnh và sĩ quan chỉ huy bãi biển khi họ hướng dẫn người cùng với xe cộ tiến vào đất liền. Ở đây đó những chiếc tàu đổ bộ vẫn còn cháy, rọi lên trời những ánh lửa đỏ. Sóng vỗ nhẹ lên bờ biển và ở phía xa Cota nghe thấy tiếng cục cục của một khẩu súng máy đơn độc. Bỗng nhiên ông cảm thấy rất mệt. Một chiếc xe tải ầm ầm lao tới và Cota ra hiệu cho nó dừng lại. Ông bước lên bậc, vòng một tay bám vào cửa. Trong một giây ông nhìn lại bãi biển rồi nói với lái xe, “Đưa ta lên đồi nào, con trai”.



Quân Mỹ tiến vào đất liền từ bãi Omaha.

*

* *

Ở tổng hành dinh của Rommel, Lang cũng như những người khác đã nghe được tin xấu: cuộc tấn công của Sư đoàn Panzer 21 thất bại. Lang rất phiền muộn. Anh nói với thống chế: “Thưa ngài, ngài nghĩ là ta có thể đẩy lui chúng không?”

Rommel nhún vai, giang tay và nói, “Lang, tôi hy vọng là có. Ta gần như đã luôn luôn thành công cho tới bây giờ”. Rồi ông vỗ vai Lang. “Trông cậu có vẻ mệt”, ông nói, “Sao không nghỉ đi. Hôm nay là một ngày dài”. Ông quay đi và Lang nhìn theo thống chế bước dọc hành lang trở về văn phòng. Cánh cửa đóng lại nhẹ nhàng phía sau ông.

Bên ngoài, không có gì xuất hiện trên hai khoảnh sân lớn lát đá. La Roche-Guyon vẫn yên tĩnh. Ngôi làng bị chiếm đóng ngặt nghèo nhất của nước Pháp sẽ sớm được giải phóng – cũng như toàn châu Âu đang nằm dưới ách Hitler. Từ hôm nay Đế chế thứ ba chỉ còn tồn tại không đầy 1 năm. Bên ngoài lâu đài, con đường chính trải rộng và trống trải, cửa sổ của những ngôi nhà lợp ngói đỏ khép chặt. Ở nhà thờ St. Samson, chuông kêu báo nửa đêm.

Ghi chú về con số thương vong

Trong những năm qua, nhiều số liệu mâu thuẫn và không rõ ràng về tổn thất của quân Đồng minh trong 24 giờ đầu tiên đã được đưa ra. Không số liệu nào có thể nói chính xác. Khá nhất cũng chỉ là ước đoán, vì một lí do rất tự nhiên là trong quá trình tấn công không ai có thể nắm được số liệu chuẩn. Nói chung, hầu hết các sử gia quân sự đồng ý rằng quân Đồng minh thương vong khoảng 10.000 người; một số thậm chí cho là 12.000.

Thiệt hại của quân Mỹ là 6.603. Số liệu này dựa trên báo cáo sau trận đánh của Tập đoàn quân 1 Mỹ, đã đưa ra tổng kết dưới đây: 1.465 chết, 3.184 bị thương, 1.928 mất tích và 26 bị bắt. Ở đây bao gồm cả thiệt hại của Sư đoàn 82 và 101, với 2.499 chết, bị thương và mất tích.

Quân Canada có 946 thương vong, trong đó 335 chết. Không có số liệu vào của Anh được xuất bản, nhưng ước tính họ có ít nhất 2.500 đến 3.000 thương vong, trong đó Sư đoàn 6 có 650 chết, bị thương và mất tích.

Tổn thất của quân Đức trong D-Day là bao nhiêu? Không ai có thể nói. Các sĩ quan cao cấp Đức tôi phỏng vấn cho con số ước tính từ 4.000 đến 9.000. Nhưng đến cuối tháng 6, Rommel sẽ báo cáo tổn thất của ông trong tháng là “28 tướng lĩnh, 354 sĩ quan và khoảng 250.000 quân”.

HẾT